

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH XÃ HỘI HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

HÀ NỘI - 12/2020

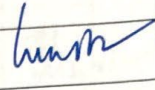
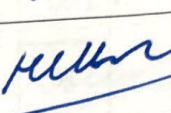
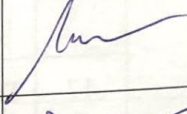
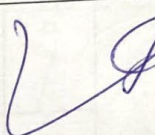

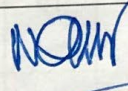
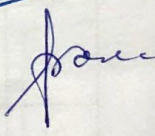

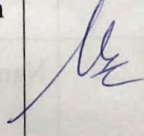
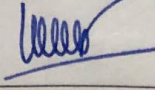
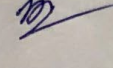
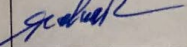
**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

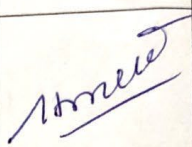

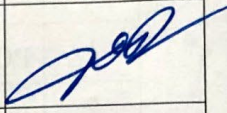
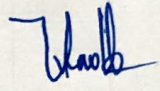

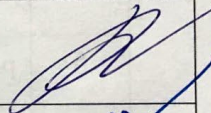
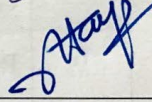
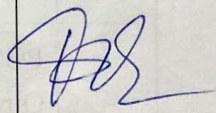



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH XÃ HỘI HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

HÀ NỘI - 12/2020

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH XÃ HỘI HỌC**
(Kèm theo Quyết định số 6015/QĐ-*ĐH MUBT* ngày *15* tháng *1* năm *2020*
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Lưu Văn An	Quyền Giám đốc	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch	
3	PGS.TS. Lưu Hồng Minh	Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Phó Chủ tịch	
4	PGS.TS. Phạm Hương Trà	Phó Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Thư ký	
5	PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang	Phó Giám đốc	Thành viên	
6	PGS.TS. Trương Ngọc Nam	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
7	PGS.TS. Nguyễn Thị Tố Quyên	Phó Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên	
8	PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên	
9	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên	
10	PGS. TS. Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên	
11	PGS. TS. Hà Huy Phượng	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Thành viên	
12	PGS. TS. Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản	Thành viên	

		lý khoa học		
13	TS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Thành viên	
14	Ths. Trần Xuân Ban	Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính	Thành viên	
15	Ths. Vũ Quốc Cường	Phó Chánh văn phòng Học viện	Thành viên	
16	TS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Thành viên	
17	Ths. Phạm Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Thành viên	
18	Ths. Thái Hồng Đức	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên	
19	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Thành viên	
20	TS. Bùi Thu Hương	Giảng viên chính – Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên	
21	TS. Dương Thị Thu Hương	Giảng viên chính – Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên	
22	TS. Nguyễn Thị Thúy Mai	Giảng viên – Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên	
23	Nguyễn Thị Thu Trang	Sinh viên Lớp Xã hội học K38	Thành viên	

(Danh sách gồm có 23 người).

MỤC LỤC

Trang

PHẦN I: KHÁI QUÁT	1
1.1. Đặt vấn đề.....	1
1.2. Tổng quan chung.....	4
1.2.1. Tổng quan về HVBC&TT	4
1.2.2. Tổng quan về Khoa XHH&PT	10
1.2.3. Tổng quan về đào tạo ngành XHH	13
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	15
TIÊU CHUẨN 1 MỤC TIÊU VÀ CDR CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	15
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.....	15
Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.....	20
Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai	25
TIÊU CHUẨN 2 BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	29
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.	29
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.	34
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....	36
TIÊU CHUẨN 3 CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	39
Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....	39
Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng.....	46
Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.	49
TIÊU CHUẨN 4 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC	61
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan	61

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....	63
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.....	67
TIÊU CHUẨN 5 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC	71
Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....	71
Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.....	76
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	78
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....	82
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	84
TIÊU CHUẨN 6 ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN	87
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	87
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	92
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	99
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá	102
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	107
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho	

đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	111
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	114
TIÊU CHUẨN 7 ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	120
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	120
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	124
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá	125
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	129
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	133
TIÊU CHUẨN 8 NGƯỜI HỌC VÀ SỰ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	137
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.....	137
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá	142
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.....	145
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.	150
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.	156
TIÊU CHUẨN 9 CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	160
Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	160
Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	166
Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	170

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	172
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....	175
TIÊU CHUẨN 10 NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....	179
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.	179
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được xác lập, được đánh giá và cải tiến.....	187
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) của sinh viên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra (CDR).....	191
Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.	196
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.	200
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.	207
TIÊU CHUẨN 11 KẾT QUẢ ĐẦU RA.....	211
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	211
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	217
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	221
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	225
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	229
KẾT LUẬN	236
PHỤ LỤC	246

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ban chủ nhiệm	BCN
Ban Kế hoạch tài chính	Ban KHTC
Ban Quản lý đào tạo	Ban QLĐT
Ban Quản lý Khoa học	Ban QLKH
Ban Tổ chức cán bộ	Ban TCCB
BGD&ĐT	BGD&ĐT
Chuẩn đầu ra	CĐR
Chương trình đào tạo	CTĐT
Chương trình dạy học	CTDH
Cở sở dữ liệu	CSDL
Cố vấn học tập	CVHT
Công nghệ thông tin	CNTT
Công tác xã hội	CTXH
Giảng viên	GV
Học viện Báo chí và Tuyên truyền	HVBC&TT
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	HV CTQG HCM
Khoa Xã hội học & Phát triển	Khoa XHH&PT
Luật giáo dục đại học	Luật GDDH
Nghiên cứu khoa học	NCKH
Phòng Công tác chính trị và hỗ trợ sinh viên	Phòng CTCT&HTSV
Phòng Quản trị và Quản lý kí túc xá	Phòng QT&QLKTX
Sinh viên	SV
Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	TTKT&KĐCLĐT
Trung tâm thông tin khoa học	TTTTKH
Xã hội học	XHH

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 1.1: Ma trận đáp ứng mục tiêu của các CDR chương trình đào tạo.....	23
Bảng 3.1. Phương pháp đánh giá học phần.....	43
Bảng 3.2: Cấu trúc CTDH ngành XHH năm 2020.....	49
Bảng 3.3: Cấu trúc chương trình ngành XHH năm 2016, 2018, 2020.....	57
Bảng 5.1: Ma trận chuẩn đầu ra - Hình thức kiểm tra đánh giá.....	72
Bảng 6.1. Thống kê phân loại giảng viên trong Khoa XHH&PT (Tính đến tháng 12 năm 2020).....	90
Bảng 6.2. Thống kê giảng viên Khoa XHH&PT (Tính đến tháng 11 năm 2020).....	94
Bảng 6.3. Thống kê người học Ngành XHH.....	94
Bảng 6.4. Khối lượng giảng dạy, NCKH bình quân của GV cơ hữu Khoa XHH&PT.....	95
Bảng 6.5. Thống kê về NCKH của CBGV Khoa XHH&PT.....	96
Bảng 6.6. Tổng hợp phân loại và đánh giá thi đua Khoa XHH&PT.....	97
Bảng 6.7. Định mức giờ chuẩn quy định đối với giảng viên Học viện BCTT.....	103
Bảng 6.8. Thống kê khối lượng giảng dạy và NCKH của giảng viên Khoa XHH & PT.....	104
Bảng 6.9. Thống kê năng lực của đội ngũ GV Khoa XHH & PT.....	104
Bảng 6.10. Thống kê số lượng GV Khoa XHH&PT tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn từ 2015 - 11/2020.....	108
Bảng 6.11. Thống kê số lượng GV do Nhà trường cử đi tham gia hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước từ 2016 - 2020.....	109
Bảng 6.12. Thống kê kinh phí hỗ trợ đội ngũ GV Khoa XHH&PT.....	109
Bảng 6.13. Tổng hợp phân loại và đánh giá thi đua Khoa XHH&PT.....	112
Bảng 6.14. Thống kê số lượng đề tài NCKH của Khoa XHH&PT.....	116
Bảng 6.15. Thống kê lượng đầu sách của Khoa XHH&PT được xuất bản.....	116
Bảng 6.16. Thống kê số lượng bài của GV Khoa XHH&PT được đăng tạp chí.....	117

Bảng 6.17. Thống kê số lượng báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế.....	117
Bảng 7.1. Danh sách trích ngang cán bộ hỗ trợ chương trình đào tạo ngành XHH.....	122
Bảng 7.2. Thống kê kết quả đánh giá phân loại cán bộ hỗ trợ CTĐT Ngành XHH.....	127
Bảng 7.3: Kế hoạch chi tiết đào tạo bồi dưỡng cán bộ hỗ trợ 2016-2020.	130
Bảng 7.4. Thống kê kết quả thi đua khen thưởng của cán bộ hỗ trợ CTĐT Ngành XHH.....	133
Bảng 8.1: Bảng đối sánh chính sách tuyển sinh cho ngành XHH giai đoạn 2015-2019 [H8.08.01.07].....	138
Bảng 8.2: Thống kê số lượng đăng ký, trúng tuyển, nhập học của ngành XHH giai đoạn 2015-2020.....	141
Bảng 8.3: Bảng so sánh tỷ lệ SV ngành XHH hoàn thành CTĐT	149
Bảng 8.4: Bảng thống kê một số hoạt động ngoại khóa của SV ngành XHH giai đoạn 2015-nay	153
Bảng 8.5: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp Ngành XHH so với ngành Triết học đào tạo tại HVBCCT	154
Bảng 8.6: Thống kê tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp từ 2017-2019 [H8.08.04.14].....	155
Bảng 8.7. Thống kê phòng học của Nhà trường [H8.08.05.02.DC]	157
Bảng 9.1. Thống kê danh sách và diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của HVBC&TT	161
Bảng 9.2. Thống kê trang thiết bị phòng học, phòng chức năng phục vụ đào tạo của HVBC&TT [H9.09.01.03]	162
Bảng 9.3: Thống kê CSVC Khoa XHH&PT	163
Bảng 9.4. Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo của HVBC&TT [H9.09.01.11]	164
Bảng 9.5. Thống kê kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của HVBC&TT [H9.09.01.12]	165
Bảng 9.6. Thống kê danh mục tài liệu in tại Thư viện.....	166
Bảng 9.7. Thống kê danh mục tài liệu số tại Thư viện	167
Bảng 9.8: Thống kê kinh phí bổ sung hàng năm Khoa XHH&PT.....	168
Bảng 9.9: Kinh phí mua sắm sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị tin học	

(Công nghệ thông tin, phần mềm)	174
Bảng 10.1: Một số đề tài NCKH điển hình được sử dụng trong dạy và học ngành XHH trong năm 2019 - 2020	197
Bảng 10.2: Thống kê số lượng báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế của giảng viên khoa XHH giai đoạn 2016 - 2020 [H10.10.04.09]	198
Bảng 11.1: Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành XHH	212
Bảng 11.2: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp CTĐT ngành XHH với các CTĐT trong trường (CTĐT ngành Triết), ngoài trường (CTĐT ngành XHH, trường ĐHKHXH Nhân văn) giai đoạn 2016-2020 [H11.11.01.08], [H11.11.01.09].	213
Bảng 11.3: Thống kê tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành XHH trong giai đoạn 2016-2020 [H11.11.01.10].....	214
Bảng 11.4: Bảng đối sánh tỷ lệ thôi học/bảo lưu của CTĐT ngành XHH với các CTĐT trong Trường. [H11.11.01.11].....	215
Bảng 11.5: Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành XHH với ngành khác trong trường (tính trong tổng sinh viên tốt nghiệp) [H11.11.02.07].....	219
Bảng 11.6: Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.....	221
Bảng 11.7: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp Ngành XHH so với ngành Triết học đào tạo tại HVBC&TT [H11.11.03.04].....	222
Bảng 11.8: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp Ngành XHH HVBC&TT và ngành XHH đại học KHSHNV [H11.11.03.05].....	223
Bảng 11.9: Đối sánh sinh viên tham gia NCKH giai đoạn 2016 - 2020 đối sánh giữa ngành XHH và Triết học	227
Bảng 11.10: Thống kê mức hài lòng của sinh viên về CTĐT (Kết quả KS sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo) [H11.11.04.11 DC].....	231
Bảng 11.11: Thống kê mức hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp (Năm khảo sát 2020 (số lượng NTD: 19) [H11.11.05.09].....	232
Bảng 11.12: Thống kê mức độ hài lòng của cựu sinh viên về CTĐT [H11.11.05.08].....	233

PHẦN I: KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục và công tác kiểm định chất lượng giáo dục là một trong những nội dung được quan tâm hàng đầu của ngành giáo dục Việt Nam hiện nay. Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của HVBC&TT trong suốt gần 60 năm hình thành và phát triển của Học viện đặc biệt khi nhà trường là một trong số những trường trọng điểm quốc gia. Điều đó được khẳng định bằng các cựu sinh viên, học viên cao học và các nghiên cứu sinh của Nhà trường hiện đang công tác và giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương ở các Sở, Ban, Ngành và doanh nghiệp trong nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau trên khắp đất nước. Trong xu thế hội nhập và trước những đòi hỏi về việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc nâng cao chất lượng đào tạo và các CTĐT của Nhà trường càng trở nên cần thiết. Chất lượng giáo dục và công tác kiểm định chất lượng giáo dục là một trong những nội dung được quan tâm hàng đầu của ngành giáo dục Việt Nam hiện nay. Do đó, trong năm học 2016 - 2017, BGD&ĐT đã ban hành thông báo số 702/TB-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 kết luận của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phương án triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học, nhằm hướng dẫn và giao cho các cơ sở đào tạo đại học tự đánh giá và thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục. Đây là cơ sở quan trọng để BGD&ĐT xem xét, kiểm chứng, làm căn cứ thực hiện quy hoạch mạng lưới, phân tầng, xếp hạng, từ đó đưa ra mức ưu tiên đầu tư và giao quyền tự chủ cho các trường đại học ở Việt Nam.

Trong nhiều năm qua, Khoa XHH&PT (từ 2018 trở về trước là Khoa Xã hội học) là một trong những khoa với lịch sử hình thành và bề dày phát triển đã đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo chung của Nhà trường, đào tạo ra các thế hệ SV đảm đương các chức vụ quan trọng trong nhiều viện nghiên cứu, trường đại học, các đoàn thể chính trị - xã hội và các ngành nghề, lĩnh vực khác. Hàng năm, Khoa thường xuyên quan tâm đến chất lượng đào tạo và các CTĐT của các ngành trong Khoa, trong đó có 2 ngành hiện đang là những ngành nghề mũi nhọn, có bề dày lịch sử trong quá trình đào tạo của Khoa là ngành XHH và Công tác xã hội. Hiện nay, Khoa đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng các CTĐT của

Khoa. Chính vì vậy, Khoa Khoa XHH&PT , HVBC&TT đã tự nguyện đăng ký tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Xã hội học.

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong Khoa và các CTĐT đại học của Khoa. Trong quá trình triển khai công việc này, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành XHH căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng của CTĐT. Thông qua quá trình đánh giá sẽ chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Tự đánh giá CTĐT ngành XHH trước hết thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với tôn chỉ, sứ mạng của Khoa và Nhà trường. Bên cạnh đó tự đánh giá còn là cơ sở cho công tác đánh giá ngoài của CTĐT.

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành XHH được tiến hành theo đúng các nội dung các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng - BGD&ĐT. Nội dung đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn liên quan đến CTĐT gồm: Mục tiêu và CDR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của người học; Chất lượng đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên; Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

Mục đích tự đánh giá: Đây là quá trình để Khoa XHH&PT tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước nâng cao chất lượng CTĐT ngành XHH và các mặt hoạt động khác.

Phạm vi tự đánh giá: Hoạt động tự đánh giá CTĐT ngành XHH của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Công cụ đánh giá: Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, Hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí & Kiểm định CLGD;

và công văn hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 23 tháng 12 năm 2019 Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Hội đồng tự đánh giá: được thành lập theo Quyết định số 5062 /QĐ-HVBCTT ngày 16 tháng 10 năm 2019, Hội đồng gồm có 23 thành viên. Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có: Ban thư ký gồm 21 thành viên và 7 nhóm công tác chuyên trách. Cuối năm 2020 HVBC&TT bổ sung quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá số 6015/QĐ-HVBCTT ngày 15/12/2020, Hội đồng gồm có 23 thành viên Ban thư ký gồm 22 thành viên và 7 nhóm công tác chuyên trách

Phương pháp đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành XHH của Khoa XHH&PT được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT và các công văn hướng dẫn.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá CTĐT đại học được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả thực trạng;
- Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót;
- Lên kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo.

Quy trình tự đánh giá

- Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;
- Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;
- Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;
- Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;
- Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;
- Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Các minh chứng trong Báo cáo Tự đánh giá được mã hóa theo văn bản hướng dẫn; ký hiệu bằng một chuỗi ký tự [Hn.a.b.c], trong đó H là chữ viết tắt của cụm từ “Hộp minh chứng”; n là số thứ tự của Hộp minh chứng, được đánh từ 1 đến hết; a là số thứ tự của tiêu chuẩn, được đánh số từ 1 đến 11; b là số thứ tự của tiêu chí, được đánh số từ 1 đến hết số tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn và c là số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí, được đánh số từ 1 đến hết.

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H3.03.02.12: là MC thứ 12 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

Lưu ý: khi minh chứng đã xuất hiện 1 lần và lặp lại ở các tiêu chí khác trong cùng 1 tiêu chuẩn thì chỉ lấy mã hoá lần đầu tiên và đặt vào cột minh chứng dùng chung và được mã hóa thành Hn.a.b.c.DC

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Tổng quan về HVBC&TT

a) Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

HVBC&TT thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mạng “*ngiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.*”

Tầm nhìn của HVBC&TT đến năm 2050: “*trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và*

trên thế giới..Học viện phấn đấu trở thành:

Trường đại học là lựa chọn số một của SV trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông

Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.

Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.

Các giá trị cốt lõi mà HVBC&TT cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Công hiến.*

b) Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Cơ cấu tổ chức của HVBC&TT bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Trường - Ban Giám đốc –Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 30 đơn vị trực thuộc gồm: 16 khoa đào tạo (Khoa Triết học, Khoa Kinh tế, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Khoa Nhà nước - Pháp luật, Khoa Báo chí, Khoa Phát thanh - Truyền hình, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa XHH&PT , Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ và Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm); 06 ban (Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý Khoa học, Ban Tổ chức cán bộ, Ban Hợp tác Quốc tế , Ban Thanh Tra, và Ban Kế hoạch- Tài chính); 01 Văn phòng (Văn phòng Học viện); 02 phòng (Phòng Quản trị và Quản lý KTX, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên,), 03 trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học và Trung tâm thông tin Khoa học), 01 viện (Viện Báo chí), 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 12/2020, Học viện có tổng số 396 cán bộ giảng viên, nhân viên, trong đó có 0 Giáo sư, 33 Phó Giáo sư, 95 Tiến sĩ, 212 Thạc sỹ, 39 cử nhân, 17 trình độ khác.

c) Hoạt động đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện có 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 12 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

TT	Tên CTĐT	Mã ngành (nếu có)	Số quyết định/văn bản cho phép mở ngành	Ngày ban hành quyết định
1	Đại học			
1.1	Triết học	7229001	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.2	Kinh tế chính trị	7310102	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.3	Lịch sử	7229010	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.4	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.5	Chính trị học	7310201	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.6	Quan hệ công chúng	7320108	7269/QĐ-BGDĐT	20/12/2005
1.7	Xuất bản	7320401	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.8	Công tác xã hội	7760101	516/QĐ-BGDĐT	10/02/2012
1.9	Ngôn ngữ Anh	7220201	512/QĐ-BGDĐT	02/02/2005
1.10	Kinh tế	7310101	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.11	Quan hệ quốc tế	7310206	3144/QĐ-BGDĐT	23/04/2009
1.12	Xã hội học	7310301	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.13	Báo chí	7320101	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.14	Truyền thông đại chúng	7320105	2158/QĐ-BGDĐT	08/06/2018
1.15	Truyền thông đa phương tiện	7320104	2488/QĐ-BGDĐT	05/07/2018
1.16	Truyền thông quốc tế	7320107	2158/QĐ-BGDĐT	08/06/2018
1.17	Quản lý nhà nước	7310205	2639/QĐ-BGDĐT	20/07/2018
1.18	Quản lý công	7340403	2715/QĐ-BGDĐT	27/07/2018
1.19	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7229008	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.20	Quảng cáo	7320110	7269/QĐ-BGDĐT	20/12/2005
2	Thạc sĩ			

2.1	Chính trị học	8310201	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8310202	1814/QĐ-BGDĐT	19/05/2017
2.3	Triết học	8229001	1639/QĐ-BGDĐT	14/05/2014
2.4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8229008	1841/QĐ-BGDĐT	19/05/2017
2.5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8229015	6243/QĐ-BGDĐT	30/12/2016
2.6	Kinh tế chính trị	8310102	8752/QĐ-BGDĐT	29/12/2008
2.7	Hồ Chí Minh học	8310204	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.8	Xã hội học	8310301	1329/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
2.9	Báo chí học	8320101	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009
2.10	Xuất bản	8320401	1330/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
2.11	Quan hệ công chúng	8320108	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.12	Quan hệ quốc tế	8310206	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
3	Tiến sĩ			
3.1	Chính trị học	9310201	1330/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
3.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	9310202	2883/QĐ-BGDĐT	03/08/2012
3.3	Triết học	9229001	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009
3.4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9229015	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
3.5	Xuất bản	9320401	1329/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
3.6	Báo chí học	9320101	3978/QĐ-BGDĐT	02/10/2018

c) Người học

Tính đến tháng 12/2020, số lượng SV trình độ đại học hệ chính quy của Học viện là 7557; số lượng nghiên cứu sinh là 81 và học viên cao học là 935 học viên.

STT	Hình thức đào tạo	Quy mô đào tạo
1	Tiến sĩ	81
2.	Thạc sĩ	935
3.	Đại học	7557

d) Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Trong 5 năm (2016-2020) Học viện đã nghiệm thu 6 đề tài cấp Nhà nước, 19 đề tài cấp Bộ, 119 đề tài cấp cơ sở trọng điểm, 562 đề tài cấp cơ sở, và 159 đề tài NCKH của sinh viên.

Số lượng công trình NCKH tương ứng với kế hoạch trong 5 năm (2016-2020)

STT	Đề tài cơ sở	Đề tài cơ sở trọng điểm	Đề tài khoa học sinh viên	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp Nhà nước
2016	75	29	30	4	1
2017	106	30	30	3	1
2018	108	18	26	3	0
2019	135	24	35	3	0
2020	138	18	38	6	4

Về hợp tác quốc tế, Học viện đã ký kết văn bản ghi nhớ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, có thể kể đến như: Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh), Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo), Khoa Khoa học chính trị - Đại học Thammasat - Bangkok (Thái Lan), Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc) và Viện Thông tin văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào. Qua quá trình hợp tác, HVBC&TT đã cử nhiều đoàn cán bộ tham gia vào các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, giảng viên tham gia vào các chương trình nghiên cứu về truyền thông...

e) Thư viện và cơ sở vật chất

Hiện nay, thư viện Học viện Báo chí có 24.555 đầu tài liệu bằng tiếng Việt và ngoại văn. Tổng số báo và tạp chí khoảng 110 loại. Tỷ lệ đầu tài liệu/ một ngành đào tạo là 646/1. Từ năm 2013, Học viện đã lập trang thư viện số và đến nay đã cập nhật được 7.304 tài liệu.

Học viện hiện có 86 phòng học với tổng diện tích dành cho học tập là 11,957,9 m²; có 01 hội trường 800 chỗ với sân khấu phục vụ cho luyện tập và biểu diễn văn nghệ và có 18 phòng thực hành.

Học viện đã đầu tư, phòng máy chủ, hệ thống mạng bao gồm đường truyền, thiết bị mạng, hệ thống wifi hệ thống máy tính cho các phòng thi, điện, các phần mềm....đầy đủ để hoạt động liên tục đảm bảo phục vụ tốt nhất cho cán bộ, giảng viên và SV chính quy trong công tác giảng dạy và học tập.

Học viện đã có sự bố trí, sử dụng hợp lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất như phòng học, phòng làm việc, ký túc xá, nhà tập, sân bãi... để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Học viện luôn quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất về phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên.

f. Tài chính

Trong 5 năm (2016 - 2020), tổng nguồn thu của Học viện là 1,093 tỷ đồng. Hàng năm, Học viện đều tiến hành xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước và thông báo công khai dự toán các khoản thu - chi ngân sách nhà nước. Từ năm 2009, Học viện đã thực hiện tự chủ tài chính một phần.

g. Đảm bảo chất lượng

Trong những năm gần đây, Học viện đã quan tâm, chú trọng đến công tác đảm bảo chất lượng, coi đảm bảo chất lượng là nhiệm vụ then chốt trong mọi hoạt động. Từ năm 2012, Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, và sau đó đến năm 2018 đổi tên thành Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. Trung tâm là đơn vị tham mưu các chính sách về ĐBCL của HVBCCTT và là đầu mối triển khai các hoạt động ĐBCL trong Học viện. Từ năm 2015, Học viện đã thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được ban hành theo Thông tư số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007. Quá trình tự đánh giá giúp Học viện xác định những điểm mạnh và điểm tồn tại, làm căn cứ để tiến hành các cải tiến chất lượng. Đến năm 2018, Học viện thực hiện đánh giá đồng cấp và đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Hàng năm, Học viện đều xây dựng và triển khai các kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo. Cuối năm 2019, Học viện thành lập Hội đồng tự đánh giá và triển khai thực hiện tự đánh giá CTĐT đào tạo các ngành Triết học, Xã hội học, Quan hệ công chúng và Quan hệ quốc tế.

h. Khen thưởng

Trong quá trình hình thành và phát triển, Học viện đã có được nhiều thành tích nổi bật, nhận được các danh hiệu thi đua danh giá:

** Danh hiệu thi đua*

Năm	Danh hiệu	Ngày, tháng, số quyết định
2015-2016	Cờ Thi đua cấp Bộ	Số 3144/QĐ-HVCTQGHCM ngày 18/7/2016
	Cờ Thi đua Chính phủ	Quyết định số: 1822/QĐ-TTg ngày 21/9/2016
2017	Cờ Thi đua cấp Bộ	Quyết định số: Số 197/QĐ-HVCTQG ngày 09-01-2017
2018	Cờ Thi đua Chính phủ	Quyết định số: 440/QĐ-TTg ngày 23/4/2018
2018	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số: 93-QĐ/HVCTQG ngày 10/1/2019
2019	Tập thể Lao động Xuất sắc	Quyết định số 6911-QĐ/HVCTQG ngày 30/12/2019
2020	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số: 44/HVCTQG ngày 07/01/2021
	Cờ thi đua cấp Bộ	Quyết định số: 44/HVCTQG ngày 07/01/2021

**Hình thức khen thưởng*

Năm	Hình thức	Ngày, tháng, số quyết định
2017	Bằng khen của Giám đốc Học viện vì có thành tích xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2016 và 2017	Số 2910/QĐ-HVCTQG, ngày 3/8/2018
2019	Bằng khen của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vì có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục 2018 và 2019	Số 2221-QĐ/HVCTQG ngày 23/6/2020
2019	Bằng khen của Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vì có đóng góp tích cực cho Cuộc thi tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, năm 2019	Số 534/QĐ-BGDĐT ngày 25/2/2020

1.2.2. Tổng quan về Khoa XHH&PT

Khoa XHH&PT của HVBC&TT được thành lập theo Quyết định số 475 /QĐ-TC của Phân viện Báo chí và Tuyên truyền ngày 20/08/1994(khi đó có tên là Khoa Xã hội học). Khoa được thành lập trên cơ sở tổ bộ môn XHH thuộc Khoa Kiến thức B

trợ vào đầu những năm 1980 thuộc Trường Tuyên huấn trung ương. Tổ bộ môn XHH thuộc Khoa Kiến thức Bổ trợ khi mới thành lập được giao nhiệm vụ giảng dạy 3 môn: Xã hội học, Tin học và Dân số học. Đến ngày 18/02/1992 tổ bộ môn XHH được tách ra khỏi khoa Kiến thức bổ trợ và trực thuộc Ban Giám hiệu trường Đại học Tuyên giáo theo quyết định 53 QĐ/TC. Đây là quyết định quan trọng để tổ Bộ môn XHH chuẩn bị cho xây dựng chương trình, hoàn thiện đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn đào tạo cử nhân ngành Xã hội học.

Từ năm học 2012-2013 Khoa đào tạo thêm chương trình cử nhân ngành Công tác xã hội và năm 2013-2014 bắt đầu khóa đào tạo thạc sĩ ngành XHH.

Cuối năm 2018 căn cứ vào Quyết định 145-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 6591-QĐ/HVCTQG về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của HVBC&TT gồm 10 đơn vị chức năng, 19 đơn vị giảng dạy, nghiên cứu, thông tin, xuất bản. Theo quyết định này Khoa XHH được đổi tên là Khoa XHH&PT .

Từ ngày thành lập đến nay, Khoa XHH&PT không ngừng được củng cố và phát triển, từng bước đóng góp các thành quả của mình vào sự thành công chung trong sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học phục vụ xã hội của HVBC&TT. Đến nay, Khoa ngày càng lớn mạnh và đã đào tạo ra nhiều thế hệ cử nhân, thạc sĩ phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước trong lĩnh vực XHH, công tác xã hội và các lĩnh vực khác.

Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên

Hiện nay, Khoa có 13 người trong đó 3 PGS, 4 TS, 4 ThS, 1 CN. Nhìn chung, đa phần cán bộ giảng dạy của Khoa có tuổi đời từ 30 – 50 tuổi. Đây là độ tuổi đủ độ chín, nhiệt huyết, đam mê khoa học và giảng dạy và không ngừng học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn, các kỹ năng phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học như tin học và ngoại ngữ. Hàng năm Khoa có kế hoạch bồi dưỡng các cán bộ trẻ và bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới với mục tiêu đảm bảo các tiêu chuẩn giảng viên trong các trường đại học và yêu cầu của trường Đảng.

Về công tác đào tạo

Khoa XHH&PT bắt đầu đào tạo cử nhân XHH năm 1994 tương ứng với khoá 14, cử nhân công tác xã hội 2012 tương ứng với khóa 32 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, Khoa đã xây dựng các CTĐT 4 năm cho đào tạo đại học và 2 năm cho đào tạo cao học theo chương trình khung của BGD&ĐT. Khoa đã hoàn thành 100% các môn học có giáo trình cấp nhà xuất bản hoặc cấp trường phục vụ cho đào tạo theo tín chỉ.

Hiện nay, số lượng SV đang theo học các chuyên ngành của Khoa lên khoảng 400 SV hệ chính quy. Đối với các lớp đào tạo cử nhân XHH chính qui Khoa đã đào tạo được 26 khóa với hơn 900 SV đã ra trường. Ngay sau khi Khoa được thành lập 1 năm Khoa đã liên tục mở các lớp đào tạo cử nhân XHH vừa làm vừa học tại An Giang, Đồng Tháp và sau này mở thêm nhiều các lớp tại chức khác trên cả nước như: Yên Bái, Bến Tre, Cà Mau, Sóc Trăng với trên 600 học viên. Khoa không chỉ đào tạo sinh viên trong nước mà còn đào tạo cả những sinh viên nước bạn Lào(gần 30 SV và học viên). Tính đến nay có gần 60 học viên trúng tuyển vào học cao học XHH trong đó hơn 40 người đã được cấp bằng thạc sĩ, còn lại 12 người đang học lớp cao học XHH k25.2.

Về công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Bên cạnh nhiệm vụ chính là giảng dạy, nghiên cứu khoa học là hoạt động không thể thiếu của mỗi giảng viên đại học. Khoa XHH&PT luôn xác định nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên phải đi đôi với việc tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học góp phần tích lũy, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực và chất lượng giảng dạy, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Vì thế, hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa luôn diễn ra hết sức sôi động và đạt được nhiều thành tích quan trọng.

Hoạt động NCKH của Khoa ngày càng được đề cao và phát triển mạnh thông qua số lượng ngày một tăng các công trình nghiên cứu. Tính đến nay, Khoa đã tham gia và chủ trì hơn 50 đề tài cấp Bộ và Nhà nước trong đó chủ trì hơn 10 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Nhà nước và rất nhiều đề tài cấp cơ sở, đề tài phục vụ các hoạt động phát triển cộng đồng.

Năng lực NCKH của Khoa còn thể hiện ở khả năng thực hiện rất nhiều hoạt động hợp tác NCKH với các đối tác nước ngoài như: UNFPA, Viện FES, CIRAD, ARENA,

Quỹ FORD, FES... thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Một số hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế nổi bật như sau: giảng dạy và truyền thông về dân số với UNFPA, nghiên cứu công chúng truyền thông đại chúng tại Hà Nội, Bắc Giang, Nam Định, Bình Dương năm 2001-2002; Yên Bái, Lào Cai, Đồng Tháp năm 2006, 2008 với sự giúp đỡ của nhiều chuyên gia Đức qua sự hỗ trợ của Viện FES, quan nghiên cứu đã tổ chức hàng chục hội thảo trong nước và 4 hội thảo quốc tế. Cũng với sự hỗ trợ của Viện FES, Đài Làn sóng Đức (DW) từ năm 2010 đến 2014 là dự án “*Phát thanh với sức hấp dẫn hơn định hướng vào thính giả*” đối với đài PT -TH Quảng ninh... Phối hợp với nhiều tổ chức quốc tế và trong nước thực hiện nhiều nghiên cứu trong lĩnh vực truyền thông cho Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, đài PT-TH nhiều tỉnh, thành phố, VTC16, VITV... Từ năm 2002 đến nay đã hợp tác với Viện FES tại Việt Nam hàng loạt các hoạt động như: nghiên cứu công chúng truyền hình trên nhiều tỉnh của Việt Nam từ năm 2000 đến năm 2014, nâng cao năng lực về nghiên cứu và giảng dạy về báo chí, phương pháp giảng dạy hiện đại cho HVBC&TT, dự án hợp tác quốc tế có 4 bên tham gia (FES, DW, AJC và QNTV) giúp đổi mới chương trình phát thanh cho Đài PT-TH Quảng Ninh từ năm 2010-2014, dự án về nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu về biến đổi khí hậu cho HVBC&TT từ 2012 đến nay...

1.2.3. Tổng quan về đào tạo ngành XHH

Ngay từ khi mới xây dựng CTĐT cử nhân XHH các chương trình này một mặt cần thực hiện đúng các qui định của BGD&ĐT, của ngành XHH mặt khác cần đáp ứng yêu cầu của một trường Đảng, chính vì vậy CTĐT có những nét đặc thù riêng mang tính chất đặc thù của đào tạo XHH tại HVBC&TT: có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội, truyền thông và văn hóa tư tưởng, có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, làm việc trong môi trường công nghệ cao, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế. Theo những qui định mới của BGD&ĐT, CTĐT cần tiến hành đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan (nhà trường đã tiến hành đổi mới 2 lần vào năm 2014 và 2018, điều chỉnh vào năm 2016). Chương trình đầu tiên năm 1994 được xây dựng với 215 học trình sau đó đến năm 2003 giảm xuống còn 195 học trình, đến năm 2012 đào tạo cử nhân XHH là 175 học trình với 65 học phần. Đến năm 2014 chương trình chuyển sang hình thức tín chỉ với 120 tín chỉ trong 72 học

phần. Từ năm 2018 CTĐT XHH là 130 tín chỉ với 67 học phần. Đến năm 2020 chương trình có điều chỉnh nhưng số tín chỉ vẫn là 130 tín chỉ với 67 học phần nhưng tên học phần, cấu trúc sắp xếp các học phần vào các khối kiến thức có nhiều sự điều chỉnh.

Kể từ năm 2012 đến nay CTĐT cử nhân XHH đã được tiến hành nhiều đợt rà soát chỉnh sửa về CTĐT, về CDR, về đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT nhằm mục đích ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu thực tế của xã hội. Cho đến nay CTĐT ngành XHH đã được xây dựng đồng bộ thống nhất và ngày càng hoàn thiện, qua nhiều lần được chỉnh sửa bổ sung như các năm 2012, 2014, 2016, 2018 và hiện nay là 2020. Hiện nay CTĐT ngành XHH với các hệ đào tạo từ hệ đại học chính quy, văn bằng 2 và hệ đào tạo đại học vừa làm vừa học, đáp ứng được tốt nhất nhu cầu học tập của xã hội.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1

MỤC TIÊU VÀ CDR CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu:

Khoa Xã hội học và Phát triển, tiền thân là Khoa Xã hội học được thành lập ngày 20/08/1994 theo Quyết định số 475/QĐ-TC của Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, nay là Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Ngày 01 tháng 11 năm 2018, Khoa được đổi tên là khoa Xã hội học và Phát triển theo Quyết định số 6591-QĐ/HVCTQG của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Phát huy truyền thống hơn hai mươi lăm năm đào tạo đại học, ngành Xã hội học của Khoa Xã hội học và Phát triển chỉ có một chuyên ngành là Xã hội học. CTĐT cử nhân ngành Xã hội học được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định, hướng dẫn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, thể hiện được các mục tiêu, các CDR của CTĐT dành cho SV tốt nghiệp và bao trùm được các CDR liên quan tới kiến thức và kỹ năng, thái độ theo khối ngành và theo lĩnh vực. Các CTĐT được xây dựng và thông qua sự thẩm định của Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa Xã hội học và Phát triển, Hội đồng Khoa học và đào tạo HVBC&TT để đảm bảo rằng các mục tiêu và CDR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, phù hợp với yêu cầu của người học và của xã hội.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Tính từ năm 2016 cho đến năm 2020, CTĐT ngành XHH đã được xây dựng đồng bộ, thống nhất, có tính liên thông, liên kết và ngày càng hoàn thiện, qua 3 lần được chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật. Các CTĐT này được HVBC&TT ra các quyết định ban hành [H1.01.01.01.DC], [H1.01.01.02.DC],[H1.01.01.03.DC]

Mục tiêu đào tạo của CTĐT cử nhân XHH được xây dựng và xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng mục tiêu của CTĐT như Luật Giáo dục Đại

học 2012 và bổ sung sửa đổi 2018 [H1.01.01.04.DC, H1.01.01.05.DC], theo các Thông tư 14 năm 2010 [H1.01.01.06], Thông tư 07 năm 2015 [H1.01.01.07.DC], Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016 [H1.01.01.08.DC]. Mục tiêu của CTĐT được thể hiện trong các CTĐT trình độ đại học ngành XHH, và được rà soát chỉnh sửa ban hành trong các năm 2016, 2018 và 2020 [H1.01.01.01.DC, H1.01.01.02.DC, H1.01.01.03.DC]. Qua nhiều lần chỉnh sửa, cải tiến, mục tiêu CTĐT [H1.01.01.03.DC] ngành XHH hiện nay là:

Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành XHH hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội, truyền thông và văn hóa tư tưởng, có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, làm việc trong môi trường công nghệ cao, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng; có đạo đức nghề nghiệp; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.

Mục tiêu cụ thể:

PO1. Có những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiến thức khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học;

PO2. Có kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, nội dung cốt lõi của các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học;

PO3. Có kiến thức nền tảng về các chuyên ngành phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đặc biệt có kiến thức chuyên sâu phục vụ công tác lãnh đạo quản lý và truyền thông;

PO4. Có kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ ứng dụng vào chuyên ngành Xã hội học.

PO5. Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong nhận diện, phân tích và nghiên cứu các vấn đề xã hội;

PO6. Có khả năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học, làm việc trong môi trường công nghệ cao, thích ứng sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế;

PO7. Có khả năng tư vấn và triển khai các dự án phát triển cộng đồng, quản lý xã hội, nghiên cứu truyền thông nhằm phát triển xã hội;

PO8. Có kĩ năng tư duy độc lập, phản biện, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp.

PO9. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng;

PO10. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, thẳng thắn, xây dựng tập thể đoàn kết, sống vì sự phát triển của cộng đồng;

PO11. Có ý thức tổ chức, kỉ luật và tinh thần trách nhiệm trong công tác, có lòng yêu nghề nghiệp.

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

- Làm công tác nghiên cứu ở các viện nghiên cứu, trung tâm, cơ sở đào tạo, tổ chức phi chính phủ;

- Làm việc trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề;

- Làm việc trong các cơ quan truyền thông (nghiên cứu truyền thông, cán bộ trong cơ quan báo chí...);

- Làm việc trong các cơ quan quản lí nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức phi chính phủ ...;

- Làm trong các cơ quan, doanh nghiệp về các lĩnh vực quảng cáo, quan hệ công chúng, maketting, phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng...

- Trình độ ngoại ngữ

Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ B1 khung châu Âu.

- Trình độ tin học

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

Có thể thấy mục tiêu của CTĐT hiện nay được xây dựng là phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Khoa XHH&PT là “Đi đầu về đào tạo nguồn nhân lực xã hội học và công tác xã hội chất lượng cao trong nghiên cứu báo chí- truyền thông, lý luận chính trị và phát triển cộng đồng”. [H1.01.01.09]

Đồng thời có thể thấy mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành XHH *phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của HVBC&TT* đã được chỉ rõ và xuyên suốt trong chức năng, nhiệm vụ của trường từ khi mới thành lập năm 1962 [H1.01.01.10]; cho đến Chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2008 - 2020 tầm nhìn đến

2030, với sứ mạng của Trường là “ *nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác*”. [H1.01.01.11]

Mục tiêu của CTĐT ngành XHH cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo con người Việt Nam tại điều 5, Luật GDĐH 2012 “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng nghiên cứu khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*” [H1.01.01.04.DC]. Ngoài ra mục tiêu của CTĐT ngành XHH cũng đáp ứng được các yêu cầu quy định về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT [H1.01.01.07.DC] gồm các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ trách nhiệm.

Kể từ năm 2016 đến nay, mục tiêu CTĐT ngành XHH đã qua 3 lần chỉnh sửa thay đổi cho phù hợp. Mục tiêu chung năm 2016 và 2018 là giống nhau, tuy nhiên, năm 2018 có sự thay đổi về mục tiêu cụ thể, theo đó năm 2018 các mục tiêu cụ thể rõ ràng, rành mạch hơn và chia theo kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị. Đến năm 2020, mục tiêu của CTĐT ngành XHH lại được cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với Khung năng lực 6 bậc - bậc đại học theo chuẩn Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 [H1.01.01.08.DC]. Năm 2020, mục tiêu chung bổ sung thêm năng lực tự chủ và học tập suốt đời. Mục tiêu cụ thể được viết tổng hợp các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị thành 11 mục tiêu.

Để tiến hành rà soát, chỉnh sửa CTĐT, mục tiêu của CTĐT, Nhà trường đều ra các quyết định về việc ban hành quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT vào các năm 2016, 2018 và 2020 [H1.01.01.12.DC, H1.01.01.13.DC, H1.01.01.14.DC].

Những lần xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT, mục tiêu của CTĐT đều được xem xét điều chỉnh lại cho phù hợp, xác định rõ ràng dựa trên cơ sở các văn bản quy định liên quan đến việc xây dựng mục tiêu, CDR của CTĐT như Luật GDĐH [H1.01.01.04.DC, H1.01.01.05.DC], Khung trình độ quốc gia [H1.01.01.08.DC], hay

các thông tư quy định của BGD&ĐT [H1.01.01.06.DC, H1.01.01.07.DC]. Trong quá trình này, Khoa XHH&PT cũng tiến hành tham khảo các CTĐT và mục tiêu của các CTĐT cùng khối ngành ở một trường khác trong nước và một trường nước ngoài để so sánh đánh giá và đưa ra các mục tiêu phù hợp như của Khoa XHH, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐHQGHN và CTĐT cử nhân Xã hội học của Đại học Khoa học xã hội Singapore. [H1.01.01.15.DC, H1.01.01.16.DC]

Mục tiêu của CTĐT ngành XHH được xây dựng, chỉnh sửa điều chỉnh qua các cuộc họp thảo luận chuyên môn của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa XHH&PT [H1.01.01.23], khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTĐT [H1.01.01.12.DC, H1.01.01.13.DC, H1.01.01.14.DC]. Giai đoạn từ 2016-2020 sau khi hoàn thiện khung CTĐT theo CDR, Khoa XHH&PT, phối kết hợp với Trung tâm Khảo thí của Trường cũng đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến đóng góp thêm, đặc biệt là thông qua các buổi trao đổi trực tiếp, tiến hành khảo sát, phỏng vấn của giảng viên và chuyên gia, SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng. Nhìn chung kết quả cho thấy những môn học, số tín chỉ được chỉnh sửa trong CDR và khung CTĐT đáp ứng yêu cầu từ phía người học và của các nhà tuyển dụng, của xã hội nói chung [H1.01.01.17.DC, H1.01.01.18.DC, H1.01.01.19.DC]. Các ý kiến phản hồi, các đóng góp đã được Khoa XHH&PT nghiên cứu, xem xét trong quá trình chỉnh sửa mục tiêu của CTĐT ngành XHH cho phù hợp [H1.01.01.01.DC, H1.01.01.02.DC, H1.01.01.03.DC].

Với những ý kiến phản hồi, góp ý từ các bên liên quan, HVBC&TT và Khoa XHH&PT có thêm những thông tin chân thực, khách quan để rà soát, chỉnh sửa, cập nhật nội dung kiến thức, kỹ năng và hoạt động đào tạo của ngành XHH. Đây chính là những cơ sở quan trọng để từ đó Khoa cải tiến chất lượng, xây dựng mục tiêu CTĐT ngày càng phù hợp nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các nhà sử dụng lao động và nhu cầu xã hội.

Các mục tiêu đào tạo của ngành XHH đều được công bố công khai rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường [H1.01.01.20.DC], Fanpage của Khoa XHH&PT [H1.01.01.21.DC], trong sổ tay SV [H1.01.01.22.DC].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành XHH đã xác định rõ ràng các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và nhấn mạnh chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về cử nhân có chuyên môn về nghiên cứu, điều tra xã hội học.

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH, tầm nhìn và sứ mạng của HVBC&TT. CTĐT đã cập nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành XHH, các mục tiêu của CTĐT cũng được rà soát xây dựng dựa trên các khảo sát đánh giá và lấy ý kiến của các bên liên quan, nhất là của người sử dụng lao động nên có tính thời sự và gắn với thực tế yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa lấy được nhiều ý kiến của các bên liên quan (SV cuối khóa, cựu SV, nhà tuyển dụng...)

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, TTKT&KĐCLĐT phối hợp với Khoa tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng về các nội dung cụ thể của mục tiêu để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả

Mặc dù trước đó việc xây dựng CĐR của CTĐT chưa được thực hiện bài bản nhưng cũng đã có trao đổi trong các cuộc họp chuyên môn. Bắt đầu từ 2018, Khoa XHH&PT đã xây dựng CĐR cho ngành XHH. CĐR của ngành XHH được xây dựng bài bản, cập nhật chỉnh sửa dựa trên các văn bản hướng dẫn của BGD&ĐT [H1.01.01.07.DC], theo Khung trình độ quốc gia [H1.01.01.08.DC], hướng dẫn xây dựng CĐR của CTĐT của HVBC&TT [H1.01.02.01], các thông tư của BGD&ĐT quy định CĐR ngoại ngữ [H1.01.02.02.DC], thông tư của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về kỹ năng tin học cho SV đại học chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H1.01.02.03], và có sự tham khảo CĐR của trường khác [H1.01.01.15.DC]. CĐR thể hiện rõ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của sinh viên. CĐR được Khoa XHH&PT biên soạn, thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp chuyên môn tại Khoa [H1.01.01.23.DC], lấy ý kiến của các bên liên quan [H1.01.01.13.DC, H1.01.01.14.DC] và được nhà trường chính thức ban hành [H1.01.01.02.DC, H1.01.01.03.DC].

Năm 2016, CĐR ngành XHH được thể hiện trong mục tiêu cụ thể của CTĐT [H1.01.01.01.DC]. Các CĐR được xây dựng bao gồm các CĐR về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống. Về cơ bản các CĐR được công bố trong năm 2016 đã phản ánh được mục tiêu của CTĐT ngành XHH.

Đến năm 2018, CĐR của CTĐT ngành XHH được tiến hành rà soát chỉnh sửa để đảm bảo phù hợp hơn với quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 [H1.01.01.07.DC] và phù hợp với CĐR trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.01.08.DC]. Qua đó, CĐR năm 2018 đã điều chỉnh và bổ sung chi tiết hơn các yêu cầu tối thiểu của người học về kiến thức (kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành), kỹ năng (kỹ năng chung, kỹ năng chuyên biệt cho ngành XHH), năng lực tự chủ và trách nhiệm. CĐR này cũng là cơ sở để xác định vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của SV ngành XHH. [H1.01.01.02.DC, H1.01.01.13.DC]

Trong lần chỉnh sửa CĐR năm 2020, CĐR ngành XHH được viết cô đọng hơn. Thể hiện qua việc rút ngắn số lượng CĐR từ 32 CĐR năm 2018 xuống còn 13 CĐR năm 2020 và rút gọn các CĐR về kiến thức theo hai nhóm là kiến thức đại cương và kiến thức ngành. Ngoài ra, năm 2020, CĐR về ngoại ngữ được điều chỉnh cho phù hợp với các ý kiến đóng góp của các bên liên quan gồm các chuyên gia, cựu SV [H1.01.01.14.DC] và vẫn đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam [H1.01.02.02.DC]. Cụ thể, từ khóa 40 trở đi khi tốt nghiệp, SV ngành XHH phải đạt trình độ ngoại ngữ B1 khung châu Âu.

Sau nhiều lần rà soát điều chỉnh, hiện nay CĐR của ngành XHH năm 2020 được xác định như trong hộp sau [H1.01.01.03.DC]:

Kiến thức

Kiến thức đại cương

PLO1. Hiểu được các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của ĐCS Việt Nam làm nền tảng cho việc định hướng học tập, làm việc theo ngành được đào tạo.

PLO 2. Hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân

vẫn có liên quan đến ngành học.

Kiến thức ngành

PLO3. Hiểu và vận dụng kiến thức cốt lõi, nền tảng về lịch sử xã hội học, phương pháp nghiên cứu xã hội học, các lý thuyết xã hội học, các lý thuyết phát triển, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và an sinh xã hội để phân tích, giải quyết vấn đề liên quan đến các thiết chế xã hội, vùng miền, nhân khẩu học.

PLO4. Vận dụng các kiến thức xã hội học để phân tích chuyên sâu về truyền thông, dư luận xã hội, quản lý xã hội, môi trường và các vấn đề xã hội đương đại.

Kỹ năng

Kỹ năng chung

PLO5. Kỹ năng phân tích, phản biện và tư duy sáng tạo

PLO6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PLO7. Kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Kỹ năng chuyên biệt cho ngành

PLO 8. Kỹ năng sử dụng phần mềm, công nghệ hiện đại trong tổ chức nghiên cứu, trình bày kết quả để phân tích, giải quyết các vấn đề xã hội.

PLO 9. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức cơ bản.

PLO 10. Kỹ năng vận dụng xã hội học trong quản lý và truyền thông phục vụ cho hoạt động chính trị.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO11. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm trong môi trường làm việc khác nhau, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

PLO 12. Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn và có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp.

PLO 13. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

Như vậy, CĐR ngành XHH được xác định rõ ràng bao gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. CĐR của CTĐT ngành XHH bao quát được

cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành XHH của HVBC&TT. Cụ thể là để tốt nghiệp ngành XHH người học cần phải hoàn thành 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh). Trong đó, phần kiến thức cũng chỉ rõ các chuẩn kiến thức chung của Trường, các chuẩn kiến thức về ngành. Trong CDR về kỹ năng cũng thể hiện rõ cả yêu cầu chung là phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội và yêu cầu cụ thể là ứng dụng trong quản lý và truyền thông phục vụ các hoạt động chính trị. Về cơ bản một số CDR của Khoa cũng giống CDR với các ngành khác về chuẩn khối kiến thức giáo dục đại cương, các CDR về một số kỹ năng mềm, chuẩn về ngoại ngữ, tin học và chuẩn về thái độ chính trị [H1.01.02.03.DC]. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các SV các ngành học khác khi tham gia học song bằng ngành XHH của Khoa XHH&PT cũng như SV ngành XHH học song bằng các ngành đào tạo khác tại HVBC&TT.

Các CDR của ngành đều gắn với mục tiêu của CTĐT, điều này được thể hiện trong Bảng đối sánh mục tiêu CTĐT năm 2020 (như bảng 1.1 dưới đây), đồng thời được cụ thể hóa qua các mục tiêu, CDR của từng học phần, trong đề cương chi tiết học phần thuộc ngành XHH năm 2020. [H1.01.02.04]

Bảng 1.1: Ma trận đáp ứng mục tiêu của các CDR chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể (POs)	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
PO1	x	x			x						x	x	x
PO2			x		x	x	x	x			x	x	x
PO3			x	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO4						x	x		x		x	x	x
PO5											x	x	x
PO6							x	x			x	x	x
PO7										x	x	x	x
PO8											x	x	
PO9	x											x	
PO10													x
PO11			x	x							x	x	

CĐR của CTĐT là cơ sở để xây dựng đề cương chi tiết môn học, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá phù hợp. Mỗi môn học đều được thiết kế để đáp ứng một hoặc nhiều CĐR của CTĐT và được thể hiện cụ thể trong các môn học thuộc CTĐT. Các học phần trong CTĐT được xây dựng cũng đáp ứng được các yêu cầu CĐR. CĐR của CTĐT ngành XHH được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập; và mức độ tối thiểu các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm cần có được sau khi hoàn thành CTĐT. Kết quả khảo sát SV và giảng viên về CĐR CTĐT cho thấy tỷ lệ hài lòng với CĐR CTĐT là xấp xỉ 100%, đồng thời 100% nhà tuyển dụng hài lòng với CĐR của CTĐT với điểm đánh giá mức độ hài lòng về CĐR trung bình là 4,41 điểm so với điểm tối đa là 5 điểm. [H1.01.01.17. DC], [H1.01.01.18.DC], [H1.01.01.19].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin, nhận hỗ trợ từ phía giảng viên hoặc CVHT. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CĐR trong CTĐT được xây dựng công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học và giảng viên của Khoa, góp ý từ nhiều nhà tuyển dụng, cựu SV nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập cũng như khả năng phát triển kỹ năng cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số SV chưa đáp ứng được CĐR về ngoại ngữ theo yêu cầu của nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, để đáp ứng nhu cầu của xã hội về năng lực ngoại ngữ, một số môn học chuyên ngành do giáo viên của khoa giảng dạy sẽ thúc đẩy việc đọc, nghiên cứu tài liệu nước ngoài để SV được trang bị một vốn từ chuyên ngành đủ để khi ra trường đáp ứng được yêu cầu công việc.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

Mô tả

Kể từ năm 2018, Nhà trường và Khoa XHH&PT đã chủ động trong việc xây dựng CĐR của CTĐT các ngành trong đó có ngành XHH. Trong quá trình này, Nhà trường cùng với Khoa tiến hành rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT. Nhà trường cũng đã ban hành quy định về việc rà soát này và ra các thông báo về rà soát chỉnh sửa CĐR của CTĐT. Tính đến nay, CĐR của chương trình đã rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện qua các năm 2018, 2020 [H1.01.01.02.DC] [H1.01.01.03.DC] sau khi tiếp thu các ý kiến của các bên liên quan [H1.01.01.13.DC, H1.01.01.14.DC]. Do đó CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình.

CĐR được xây dựng có sự tham khảo các CTĐT ngành XHH uy tín ở Việt Nam và trên thế giới như CTĐT của Đại học KHXXH&NV Hà Nội và Trường Đại học Khoa học xã hội Singapore [H1.01.01.15.DC, H1.01.01.16.DC]; đồng thời có sự tham khảo ý kiến, đóng góp của các chuyên gia trong cùng lĩnh vực trong và ngoài trường và tham khảo ý kiến rộng rãi từ phía giảng viên, SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng [H1.01.01.17.DC, H1.01.01.18.DC, H1.01.01.19.DC]. CĐR được kết cấu dựa trên quá trình hệ thống hóa quan điểm của các bên liên quan sau khi khảo sát nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như tính chất chuyên môn của ngành học. CĐR đã được hội đồng chuyên môn cấp khoa, cấp trường thông qua, nghiệm thu, thể hiện trong biên bản thẩm định CTĐT [H1.01.01.12.DC, H1.01.01.13.DC, H1.01.01.14.DC] và được HVBC&TT phê chuẩn, ra quyết định thực hiện [H1.01.01.01.DC, H1.01.01.02.DC, H1.01.01.03.DC].

CĐR của CTĐT đã đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm [H1.01.01.12.DC, H1.01.01.13.DC, H1.01.01.14.DC, H1.01.01.17.DC] Ngoài ra, theo định kỳ, TTTKT&KĐCLĐT của Trường, phối hợp với Khoa XHH&PT đều lấy ý kiến đánh giá của SV đối với việc giảng dạy theo mẫu chung của Nhà trường. Mục tiêu nhằm lấy ý kiến phản hồi của SV

về chất lượng môn học và giảng dạy của giảng viên theo từng học kỳ. [H1.01.03.01] Các ý kiến của SV về CTĐT, nội dung và phương pháp giảng dạy của các học phần sau khi kết thúc khóa học hoặc học phần là cơ sở quan trọng để Khoa có những điều chỉnh về nội dung về phương pháp giảng dạy nhằm tăng sự tương thích giữa CĐR của mỗi học phần với kỳ vọng của người học. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy, mức độ hài lòng về CĐR cũng như chất lượng môn học và giảng dạy là rất cao.

CĐR của CTĐT ngành XHH được điều chỉnh qua từng giai đoạn xây dựng chương trình chú trọng đến việc trang bị về kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; CĐR cũng nêu rõ vị trí việc làm trong tương lai mà người học tốt nghiệp. CĐR của CTĐT 2018 có sự điều chỉnh về các CĐR về kiến thức, được chia cụ thể thành kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành, tuy nhiên, CĐR về kiến thức vẫn còn dàn trải, khó xác định [H1.01.01.13.DC]. Đến năm 2020, sau khi tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, CĐR của CTĐT đã có sự điều chỉnh rõ rệt: rút ngắn số lượng các CĐR, nội dung CĐR được khái quát, kỹ năng ngoại ngữ giảm từ bậc 4/6 (B2) xuống bậc 3/6 (B1) nhưng được tăng cường CĐR về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong chuyên môn, tăng cường các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm... theo sự đóng góp của các bên liên quan. Các CĐR của năm 2020 đã tham chiếu sử dụng thang đo nhận thức để biểu đạt các mức độ cụ thể về nhận thức, kỹ năng, và thái độ. Do đó các CĐR của năm này được xác định rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn [H1.01.01.14.DC]

Qua những lần chỉnh sửa hoàn thiện CTĐT và CĐR của CTĐT đều được Học viện, Khoa ban hành, công bố, phổ biến rộng rãi tới người học và các bên liên quan thông qua website của nhà trường [H1.01.01.20.DC], fanpage của Khoa XHH&PT [H1.01.01.21.DC], sổ tay SV [H1.01.01.22.DC] và được phổ biến trong buổi gặp mặt SV đầu khóa [H1.01.03.02]. Điều này giúp cho người học, xã hội và các bên liên quan tiếp cận được dễ dàng hơn và nắm bắt được các chuẩn về kiến thức, về kỹ năng, về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm mà người học sẽ đạt được sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Định kỳ khoảng 2 năm HVBC&TT tiến hành rà soát, điều chỉnh toàn bộ CTĐT, CĐR của các ngành học trong đó có ngành XHH. Việc điều chỉnh có sự tham khảo, tiếp thu các góp ý từ các cơ sở đào tạo cùng chuyên ngành, các nhà tuyển dụng và SV

tốt nghiệp và đảm bảo phù hợp với các văn bản quy định như Luật GDĐH... Vì vậy, CĐR của ngành được kịp thời bổ sung, điều chỉnh nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực XHH.

CĐR trong CTĐT ngành XHH được công bố công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang web của trường, trang fanpage của Khoa để các đối tượng thí sinh tiềm năng, SV của Khoa ngay từ năm thứ nhất nắm được. CTĐT đã được thể hiện cụ thể với các môn học được sắp xếp hợp lý trong từng kỳ học.

3. Điểm tồn tại

CĐR ngoại ngữ chuyên ngành của một số SV vẫn chưa đáp ứng công việc của nhà tuyển dụng. Chưa có điểm nhấn trong việc tuyên bố, phổ biến CĐR CTĐT tới các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, để hài hòa giữa yêu cầu của nhà tuyển dụng và khả năng đáp ứng của người học về ngoại ngữ, Khoa sẽ tăng cường việc trao đổi học thuật bằng tiếng Anh trong một số môn học chuyên ngành.

Khoa XHH&PT phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Ban QLĐT xây dựng kế hoạch truyền thông trong đó nhấn mạnh CĐR của chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ngành XHH đã xác định rõ ràng các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu các vấn đề xã hội theo nhiều lĩnh vực, chủ đề. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học và được quán triệt đến từng đối tượng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho SV phát huy tinh thần làm việc nhóm và làm việc độc lập đồng thời nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía giảng viên bộ môn hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa

học, nhằm mục tiêu đảm bảo chất lượng học tập cũng như phát triển kỹ năng, ý thức và thái độ học tập, làm việc chuyên nghiệp cho sinh viên. CĐR được công khai rộng rãi trên website của Học viện.

Một số hạn chế của CĐR của CTĐT ngành XHH được xác định: Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa lấy được nhiều ý kiến của các bên liên quan. Bên cạnh đó, CĐR ngoại ngữ chuyên ngành của một số SV vẫn chưa đáp ứng công việc của nhà tuyển dụng. Chưa có điểm nhấn trong việc tuyên bố, phổ biến CĐR CTĐT tới các bên liên quan.

Khoa đã có kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục hạn chế và phát huy điểm mạnh như đã nêu ở các phần trên.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt, điểm trung bình là 5/7.

TIÊU CHUẨN 2

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Trong quá trình thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ, bản mô tả CTĐT có ý nghĩa như một văn bản mô tả, giới thiệu chi tiết về CTĐT và hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học cho giảng viên, sinh viên, đồng thời, là tài liệu để giới thiệu, truyền thông về CTĐT với các nhà tuyển dụng, các cơ quan, tổ chức. Với ý nghĩa đó, năm 2020, Khoa XHH&PT đã xây dựng bản mô tả CTĐT ngành XHH trên cơ sở các văn bản pháp luật của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, HVBC&TT và các kết quả khảo sát thị trường lao động nhằm hướng tới đáp ứng tốt nhất yêu cầu của người học, của thị trường lao động và của nhà tuyển dụng và đảm bảo tính pháp lý của bản mô tả chương trình đào tạo. Việc hoàn thiện CTĐT và bản mô tả CTĐT trong giai đoạn này không những đảm bảo tính pháp lý của bản mô tả CTĐT mà còn phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa XHH&PT. Bản mô tả CTĐT ngành XHH cũng đã được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành XHH cung cấp các thông tin khái quát và mục tiêu của chương trình, các thông tin về CDR của chương trình đào tạo, chương trình dạy học, mức độ đóng góp của các học phần đối với CDR của chương trình, các thông tin chi tiết về mục tiêu và nội dung của các học phần. Cùng với bản mô tả học phần là hệ thống đề cương chi tiết các học phần được trình bày đầy đủ và chi tiết về mục tiêu, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn học và tài liệu tham khảo. Các tài liệu tham khảo này được đáp ứng bởi hệ thống Thư viện của Nhà trường.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Năm 2018, Khoa XHH&PT cũng đã có Bản mô tả CTĐT [H2.02.01.01] nhưng chưa được bài bản như năm 2020. Đến năm 2020, sau khi HVBC&TT ban hành CTĐT ngành XHH năm 2020 [H2.02.01.02.DC], theo các văn bản hướng dẫn của Học viện, TTKT&KĐCLĐT về xây dựng Bản mô tả CTĐT [H2.02.01.05], Khoa XHH&PT đã tổ chức họp Hội đồng Khoa để xây dựng kế hoạch hoàn thiện CTĐT trong đó có bản mô tả CTĐT [H2.02.01.06]. Bản mô tả CTĐT ngành XHH năm 2020

[H2.02.01.03.DC] được hoàn thiện trên cơ sở bổ sung, điều chỉnh, cập nhật nội dung bản mô tả CTĐT ngành XHH năm 2018 và phù hợp với Luật GDĐH sửa đổi 2018 [H2.02.01.07], Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016 [H2.02.01.08], BGD&ĐT [H2.02.01.09, H2.02.01.10, H2.02.01.11], Bộ Thông tin và Truyền thông [H2.02.01.12].

Bản mô tả CTĐT ngành XHH là một văn bản bao gồm các nội dung: (1) Thông tin chung về CTĐT; (2) Mục tiêu của chương trình đào tạo; (3) CĐR của chương trình đào tạo; (4) Thời gian đào tạo; (5) Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh; (6) Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; (7) Hình thức, phương pháp dạy học; (8) Kiểm tra đánh giá; (9) Nội dung chương trình (Cấu trúc chương trình dạy học; Chương trình khung; Ma trận giữa CĐR của CTĐT với mục tiêu đào tạo; khối kiến thức; các học phần; phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra đánh giá); (10) Hướng dẫn thực hiện chương trình [H2.02.01.03.DC].

Bản mô tả CTĐT ngành XHH năm 2020 được đánh giá là bản mô tả hoàn chỉnh nhất của ngành XHH trong giai đoạn 2016 - 2020. Bản mô tả CTĐT đã đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định trong Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT và Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH [H2.02.01.13, H2.02.01.14] và đã được cập nhật những thông tin trên cơ sở rà soát các bản hướng dẫn kèm theo CTĐT của những giai đoạn trước là năm 2016 và 2018. Bản mô tả CTĐT ngành XHH cũng phù hợp với quy định trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H2.02.01.08.DC] và phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng [H2.02.01.04.DC, H2.02.01.18.DC]. Sự hoàn thiện của bản mô tả CTĐT ngành XHH được thể hiện như sau (ngoài việc cung cấp thông tin chung về CTĐT):

Thứ nhất, mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT đã bám sát các tiêu chí được quy định đối với bậc 6 trong Khung năng trình độ quốc gia Việt Nam [H2.02.01.08.DC], phù hợp với đặc điểm riêng về ngành nghề và được thể hiện thông qua 11 mục tiêu cụ thể mà bao quát được các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm.

Các mục tiêu có cấu trúc rõ ràng, thể hiện khả năng có thể lượng hóa và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc xây dựng CĐR cho CTĐT so với các bản hướng dẫn CTĐT trước đó.

Thứ 2, CĐR của CTĐT

CĐR của CTĐT ngành XHH năm 2020 đã thể hiện các mức độ đáp ứng của người học về kiến thức (kiến thức đại cương và kiến thức ngành), kỹ năng (kỹ năng chung và kỹ năng chuyên biệt của ngành) và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Mục tiêu và CĐR của chương trình có sự liên hệ chặt chẽ về cấu trúc và mức độ, được trình bày dễ hiểu cho cả đơn vị đào tạo, đơn vị tuyển dụng và người học. Đây cũng là một trong những điểm hoàn thiện của bản mô tả CTĐT năm 2020 so với các năm trước.

Thứ 3, thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo là 4 năm. Tuy nhiên, tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà SV có thể sắp xếp việc học để rút ngắn thời gian đào tạo hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo quy định. Điều này giúp cho SV linh hoạt trong việc lựa chọn các tín chỉ và lên kế hoạch cho việc học tập của bản thân phù hợp với nhu cầu, điều kiện của mình.

Thứ 4, Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

Về cơ bản đối tượng, tiêu chí tuyển sinh là mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế và đáp ứng các điều kiện theo quy định hiện hành của BGD&ĐT và HVBC&TT.

Thứ 5, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGD&ĐT và của HVBC&TT, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc HVBC&TT.

Thứ 6, hình thức, phương pháp dạy học

Bản mô tả CTĐT ngành XHH thể hiện sự đa dạng trong các hình thức dạy học, theo đó GV và SV có thể lựa chọn hình thức dạy học phù hợp. Các phương pháp dạy học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tăng cường sự tương tác giữa GV và SV, giữa SV với nhau và các cơ hội để SV trải nghiệm, tự học theo hình thức trực tiếp và trực tuyến. Do đó, giúp SV tăng cường khả năng tự chủ và học tập suốt đời.

Thứ 7, kiểm tra đánh giá

Hình thức kiểm tra đánh giá trong bản mô tả CTĐT thể hiện nhiều cách thức, giai đoạn đánh giá và tính điểm. Điều này đòi hỏi SV phải nỗ lực trong suốt quá trình học tập và đáp ứng các yêu cầu khác nhau về năng lực và đảm bảo sự khách quan, chính xác trong đánh giá năng lực SV.

Thứ 8, về nội dung chương trình

Trên cơ sở các CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm được xác định, Hội đồng khoa học Khoa XHH&PT và đại diện các nhóm chuyên môn tổ chức họp nhằm xác định các khối kiến thức, các học phần trong mỗi khối kiến thức để đảm bảo đạt được CDR và xác định mức độ đóng góp của mỗi khối kiến thức đối với chuẩn đầu ra, mỗi học phần cần thiết trong mỗi khối kiến thức đó, cấu trúc chương trình dạy học. Để chuyển đổi các CDR của CTĐT vào CDR các học phần trong chương trình đào tạo, Khoa XHH&PT đã tiến hành hội thảo về xác định các khối kiến thức trong CTĐT, danh mục học phần tương ứng với các khối kiến thức trong CTĐT với thành phần tham dự là các nhà khoa học, nhà tuyển dụng và đội ngũ giảng viên trong khoa. Các học phần được chính thức đưa vào danh mục học phần trong CTĐT ngành XHH nếu các ý kiến đánh giá cho rằng học phần này là cần thiết đối với CTĐT ngành XHH, góp phần quan trọng đảm bảo đạt CDR sau khi SV tốt nghiệp.

Từ danh mục các học phần theo các khối kiến thức, Khoa tiến hành hội thảo để xác định CDR các học phần và hỏi ý kiến các nhà khoa học, nhà tuyển dụng và các giảng viên theo các nhóm chuyên môn về mức độ đóng góp của mỗi học phần vào CDR của CTĐT [H2.02.01.04.DC]. Đây cũng chính là cơ sở để triển khai xây dựng chương trình dạy học, xác định mục tiêu và CDR của các học phần, xây dựng đề cương chi tiết học phần. [H2.02.01.15].

Cấu trúc và kế hoạch của CTDH được xác định theo nguyên tắc: khối kiến thức giáo dục đại cương trong Trường diễn ra trước, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp diễn ra sau. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ và kiến thức chuyên ngành được tổ chức sau khối kiến thức giáo dục đại cương đảm bảo cho SV hoàn thành các học phần tiên quyết từ năm thứ nhất đến hết năm thứ hai, đủ điều kiện lựa chọn các môn học ở khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, và chuyên ngành. Với cách tiến hành như vậy, bản mô tả CTĐT ngành XHH năm 2020 mang đầy đủ thông tin và chi tiết, có cấu trúc chương trình chặt chẽ, logic. Bên cạnh đó, trong bảng mô tả CTĐT năm 2020 cũng đã thể hiện chương trình khung trong đó mô tả cụ thể danh sách các học phần, đi kèm là mã học phần, nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt), khối lượng kiến thức cũng như phân bổ tỉ lệ khối lượng kiến thức lý thuyết/thực hành/tự học cho mỗi học phần là bao nhiêu.

Các bảng ma trận trong đó có ma trận đáp ứng giữa các học phần và CĐR của CTĐT thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT ngành XHH. Bảng ma trận là sự lượng hóa các CĐR về mức độ kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ mà người học cần đạt được tương ứng với mỗi học phần. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của chương trình được xây dựng trên cơ sở kết quả đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, giảng viên và nhà tuyển dụng. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng đề cương các học phần, xây dựng cấu trúc và nội dung của chương trình dạy học, xác định nội dung và phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Các học phần được mô tả tóm tắt về mục tiêu và những nội dung cơ bản làm căn cứ xây dựng đề cương chi tiết học phần.

Theo khảo sát đối với các giảng viên, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT ngành XHH của HVBC&TT, tỷ lệ rất cao ý kiến đánh giá về bản mô tả CTĐT ngành XHH có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn. Các cựu sinh viên, nhà tuyển dụng cũng có ý kiến phản hồi tốt về CTĐT với trên 90% người được hỏi cho rằng CTĐT ngành XHH mang tính cập nhật và tiên tiến, đáp ứng tốt nhu cầu về lao động của doanh nghiệp và đảm bảo đạt được CĐR về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các tiêu chí: mức độ đảm bảo các thông tin cần thiết của bản mô tả CTĐT, mức độ dễ hiểu của các nội dung trong bản mô tả CTĐT, khả năng tạo thuận lợi cho người học xây dựng kế hoạch học tập, mức độ dễ tiếp cận của bản mô tả CTĐT được SV đang theo học, cựu SV, GV và nhà tuyển dụng đánh giá đạt mức điểm hài lòng là khá cao [H2.02.01.16.DC, H2.02.01.17.DC, H2.02.01.18.DC]

Thứ 9, hướng dẫn thực hiện chương trình

Bản mô tả CTĐT đã đưa ra kế hoạch cụ thể để thực hiện CTĐT theo các khối kiến thức mà SV đạt được theo từng năm và các môn học mà SV có thể đăng kí và hoàn thành theo từng kỳ học.

Trong phần này, những điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng học, đội ngũ giảng viên, thư viện cũng được mô tả, thể hiện việc đáp ứng những quy định về môi trường đào tạo đại học chuyên nghiệp.

2. Điểm mạnh

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành XHH đảm bảo tính đầy đủ và tương

minh về thông tin, các nội dung cập nhật và đảm bảo theo các quy định của BGD&ĐT và nhu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới về lĩnh vực XHH. Khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, bổ trợ và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính chất ứng dụng cao của các kiến thức được đào tạo.

Cấu trúc bản mô tả CTĐT rõ ràng, tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý thuộc HVBC&TT và BGD&ĐT. Ma trận tích hợp các khối kiến thức, các học phần và CDR của chương trình được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT, được cụ thể hóa theo các chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm cho tất cả các học phần của chương trình.

Bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành XHH được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao, dựa trên nhiều nguồn thông tin từ các bên liên quan: cựu SV, giảng viên, các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT quá dài dòng, quá chi tiết, nhiều thông tin trùng lặp với CTĐT

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021, Khoa phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm khảo thí kiểm định chất lượng tổ chức toạ đàm đưa ra bản mô tả CTĐT của ngành đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT, theo hướng ngắn gọn, xúc tích.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 6/7 điểm.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, Khoa XHH & PT đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần, chỉnh sửa, bổ sung nội dung đề cương học phần theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của HVBC&TT ban hành gồm: Quy trình xây dựng, kế hoạch, rà soát và Hướng dẫn xây dựng ĐCHP qua các năm 2016 [H2.02.02.01DC], 2018 [H2.02.02.02DC], 2020 [H2.02.02.03DC] ĐCHP được chỉnh sửa, bổ sung vào năm 2016[H2.02.02.04DC], 2018 H2.02.02.05DC], 2020 [[H2.02.01.15.DC]. Mục

tiêu, CDR của CTĐT được cụ thể hóa các CDR của từng học phần và ma trận CDR. **[H2.02.02.07.DC], [H2.02.02.08.DC], [H2.02.02.09.DC], [H2.02.02.10]**

Đề cương học phần được định kỳ rà soát theo quy trình như sau:

Căn cứ Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa tổ chức rà soát, chỉnh sửa, bổ sung ĐCHP sau khi cập nhật CDR và chương trình khung của CTĐT ngành XHH. **[H2.02.02.01.DC], [H2.02.02.02.DC], [H2.02.02.03.DC]**. Khoa tổ chức họp về việc điều chỉnh, cập nhật ĐCHP dựa trên kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan **[H2.02.02.13.DC]**. Giảng viên phụ trách học phần thực hiện rà soát, cập nhật ĐCHP. Hội đồng khoa học Khoa họp nghiệm thu ĐCHP. Giảng viên phụ trách hoàn thiện ĐCHP trên cơ sở góp ý của Hội đồng Khoa học khoa.

HVBC&TT ra Quyết định ban hành ĐCHP và đưa vào sử dụng. **[H2.02.01.15.DC]**

Các đề cương học phần năm 2020 đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trước **[H2.02.02.04.DC], [H2.02.02.05.DC]**, theo CDR mới của chương trình đào tạo, theo ma trận tích hợp học phần và CDR của chương trình và hệ thống đề cương chi tiết học phần trong các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trên thế giới, có sự chọn lọc phù hợp với HVBC&TT

Đề cương học phần sau khi được nghiệm thu sẽ được đưa vào giảng dạy. Người học và các bên liên quan có thể tiếp cận đề cương học phần trên khoa XHH & PT. Ngoài ra, trong quá trình học, mọi SV đều được giáo viên cung cấp đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn chuẩn bị bài.

Sau quá trình chỉnh sửa, bổ sung, cho đến năm 2020 **[H2.02.01.15.DC]**, các đề cương chi tiết học phần đã đảm bảo cơ bản theo quy định hướng dẫn, rà soát, xây dựng ĐCHP, bao gồm thông tin cơ bản, như sau: (1) Tên học phần: Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, mã số học phần, số tín chỉ học phần được phân bổ theo số tiết LT, BT và TH; (2) Đơn vị quản lý học phần: Giảng viên giảng dạy, Bộ môn quản lý và Khoa quản lý; (3) Thông tin chung về học phần gồm: Tên học phần, Tên học phần bằng tiếng Anh, Mã học phần, Học phần tiên quyết, Loại học phần, Phân bổ giờ tín chỉ, Khoa phụ trách học phần (4) Mục tiêu của học phần (5) CDR học phần; (6) Tóm tắt nội dung học phần; (7) Nội dung chi tiết và CDR học phần (8) Học liệu (9) Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá (10) Hệ thống câu hỏi ôn tập/đề tài tiểu luận

Kết quả khảo sát người học **[H2.02.02.12.DC], [H2.02.02.13.DC]** cho thấy hệ

thông đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành XHH được đánh giá cao theo các tiêu chí: (1) Mức độ đầy đủ các thông tin và dễ hiểu của đề cương học phần; (2) Mức độ lượng hóa và rõ ràng của mục tiêu, CDR các học phần; (3) Mức độ hợp lý của nội dung cấu trúc học phần; (4) Khả năng đóng góp của các học phần đối với CDR chương trình đào tạo; (5) Sự tương thích giữa phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra. Mức độ đánh giá đạt trung bình với mức điểm cao.

2. Điểm mạnh

Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của BGD&ĐT, HVBC&TT về hình thức và nội dung của học phần. Thông tin trong hệ thống đề cương học phần đảm bảo đầy đủ, dễ hiểu và dễ tiếp cận. CDR của học phần được lượng hóa giúp cho người học dễ hiểu và hoạch định các mục tiêu thực hiện chương trình học nhằm đạt được CDR của CTĐT.

Mục tiêu của đề cương học phần hướng tới CDR trong CTĐT ngành XHH và phù hợp với CDR được xác định cho mỗi học phần.

Các đề cương học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về các lĩnh vực chuyên ngành XHH như: XHH truyền thông đại chúng, XHH quản lý, Tuyên truyền vận động các vấn đề xã hội....

3. Điểm tồn tại

Hệ thống giáo trình in sách cần được tăng cường hơn, các tài liệu tham khảo quốc tế còn hạn chế đặc biệt các môn thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa XHH & PT phối hợp với Trung tâm thông tin tư liệu tiếp tục cập nhật với các nguồn tài liệu nước ngoài theo hướng chuyên sâu trong lĩnh vực XHH giúp SV có cơ hội tra dồi ngoại ngữ cũng như tiếp cận với nguồn tài liệu đa dạng hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Sau khi bản mô tả CTĐT ngành XHH đã được chỉnh sửa, bổ sung năm 2020 [H2.02.03.01] và hệ thống đề cương học phần đã được phê duyệt [H2.02.03.04.DC],

[H2.02.03.05.DC], [H2.02.01.15.DC] Khoa XHH&PT đã thống nhất các kênh thông tin, hình thức và nội dung của thông tin quảng bá về CTĐT. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần đã công bố công khai cho người học và giảng viên và các tổ chức, cá nhân liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của HVBC&TT [H2.02.03.02], trên fanpage của Khoa XHH&PT [H2.02.03.03], tại buổi livestream tuyển sinh năm 2020 [H2.02.03.04]. Những điều chỉnh, bổ sung đều được cập nhật trên website của Nhà trường để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện. Bên cạnh đó, Trường còn có thể hỗ trợ tư vấn trực tiếp qua điện thoại hoặc trực tuyến trên fanpage Học viện về các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, tuyển sinh.

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT ngành XHH và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Bản mô tả CTĐT ngành XHH và đề cương chi tiết học phần đã đảm bảo tính công khai, dễ hiểu và dễ tiếp cận không chỉ đối với cán bộ, giảng viên của Học viện mà các bên liên quan như sinh viên, cựu học viên, nhà tuyển dụng và những người liên quan đều dễ dàng tiếp cận và tham khảo. Điều này thể hiện qua kết quả khảo sát người học, người tuyển dụng theo các tiêu chí: (1) Mức độ dễ tiếp cận của bản mô tả chương trình đào tạo; (2) Mức độ đa dạng của các kênh thông tin về bản mô tả CTĐT cho thấy bản mô tả CTĐT đã được đánh giá tương đối cao theo thang 5 mức độ. [H2.02.03.05], [H2.02.01.17.DC], [H2.02.03.06].

2. Điểm mạnh

Mọi thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần với những thông tin đầy đủ đều được công bố công khai trong các báo cáo, trên trang web về đào tạo và các đối tượng liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần trên website chưa bắt mắt làm giảm hiệu quả của công tác truyền thông.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Văn phòng có kế hoạch hoàn thiện giao diện Website.

5. Tự đánh giá: 5/7

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành XHH được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Bản mô tả CTĐT ngành XHH được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới về lĩnh vực XHH. Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT đã được thực hiện theo đúng quy định về thời gian và các thông tin cần thiết phục vụ chỉnh sửa, bổ sung CTĐT và các đề cương học phần. Ma trận hiển thị kết quả chương trình CDR được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa, lượng hóa theo các học phần và được thể hiện trong các đề cương học phần của CTĐT. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của HVBC&TT.

Đề cương của các học phần đều có hệ thống bài giảng, giáo trình bằng tiếng Việt để SV có thể khảo cứu dễ dàng. Cơ sở dữ liệu cập nhật trong các chuyên ngành thuộc ngành XHH được đáp ứng đầy đủ qua hệ thống thư viện của nhà trường.

Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT vẫn còn một số tồn tại như sau: Bản mô tả CTĐT quá dài dòng, quá chi tiết, nhiều thông tin trùng lặp với CTĐT. Hệ thống giáo trình in sách cần được tăng cường hơn, các tài liệu tham khảo quốc tế còn hạn chế đặc biệt các môn thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành. Việc phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần trên website chưa bắt mắt làm giảm hiệu quả của công tác truyền thông.

Khoa đã có kế hoạch hành động cụ thể để khắc phục hạn chế là từ năm 2021, Khoa phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm khảo thí kiểm định chất lượng tổ chức tọa đàm đưa ra bản mô tả CTĐT của ngành đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT, theo hướng ngắn gọn, xúc tích. Khoa XHH & PT tiếp tục cập nhật với các nguồn tài liệu nước ngoài theo hướng chuyên sâu trong lĩnh vực XHH giúp SV có cơ hội tra dồi ngoại ngữ cũng như tiếp cận với nguồn tài liệu đa dạng hơn. Kiến nghị với Văn phòng có kế hoạch hoàn thiện giao diện Website.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt, điểm trung bình 5/7

TIÊU CHUẨN 3

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Đối với bất kì ngành đào tạo nào, CTDH có vai trò rất quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của Khoa XHH&PT. Với ý nghĩa đó, CTDH của ngành XHH luôn luôn được đổi mới, rà soát, điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu đào tạo trong từng giai đoạn.

CTDH trình độ đại học ngành XHH có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ. Các CTDH thuộc ngành XHH được thiết kế đảm bảo việc đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. Khung CTĐT bao gồm các học phần môn học được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.

Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTDH của ngành XHH được thiết kế theo hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Nhà trường, phù hợp với Quy định xây dựng CTĐT hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo [H3.03.01.01]. CTDH ngành XHH được ban hành theo các quyết định liên quan [H3.03.01.02.DC]

CTDH ngành XHH [H3.03.01.03.DC], [H3.03.01.04.DC], [H3.03.01.05.DC] được thiết kế bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra,... khoa học đảm bảo các nội dung theo đúng quy định của thông tư 04/2016/TT-BGDĐT [H3.03.01.06]. Trong CTDH nội dung được đảm bảo các mục tiêu đào tạo và được cụ thể hóa trong hệ thống CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ (mức tự chủ và trách nhiệm).

CĐR của ngành XHH năm 2020 được xây dựng dựa trên những hướng dẫn cụ thể [H3.03.01.02.DC], gồm CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học. Trong đó CĐR về kiến thức từ PLO1 đến PLO6, CĐR về kỹ năng từ PLO7 đến PLO11, CĐR về năng lực tự chủ là PLO12 và PLO13 [H3.03.01.05.DC] đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu của chương trình đào tạo.

CTDH năm 2016 của ngành XHH được thiết kế với 128 tín chỉ [H3.03.01.03.DC] nhưng đến năm 2018, 2020 tổng số tín chỉ là 130 tín chỉ [H3.03.01.04.DC], [H3.03.01.05.DC]. Đây là kết quả của việc rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2016, sự điều chỉnh tập trung vào sự điều chỉnh các môn học giữa các khối kiến thức khác nhau trong chương trình nhằm đảm bảo tính tổng thể của chương trình cũng như tính logic trong việc tiếp nhận kiến thức, kỹ năng của sinh viên. Sự điều chỉnh này được cho là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của người tuyển dụng lao động về chuyên môn nghiệp vụ đối với cử nhân ngành XHH.

Với 130 tín chỉ, các môn học trong CTDH ngành XHH năm 2020 được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau từ giáo dục đại cương đến thực tập và viết luận văn tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 47 tín chỉ ($47/130 = 36,15\%$), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 83 tín chỉ. Trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp thì khối kiến thức cơ sở ngành gồm 22 tín chỉ chiếm 16,9% số tín chỉ của CTDH, khối kiến thức ngành gồm 25 tín chỉ, kiến thức bổ trợ là 7 tín chỉ; kiến thức chuyên ngành là 29 tín chỉ (trong đó 26 tín chỉ là bắt buộc; 3 tín chỉ thuộc loại tự chọn). Các khối kiến thức này góp phần đạt được những CĐR nhất định về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H3.03.01.06.DC]. Cụ thể:

Đối với CĐR kiến thức:

+ Khối kiến thức giáo dục đại cương giúp người học đạt được CĐR như: hiểu được các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam làm nền tảng cho việc định hướng học tập, làm việc theo ngành được đào tạo (PLO1); hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học (PLO 2)

+ Khối kiến thức ngành giúp người học có thể: Hiểu và vận dụng kiến thức cốt lõi, nền tảng về lịch sử XHH, phương pháp nghiên cứu XHH, các lý thuyết xã hội học, các lý thuyết phát triển, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và an sinh xã hội để phân tích, giải quyết vấn đề liên quan đến các thiết chế xã hội, vùng miền, nhân khẩu học (PLO3); Vận dụng các kiến thức XHH để phân tích chuyên sâu về truyền thông, dư luận xã hội, quản lý xã hội, môi trường và các vấn đề xã hội đương đại (PLO4).

Đối với CĐR kỹ năng:

+ Khối kiến thức đại cương giúp người học áp dụng được những kỹ năng chung như: kỹ năng phân tích, phản biện và tư duy sáng tạo (PLO5); kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc

dùng cho Việt Nam(PLO6) [H3.03.01.07]; kỹ năng sử dụng CNTT và truyền thông trình độ cơ bản theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT theo mô tả trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (PLO7) [H3.03.01.08]

+ Khối kiến thức ngành giúp người học có khả năng vận dụng được các kỹ năng chuyên biệt cho ngành như: Kỹ năng sử dụng phần mềm, công nghệ hiện đại trong tổ chức nghiên cứu, trình bày kết quả để phân tích, giải quyết các vấn đề xã hội (PLO8); Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn ở mức cơ bản (PLO9); Kỹ năng vận dụng XHH trong quản lý và truyền thông phục vụ cho hoạt động chính trị (PLO10).

Đối với CĐR về thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ Các khối kiến thức giúp người học: Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm trong môi trường làm việc khác nhau, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm (PLO11); Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn và có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp (PLO12); Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc (PLO13).

CTDH là sự gắn kết hợp lý giữa các môn học trong học chương trình từ việc lập kế hoạch chi tiết theo từng kì với tiến trình giảng dạy cụ thể [H3.03.01.03.DC], [H3.03.01.04.DC], [H3.03.01.05.DC] và CĐR người học cần đạt được sau mỗi học phần. Điều này không chỉ đảm bảo tính logic của chương trình, tính liên quan của các môn học mà còn phù hợp với khả năng tiếp cận của người học theo thời gian. Đây là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo CĐR của người học.

Trong mô tả học phần, đề cương chi tiết mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể và thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, tiếp thu các kiến thức của học phần là mắt xích quan trọng trong việc đảm bảo CĐR về kiến thức của người học.

Bên cạnh đó, việc xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy trong từng học phần theo quan điểm lấy người học làm trung tâm có vai trò rất quan trọng trong việc đạt CĐR của người học không chỉ về kiến thức mà còn CĐR về kỹ năng, thái độ. Các phương pháp giảng dạy được thiết kế tùy thuộc vào nội dung cũng như đặc điểm của từng học phần, phù hợp với CĐR theo khối kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm.[H3.03.01.09.DC]

Các hoạt động và phương pháp giảng dạy cơ bản mà hầu hết các học phần trong CTĐT đều sử dụng gồm:

+ Hoạt động dạy học tương tác gồm: phương pháp thuyết giảng giúp người học nhớ, hiểu được kiến thức đáp ứng CĐR PLO1, PLO2 và PLO3; phương pháp thảo luận nhóm giúp người học đạt được CĐR PLO1, PLO2, PLO3 [H3.03.01.10.DC].

+ Hoạt động dạy học gián tiếp gồm các phương pháp: Giải quyết vấn đề giúp người học có khả năng vận dụng, phân tích, đánh giá được các vấn đề liên quan đến XHH giúp đạt được các CĐR PLO3, PLO9 và PLO10; phương pháp nghiên cứu trường hợp giúp đạt được CĐR PLO3, PLO4, PLO9 và PLO10.[H3.03.01.10.DC].

+ Hoạt động dạy học trải nghiệm gồm các phương pháp: nhập vai; thực hành/ thí nghiệm; dự án và thực tế/ thực tập. Mỗi phương pháp đều đáp ứng các CĐR khác nhau trong CTĐT. Như phương pháp nhập vai, mô phỏng giúp người học có khả năng vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề tương ứng với các CĐR PLO2 đến PLO6 và PLO11 [H3.03.01.10.DC].

+ Hoạt động SV thuyết trình cũng đáp ứng được 10 trên tổng số 13 CĐR của CTĐT [H3.03.01.10.DC].

+ Trong năm 2020, HVBC&TT cũng áp dụng phương pháp giảng dạy trực tuyến qua ứng dụng MS Teams, cũng giúp người học thích ứng với tình hình mới trong thời điểm đại dịch Covid 19 bùng phát. Điều này cũng đã đặt ra cho HVBC&TT có những quy định phù hợp trong quá trình giảng dạy trong tình hình hiện nay [H3.03.01.11]

Ngoài ra, CTDH cũng đã chú trọng đến sự cân đối trong việc phân bố giữa số giờ tự học, tự nghiên cứu với số giờ trên lớp. Tăng cường thực hành giao tiếp, tăng kỹ năng tự làm việc, làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm tăng cường tính chủ động, sáng tạo và các khả năng nghề nghiệp cho người học. Số giờ tự học, tự nghiên cứu của SV được lập theo từng tuần gắn với số giờ lý thuyết và thực hành [H3.03.01.05.DC].

Nhận thức được mối quan hệ nhất quán giữa CĐR, phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả của người học được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của HVBC&TT và gắn với phương pháp giảng dạy đã sử dụng trong từng môn học. Sự kết hợp một cách có chủ đích đó đảm bảo đánh giá đúng kết quả của người học, là công cụ tích cực góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của người học một cách hiệu quả. Về cơ bản, mỗi học phần được đánh giá dựa trên 3 hệ số A,B,C theo công thức:

$$D_{HP} = 0,6A + 0,3B + 0,1C$$

Trong đó:

A: Điểm thi kết thúc học phần

B: Điểm đánh giá giữa học kì

C: Điểm chuyên cần và tinh thần thái độ học tập

Căn cứ vào quy định đó, điểm B, C là điểm được giảng viên phụ trách môn học xác định căn cứ vào quy định chung của trường và căn cứ vào phương pháp giảng dạy đã áp dụng đối với môn học. Điểm B, C được thể hiện trong hồ sơ giảng dạy của từng giảng viên. Về cơ bản, phương pháp đánh giá được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.1. Phương pháp đánh giá học phần

TT	Điểm thành phần	Trọng số, %	Quy định đánh giá	CĐR
1	Điểm chuyên cần	10	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà và các hoạt động chuẩn bị bài, hỏi - đáp, quan sát các hoạt động học tập của sinh viên	
2	Điểm bài tập cá nhân, bài tập nhóm.	30	Số bài tập đã làm/số bài tập được giao.	
3	Điểm thực hành		- Tham gia 100% số giờ -Thực hiện đúng quy trình, có kết quả thực hành và được báo cáo đầy đủ.	
4	Điểm thuyết trình		-Chuẩn bị nội dung - Thuyết trình trước lớp	
5	Điểm kiểm tra giữa kỳ		- Kiểm tra theo đề, đáp án, thang điểm của giảng viên	
6	Điểm thi kết thúc học phần	60	- Thi viết, trắc nghiệm hoặc vấn đáp - Tiểu luận/bài tập lớn/sản phẩm/dự án	

Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ cũng như tổng kết được thiết kế năm 2020 nhằm đảm bảo đạt CĐR [H3.03.01.12.DC]:

Có 2 hình thức kiểm tra đánh giá gồm: đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết. Hình thức đánh giá thường xuyên gồm các phương pháp: kiểm tra chuyên cần (tương ứng PLO1, PLO2, PLO3, PLO4); bài tập về nhà (tương ứng PLO1 đến PLO4 và PLO6, PLO7, PLO8, PLO11, PLO12, PLO13) và quan sát làm việc (tương ứng với PLO1, PLO2, PLO3, PLO4 và PLO12)[H3.03.01.12.DC]. Các học phần đều có hình thức kiểm tra thường xuyên nhằm đánh giá sự tham gia tích cực của người học, thái

độ, tinh thần học tập.

Hình thức đánh giá tổng kết gồm nhiều phương pháp khác nhau, mỗi phương pháp đều đáp ứng những CĐR khác nhau của CTĐT **[H3.03.01.12.DC]** Các phương pháp kiểm tra đánh giá cơ bản gồm:

Kiểm tra trắc nghiệm: Nhằm đánh giá khả năng ghi nhớ và hiểu biết các kiến thức nền tảng thuộc khối kiến thức đại cương tương ứng với CĐR PLO1, PLO2.

Kiểm tra viết tự luận: Nhằm đánh giá kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lý giải các sự kiện và hiện tượng, đáp ứng các CĐR PLO2, PLO3, PLO4, PLO5 và PLO7. **[H3.03.01.05.DC]**

Kiểm tra vấn đáp: Nhằm đánh giá kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lý giải các sự kiện và hiện tượng. Ngoài ra phương pháp này còn đánh giá kỹ năng giao tiếp của người học tương ứng với các CĐR PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6 và PLO11, PLO12. **[H3.03.01.05.DC]**

Kiểm tra thuyết trình: Kiểm tra khả năng hiểu, vận dụng kiến thức; kỹ năng phân tích, lập luận; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tương ứng với các CĐR từ PLO3 đến PLO12. **[H3.03.01.05.DC]**

Tiểu luận: Kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích, tổng hợp; tư duy phản biện; kỹ năng giao tiếp; năng lực tự chủ, kỹ năng nghiên cứu, tự học tương ứng với các CĐR PLO2, PLO4, PLO5 và từ PLO7 đến PLO13. **[H3.03.01.05.DC]**

Bài tập lớn: Bao gồm các sản phẩm thực hành như nghiên cứu trường hợp, báo cáo kết quả thực hành, v.v nhằm kiểm tra kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm tương ứng các CĐR PLO4, PLO5 và từ PLO7 đến PLO13. **[H3.03.01.05.DC]**

Khoá luận tốt nghiệp: Đánh giá năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng mềm như phân tích, phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng chuyên ngành, v.v. tương ứng với các CĐR từ PLO3 đến PLO13. **[H3.03.01.05.DC]**

Như đã trình bày ở trên, CTDH ngành XHH được xây dựng với các nội dung cụ thể từ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và từng học phần được công bố công khai trên khoa XHH. CTDH đã nhận được khá nhiều ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các thông tin phản hồi có được từ nhiều kênh khác nhau tùy thuộc vào từng bên liên quan cụ thể:

Ý kiến phản hồi của người học được thu nhận thông qua phiếu khảo sát đánh giá, thông qua các buổi đối thoại giữa SV và lãnh đạo nhà trường, thông qua các buổi sinh hoạt lớp với cố vấn học tập, thông qua hoạt động của các câu lạc bộ,... Phần lớn các ý kiến đều cho rằng CTDH là rõ ràng, các học phần trong chương trình giúp SV dần hoàn thiện kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ cần thiết để có thể tự tin sau khi tốt nghiệp. [H3.03.01.13.DC] [H3.03.01.14.DC] Cựu học sinh của ngành cho rằng, CTDH phù hợp với yêu cầu thực tế sau khi ra trường, giúp SV sau khi ra trường có khả năng thích ứng được với công việc thực tế. [H3.03.01.15.DC]

Giảng viên tham gia giảng dạy ngành XHH cho rằng CTDH khá hợp lý, các khối kiến thức có lượng tín chỉ cân đối, tỷ lệ lý thuyết và thực hành phù hợp nội dung kiến thức đào tạo giúp SV tổng hợp được kiến thức và rèn luyện được nhiều kỹ năng quan trọng. [H3.03.01.16.DC]

Hầu hết, các nhà khoa học cho rằng, CTDH phù hợp và có tính tương đương với CTDH ngành XHH của nhiều cơ sở đào tạo khác và sự điều chỉnh CTDH qua các năm giai đoạn 2016- 2020 là phù hợp với nhu cầu người học, nhà tuyển dụng [H3.03.01.17.DC], [H3.03.01.18.DC], [H3.03.01.19.DC]. Người sử dụng lao động (trong số này có nhiều người là cựu học sinh của trường) nhận xét [H3.03.01.20.DC], CTDH của Ngành XHH có nhiều ưu điểm do SV được học một số môn có tính đặc thù của ngành và trong quá trình học được thực hành nghề nghiệp tại địa phương và các cơ quan đối tác của khoa. Do vậy, khi ra trường, SV tiếp cận khá tốt với công việc đặc biệt là công việc thuộc các doanh nghiệp, tổ chức chính trị- xã hội

2. Điểm mạnh

CTDH ngành XHH được thiết kế phù hợp với mục tiêu và CĐR của ngành về kiến thức, kỹ năng, thái độ (năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm). Chương trình cũng đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo sự cân đối giữa giờ tự học và giờ trên lớp, đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần trong chương trình... những điểm mạnh đó là cơ sở tốt để đáp ứng yêu cầu của CĐR.

3. Điểm tồn tại

Trọng số kiểm tra đánh giá trong đề cương chi tiết học phần hiện nay còn chưa hợp lý để đảm bảo CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Từ 2021, Khoa phối hợp với Ban QLĐT, TTKT&KĐCLĐT đề xuất điều chỉnh trọng số điểm chuyên cần tăng từ 10% lên 20%.

5. Đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí

Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. Điều này được minh chứng bởi đề cương chi tiết mỗi học phần trong CTDH đều được ghi rõ số tín chỉ, số tiết lý thuyết, tiết thảo luận/bài tập, học phần tiên quyết, học phần trước, chuẩn mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm [H3.03.02.01.DC], [H3.03.02.02.DC], [H3.03.02.03.DC]

Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Ban QLĐT đưa ra thông báo về việc đăng kí học phần học tập trong kì [H3.03.02.04]. Việc lựa chọn học phần để học từng kỳ do người học chủ động căn cứ vào khả năng của mình, căn cứ vào quy định cụ thể về danh mục học phần tự chọn, học phần bắt buộc cũng như điều kiện tiên quyết đã chỉ rõ trong mỗi học phần.[H3.03.02.04.DC], [H3.03.02.05.DC], [H3.03.02.06.DC]

Trong CTDH, các nhóm học phần nói chung và từng học phần nói riêng đều thể hiện được sự đóng góp một cách rõ ràng cho việc đạt được CĐR [H3.03.01.09.DC]. Cụ thể như sau:

Các học phần Kiến thức đại cương có mục tiêu cung cấp kiến thức nền tảng, khả năng tư duy cho các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, các học phần thuộc nhóm này hướng tới đạt CĐR PLO1, PLO2. [H3.03.01.09.DC]

Các học phần cơ sở ngành bao gồm các học phần về phương pháp nghiên cứu XHH đại cương, Lịch sử và lý thuyết XHH... Các học phần thuộc nhóm này có mục tiêu giúp người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng của ngành XHH; Có kiến thức cơ bản về kiến thức cốt lõi, nền tảng về lịch sử XHH, phương pháp nghiên cứu XHH, các lý thuyết xã hội học, các lý thuyết phát triển, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và an sinh xã hội để phân tích, giải quyết vấn đề liên quan đến các thiết chế xã hội, vùng miền, nhân khẩu học. Vận dụng các kiến thức XHH để phân tích chuyên sâu về truyền thông, dư luận xã hội, quản lý xã hội, môi trường và các vấn đề xã hội đương đại và áp dụng các kiến thức cơ sở về XHH làm nền tảng cho các kiến thức chuyên ngành (PLO3, PLO4), Có kỹ năng Kỹ năng phân tích, phản biện và tư duy sáng tạo (PLO5),... với những mục tiêu đa dạng và quan trọng đó, phần lớn các học phần thuộc nhóm này có mức độ đóng góp cao tới các CĐR PLO5, PLO6,

PLO7. Ngoài ra các học phần thuộc nhóm này còn hướng tới các CĐR như PLO11, PLO12, PLO13 **[H3.03.01.09.DC]**.

Bên cạnh đó, nhóm các học phần chuyên ngành gồm các học phần chuyên sâu, thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp giúp người học Có kỹ năng cần thiết để thực hiện quá trình XHH trong các trung tâm, viện nghiên cứu cũng như trong các tổ chức chính trị- xã hội, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp như: Kỹ năng sử dụng phần mềm, công nghệ hiện đại trong tổ chức nghiên cứu, trình bày kết quả để phân tích, giải quyết các vấn đề xã hội; Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn; Kỹ năng vận dụng XHH trong quản lý và truyền thông phục vụ cho hoạt động chính trị (PLO8, PLO9, PLO10). Ngoài ra, nhóm học phần này còn giúp người học có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm trong môi trường làm việc khác nhau, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn và có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc. Với những mục tiêu đó, các học phần này hướng tới mức độ đóng góp cao đối với các CĐR PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13 **[H3.03.01.09.DC]**

Những phân tích ở trên cho thấy, tất cả các học phần được thiết kế có sự logic nhằm đạt CĐR của học phần nói riêng và CĐR của CTDH nói chung.

Bên cạnh đó, để đạt được CĐR cụ thể của từng môn học, HVBC&TT có quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học phần, trong đó đánh giá quá trình học tập chiếm 40%, đánh giá kết quả thi kết thúc học phần chiếm 60% kết quả chung **[H3.03.01.12.DC]**. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được Học viện, Khoa XHH&PT thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Song song với việc áp dụng quy định chung về kiểm tra, đánh giá kết quả học phần, giảng viên còn căn cứ vào phương pháp giảng dạy cụ thể của học phần để đưa ra phương pháp đánh giá thích hợp trong giới hạn 40% điểm quá trình. **[H3.03.01.10.DC, H3.03.01.12.DC]**

Trước khi được công bố chính thức, CTDH của ngành được thông qua trong cuộc họp Khoa, Hội đồng Khoa học Khoa XHH&PT **[H3.03.02.08]**. Việc xây dựng, sửa đổi này cũng được thực hiện dựa trên sự góp ý của các bên liên quan **[H3.03.01.19.DC]**, dựa trên sự đối sánh với CTĐT chuyên ngành XHH của các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. **[H3.03.02.12]**, **[H3.03.02.13]**. Trước khi đưa ra những chỉnh sửa về cấu trúc CTDH, Khoa XHH&PT đã tập hợp các ý kiến của nhà tuyển

dụng về CTDH, kết quả tập hợp cho thấy yêu cầu chủ yếu của nhà tuyển dụng là tăng khối lượng thực hành thảo luận, tăng cường học phần có CĐR là các kỹ năng. Sau những lần chỉnh sửa và đưa vào tổ chức giảng dạy, ngành XHH đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía nhà tuyển dụng, cựu người học, giảng viên, cán bộ quản lý về CTDH hiện nay đang thực hiện. Với việc làm minh bạch và rõ ràng, thông qua kết quả khảo sát có thể thấy, người học đánh giá mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng [H3.03.01.14.DC], [H3.03.01.13.DC], [H3.03.01.15.DC]

Nhận thức rõ sự quan trọng trong vấn đề đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp, HVBC&TT, Khoa XHH&PT cũng như từng giảng viên phụ trách môn học luôn quan tâm đến vấn đề này. Bằng nhiều cách khác nhau, nhiều kênh thông tin khác nhau các ý kiến đánh giá của người sử dụng lao động về chất lượng CTDH, sự phù hợp trong việc đóng góp CĐR của các học phần thể hiện qua khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của SV để điều chỉnh CTĐT và đề cương học phần cho phù hợp. [H3.03.01.20.DC].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH có sự tương thích cao thể hiện qua từng khối kiến thức khác nhau trong CTDH. Tất cả các học phần được thiết kế có sự logic nhằm đạt CĐR của học phần.

Tất cả các học phần trong CTDH đều thể hiện rõ mức độ đóng góp cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm nhằm đạt được CĐR của người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học trong từng học phần được quy định cụ thể. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được Khoa và giảng viên trực tiếp phụ trách học phần thực hiện theo hướng dẫn và theo phương pháp giảng dạy trong từng học phần. Việc xây dựng, điều chỉnh CTDH và đề cương học phần được xây dựng thông qua việc tham khảo ý kiến các bên liên quan và đối sánh với các CTĐT ngành XHH của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động tự học của SV ở một số một số học phần trong CTDH chưa phát huy được hết năng lực của sinh viên

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa XHH&PT tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm chia sẻ cách thức kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của SV một

cách cụ thể, thường xuyên nhằm phát huy tối đa hiệu quả đạt được CDR của việc SV tự nghiên cứu trong mỗi học phần.

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 3.3: CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

CTDH ngành XHH năm 2020 được cấu trúc với các khối kiến thức gồm: 130 tín chỉ (chưa bao gồm 12 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) số tín chỉ và tỷ lệ cụ thể như sau:

Bảng 3.2: Cấu trúc CTDH ngành XHH năm 2020

	Số tín chỉ	Tỷ lệ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	47 tín chỉ	36,15%
- Khoa học Mác-Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	11 tín chỉ	8,46%
- Khoa học xã hội và nhân văn	18 tín chỉ	13,84%
<i>Bắt buộc:</i>	<i>12 tín chỉ</i>	
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>	
- Toán và khoa học tự nhiên	6 tín chỉ	4,6%
- Ngoại ngữ	12 tín chỉ	9,23%
Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng		
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83 tín chỉ	63,85%
- Kiến thức cơ sở ngành	22 tín chỉ	16,9%
<i>Bắt buộc:</i>	<i>16 tín chỉ</i>	
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>	
- Kiến thức ngành	25 tín chỉ	19,23%
<i>Bắt buộc:</i>	<i>19 tín chỉ</i>	
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>	
- Kiến thức bổ trợ	7 tín chỉ	5,3%
<i>Bắt buộc:</i>	<i>4 tín chỉ</i>	
<i>Tự chọn:</i>	<i>3/9 tín chỉ</i>	
- Kiến thức chuyên ngành	29 tín chỉ	22,3%
<i>Bắt buộc:</i>	<i>26 tín chỉ</i>	
<i>Tự chọn:</i>	<i>3/9 tín chỉ</i>	

MC qua xử lý [H3.03.01.05.DC]

Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 47 TC chiếm tỉ lệ 36,15% tổng số TC trong nội dung kiến thức đào tạo. Trong đó có Khoa học Mác-Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (8,46%), Khoa học xã hội và nhân văn (13,84%), Toán và khoa học tự nhiên

(4,6%), Ngoại ngữ (9,23%).

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm Kiến thức cơ sở ngành (16,9%); Kiến thức ngành (19,23%), Kiến thức bổ trợ (5,3%) và Kiến thức chuyên ngành (22,3%).

Với cấu trúc như trên có thể nhận thấy một số điểm nổi bật như sau:

+ Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTDH được thiết kế khá cân đối và hợp lý. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm tỷ lệ hơn 2/3 tổng số tín chỉ của CTĐT, đặc biệt tỷ lệ cao nhất là của khối kiến thức chuyên ngành, rồi đến kiến thức ngành và cơ sở ngành.

+ Số TC dành cho kiến tập, thực tập nghiệp vụ, khóa luận tốt nghiệp nhiều thể hiện sự tập trung cho việc đạt CDR của SV dưới góc độ nâng cao cả về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng làm việc phù hợp với nhu cầu xã hội.

Các khối kiến thức cụ thể trong nội dung kiến thức đào tạo ngành XHH được thiết kế theo trình tự từ kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, chương trình được giảng dạy trong 4 năm. Các kiến thức giáo dục đại cương được cung cấp cho SV trong 3 học kỳ đầu tiên. Các học phần cơ sở chuyên ngành được thiết kế trong ba học kỳ tiếp theo bao gồm các học phần kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, bổ trợ và kiến tập nghề nghiệp. Hai học kỳ cuối của chương trình, SV được cung cấp các học phần chuyên ngành, thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (các môn học thay thế khóa luận). Các học phần tự chọn được thiết kế nhằm mục đích hướng SV vào các chuyên sâu và mở rộng kiến thức bằng cách chọn các môn trong một chương trình gần với chuyên sâu lựa chọn. Các học phần chuyên ngành được tổ chức đào tạo vào năm cuối cùng. Sự cân đối của các khối kiến thức, kết hợp với trình tự giảng dạy từng học phần, kế hoạch giảng dạy từng kì học. Mục tiêu cũng như sự đóng góp cụ thể của từng học phần vào CDR của ngành **[H3.03.03.01]** là cơ sở để SV tiếp thu tốt kiến thức hướng tới đạt CDR một cách chắc chắn nhất có thể.

Khi xây dựng CTDH ngành XHH, Khoa XHH&PT đã tham khảo CTDH của khá nhiều trường có uy tín trong và ngoài nước như: Đại học khoa học xã hội Singapore (SUSS), Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn,... **[H3.03.02.12.DC]**, **[H3.03.02.13.DC]**

CTĐT Cử nhân XHH đào tạo tại Học viện Báo chí & Tuyên truyền có những điểm tương đồng với chương trình Cử nhân XHH thuộc Đại học khoa học xã hội Singapore (SUSS) **[H3.03.02.13.DC]** như sau:

Khoảng 85% các môn giảng dạy trong chương trình Cử nhân XHH tại trường Đại học khoa học xã hội Singapore (SUSS) thuộc khối kiến thức chuyên ngành (bắt buộc và tự chọn) đồng thời cũng là môn được lựa chọn giảng dạy trong chương trình cử nhân XHH tại Học viện Báo chí & Tuyên truyền hiện tại trong kiến thức chuyên ngành bắt buộc và tự chọn. Điều này cho thấy chương trình cử nhân XHH tại Học viện Báo chí & Tuyên truyền đã tiệm cận với chương trình cử nhân XHH của các nước tiên tiến, ví dụ như Singapore. Điều này tạo cơ hội thuận lợi cho SV lựa chọn học chương trình cử nhân XHH tại HVBCCTT có thể dễ dàng được chấp nhận học các bậc học sau đại học tại Singapore cũng như nhiều quốc gia có chương trình giáo dục tiên tiến, hiện đại khác.

Ngoài ra, cả chương trình cử nhân XHH tại Học viện Báo chí & Tuyên truyền và chương trình Cử nhân XHH thuộc Đại học khoa học xã hội Singapore (SUSS) đều có chương trình tổng thể 130 tín chỉ, trong đó cơ bản chia làm 2 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương (theo cách gọi của HVBCCTT và theo cách gọi của SUSS là khối kiến thức cơ bản về khoa học xã hội) và khối kiến thức chuyên nghiệp (hay khối kiến thức chuyên ngành XHH theo cách gọi của SUSS).

Trong khối kiến thức chuyên nghiệp/chuyên ngành, cả hai CTĐT đều rất chú trọng đến trang bị kiến thức về 3 mảng lớn: lý thuyết, lịch sử XHH; phương pháp nghiên cứu, phân tích dữ liệu; các chuyên ngành XHH chuyên biệt phân theo các thiết chế xã hội (nông thôn/đô thị; văn hoá, giáo dục, y tế, tôn giáo, gia đình, kinh tế...)

Bên cạnh đó, CTDH ngành XHH có sự khác biệt với CTDH của SUSS và có thể mạnh riêng: [**H3.03.02.13.DC**]

Chương trình được xây dựng với các môn học được xác định trên căn cứ mục tiêu chung, 11 mục tiêu cụ thể và 13 CDR chi tiết cần đạt được, do vậy các môn học được lựa chọn giảng dạy cũng như xây dựng chương trình trên cơ sở mục tiêu và CDR đã được xác định.

Chương trình được thiết kế nhằm trang bị cho SV không chỉ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết mà cần có lý tưởng, lòng yêu nước, bản lĩnh chính trị vững vàng như đã đề cập trong mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể PO1 (Có những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiến thức khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học). Do vậy trong khối kiến thức giáo dục đại cương, chương trình đã lựa chọn 5 môn thuộc nhóm khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để đưa vào chương trình đáp ứng mục tiêu này.

Chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT chú trọng trang bị kỹ năng chuyên biệt cho ngành, trong đó chú trọng kỹ năng vận dụng XHH trong quản lý và truyền thông phục vụ cho hoạt động chính trị, phù hợp với mục tiêu và định hướng của CTĐT của Học viện. Do vậy, trong chương trình thuộc kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, các môn nhằm hướng đến phát triển các kỹ năng này đã được đưa vào chương trình và đây cũng là đặc thù chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT khác so với chương trình của Cử nhân XHH thuộc Đại học khoa học xã hội Singapore (SUSS)[H3.03.03.01.DC], [H3.03.03.04.DC] Cụ thể các môn như:

- Tuyên truyền vận động các vấn đề xã hội
- Nghiên cứu Dư luận xã hội
- XHH Truyền thông đại chúng
- XHH với công tác truyền thông
- Lý thuyết và kỹ năng truyền thông chính sách
- Lãnh đạo, quản lý hoạt động tư tưởng, văn hóa

Chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT chú trọng trang bị kỹ năng nghiên cứu, phân tích giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó đã thể hiện ở mục tiêu chung và cụ thể mục tiêu cụ thể PO6 (Có khả năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu XHH, làm việc trong môi trường công nghệ cao, thích ứng sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế)[H3.03.03.01.DC], [H3.03.03.04.DC] Để đáp ứng mục tiêu này, chương trình đã trang bị các môn học trang bị kỹ năng nghiên cứu và phân tích rất bài bản theo trình tự:

- Thống kê và xử lý dữ liệu (thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương)
- Thiết kế nghiên cứu (Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp)
- Kỹ thuật thu thập thông tin và kỹ thuật chọn mẫu
- Kỹ thuật xử lý thông tin

Với các môn học nói trên, SV sẽ từng bước nắm chắc kiến thức và thực hành được các kỹ năng thiết kế, thu thập thông tin và xử lý thông tin, từ đó đưa ra nhận định, phân tích các vấn đề xã hội dựa trên các bằng chứng khoa học và thực tiễn.

Đối sánh với chương trình cử nhân XHH thuộc Đại học khoa học xã hội Singapore (SUSS), các môn về phương pháp nghiên cứu và phân tích XHH cũng là điểm mạnh của trường SUSS mà HVBC&TT đã học hỏi và phát triển theo hướng phù hợp với đặc thù SV Việt Nam. Chương trình cử nhân XHH thuộc Đại học khoa học xã hội Singapore (SUSS) cũng có đến 4 môn về trang bị kiến thức, kỹ năng phương pháp nghiên cứu: [H3.03.02.13.DC]:

- Các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội
- Lý thuyết và tiếp cận nghiên cứu XHH
- Phương pháp nghiên cứu XHH
- Phương pháp phân tích dữ liệu khoa học xã hội

Chương trình cử nhân XHH thuộc Đại học khoa học xã hội Singapore (SUSS), chương trình thường xây dựng các môn học với thời lượng dạy dài (5 tín chỉ), trong đó lồng ghép thực hành, thực tế vào trong các môn học luôn. Rút kinh nghiệm từ chương trình của Singapore, đưa chương trình thực tế, kiến tập, thực tập tổ chức riêng từng đợt nhằm tập trung hơn thời gian cho SV thực hành các kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với từng giai đoạn:

- Thực tế chính trị xã hội (sau khi kết thúc năm học thứ nhất): nghiên cứu thực tế tại địa phương, phát hiện các vấn đề xã hội gắn với đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội của từng địa phương, phân tích các vấn đề dưới lăng kính XHH

- Kiến tập (cuối năm thứ 3): lên kế hoạch và xây dựng công cụ nghiên cứu, sử dụng các phương pháp thu thập thông tin nhằm thu thập thông tin, dữ liệu theo quy trình khoa học đã thiết kế. Vận dụng các kỹ năng làm sạch số liệu và vận dụng các phần mềm để quản lý dữ liệu.

- Thực tập (cuối năm thứ 4): vận dụng tổng thể kiến thức, kỹ năng được học nhằm thực hiện một nghiên cứu, phân tích các vấn đề xã hội hoàn chỉnh: từ giai đoạn lựa chọn vấn đề, thiết kế nghiên cứu, thu thập số liệu tại thực địa, xử lý số liệu, phân tích dữ liệu, viết báo cáo phân tích các kết quả, đưa ra các phát hiện đáng chú ý từ nghiên cứu.

Chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT được xây dựng trên cơ sở triết lý giáo dục của Học viện, triết lý giáo dục của khoa, phù hợp với mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo.

Ngoài ra chương trình được xây dựng có tham khảo các CTĐT trong nước (cụ thể là chương trình cử nhân XHH của trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn) **[H3.03.02.12.DC]**

Tổng số tín chỉ đào tạo của chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT là 130 tín chỉ, còn chương trình cử nhân XHH thuộc trường KHSHNV là 137 tín chỉ, chưa bao gồm tín chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh.

Chương trình cử nhân XHH tại Học viện Báo chí & Tuyên truyền chi phân chia là 2 khối kiến thức lớn: Khối kiến thức giáo dục đại cương (47 TC) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (83 TC). Chương trình cử nhân XHH thuộc trường KHSHNV

chia làm 5 khối kiến thức: khối kiến thức chung (16 TC); Khối kiến thức theo lĩnh vực (29 TC); khối kiến thức theo khối ngành (27 TC); Khối kiến thức của nhóm ngành (15 TC); Khối kiến thức ngành (50 TC).[**H3.03.02.12.DC**]

Khối kiến thức giáo dục đại cương của CTĐT cử nhân XHH (Học viện BCTT) khá tương đồng với 3 khối kiến thức đầu tiên của chương trình cử nhân XHH thuộc trường KHXHNV. Khối kiến thức giáo dục chuyên biệt (bao gồm kiến thức cơ sở ngành; kiến thức ngành; kiến thức bổ trợ; kiến thức chuyên ngành) tương đồng với 2 khối kiến thức còn lại của chương trình trường KHXHNV (Khối kiến thức của nhóm ngành và khối kiến thức ngành).[**H3.03.02.12.DC**]

Khối kiến thức chung chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT (47 TC); khối kiến thức chung và khối kiến thức theo nhóm ngành (chương trình cử nhân XHH thuộc trường KHXHNV) là 72 tín chỉ. Như vậy chương trình cử nhân XHH thuộc trường KHXHNV hướng đến trang bị kiến thức cơ sở chung và kiến thức khối ngành nhiều hơn so với khối kiến thức giáo dục đại cương của chương trình cử nhân XHH thuộc Học viện BCTT: chiếm hơn nửa tổng số tín chỉ toàn chương trình (56%). Trong khi đó, khối kiến thức giáo dục đại cương chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT chỉ chiếm 47/130 tín chỉ (chiếm 36,15% tổng số tín chỉ toàn chương trình) và đây có thể xem là một tỉ lệ hợp lý).[**H3.03.02.12.DC**]

Hai chương trình đối sánh mặc dù cách phân chia nhóm môn không giống nhau nhưng về cụ thể chi tiết các môn học có rất nhiều điểm tương đồng).[**H3.03.02.12.DC**]

- Như nhất 5 môn Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương) lựa chọn giảng dạy trong chương trình cử nhân XHH (Học viện BCTT) cũng là 5 môn đã được đưa vào chương trình giảng dạy khối kiến thức chung thuộc chương trình cử nhân XHH (Đại học KHXH Nhân văn).

- Phần khối kiến thức khoa học xã hội và nhân văn (chương trình Học viện BCTT) tương đương với các môn thuộc khối kiến thức theo lĩnh vực và khối kiến thức theo khối ngành (thuộc Đại học KHXH Nhân văn), trong đó có đến khoảng 85% các môn tương đồng nhau như:

- + Pháp luật đại cương (Trường KHXH Nhân văn: Nhà nước và pháp luật)
- + Chính trị học (Trường KHXH Nhân văn: Hệ thống chính trị Việt Nam)
- + XHH đại cương
- + Cơ sở văn hoá Việt Nam
- + Tâm lý học đại cương

- + Tiếng Việt thực hành (Thực hành văn bản tiếng Việt)
- + Logic học đại cương (Logic học đại cương)
- + Thống kê và xử lý số liệu (Thống kê cho khoa học xã hội)
- + Tin học ứng dụng

Ngoài những tương đồng, chương trình cử nhân XHH tại HVBC&TT có thêm một số môn khác như: Xây dựng Đảng, Nguyên lý công tác tư tưởng, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam nhằm tăng cường thực hiện mục tiêu chung đã đặt ra về lập trường tư tưởng đặc thù đào tạo tại Học viện.

Cả hai chương trình đều xây dựng chương trình học Ngoại ngữ với yêu cầu CDR là B1 (Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung). Tuy nhiên chương trình của HVBC&TT có 4 học phần Ngoại ngữ (tổng số 15 tín chỉ) và nhiều hơn số tín chỉ Ngoại ngữ của trường Nhân Văn (2 học phần và tổng cộng 10 tín chỉ).

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp thuộc chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT và gần tương đồng với khối kiến thức theo nhóm ngành và khối kiến thức ngành (theo cách gọi của chương trình cử nhân XHH thuộc trường KHSHNV). Một điểm khá tương đồng là các môn học thuộc nhóm này của cả hai trường đều được thiết kế với độ dài 3 tín chỉ. Khi đối sánh giữa hai chương trình, tổng số tín chỉ khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp thuộc chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT là 83 tín chỉ/ 133 tín chỉ, chiếm 62,4%. Trong khi đó tổng số tín chỉ trong hai khối kiến thức theo nhóm ngành và khối kiến thức ngành (chương trình cử nhân XHH thuộc trường KHSHNV) là 55 TC/ 137 TC (chiếm 40% tổng chương trình). **[H3.03.02.12.DC]**

Như vậy, trên cơ sở tham khảo chương trình cử nhân XHH thuộc trường KHSHNV, chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT đã tăng thời lượng số tín chỉ giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp hơn khá nhiều so với chương trình của trường KHSHNV, trong đó chủ yếu tăng số tín chỉ giảng dạy (thông thường là 3 - 4 TC/môn thuộc kiến thức giáo dục chuyên nghiệp).

CTĐT cử nhân XHH của HVBC&TT là tập trung vào định hướng và thế mạnh của trường là nghiên cứu truyền thông cũng như sử dụng kết quả nghiên cứu truyền thông trong quản lý, xây dựng kế hoạch truyền thông chính sách, do vậy các môn học tự chọn trong chương trình kiến thức chuyên ngành tập trung hướng SV đến các lựa chọn này: XHH truyền thông đại chúng; XHH với công tác truyền thông; truyền thông chính sách; tổ chức sự kiện; Lý thuyết và kỹ năng truyền thông chính sách; đạo, quản

lý hoạt động tư tưởng, văn hóa. **[H3.03.02.12.DC]**

Một trong những thế mạnh của chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT chú trọng trang bị kỹ năng nghiên cứu, phân tích giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó đã thể hiện ở mục tiêu chung và cụ thể mục tiêu cụ thể PO6 (Có khả năng sử dụng các phương pháp nghiên cứu XHH, làm việc trong môi trường công nghệ cao, thích ứng sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế). Để đáp ứng mục tiêu này, chương trình đã trang bị các môn học trang bị kỹ năng nghiên cứu và phân tích rất bài bản theo trình tự:

- Thiết kế nghiên cứu (Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp) (3 tín chỉ)
- Kỹ thuật thu thập thông tin và kỹ thuật chọn mẫu (Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp) (4 TC)
- Kỹ thuật xử lý thông tin (Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp) (3 TC)

Với các môn học nói trên, SV sẽ từng bước nắm chắc kiến thức và thực hành được các kỹ năng thiết kế, thu thập thông tin và xử lý thông tin, từ đó đưa ra nhận định, phân tích các vấn đề xã hội dựa trên các bằng chứng khoa học và thực tiễn. Đây cũng là thế mạnh giúp SV ra trường có thể hội nhập vào thị trường lao động ngay, tăng cơ hội xin việc làm.

CTDH ngành XHH từ năm 2016 đến nay cũng đã được chỉnh sửa 2 lần vào năm 2018, 2020 xuất phát từ việc yêu cầu phải bắt kịp sự thay đổi về nhu cầu nguồn nhân lực trong xã hội. Các lần thay đổi đó Học viện đều có ban hành các hướng dẫn điều chỉnh sửa đổi CTĐT **[H3.03.01.17.DC]**, **[H3.03.01.18.DC]**, **[H3.03.01.19.DC]**

Quy trình rà soát, cập nhật CTDH được thực hiện như sau:

Bước 1. Định kỳ 2 năm/lần HVBC&TT ban hành kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT **[H3.03.01.17.DC]**, **[H3.03.01.18.DC]**, **[H3.03.01.19.DC]**

Bước 2. Khoa XHH&PT tổ chức họp rà soát, đánh giá lại cấu trúc và nội dung CTDH **[H3.03.03.09]**, căn cứ trên kết quả khảo sát các bên liên quan **[H3.03.01.15.DC, H3.03.01.20.DC]**

Bước 3. Tổ chức hội thảo, tọa đàm xây dựng CTĐT, lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan, bao gồm giảng viên, nhà nghiên cứu, nhà tuyển dụng **[H3.03.03.05DC]**, **[H3.03.01.13.DC]**, **[H3.03.01.20.DC]** đối sánh với CTĐT cùng ngành trong nước và quốc tế **[H3.03.02.12.DC]** **[H3.03.02.13.DC]**

Bước 4. Điều chỉnh, cập nhật CTDH và thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa XHH&PT và nghiệm thu bởi Hội đồng nghiệm thu của Học viện **[H3.03.01.19.DC]**;

Bước 5. Giám đốc HVBCCTT ra quyết định ban hành CTDH; CTDH sau khi được nghiệm thu công khai cho các bên liên quan và đưa vào sử dụng [H3.03.02.07.DC].

Các ý kiến góp ý được xem xét, phân tích kỹ lưỡng trước khi đưa vào nội dung điều chỉnh chính thức. Dưới đây là cấu trúc CTĐT được chỉnh sửa qua các năm:

Bảng 3.3: Cấu trúc chương trình ngành XHH năm 2016, 2018, 2020

Khối kiến thức	Năm		
	2016	2018	2020
Khối kiến thức giáo dục đại cương	59 tín chỉ	47 tín chỉ	47 tín chỉ
- Khoa học Mác-Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	13 tín chỉ	11 tín chỉ	11 tín chỉ
- Khoa học xã hội và nhân văn	25 tín chỉ	15 tín chỉ	18 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>15 tín chỉ</i>	<i>9 tín chỉ</i>	<i>9 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>10/20 tín chỉ</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Toán và khoa học tự nhiên	6 tín chỉ	6 tín chỉ	6 tín chỉ
- Ngoại ngữ	15 tín chỉ	15 tín chỉ	12 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	69 tín chỉ	83 tín chỉ	83 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành	17 tín chỉ	22 tín chỉ	22 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>11 tín chỉ</i>	<i>16 tín chỉ</i>	<i>16 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/12 tín chỉ</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Kiến thức ngành và chuyên ngành	30 tín chỉ	25 tín chỉ	25 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>24 tín chỉ</i>	<i>19 tín chỉ</i>	<i>19 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/12 tín chỉ</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Kiến thức chuyên ngành (2018,2020 tách riêng KT ngành và CN)		18 tín chỉ	18 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>		<i>15 tín chỉ</i>	<i>15 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>		<i>3/9 tín chỉ</i>	<i>3/9 tín chỉ</i>
- Kiến thức bổ trợ	10 tín chỉ	7 tín chỉ	7 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>8 tín chỉ</i>	<i>4 tín chỉ</i>	<i>4 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>2/8 tín chỉ</i>	<i>3/9 tín chỉ</i>	<i>3/9 tín chỉ</i>
- Kiến tập	2 tín chỉ	2 tín chỉ	2 tín chỉ
- Thực tập nghề nghiệp	3 tín chỉ	3 tín chỉ	3 tín chỉ
- Khóa luận/tác phẩm tốt nghiệp	7 tín chỉ	6 tín chỉ	6 tín chỉ
Tổng	128 tín chỉ	130 tín chỉ	130 tín chỉ

MC qua xử lý [H3.03.01.03.DC, H3.03.01.04.DC, H3.03.01.05.DC]

Từ các bảng cấu trúc chương trình các năm 2016, 2018, 2020 có thể thấy sự thay đổi nhất định theo thời gian [**H3.03.01.03.DC**, **H3.03.01.04.DC**, **H3.03.01.05.DC**]

+ Điểm nổi bật nhất CTĐT năm 2018, 2020 thay đổi so với CTĐT năm 2016 là khối lượng kiến thức khối giáo dục đại cương giảm đáng kể từ 59 tín chỉ xuống còn 47 tín chỉ (giảm 12 tín chỉ), đồng thời số tín chỉ khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tăng từ 69 lên 83 tín chỉ (tổng số lượng tín chỉ của chương trình năm 2018, 2020 tăng thêm 2 tín chỉ so với 2016). Khối lượng tín chỉ khối kiến thức giáo dục đại cương giảm xuống là do khoa điều chỉnh giảm các môn học Khoa học Mác-Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (giảm 2 tín chỉ); các môn khoa học Xã hội nhân văn (giảm 10 tín chỉ).

+ Năm 2020, theo yêu cầu của nhà trường, kết cấu các khối kiến thức thay đổi do sắp xếp lại. Nhưng về cơ bản số môn học cũng như số tín chỉ trong từng khối kiến thức không có sự thay đổi đáng kể do năm 2018 đã điều chỉnh khá hợp lý so với năm 2016. Những thay đổi chủ yếu là: thêm môn Thực tế kinh tế- chính trị xã hội (2 tín chỉ).

Năm 2018, sự thay đổi nhiều hơn thuộc về các môn tự chọn. Những sự thay đổi nói trên xuất phát từ nhu cầu của người học và để đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động.

Các điều chỉnh ở trên được căn cứ vào quy định về việc xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTDH [**H3.03.01.17.DC**, **H3.03.01.18.DC**, **H3.03.01.19.DC**] dựa trên sự góp ý của các bên liên quan. Sau khi xây dựng CTDH, Khoa XHH&PT yêu cầu các giảng viên hoàn thiện đề cương các học phần theo mẫu mới [**H3.03.02.01.DC**], [**H3.03.02.02.DC**], [**H3.03.02.03.DC**]. Như vậy, từ 2016 đến nay, CTDH được điều chỉnh 2 lần bình quân 2 năm /lần tương ứng với những lần điều chỉnh CĐR vào các năm 2018, 2020.

CTDH ngành XHH với 130 TC trong thời gian 8 học kì tương đương 4 năm học đã tích hợp được các kiến thức từ giáo dục đại cương đến kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Việc bố trí các học phần theo từng kì học một cách hợp lý giúp người học dần dần đạt được CĐR theo yêu cầu. Bởi, mỗi khối kiến thức, mỗi học phần trong từng khối kiến thức đều tập trung hướng đến những mục tiêu và gắn với CĐR cụ thể. Cùng với đó, các học phần trong kiến thức đào tạo cũng có mối liên hệ, gắn kết nhất định thể hiện rõ ràng ở sự phân chia các khối kiến thức, nhóm kiến thức trong nội dung kiến thức đào tạo. Sự phân định đó làm tiền đề quan trọng cho việc phát triển nội dung kiến thức đào tạo của CTĐT cao học trong tương lai.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành XHH có cấu trúc rõ ràng, hợp lý giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, giữa khối kiến thức bắt buộc và tự chọn. CTĐT được thiết kế đảm bảo sự logic về cấu trúc cho phép SV có khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đáp ứng yêu cầu thực tế về nhân lực của xã hội.

CTDH được xây dựng, rà soát, điều chỉnh, cập nhật và có tính tích hợp dựa trên kết quả đánh giá của các bên liên quan (người học, nhà tuyển dụng, các chuyên gia) và tham khảo, cập nhật CTĐT của các trường có uy tín trong nước, quốc tế và được điều chỉnh qua các năm, phù hợp với nhu cầu xã hội, nhu cầu đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Sự phối kết hợp phương pháp dạy học thực hành giữa các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp còn chưa cao dẫn tới việc SV đi thực hành môn học chưa phát huy hết kỹ năng được trang bị.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa XHH&PT sẽ tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm xây dựng kế hoạch thực hành đối với các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng mạng lưới các cơ sở cho SV đi thực địa.

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành XHH được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT, đảm bảo tính cân đối và logic giữa các học phần. Mỗi học phần trong CTDH thể hiện rõ sự tương thích về nội dung, tổ hợp phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR.

CTDH của ngành XHH đã thể hiện tính logic, cấu trúc hợp lý và tính tích hợp giữa các học phần. Các học phần được bố trí hợp lý về điều kiện tiên quyết, thời lượng, thời điểm. Đồng thời, các học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành đảm bảo chương trình trở thành khối thống nhất.

CTDH thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của đào tạo, yêu cầu CĐR và đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Nội dung cập nhật trong

CTDH được dựa trên những kết quả khảo sát các đối tượng liên quan và các góp ý của các nhà khoa học trong lĩnh vực XHH, đối sánh với các CTĐT ngành XHH của các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, sự phối kết hợp phương pháp dạy học thực hành giữa các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp còn chưa cao dẫn tới việc SV đi thực hành môn học chưa phát huy hết kỹ năng được trang bị. Theo đó, từ năm 2021, Khoa XHH&PT sẽ tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm xây dựng kế hoạch thực hành đối với các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng mạng lưới các cơ sở cho SV đi thực địa.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí, cả 3 đều đạt và điểm trung bình đạt 5/7 điểm

TIÊU CHUẨN 4

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dạy và học trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo, Khoa XHH&PT luôn coi trọng việc xây dựng chiến lược dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, giảng viên đóng vai trò dẫn dắt, truyền cảm hứng học tập và phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của sinh viên. Các giảng viên trong Khoa luôn nỗ lực hết mình triển khai các phương pháp giảng dạy tích cực, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo chất lượng đầu ra được nhà tuyển dụng đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Mục tiêu giáo dục của Học viện và Khoa XHH&PT [H4.04.01.01.DC], [H4.04.01.02.DC] được thể hiện qua sứ mạng của Học viện và được đề cập cụ thể trên Website của Học viện [H4.04.03.DC], đó là “nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác”. Mục tiêu này phù hợp với Luật Giáo dục [H4.04.01.04]. Đặc điểm của nguồn nhân lực chất lượng cao là nguồn nhân lực có trình độ học vấn và chuyên môn giỏi và có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi nhanh chóng của quốc tế và thời đại, có khả năng đáp ứng được với công việc của đơn vị, tổ chức trong cả hiện tại và tương lai; có sức khỏe và phẩm chất tốt, có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức, những kỹ năng đã được đào tạo vào quá trình phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lý luận chính trị và báo chí, truyền thông. Mục tiêu này đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng và vai trò của HVBC&TT là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

Đối với CTĐT ngành XHH, mục tiêu đào tạo của ngành là đào tạo cử nhân ngành XHH hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề xã hội, truyền thông và văn hóa tư tưởng, có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, làm việc trong môi trường công nghệ cao, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và

hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng; có đạo đức nghề nghiệp; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời. Ngoài ra cử nhân XHH còn được trang bị kiến thức, kỹ năng về ngoại ngữ [H4.04.01.05], tin học [H4.04.01.05], đáp ứng nhu cầu công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp. Điều này được thể hiện rõ ràng trong CTĐT [H4.04.01.07.DC], chiến lược phát triển của Khoa XHH&PT [H4.04.01.02.DC] và chiến lược của Học viện [H4.04.01.01.DC]

Để thực hiện mục tiêu giáo dục này, toàn bộ các học phần hiện nay trong CTĐT của ngành XHH được xây dựng dựa trên thực tế nhu cầu xã hội, nằm trong chủ trương điều chỉnh của Học viện nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ, thể hiện trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình [H4.04.01.08.DC].

Cụ thể CTĐT năm 2020 với tổng số tín chỉ là 130 tín chỉ (chưa tính đến các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh). Cụ thể: Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 47 tín chỉ, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 83 tín chỉ, trong đó: Kiến thức cơ sở ngành: gồm 22 tín chỉ chiếm 16,92%; kiến thức ngành gồm 25 tín chỉ chiếm 19,23%; kiến thức bổ trợ gồm 7 tín chỉ chiếm 5,38%; kiến thức chuyên ngành gồm 29 tín chỉ chiếm 22,31%) [H4.04.01.07.DC]. Cấu trúc này đảm bảo đào tạo được cử nhân XHH có trình độ, có kiến thức, kỹ năng, đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học xã hội.

Để giới thiệu và phổ biến rộng rãi mục tiêu đào tạo của ngành XHH Học viện đã công bố mục tiêu giáo dục trên website [H4.04.01.09], trên fanpage của Khoa XHH&PT [H4.04.01.10], trong buổi Livestream truyền thông của khoa năm 2020 [H4.04.01.10], tại các buổi gặp mặt đầu khóa [H4.04.01.11]. Tại các buổi "*Truyền thông tuyển sinh*" tổ chức hàng năm, các thông tin về mục tiêu đào tạo, cơ hội việc làm, vị trí việc làm của SV ngành XHH được làm thành các tờ rơi nhằm truyền tải và phổ biến rộng rãi các thông tin về mục tiêu đào tạo của ngành đến các nhà tuyển dụng, các em SV [H4.04.01.12]. Bên cạnh đó, Khoa XHH&PT đã thực hiện việc truyền tải mục tiêu giáo dục này thông qua các buổi Hội thảo khoa học trong đó có sự tham gia của các nhà khoa học, đơn vị, các sinh viên, học viên và các giảng viên của Khoa [H4.04.01.13], qua các đề tài khoa học mà khoa đã hướng dẫn SV thực hiện [H4.04.01.14].

CTĐT ngành XHH đã thực hiện rà soát, cập nhật mục tiêu, vào năm 2016, 2018, 2020 [H4.04.01.15.DC, H4.04.01.16.DC, H4.04.01.08.DC]. Sự thay đổi trong CTĐT và mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành XHH được thể hiện như sau: Năm 2020, mục tiêu tổng quát CTĐT nhấn mạnh năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lý luận chính trị; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ; có khả năng học tập suốt đời. Đồng thời để đánh giá mức độ phổ biến mục tiêu đào tạo, Học viện cũng tiến hành khảo sát nhà tuyển dụng về mục tiêu đào tạo ngành [H4.04.01.17].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của ngành XHH đã được thể hiện trong chiến lược phát triển của khoa dựa trên chiến lược phát triển Học viện và được thể hiện rõ trong phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, các hoạt động nghiên cứu khoa học của SV và được phổ biến tới các bên liên quan. Đội ngũ cán bộ giảng viên và viên chức nắm rất rõ mục tiêu giáo dục và thống nhất hành động để hiện thực hóa mục tiêu này.

3. Điểm tồn tại

Việc phổ biến mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan chưa có điểm nhấn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa XHH&PT phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Ban QLĐT xây dựng kế hoạch truyền thông trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục của chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

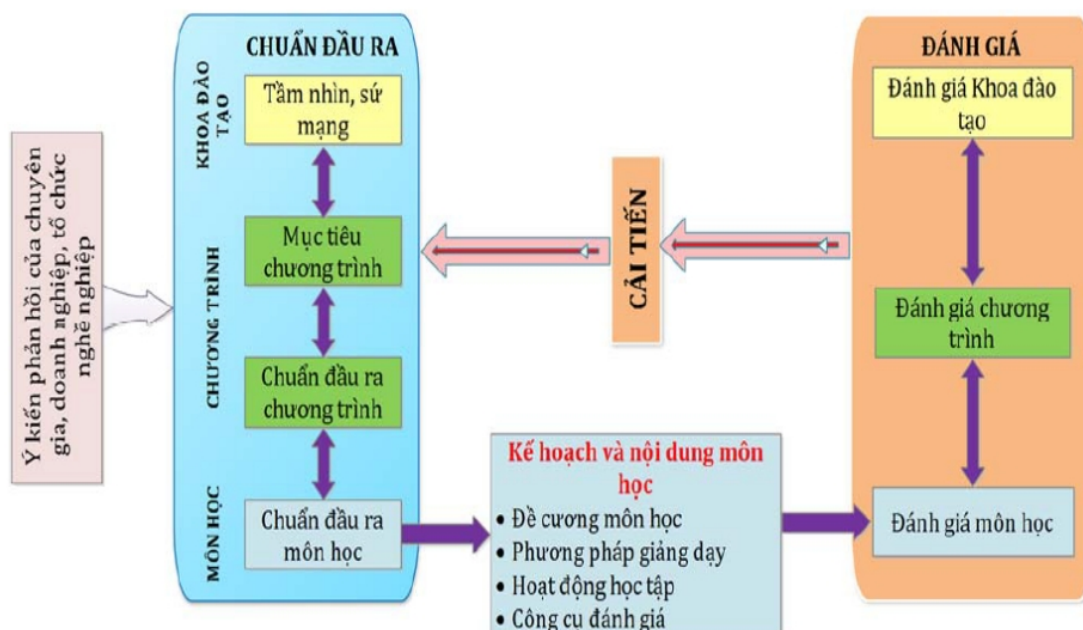
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

Mô tả

Chiến lược giảng dạy và học tập của ngành XHH là tiếp cận giáo dục dựa trên CĐR, ở cấp độ chương trình, từ CĐR mong đợi của CTĐT đến CĐR môn học. Dựa trên CĐR này xây dựng chương trình dạy học thông qua đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và hình thức kiểm tra, đánh giá [H4.04.02.01.DC, H4.04.02.02.DC, H4.04.02.03.DC]

Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá

chương trình để cải tiến chuẩn đầu ra chương trình [H4.04.01.08.DC](Sơ đồ 1)



Sơ đồ 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của ngành XHH

Với mục tiêu đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy đam mê học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

Nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục, năm 2020 CĐR của ngành XHH học gồm 13 mục, được mô tả rõ ràng, bao quát các yêu cầu kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành XHH, Mác - Lênin; yêu cầu về kỹ năng chung; kỹ năng chuyên ngành cùng với yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm [H4.04.02.07.DC].

Khi thiết kế CTĐT, Khoa XHH&PT đã xây dựng bảng ma trận thể hiện sự tương thích giữa CĐR và phương pháp dạy học, đảm bảo các phương pháp dạy học trong CTĐT hướng tới đạt CĐR [H4.04.02.04.DC].

Các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong CTĐT có sự đa dạng, phù hợp để đạt CĐR. Sự đa dạng, phù hợp của các phương pháp trong CTĐT hướng tới CĐR được thể hiện như sau [H4.04.02.05.DC], [H4.04.02.03.DC]:

- Các phương pháp dạy học tương tác bao gồm các phương pháp thuyết giảng tương tác và phương pháp thảo luận nhóm. Phương pháp thuyết giảng tương tác là phương pháp kết hợp thuyết trình (truyền thống) với các phương pháp dạy học tích cực như nêu vấn đề, tình huống, hỏi đáp, phỏng vấn nhanh, sàng lọc phiếu.

Phương pháp thảo luận nhóm giúp các SV bày tỏ suy nghĩ, quan điểm của mình, phát huy tính độc lập, sáng tạo của sinh viên. Các SV có thể chia sẻ kinh nghiệm,

thông tin với nhau để hoàn thiện hơn kiến thức của mình. Sử dụng phương pháp này sẽ tăng cường hoạt động tập thể, phát triển năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo và các kỹ năng mềm khác.

Các phương pháp nghiên cứu tình huống (Case study) và giải quyết vấn đề sử dụng các tình huống cụ thể về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội và tình huống dạy học. Phương pháp này giúp người học đạt được CĐR như: nhận định và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội liên quan đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; giải quyết các tình huống trong giảng dạy xã hội học [H4.04.02.03.DC].

Các phương pháp dạy học trải nghiệm, bao gồm các phương pháp dạy học thực hành, kiến tập, thực tế chính trị - xã hội, và thực tập nghề nghiệp [H4.04.02.06] nhằm hướng tới phát triển các năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, các kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, và các kỹ năng mềm khác.

Phương pháp SV thuyết trình giúp người học tự tin, phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy phân tích, phản biện; kỹ năng làm việc nhóm [H4.04.02.04.DC]

Những phương pháp này không chỉ giúp người học đạt được CĐR về kiến thức mà còn đạt được CĐR về kỹ năng như: phân tích, phản biện, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và tư duy sáng tạo và CĐR về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm.

Việc chuẩn bị và tổ chức bài giảng dùng các phương tiện giảng dạy hiện đại như máy chiếu đã được Học viện trang bị trên tất cả các phòng học, giảng đường. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên đưa vào nhiều hình ảnh liên hệ thực tế, hoặc biểu đồ, sơ đồ, video, các mô hình để bài giảng sinh động, thu hút với sinh viên.

Để có phương pháp giảng dạy và vận dụng linh hoạt cho SV nói trên giảng viên trong khoa đều được đào tạo thông qua các lớp tập huấn, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và phương pháp giảng dạy hiện đại. Tham gia các đợt thi chuyên môn, giảng viên giỏi đạt chất lượng cao [H4.04.02.07].

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng sinh viên, chẳng hạn SV năm thứ nhất khi học các học phần khoa học Mác - Lênin thì phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết giảng tương tác, thảo luận nhóm để giúp SV dễ dàng hiểu kiến thức một cách có hệ thống. Đối với, các học phần thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành, ngoài phương pháp thuyết giảng tương tác, thảo luận nhóm, giảng viên vận dụng nhiều phương pháp khác như: giải quyết vấn đề, tình huống, dự án sản phẩm, thực tế, thực tập để phát huy

năng lực tự học, nghiên cứu, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm, tư duy sáng tạo, phản biện, kỹ năng thuyết trình và phân tích, giải quyết vấn đề và vận dụng lý luận vào thực tiễn [H4.04.02.08].

Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV được thực hiện: Từ học kỳ nào, ở những học phần nào SV được tham gia hoạt động nghiên cứu; SV được tham gia NCKH từ năm thứ hai với số lượng khoảng 30% SV tham gia [H4.04.02.14.DC, H4.04.02.09, H4.04.02.10]. Bản hướng dẫn thực hiện chiến lược dạy và học cho CTĐT ngành XHH được thiết kế nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu theo CDR.

Không chỉ học tập lý thuyết trên lớp, SV thường xuyên được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học [H4.04.02.14.DC, H4.04.02.09, H4.04.02.10], hoạt động ngoại khóa, khảo sát thực tế [H4.04.02.06], bên cạnh đó, năm 2020 do dịch Covid – 19 diễn biến phức tạp ở Việt Nam và trên thế giới, Học viện đã nhanh chóng ban hành Quy chế dạy học trực tuyến qua phần mềm Microsoft Teams [H4.04.02.11, H4.04.02.12]. Ban QLĐT đã gửi lịch đăng ký giảng online đến các Khoa để triển khai và theo dõi tiến độ giảng dạy trực tuyến. Việc dạy học trực tuyến đã giúp cho Học viện và Khoa đảm bảo tiến độ CTĐT của năm, đồng thời các hình thức kiểm tra đánh giá cũng được thực hiện linh hoạt. Hình thức thi viết được chuyển sang hình thức thi tiểu luận, bài tập lớn, vấn đáp online để phù hợp với bối cảnh chung. Khoa đã có 100% giảng viên đăng ký giảng trực tuyến và có giảng viên được khen thưởng về có thành tích trong giảng dạy trực tuyến [H4.04.02.13]. Hiện nay Học viện vẫn tiếp tục chủ trương cho giảng viên đăng ký giảng online 30% số tiết online trên tổng số giờ giảng. Điều này giúp giảng viên và SV chủ động ứng biến trong điều kiện mới và vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học để nâng cao hiệu quả và đáp ứng CDR của CTĐT. SV được kiến tập, thực tập tại địa phương, đáp ứng yêu cầu về các kỹ năng của chương trình và mục tiêu đào tạo. Điều này được thể hiện qua các cuộc khảo sát, đánh giá [H4.04.02.14], [H4.04.02.15.DC].

2. Điểm mạnh

Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu, luôn tích cực, chủ động, sáng tạo, nhiệt huyết. SV tích cực học tập, tham gia nghiên cứu khoa học và các hoạt động ngoại khóa. Các cơ sở thực hành, thực tập đa dạng và sẵn sàng hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Hạn chế về kinh phí nên việc đưa SV đi thực tế mới chỉ giới hạn tại những khu vực lân cận ở Hà Nội. Không gian lớp hơi nhỏ, bàn ghế còn cố định và không thuận tiện cho việc sử dụng đa dạng hoạt động giảng dạy áp dụng các phương pháp tích cực.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021 nhà trường, ban chủ nhiệm khoa và giảng viên phối hợp mở rộng mối quan hệ, xã hội hóa tìm các nguồn kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động trên

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, nhận diện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm [H4.04.01.15.DC, H4.04.01.16.DC, H4.04.01.07.DC].

Nhằm đảm bảo các phương pháp, hoạt động dạy và học trong CTĐT được thiết kế giúp người học đạt được các kỹ năng và năng lực học tập, nghiên cứu suốt đời, Học viện BC&TT đã ban hành Hướng dẫn thiết kế PPDH đạt CĐR [H4.04.03.01]. Căn cứ theo Hướng dẫn, Khoa XHH&PT trong quá trình xây dựng, cập nhật CTĐT đã xác định các PPDH phù hợp hướng tới đạt các CĐR về kỹ năng và năng lực học tập suốt đời [H4.04.02.04.DC, H4.04.01.08.DC].

Các hoạt động dạy và học trong chương trình ngành XHH đa dạng, phù hợp giúp đạt các CĐR về kỹ năng và năng lực học tập suốt đời, cụ thể:

Các hoạt động thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề, SV thuyết trình, báo cáo rèn luyện Kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm [H4.04.02.03.DC]. Hoạt động thực hành giúp phát triển các kỹ năng chuyên ngành, bao gồm kỹ năng dạy học XHH, kỹ năng nghiên cứu các vấn đề xã hội [H4.04.02.03.DC].

Hoạt động trải nghiệm thực tế, hoạt động thực tế chính trị xã hội, hoạt động câu lạc bộ ngoại khoá giúp SV phát triển các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, vận dụng lý luận vào thực tiễn, tư duy logic, phản biện [H4.04.02.03.DC].

Hoạt động động dự án, thực tập, khóa luận phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng dạy học, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng học nghiên cứu...

[H4.04.02.03.DC].

Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH và thực tập, thực tế đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề thực tiễn [H4.04.02.03.DC, H4.04.01.14.DC].

Tất cả đề cương chi tiết các môn học cho SV ngành XHH năm 2020 [H4.04.02.03.DC] đều nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Đề cương mỗi môn học đều có phần hướng dẫn tự học của học phần nhằm hướng dẫn SV tự học, thời lượng tự học được tính theo công thức: 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết, 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết, giờ tự học = giờ lý thuyết x 2 + giờ thực hành x 0,5). Định hướng phát triển kỹ năng học tập suốt đời qua các học phần đại cương, ngành, chuyên ngành ntn (vd: các học phần ngành, chuyên ngành đòi hỏi thời lượng tự học, tự nghiên cứu nhiều hơn qua các hoạt động thảo luận chuyên đề, hình thức kiểm tra đánh giá là tiểu luận/dự án đòi hỏi SV thể hiện khả năng nghiên cứu chuyên sâu). Đặc biệt trong học phần thực tế, thực tập hoặc tốt nghiệp chuyên ngành XHH đều có các nội dung mở, hướng người học áp dụng các kiến thức đã được trang bị để tự lựa chọn các chuyên đề khóa luận tốt nghiệp.

Về hoạt động giảng dạy, giảng viên dành thời gian trên lớp truyền đạt các kiến thức nền tảng, đồng thời giải đáp thắc mắc và định hướng cho SV tìm hiểu thêm qua hệ thống tham khảo trên thư viện Học viện hoặc kho dữ liệu cá nhân của chính các giảng viên. Các kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng đặt vấn đề - giải quyết vấn đề với nguồn tài nguyên kiến thức trực tuyến thông qua đó được hình thành và giúp cho người học rất nhiều cho quá trình làm việc sau này.

Để lấy ý kiến phản hồi của người học về các phương pháp giảng dạy của giảng viên có giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, sau khi kết thúc 1 môn học, TTKT&KĐCLĐT đều thực hiện khảo sát đánh giá của SV đối với giảng viên [H4.04.03.02]. SV ngành XHH được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô [H4.04.01.14.DC].

Hàng năm, Học viện đều tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao kỹ năng mềm cho SV của Khoa và toàn trường nhằm rèn luyện các kỹ năng tự học, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình. Tất cả các kỹ năng này sẽ giúp SV nâng cao khả năng tự học suốt đời.

Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, SV được tiếp cận với nhiều phương pháp giảng dạy đa dạng; ngoài ra CTĐT của ngành được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo, thường xuyên cập nhật nội dung thực tế, kết hợp lý thuyết và thực hành theo tỷ lệ phù hợp, SV được tham gia đóng vai là nhà XHH để giải quyết vấn đề xã hội. Chú trọng nâng cao các kỹ năng về tin học và ngoại ngữ của SV để đảm bảo đạt chuẩn đầu ra, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp cho SV sau khi tốt nghiệp.

Các hoạt động dạy và học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học như đã công bố.

3. Điểm tồn tại

Còn một bộ phận SV chưa tích cực tham gia vào hoạt động chung của Khoa và Học viện do yếu tố khách quan như việc SV vừa học vừa làm (làm thêm không đúng chuyên ngành, chuyên môn). Không gian lớp hơi nhỏ, bàn ghế còn cố định và không thuận tiện cho việc sử dụng đa dạng hoạt động giảng dạy áp dụng các phương pháp tích cực.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa XHH&PT tiếp tục mở rộng mạng lưới cựu SV, liên kết với các đơn vị tuyển dụng để tìm nguồn thông tin về việc làm phù hợp với ngành học đăng tải trên trang page của khoa giúp cho SV vừa có cơ hội thực hành nghề nghiệp vừa có cơ hội tăng thu nhập.

Với từng môn học, giảng viên của Khoa sẽ tiến hành khảo sát ý kiến người học trước và sau khi kết thúc môn học để kịp thời nắm bắt được nhu cầu, phản hồi về nội dung, phương pháp giảng dạy để điều chỉnh cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 6/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 4

Mục tiêu giáo dục Khoa XHH&PT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến công khai tới các bên liên quan bằng nhiều cách thức khác nhau từ trực tiếp đến gián tiếp. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với CDR, thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Phương pháp tiếp cận dạy và học theo CTĐT ngành XHH được thực hiện đúng theo quy định của BGD&ĐT và Nhà trường, được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc phổ biến mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan chưa có điểm nhấn. Bên cạnh đó, do hạn chế về kinh phí nên việc đưa SV đi thực tế mới chỉ giới hạn tại những khu vực lân cận ở Hà Nội. Không gian lớp học hơi nhỏ, bàn ghế còn cố định và không thuận tiện cho việc sử dụng đa dạng hoạt động giảng dạy áp dụng các phương pháp tích cực. Còn một bộ phận SV chưa tích cực tham gia vào hoạt động chung của Khoa và Học viện do yếu tố khách quan như việc SV vừa học vừa làm (làm thêm không đúng chuyên ngành, chuyên môn).

Để khắc phục các tồn tại trên, từ năm 2021 Khoa XHH&PT phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Ban QLĐT xây dựng kế hoạch truyền thông trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục của chương trình đào tạo. Đồng thời Khoa tiếp tục mở rộng mạng lưới cựu SV, liên kết với các đơn vị tuyển dụng để tìm nguồn thông tin về việc làm phù hợp với ngành học đăng tải trên trang page của khoa giúp cho SV vừa có cơ hội thực hành nghề nghiệp vừa có cơ hội tăng thu nhập.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, cả 3 tiêu chí đạt điểm trung bình là 5/7

TIÊU CHUẨN 5

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Nhà trường, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học CTĐT ngành XHH được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được của chuẩn đầu ra, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành đều được thông báo công khai tới người học thông qua Sổ tay SV lúc mới nhập học. SV cũng có thể tìm hiểu thông tin về các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học thông qua đề cương chi tiết của các học phần được đăng tải trên website của Trường, trên page của Khoa. Khi bắt đầu học các học phần trong CTĐT ngành, người học được các giảng viên thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá được sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Để đánh giá kết quả học tập của người học, việc đó được thể hiện trong quy chế tuyển sinh chung [H5.05.01.01.DC, H5.05.01.02.DC], thiết kế điểm chuẩn theo ngành xã hội học [H5.05.01.03], chương trình đào tạo bậc cử nhân ngành XHH [H5.05.01.04.DC], [H5.05.01.05.DC], [H5.05.01.06.DC], quy định công tác khảo thí [H5.05.01.07.DC], giới thiệu trong buổi gặp mặt đầu khóa [H5.05.01.08.DC]. Mỗi SV khi nhập trường đều được phát 01 cuốn sổ tay SV trong đó có nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm, xếp loại [H5.05.01.09.DC], được đăng tải trên website của nhà trường [H5.05.01.11.DC]. Ngoài ra, ngay khi bắt đầu mỗi học phần các giảng viên chủ động cung cấp cho SV đề cương chi tiết của học phần, trong đó cũng nêu rõ

cách đánh giá: tỷ trọng điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, bài tập, bài thi kết thúc học phần [H5.05.01.10.DC]. Để đạt được các mục tiêu, CDR của CTĐT ngành XHH, Học viện đã triển khai nhiều hoạt động kiểm tra đánh giá người học. Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của BGD&ĐT, Học viện đã ban hành quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá người học trong quá trình đào tạo, thi các học phần thay thế tốt nghiệp và chấm khóa luận tốt nghiệp.

Để hoàn thành chương trình học tập ngành XHH, SV phải tích lũy đủ 130 tín chỉ của chương trình [H5.05.01.06.DC]. Điểm đánh giá học phần được quy định rõ trong các Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC]. Điểm đánh giá học phần bao gồm điểm quá trình: điểm A về đánh giá ý thức của SV trong quá trình học từ tham gia đầy đủ các buổi lên lớp, tích cực đóng góp xây dựng bài, điểm B là điểm các bài kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ hay tiểu luận và điểm C là điểm thi kết thúc học phần. Các bài kiểm tra, tiểu luận và bài thi đánh giá kiến thức SV thu nhận được và kỹ năng hình thành được từ các học phần. Cụ thể, tỷ trọng của các điểm thành phần A, B, C lần lượt là 0,1, 0,3 và 0,6. Điểm đánh giá học phần được chuyển sang thang điểm chữ và thang điểm 4 được quy định trong các quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ nêu trên. Các quy định về số lượng các đầu điểm, tỷ trọng các điểm thành phần của học phần được quy định rõ trong 100% đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.10.DC].

Việc lựa chọn các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ngành XHH được xác định theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng Chuẩn đầu ra của Học viện [H5.05.01.12.DC]. Theo đó, xuất phát từ CDR của CTĐT, Khoa XHH &PT lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp để có thể đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra [H5.05.01.13.DC].

Bảng 5.1: Ma trận chuẩn đầu ra - Hình thức kiểm tra đánh giá

TT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	Đánh giá thường xuyên													
1	Kiểm tra chuyên cần	x	x	x	x									

2	Bài tập về nhà	x	x	x	x			x	x	x			x	x	x
3	Làm việc nhóm	x	x	x	x									x	
B	Đánh giá tổng kết														
4	Kiểm tra khách quan: <i>Câu hỏi trắc nghiệm/câu hỏi ngắn</i>														
5	Kiểm tra viết tự luận		x	x	x	x			x				x	x	
6	Kiểm tra vấn đáp		x	x	x	x	x						x	x	
7	Thuyết trình			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
8	Tiểu luận		x		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
9	Bài tập lớn: <i>Nghiên cứu trường hợp, sản phẩm, dự án, thao diễn</i>					x	x		x	x	x	x	x	x	x
10	Khoá luận/sản phẩm tốt nghiệp			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong CTĐT năm 2020:

- Kiểm tra viết tự luận: 37/67, chiếm 55.2 %, nhằm đánh giá kiến thức, kỹ năng phân tích, lập luận, kỹ năng giao tiếp **[H5.05.01.14]**.

- Kiểm tra vấn đáp: 13/67, chiếm 19,4%, nhằm đánh giá kiến thức, kỹ năng phân tích, lập luận, kỹ năng giao tiếp **[H5.05.01.15]**.

- Kiểm tra Bài tập lớn: 11/67 chiếm 16,4%, nhằm đánh giá kiến thức, kỹ năng phân tích, tổng hợp, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tự nghiên cứu **[H5.05.01.16]**

- Bài tập thực hành, sản phẩm: 1/67 chiếm 1,49 %, nhằm đánh giá các kỹ năng nghiệp vụ như giảng dạy, biên tập báo chí, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tư duy sáng tạo **[H5.05.01.17]**.

- Báo cáo thực tế: 2/67 chiếm 2,98%, nhằm đánh giá khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng **[H5.05.01.18]**.

- Đánh giá cuối khóa bao gồm Khóa luận tốt nghiệp: 1/67 chiếm 1,49%, nhằm đánh giá kiến thức, kỹ năng phân tích, tổng hợp và ứng dụng thực tiễn **[H5.05.01.19.DC]**.

Căn cứ theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR của HVBC TT, các giảng viên lựa chọn phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá phù

hợp với CDR của học phần **[H5.05.01.12.DC]**. Mỗi ĐCHP đều ghi rõ các phương pháp kiểm tra đánh giá, yêu cầu, tiêu chí đánh giá và có các ma trận thể hiện sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với từng CDR của học phần **[H5.05.01.13.DC]**. Tùy vào đặc thù và mục tiêu của học phần, các hình thức kiểm tra đánh giá được lựa chọn và có thể được kết hợp với nhau để đánh giá kết quả học tập **[H5.05.01.10.DC, H5.05.01.20.DC]**

Học viện đã ban hành tài liệu hướng dẫn về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng đề thi chi tiết và khoa học **[H5.05.01.21, H5.05.01.22.DC]**. Trên cơ sở đó, các bộ môn chủ động thiết kế ngân hàng đề thi gồm các nhóm câu hỏi dễ, trung bình và khó tương ứng với 6 cấp bậc tư duy trong thang cấp độ, tư duy của Bloom: Nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. Mỗi đề thi bao gồm các câu hỏi của cả ba nhóm từ dễ đến khó ở trên. Với cách thức này, công tác thi, kiểm tra đánh giá được mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn, cũng như kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề của người học. Hàng năm, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có các báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm về công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá **[H5.05.01.23]**.

SV đủ điều kiện được giao đề tài khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế tốt nghiệp khi hoàn thành toàn bộ các học phần, tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình đào tạo và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy chế đào tạo đại học. Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp giúp đánh giá việc SV áp dụng kiến thức chuyên sâu chuyên ngành XHH vào thực tiễn kinh tế - chính trị - xã hội đất nước đồng thời đánh giá được khả năng làm việc, nghiên cứu độc lập của sinh viên. Khóa luận tốt nghiệp được đánh giá thông qua: điểm đánh giá quá trình làm khóa luận, điểm chấm khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo quy chế, quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.01.DC]**; **[H5.05.01.19.DC]**.

Quy định về xét công nhận tốt nghiệp cho SV trước khi ra trường được quy định rõ trong quy chế, quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.01.DC]**. SV phải tích lũy đủ số học phần và khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo với 130 tín chỉ, điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa đạt ≥ 2.0 , có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học **[H5.05.01.06.DC]**, **[H5.05.01.24]**, **[H5.05.01.25]**, **[H5.05.01.26]**. Quy trình xét công nhận tốt nghiệp cho người học được thực hiện theo các bước:

Bước 1, Sau khi có kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi các học phần thay

thể tốt nghiệp, Ban QLĐT tổng hợp bảng kết quả học tập toàn khóa của sinh viên, rà soát, kiểm tra đối chiếu kết quả chứng chỉ giáo dục quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất, CDR ngoại ngữ, CDR tin học gửi cho các Khoa và các SV để SV được biết và tự kiểm tra, tự đối chiếu.

Bước 2, Sau khi có kết quả phản hồi từ các Khoa, Ban QLĐT trình Hội đồng xét tốt nghiệp của Học viện xét công nhận tốt nghiệp cho SV trong toàn Học viện;

Bước 3, Học viện ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá trong CTĐT ngành XHH được định kỳ rà soát, cải tiến dựa trên sự tham khảo ý kiến các bên liên quan [H5.05.01.27.DC], [H5.05.01.28.DC], [H5.05.01.29]. Sự cải tiến trong công tác kiểm tra đánh giá được thể hiện tăng cường hình thức thi tiểu luận, thuyết trình, báo cáo sản phẩm [H5.05.01.20.DC].

Kết quả khảo sát đánh giá chất lượng môn học dưới hình thức phát phiếu điều tra với SV ngành XHH. SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các hình thức và nội dung kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất đặc thù môn học và nội dung kiểm tra/thi đánh giá tổng hợp được kiến thức và kỹ năng SV phải đạt theo chuẩn đầu ra [H5.05.01.27.DC], [H5.05.01.28.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện, Khoa và các phòng ban liên quan đã rất tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được CDR. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện. Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của SV về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít đặc biệt các môn đại cương. Trọng số điểm chuyên cần chưa hợp lý.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Học viện, TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT phối hợp với các khoa giảng dạy các môn đại cương xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm với tỷ lệ phù hợp đáp ứng tốt CDR. Đồng thời Khoa phối hợp với Ban QLĐT, TTKT&KĐCLĐT đề xuất điều chỉnh trọng số điểm chuyên cần tăng từ 10% lên 20%.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Hiện nay các quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá người học trong quá trình đào tạo, thi các học phần thay thế tốt nghiệp và chấm khóa luận tốt nghiệp được nêu rõ trong quy chế, quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC, H5.05.01.02.DC], trong quy định của khảo thí về kiểm tra đánh giá [H5.05.02.01.DC], trong đề cương chi tiết các học phần [H5.05.01.10.DC]. Các quy định này được công bố công khai trong sổ tay SV [H5.05.01.09.DC], trên website Học viện [H5.05.01.11.DC]. Kế hoạch về thời gian thi tuyển sinh đầu vào, thi kết thúc học phần, thi các học phần thay thế tốt nghiệp đều được đăng tải trên website của Học viện [H5.05.02.02] và được gửi đến các Khoa [H5.05.02.03]. Ngoài ra, sau khi nhận được các thông báo này của Học viện, Khoa cũng thông báo đến SV của khoa [H5.05.02.04]. Cụ thể, mỗi SV được đăng ký từ 14 - 25 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khoá học, đối với những SV được xếp hạng học lực bình thường; từ 10 - 13 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khoá học, đối với những SV đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Mỗi học kỳ SV có 12-16 tuần học đối với các môn 3 tín chỉ và 8-9 tuần học đối với các môn 2 tín chỉ, tùy thuộc vào tỉ lệ lý thuyết và thực hành của mỗi học phần. Sau khi kết thúc thời gian học SV bắt đầu vào kỳ thi học kỳ. Trong đó thời gian ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất 2/3 ngày cho 1 tín chỉ [H5.05.01.01.DC].

Điểm đánh giá học phần được tính theo công thức $0,1A+0,3B+0,6C$. Trong đó A, B, C là các điểm thành phần được quy định trong các quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01.DC], trong đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.10.DC]. Tỷ trọng của các điểm A, B, C lần lượt là 0,1, 0,3 và 0,6. Điểm đánh giá học phần được chuyển sang thang điểm chữ và thang điểm 4 được quy định trong các quy chế và quy định nêu trên. Tất cả đề cương các học phần đều nêu rõ hình thức kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp,...) và được giảng viên giảng dạy học phần đó cung cấp cho lớp. Ngoài ra, đề cương chi tiết các học phần còn được công bố trên website của Học viện [H5.05.01.11.DC] và được giảng viên công bố công khai với SV trước khi bắt đầu môn học.

Đề thi được quy định đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của người học [H5.05.02.01.DC], [H5.05.02.05]. Đối với các học

phần kiến tập, thực tập, việc đánh giá kết quả học phần của người học được dựa trên các tiêu chí: thời gian kiến tập, thực tập, mức độ tìm hiểu thực tế, thái độ trong quá trình kiến tập, thực tập của người học, báo cáo tổng hợp kết quả thực tập, kiến tập của SV có nhận xét của cơ sở thực tập, kiến tập [H5.05.02.06]. Học viện đã ban hành Quy trình khảo thí kết thúc học phần, có chỉnh sửa, bổ sung định kỳ [H5.05.02.01.DC] và đưa lên website của Học viện [H5.05.02.02]. Việc tổ chức kiểm tra đánh giá, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các học phần và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá. Toàn bộ hoạt động thi, đánh giá kết quả học tập đối với các học phần khảo thí của toàn Học viện TTKT&ĐBCLĐT theo dõi và thường xuyên có các báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá [H5.05.02.07.DC].

Học kỳ cuối khóa, các SV đủ điều kiện được nhận đề tài để làm khóa luận tốt nghiệp [H5.05.02.08], kết thúc thời gian thực hiện đề tài khoá luận tốt nghiệp, được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn, SV phải hoàn thành khoá luận tốt nghiệp và in thành 3 quyển đóng bìa mềm nộp tại khoa chuyên môn sẽ được tổ chấm tốt nghiệp chấm dựa trên các tiêu chí về cấu trúc, nội dung khoá luận, trích dẫn tài liệu tham khảo, câu văn, từ ngữ và thái độ (đối với nhận xét hướng dẫn). Điểm chấm khoá luận của từng thành viên tổ chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm học phần khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp là trung bình cộng điểm của các thành viên trong tổ chấm, làm tròn đến một chữ số thập phân, quy về thang điểm chữ theo quy định. Điểm khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học [H5.05.01.19.DC]. Còn các SV không đủ tiêu chuẩn làm khoá luận tốt nghiệp [H5.05.02.20] hoặc không có mong muốn làm khoá luận tốt nghiệp (phải có đơn và được trưởng khoa đồng ý đề nghị) [H5.05.01.21] phải đăng ký học các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình khung đào tạo của ngành XHH [H5.05.01.04.DC], [H5.05.01.05.DC], [H5.05.01.06.DC]. Qua kết quả khảo sát người học về việc đánh giá kết quả học tập dưới hình thức phát phiếu điều tra có thể thấy năm 2019 - 2020 có 90% số SV được khảo sát hài lòng về quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập [H5.05.02.08]. Qua kết quả khảo sát người học về việc đánh giá kết quả học tập có thể thấy năm 2019 – 2020 có 90% số SV được khảo sát hài lòng về quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập [H5.05.01.27.DC], [H5.05.01.28.DC]. Một số ít SV có kiến nghị về kết quả học tập đã được Học viện giải quyết theo đúng thủ tục quy định, đảm bảo quyền lợi của sinh viên. Kết quả phúc khảo

được thông báo trực tiếp đến từng SV và được thông báo tới Khoa chủ quản và Ban QLĐT [H5.05.02.21].

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của giảng viên và SV, các quy định về đánh giá kết quả học tập ngày càng được hoàn thiện và được thông báo tới người học qua nhiều kênh khác nhau. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành XHH &PT là rõ ràng và được Học viện thông báo công khai tới người học, được giảng viên công bố khi giới thiệu về học phần, đề cương chi tiết của học phần vào đầu môn học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được phổ biến công khai, đặc biệt giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu mỗi môn học, được đăng tải trên website của Học viện nhưng lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT, Khoa XHH&PT (cố vấn học tập và giảng viên) tăng cường thông báo công khai cho SV qua các kênh thông tin nhất là website đào tạo của Học viện và thông qua email SV do Học viện cấp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Trước năm 2016, việc ra đề thi, tổ chức cho thi, chấm thi do TTKT&KĐCLĐT phụ trách việc ra đề, chấm thi và báo cáo điểm. Năm 2018 các học phần thuộc môn đại cương việc ra đề, chấm thi và báo cáo điểm vẫn do TTKT&KĐCLĐT phụ trách; các môn cơ sở ngành và chuyên ngành do các Khoa phụ trách việc ra đề, tổ chức thi, đánh phách và lên điểm trên cơ sở lịch do Ban QLĐT sắp xếp chung cho toàn trường [H5.05.01.01.DC, H5.05.02.01.DC]. Đến nay, công tác này đã có thay đổi rõ rệt. Hiện nay, phương pháp đánh giá KQHT của người học cho các học phần trong CTĐT được ngành XHH tuân thủ theo quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá của Học viện [H5.05.01.22.DC], [H5.05.01.12.DC], [H5.05.01.10.DC].

Các hình thức kiểm tra, đánh giá chủ yếu bao gồm: thi viết, vấn đáp, bài tập lớn, báo cáo [H5.05.01.20.DC]. Hình thức thi của từng học phần được bộ môn tham khảo ý

kiến của các giảng viên giảng dạy và được thống nhất ghi trong đề cương chi tiết các học phần **[H5.05.01.10.DC]**.

Việc thiết kế đề thi của các học phần trong ngành được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn thiết kế câu hỏi và ngân hàng đề thi do Học viện ban hành **[H5.05.01.22.DC]**. Để đảm bảo độ giá trị, các đề thi, bài thi, kiểm tra đều được thiết kế dựa trên CDR của học phần, bao phủ các nội dung kiến thức trọng tâm. Mỗi bài thi, kiểm tra đều nêu rõ yêu cầu, tiêu chí đánh giá **[H5.05.01.10.DC]**, **[H5.05.01.12.DC]**.

Hiện nay, đề thi các học phần được cấu trúc theo CDR môn học (theo các mức độ tái hiện kiến thức, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo). Căn cứ kế hoạch của TTKT&KĐCLĐT, khoa phân công giảng viên xây dựng CSDL ngân hàng đề thi để đánh giá kết quả học tập. Nhóm giảng viên phụ trách môn học sẽ thảo luận về chuyên môn để xây dựng ngân hàng câu hỏi (đối với các môn thi theo hình thức trắc nghiệm) và đề thi (Với các môn thi theo hình thức tự luận) theo cấu trúc trên, sau đó, lấy ý kiến góp ý trong cuộc họp chuyên môn của bộ môn, và tiến hành điều chỉnh (nếu cần thiết) **[H5.05.03.01]**

Sau khi được sự nhất trí của trưởng/phó khoa phụ trách ngành học, ngân hàng câu hỏi và đề thi viết đối với các môn đại cương được chuyển tới TTKT&KĐCLĐT, lựa chọn, in cho các kỳ thi **[H5.05.02.01.DC]**. Bên cạnh cơ sở dữ liệu ban đầu, hàng kỳ, các bộ môn chuyên môn đều có thể bổ sung/ cập nhật/ sửa đổi các cơ sở dữ liệu của các học phần. Quy trình bổ sung/ cập nhật/ sửa đổi cũng được tiến hành tuân tự như trên. Cơ sở dữ liệu đánh giá kết quả học tập của các học phần khảo thí được lưu trữ và quản lý tại Ban QLĐT (bản gốc) và TTKT&KĐCLĐT (bản sao) và toàn bộ dữ liệu về kết quả thi được lưu trữ trên phần mềm QLĐT của Học viện **[H5.05.02.01.DC]**.

Đề thi sử dụng trong kỳ thi được lấy ngẫu nhiên từ cơ sở dữ liệu ngân hàng đề thi, đáp án thông qua phần mềm chuyên dụng với số lượng từ 3 đến 5 đề thi cho mỗi học phần đối với các môn trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Đối với các môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, vì đã có ngân hàng đề thi nên lãnh đạo khoa tổ hợp thành ba đề thi (đối với hình thức thi tự luận) và trước giờ thi lãnh đạo khoa sẽ chọn ra một đề trong ba đề thi đó. Thời gian làm mỗi bài thi viết dao động từ 60 phút đến 120 phút, có cấu trúc đề thi rõ ràng, đề thi phải có đáp án và thang điểm chi tiết đến 0,25 điểm. TTKT&KĐCLĐT có trách nhiệm quản lý, sao in đề thi đối với

các môn đại cương còn các môn cơ sở ngành do khoa đảm nhiệm [H5.05.02.01.DC] [H5.05.03.02.DC]. Đến thời điểm tổ chức thi, cán bộ trông thi của mỗi phòng thi sẽ lấy túi đề và bóc niêm phong trước sự chứng kiến của người dự thi. Sau khi kết thúc thời gian làm bài, bài thi và đề sẽ được các bộ coi thi thu lại, chuyển về TTKT&KĐCLĐT để rọc phách và niêm phong bài thi đối với các học phần kiến thức đại cương. Đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, cán bộ coi thi chuyên bài thi và các bài thi về văn phòng Khoa chủ quản, cán bộ được phân công sẽ rọc phách và niêm phong bài thi. Bài thi được chấm trong khoảng thời gian 2 tuần sau khi kết thúc kỳ thi [H5.05.02.01.DC]. Việc thực hiện quy định về xây dựng, sử dụng và quản lý câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, ngân hàng đề thi kết thúc học phần, đã giúp công tác quản lý trở nên thuận lợi hơn.

Kết quả học tập của người học được đánh giá được chia thành các mức độ theo điểm trung bình của các tiêu chí bao gồm kết quả bài thi kết thúc học phần, kết quả bài kiểm tra và tinh thần học tập, mức độ chuyên cần trong suốt quá trình tham gia lớp học phần đó [H5.05.01.10.DC]. Bài thi kết thúc học phần được cán bộ giảng dạy phụ trách môn học chấm tập trung tại các địa điểm theo quy định. Mỗi bài thi sẽ có 2 cán bộ giảng dạy chấm điểm. Nếu điểm do hai người chấm lệch nhau quá 1 điểm đối với môn tự luận và quá 0.5 điểm đối với môn thi trắc nghiệm thì bài thi đó sẽ được chủ nhiệm bộ môn hoặc trưởng khoa xem xét và kết luận về kết quả.

Khi các bài thi đã được chấm theo quy định, cán bộ vào điểm sẽ vào điểm trên phần mềm. Điểm bài thi được cập nhật trên hệ thống phần mềm quản lý, và đồng thời in 01 bản gốc tại Ban QLĐT và 02 bản photo để lưu tại TTKT&KĐCLĐT và văn phòng khoa [H5.05.03.03]. Trong thời gian 15 ngày sau khi thi điểm sẽ được các đơn vị phụ trách cập nhật trên phần mềm quản lý đào tạo. Người học đăng nhập tài khoản cá nhân để biết kết quả đánh giá. [H5.05.03.04.DC]

Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được kết quả, nếu người học có yêu cầu, có thể làm thủ tục phúc khảo kết quả đánh giá học phần. Cụ thể, người học liên hệ với TTKT&KĐCLĐT để làm đơn đề nghị. Trong thời gian 15 ngày, TTKT&KĐCLĐT kết hợp với Thanh tra và các Khoa quản lý học phần để tổ chức chấm thi phúc khảo. Bài thi được tổ chức chấm phúc khảo xem xét từng quy trình: đánh phách, vào điểm, hồi phách, nội dung ... Kết quả chấm phúc khảo sẽ là kết quả của đánh giá bài thi và được các thành viên tổ chức chấm phúc khảo. Kết quả này được thông

báo tới người học tương tự như trong quy trình công bố điểm lần đầu tiên [H5.05.02.01.DC].

Phần nhiều môn học chuyên ngành, việc đánh giá được tiến hành theo hình thức vấn đáp. Công tác tổ chức được tiến hành tập trung tại phòng học (theo lịch của Ban QLĐT sắp xếp). SV lần lượt được gọi vào bốc câu hỏi, SV có thời gian chuẩn bị câu hỏi khoảng 15 phút sau đó sẽ trình bày kết quả của mình trước 2 giảng viên; điểm đánh giá được xác định bằng điểm trung bình của 2 giảng viên và tuân thủ theo quy định về đánh giá học phần vấn đáp [H5.05.01.22.DC], [H5.05.03.02.DC]

Việc phân công hướng dẫn học phần thực tế kinh tế-xã hội, kiến tập, thực tập được thực hiện trước mỗi kỳ kiến tập, thực tập thông qua các buổi họp khoa và có quyết định cụ thể về giảng viên hướng dẫn kiến tập, thực tập của Học viện [H5.05.03.05], [H5.05.03.06]. Các học phần liên quan đến kiến tập, thực tập sẽ là tổng hợp các đầu điểm của cán bộ hướng dẫn tại cơ quan, đơn vị, giảng viên hướng dẫn của Khoa, cố vấn học tập lớp và lãnh đạo khoa [H5.05.03.03].

Đối với khóa luận và các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, việc đánh giá được tiến hành theo hình thức tổ chức chấm khóa luận và thi thay thế khóa luận tập trung. Công tác tổ chức được tiến hành tập trung tại văn phòng khoa. Hội đồng bao gồm Chủ tịch, Ủy viên, Thư ký chấm bài đọc lập rồi lấy ý kiến thống nhất về kết quả khóa luận. Hồ sơ chấm điểm được tập hợp và lưu trữ theo quy định đánh giá khóa luận tốt nghiệp [H5.05.03.06], [H5.05.01.19.DC]

Tỷ lệ SV khiếu nại về điểm bài thi kết thúc học phần của Khoa là rất ít [H5.05.02.21.DC]. Sau khi nhận được thông báo từ TTKT&KĐCLĐT về việc phúc khảo bài thi của các học phần, Trưởng Khoa sẽ chỉ đạo trực tiếp giải quyết. Mọi thông tin liên quan đến việc khiếu nại kết quả học tập sẽ được lưu lại tại TTKT&KĐCLĐT và Ban QLĐT. Thống kê cho thấy 100% số đơn khiếu nại được giải quyết [H5.05.02.07.DC].

Sự đa dạng, mức độ tin cậy, công bằng của đề thi, công tác tổ chức thi được đưa ra thảo luận trong các cuộc họp Khoa, hội nghị giao ban đào tạo, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học của Khoa XHH&PT, của Học viện [H5.05.03.07]. Kết quả khảo sát đánh giá chất lượng môn học dưới hình thức phát phiếu điều tra với SV ngành XHH cho thấy trên 82% SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý với quá trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đảm bảo sự đa dạng, độ tin cậy

và công bằng [H5.05.01.28.DC], [H5.05.01.29.DC].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng ngành XHH.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong chương trình đào tạo

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Học viện có quy định bổ sung hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến một cách chính thức.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Việc công bố kết quả đánh giá của người học nằm trong quy định về quy trình khảo thí kết thúc học phần đối với hệ chính quy của Học viện [H5.05.02.01.DC]. SV có thể nộp đơn đề nghị kiểm tra lại quy trình chấm thi học phần cho Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thông báo điểm trên mạng. Thời gian chấm phúc khảo và công bố điểm cho SV là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị của SV. Kết quả học tập của SV được Học viện thông báo kịp thời và công khai bằng cách đăng tải trên phần mềm QLĐT với cổng thông tin SV và khoa chủ quản [H5.05.03.04.DC]. Kết quả học tập của người học được Học viện tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị QLĐT, TTKT&KĐCLĐT, Khoa chuyên ngành và lưu trữ trên phần mềm QLĐT của Học viện, được sao lưu định kỳ vào hệ thống và hệ thống máy chủ. Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo đã giúp trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Đối với trường hợp xin phúc khảo bài thi, Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo tổ chức phúc khảo bài thi và thông báo điểm

phúc khảo trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn xin phúc khảo thông báo trực tiếp cho từng sinh viên, Ban QLĐT và Khoa chủ quản **[H5.05.02.01.DC]**.

Ngoài ra, kết thúc mỗi học kỳ Học viện, Khoa đều bố trí các buổi để CVHT họp lớp, tổng kết hoạt động học tập, ghi nhận những đánh giá của người học về việc đánh giá kết quả học phần, thời gian công bố điểm **[H5.05.04.01]**. Thông qua kết quả học tập này CVHT sẽ cùng người học có định hướng tốt hơn trong xây dựng kế hoạch học tập. Sau khi họp lớp, Khoa và Học viện cũng tổ chức buổi tiếp xúc đối thoại giữa SV CVHT với các đơn vị liên quan để ghi nhận thêm ý kiến của SV về vấn đề kết quả học tập được phản hồi kịp thời **[H5.05.04.02.DC]**, **[H5.05.04.03]**. Thông qua những cuộc đối thoại này, Khoa Xã hội và các phòng ban chức năng trong Học viện cung cấp giải đáp thắc mắc của sinh viên, giúp SV nắm rõ hơn về quy trình, thời gian phản hồi kết quả học tập, chuyển những thắc mắc của SV về việc phản hồi kết quả học tập tới các đơn vị liên quan.

Việc công nhận kết quả tốt nghiệp cho SV năm cuối được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định về đánh giá khóa luận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H5.05.01.06.DC]**. Theo quy định, sau khi Tổ chấm khóa luận tốt nghiệp của Khoa tổ chức đánh giá, kết quả khóa luận tốt nghiệp sẽ được công bố ngay cho SV và được gửi về Ban Quản lý Đào tạo, và trình Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trường; căn cứ vào những văn bản đó, Học viện ra quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Học viện quản lý và cấp phát đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tương tự đối với việc công nhận kết quả thi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định về CĐR cũng được Học viện công bố trên cơ sở kết quả đánh giá và văn bản đề nghị công nhận kết quả do Hội đồng chấm thi ngoại ngữ, tin học trình lên Học viện.

Đối với những sinh viên trong diện tồn đọng, cảnh báo, cố vấn học tập sẽ trực tiếp gọi điện, liên lạc bằng nhiều hình thức để nhắc nhở sinh viên. Đồng thời thông qua các buổi họp phản ánh sinh viên, lãnh đạo khoa cũng yêu cầu sinh viên hoặc cán bộ lớp giải trình về các nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của sinh viên. Lãnh đạo Khoa cũng thường đưa ra các giải pháp cho tình trạng này bằng cách đốc thúc, nhắc nhở sinh viên thông qua cán bộ lớp và cố vấn học tập. **[H5.05.04.03]**. Qua kết quả khảo sát người học về việc đánh giá kết quả học tập dưới hình thức phát phiếu điều tra có thể thấy số SV

được khảo sát đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với tiêu chí thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp cải thiện kết quả học tập [H5.05.01.28.DC], [H5.05.01.29.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến việc công bố kết quả chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; đồng thời tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ nên đã hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp. Thông qua các hình thức thông báo khác nhau, từ bảng điểm được gửi trực tiếp bản photo, nhập điểm online trên trang web của Học viện...kết quả học tập của người học được phản hồi kịp thời và thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Tồn tại

Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm trên phần mềm quản lý kết quả học tập bị nghẽn gây khó khăn cho người học. Phần mềm đào tạo chưa tích hợp được cảnh báo tồn đọng đối với người học.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, Học viện đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo của Học viện .

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy định về việc giải quyết khiếu nại của người học về kết quả học tập được Học viện quy định trong Quy trình khảo thí của Học viện [H5.05.02.01.DC] và được CVHT, giáo viên trực tiếp giảng dạy các học phần phổ biến đến SV trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, buổi nói chuyện đầu năm học hoặc khi bắt đầu các học kỳ, [H5.05.05.01], trong Sổ tay sinh viên [H5.05.01.09.DC]. Trong đó cụ thể việc khiếu nại được thực hiện như sau: Đối với điểm đánh giá được giảng viên thông báo trực tiếp tới sinh viên như điểm đánh giá quá trình học tập sẽ được giảng viên công bố vào buổi học cuối cùng, điểm thi hết môn của các môn thi vấn đáp, hoặc điểm đánh giá của Tổ chấm khóa luận tốt nghiệp. Nếu sinh viên có khiếu nại thì sẽ được giảng viên giải quyết ngay trong buổi đó. Đối với điểm bài thi kết thúc học phần theo hình thức thi viết, sau khi người học nhận được điểm bài thi hết môn trên hệ thống của Học viện, căn cứ thông báo về thời gian phúc khảo kết quả bài thi của TTKT&KĐCLĐT và Ban

QLĐT [H5.05.01.01.DC], [H5.05.02.01.DC], nếu có thắc mắc về điểm số, sinh viên có thể làm đơn phúc khảo bài thi gửi lên TTKT&KĐCLĐT trong thời gian quy định. Mẫu đơn xin phúc khảo được công bố trong sổ tay sinh viên [H5.05.01.09.DC]. Tại TTKT&KĐCLĐT luôn có cán bộ trực để có thể tiếp nhận các khiếu nại của người học.

Hàng kỳ, vẫn có các trường hợp sinh viên khiếu nại về điểm bài thi kết thúc học phần, tuy nhiên, số lượng đơn khiếu nại chiếm tỷ lệ rất nhỏ trên tổng số bài thi trong kỳ đó [H5.05.02.21.DC]. Sau khi nhận được thông báo từ TTKT&KĐCLĐT về việc phúc khảo bài thi của các học phần, Trưởng Khoa sẽ chỉ đạo trực tiếp giải quyết. Mọi thông tin liên quan đến việc khiếu nại kết quả học tập sẽ được lưu lại tại TTKT&KĐCLĐT và Ban QLĐT. Thống kê cho thấy 100% số đơn khiếu nại được giải quyết [H5.05.02.21.DC],[H5.05.02.01.DC].

Việc tổ chức thi cũng thực hiện theo kế hoạch chung của trường và đề thi cũng được niêm phong, bài thi được đọc phách, và việc chấm thi sẽ được tiến hành tại văn phòng bộ môn quản lý học phần đối với môn chuyên ngành và cơ sở ngành và tại Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng với những môn đại cương. Kết quả đánh giá được các đơn vị phụ trách công tác chấm thi gửi trực tiếp đến Ban QLĐT. Nếu có nhu cầu phúc khảo, người học làm các thủ tục tương tự ở Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. Thông báo về việc phúc khảo đối với các học phần chưa khảo thí cũng được TTKT&KĐCLĐT thông báo tới các Khoa. Ngoài ra, SV có thể phản ánh các ý kiến liên quan đến khiếu nại về kết quả học tập thông qua các buổi họp lớp, cố vấn học tập hoặc các buổi họp phản ánh tình hình SV hàng tháng giữa Ban Chủ nhiệm khoa XHH &PT, CVHT và Ban cán sự, Ban chấp hành chi đoàn các lớp SV [H5.05.04.02.DC].

Qua khảo sát người học về thủ tục khiếu nại, kết quả giải quyết khiếu nại KQHT có thể nhận thấy SV cho rằng có thể tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và SV cho rằng các khiếu nại được giải quyết thỏa đáng [H5.05.01.28.DC], [H5.05.01.29.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng và công khai tới người học thông qua website Học viện, sổ tay sinh viên, các phòng chức năng, qua CVHT, tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho tân SV. Người học được hướng dẫn cụ thể để tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập, có nhiều kênh để có thể

phản ánh các khiếu nại về kết quả học tập. Khoa XHH &PT luôn đảm bảo quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Do hạn chế về hạ tầng mạng nên đôi khi kết quả phúc khảo chưa được cập nhật theo đúng thời gian quy định. Vẫn còn một số SV chưa nắm rõ về các quy trình, các quy định về khiếu nại KQHT dẫn đến quá thời gian phúc tra, phúc khảo.

4. Kế hoạch hành động

Từ 2021, Học viện cần có kế hoạch đầu tư nâng cấp máy chủ cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng đào tạo, Ban QLĐT để nâng cao hiệu quả trong các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập, kết quả giải quyết khiếu nại của người học. CVHT của khoa tăng cường phổ biến các quy định về khiếu nại KQHT cho SV.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành XHH được thực hiện đúng theo quy định của BGD&ĐT và Nhà trường, phù hợp với CDR, được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Học viện, Khoa và các phòng ban liên quan đã tích cực trong việc thiết kế công tác đánh giá kết quả của người học phù hợp với mục tiêu từng học phần và mức độ đạt được CDR. Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại, phúc khảo được quy định rõ trong các văn bản của Học viện trên cơ sở có lấy ý kiến góp ý của SV, GV. Học viện và Khoa đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có thể hoàn thiện hơn công tác kiểm tra đánh giá.

Tuy nhiên, tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít; trọng số điểm chuyên cần chưa hợp lý, lượng sinh viên truy cập vào website của người học còn hạn chế; Phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT. Những hạn chế này sẽ được Học viện, Khoa, các phòng ban chức năng lên kế hoạch hành động khắc phục từ năm 2021.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí, cả 5 đều đạt, điểm trung bình là 5/7.

TIÊU CHUẨN 6

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có đội ngũ cán bộ quản lý, GV có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu về số lượng, cơ cấu, độ tuổi, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có trình độ ngoại ngữ, tin học đảm bảo cho nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học và cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhà trường có kế hoạch và quy trình tuyển dụng viên chức công khai minh bạch; sử dụng và quản lý cán bộ, viên chức theo đúng quy định của Nhà nước; có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và GV được thường xuyên tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ bằng việc cử nhiều cán bộ đi đào tạo trong và ngoài nước. Quy chế dân chủ trong trường học được đảm bảo và phát huy trong mọi hoạt động của Nhà trường trong quá trình ổn định và phát triển. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho cán bộ GV là nhiệm vụ trọng tâm.

Khoa XHH&PT là một trong những khoa đào tạo mũi nhọn của Học viện Báo chí & Tuyên truyền với hai ngành đào tạo là XHH và CTXH. Đội ngũ GV của Khoa XHH&PT được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngành XHH có đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định và có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của giảng viên. Chất lượng của đội ngũ GV quyết định đến chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo của Ngành XHH và Công tác xã hội.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác cán bộ và công tác phát triển đội ngũ GV, nghiên cứu viên trong trường đại học, nên vấn đề quy hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ GV luôn được Nhà trường và Khoa XHH&PT quan tâm. Điều này được

thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển Học viện BC&TT giai đoạn 2018 - 2020 và tầm nhìn 2030 [H06.06.01.01.DC] và Khoa XHH&PT giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H06.06.01.02.DC]. Từ năm 2014, Nhà trường đã có quyết định phê duyệt quy hoạch và tuyển dụng cán bộ viên chức trong trường [H06.06.01.03.DC]. Hàng năm Học viện và các khoa đều tiến hành rà soát quy hoạch và tuyển dụng phát triển đội ngũ giảng viên. Năm 2017, Học viện đã tiến hành chỉnh sửa và ban hành Chiến lược HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050. Bên cạnh nhiều nội dung quan trọng khác, văn bản này cũng xác định mục tiêu tổng thể về phát triển nguồn nhân lực trong đó chú trọng đầu tư phát triển: (i) *Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp, có năng lực quản trị nhà trường hiện đại, có khả năng dự báo chiến lược và quản lý sự thay đổi nhằm phát triển Học viện theo các định hướng chiến lược;* (ii) *Chuẩn hóa và tăng cường đội ngũ giảng viên giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề, thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ để hỗ trợ quá trình học tập của sinh viên;* (iii) *Phát triển nhóm chuyên gia đầu ngành có khả năng định hướng chuyên môn trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông, trong đó có những chuyên gia có khả năng tham gia giảng dạy quốc tế, nghiên cứu quốc tế* [H06.06.01.01.DC].

Để thực hiện các mục tiêu đề ra, Học viện đã xây dựng đầy đủ hệ thống văn bản quy định có liên quan đến công tác tuyển dụng [H06.06.01.04], bổ nhiệm, miễn nhiệm [H06.06.01.05], quy định về kéo dài thời gian làm việc [H06.06.01.06], quy định liên quan đến thỉnh giảng [H06.06.01.07]. Ngoài ra, hàng năm, tại hội nghị CBVC, Nhà trường báo cáo tổng kết và định hướng công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực [H06.06.01.08]

Đối với Khoa XHH&PT, trong chiến lược phát triển của mình, Khoa cũng luôn chú trọng phát triển lực lượng cán bộ GV cả về số lượng và chất lượng nhằm mục tiêu “*Xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và trình độ chuyên môn cao đáp ứng các nhiệm vụ đào tạo và NCKH theo các tiêu chuẩn chức danh trong thời gian tới. Xây dựng quy hoạch cán bộ từng giai đoạn phù hợp với sự phát triển của Khoa*” [H06.06.01.02.DC].

Kế hoạch phát triển đội ngũ CBGV của Khoa XHH&PT được xây dựng dựa trên kế hoạch phát triển nhân lực của các bộ môn, dựa trên yêu cầu thực tiễn của công tác đào tạo và NCKH [H06.06.01.02.DC]. Các định hướng về quy hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ GV của Khoa và của Nhà trường đều xuất phát từ thực tế và dựa trên những dự đoán về nhu cầu, số lượng tuyển sinh của Nhà trường, của Khoa. Theo Đề

án tuyển sinh Đại học của Học viện năm 2020, tổng số sinh viên quy đổi sẽ khoảng 1.950 sinh viên phân khá đều cho 39 chuyên ngành của Học viện, tức là không tăng so với chỉ tiêu năm 2019 và hơn 50 sinh viên so với năm 2018 [H06.06.01.09]. Đối với Khoa XHH&PT, sẽ duy trì số lượng sinh viên tuyển vào hàng năm là 50 sinh viên hệ cử nhân và 10-15 học viên cao học [H06.06.01.02.DC]. Điều này đặt ra những yêu cầu quan trọng cho mục tiêu phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng, không chỉ trong phạm vi toàn Học viện BC&TT mà còn cả đối với Khoa XHH&PT.

Công tác quy hoạch, và kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa XHH&PT về cơ bản cũng đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong giai đoạn từ 2015 đến 2020, về số lượng cán bộ GV cơ hữu trong Khoa không có nhiều sự biến động, số liệu giao động từ 12-15 giảng viên [H6.06.01.10]. Về cơ bản, sự biến động nhẹ này là do có sự chuyển công tác của một số cán bộ giảng viên từ hoặc sang các Khoa khác trong nội bộ Học viện và 02 giảng viên chuyên công tác đi cơ quan khác lần lượt các năm 2017 và 2020 [H6.06.01.05.DC]. Nhìn chung, trong mọi trường hợp, qui trình chuyển công tác đều được thực hiện một cách rõ ràng, công khai và minh bạch.

Ngoài ra, để đáp ứng các yêu cầu về đào tạo trong những năm qua, Khoa XHH&PT còn tận dụng nguồn nhân lực chất lượng cao và giàu kinh nghiệm từ những cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ, học hàm học vị cao trong và ngoài Học viện. Cụ thể, bên cạnh việc kéo dài thời gian công tác với 01 cán bộ GV là PGS, TS và có trình độ chuyên môn cao [H6.06.01.06.DC], Khoa XHH&PT luôn duy trì mạng lưới các giáo viên thỉnh giảng (khoảng 20 người). Tất cả các hoạt động này đều đã được thực hiện theo đúng chủ trương chính sách và hướng dẫn qui trình thủ tục hiện hành của Học viện.

Về chất lượng, Khoa luôn dành sự ưu tiên cho việc đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ GV, tạo mọi điều kiện để đội ngũ GV phấn đấu học tập nâng cao trình độ, nhất là khuyến khích động viên các cán bộ GV trau dồi trình độ ngoại ngữ và đi học tập nghiên cứu ở nước ngoài. Trong giai đoạn 2015-2020, Khoa XHH&PT đã có 03 tiến sỹ được đào tạo tại nước ngoài và thêm 03 tiến sỹ được đào tạo tại các cơ sở đào tạo sau đại học có uy tín trong nước [H06.06.01.06.DC].

Đến tháng 12/2020, đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy chuyên ngành XHH của Khoa là 12 người, trong đó, 100% đều có trình độ trên đại học. Tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ của Khoa là trên 70%. Trong giai đoạn 2015-2020, khoa có thêm 02 PGS, nâng tổng số PGS trong Khoa lên 03 [H06.06.01.10.DC]. Điều này cho thấy sự

đúng đắn trong chính sách phát triển đội ngũ GV của Khoa XHH&PT.

Bảng 6.1. Thống kê phân loại giảng viên trong Khoa XHH&PT (Tính đến tháng 12 năm 2020)

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0					
2	Phó Giáo sư	3	25	1	2			1	1	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0					
4	Tiến sĩ	5	42,0	1	4		1	3	1	
5	Thạc sĩ	3	25,0	0	3		3			
6	Đại học	1	8.33	1	0		1			
	Tổng	12	100	3	9		5	4	2	1

Nhìn chung, đa phần cán bộ giảng dạy của Khoa có tuổi đời từ 30-50 (9 người, chiếm 75%) (Bảng 6.1). Đây là độ tuổi đủ độ chín, nhiệt huyết, đam mê khoa học và giảng dạy và không ngừng học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn, các kỹ năng phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học như tin học và ngoại ngữ. Cho đến nay, hầu hết các giảng viên Khoa XHH&PT đã có các chứng chỉ tin học và ngoại ngữ đạt chuẩn.

Bên cạnh việc tuyển dụng, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo trong HVBC&TT cũng được thực hiện một cách bài bản, nghiêm túc đúng quy định. Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm với các chức danh lãnh đạo [H06.06.01.05.DC] và được áp dụng thống nhất trong toàn Trường. Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Bộ môn, Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. Trong giai đoạn này, bên cạnh một cán bộ quản lý có tài đức được bổ nhiệm lại, một cán bộ trẻ được bổ nhiệm giữ chức vụ quan trọng trong Trường [H06.06.01.05.DC].

Song song với công tác tuyển dụng theo vị trí việc làm, Khoa XHH&PT và Nhà trường luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ GV đã tuyển dụng để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của vị trí việc làm. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ nói chung và cán bộ quản lý nói riêng thông qua việc cử đi đào tạo các bậc học dài hạn và các lớp đào tạo ngắn hạn

trong và ngoài nước. Khoa XHH&PT và các Bộ môn đều cử cán bộ giảng viên tham gia vào các khóa học do Nhà trường tổ chức. Trong giai đoạn 2015 - 2020, đội ngũ GV Khoa XHH&PT đã được Nhà trường cử đi học tiến sĩ trong nước là 04, học thạc sĩ trong nước là 01 GV [H06.06.01.11].

Về công tác đánh giá cán bộ, viên chức và bình xét thi đua khen thưởng, Nhà trường đã xây dựng các tiêu chí, chỉ số đánh giá nhằm phục vụ cho việc đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng chính xác nhất, tạo động lực phấn đấu đối với đội ngũ cán bộ, viên chức [H06.06.01.12]. Đối với cán bộ quản lý, ngoài kênh đánh giá cán bộ, viên chức như đã nêu, Nhà trường còn đánh giá cán bộ quản lý thông qua lấy phiếu tín nhiệm theo định kỳ nhằm điều chỉnh cách thức quản lý, điều hành trong công tác phát triển đội ngũ. Kết quả đánh giá viên chức và cán bộ quản lý giúp lãnh đạo Nhà trường nắm được thực trạng chất lượng và uy tín của viên chức và cán bộ quản lý nhằm điều chỉnh cách thức quản lý, điều hành trong công tác phát triển đội ngũ. Ngoài ra, Nhà trường cũng tiến hành lấy ý kiến phản hồi của GV về công tác quy hoạch đội ngũ GV thông qua các hội nghị CBCC và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với đội ngũ cán bộ được quy hoạch nhằm đánh giá công tác quy hoạch, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết quả thực tế cho thấy, chất lượng và uy tín của đội ngũ viên chức và cán bộ quản lý ngày càng cao và luôn đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm ở mỗi giai đoạn, thời kỳ [H06.06.01.05.DC].

Trong trường hợp của Khoa XHH&PT, ngoài việc tham gia vào các phong trào thi đua giảng viên giỏi cấp cơ sở do Công đoàn và Nhà trường phát động hàng năm, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các buổi họp chuyên môn, dự giờ nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy và khả năng chuyên môn của các giảng viên, nhất là các giảng viên trẻ và mới được tiếp nhận về Khoa [H06.06.01.13]. Các giáo viên phụ trách các môn cũng được khuyến khích tổ chức các buổi đánh giá đầu và cuối kỳ mỗi môn học dựa trên một số tiêu chí như chất lượng giảng dạy chung, phương pháp giảng dạy, nội dung giảng dạy, phân bổ thực hành-lý thuyết, phù hợp giữa mục đích-nội dung-hoạt động, v.v... để từ đó tự rút kinh nghiệm và có thể soạn, tổ chức và thực hiện tốt hơn các hoạt động phù hợp với mục đích môn học và nhu cầu của người học [H06.06.01.14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa XHH&PT luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ GV để đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khoa XHH&PT luôn quan tâm đến phát triển đội ngũ giảng viên trong thời gian qua và đã xây dựng được đội ngũ cán bộ trẻ có chất lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác.

Quy trình và tiêu chuẩn tuyển dụng, quy hoạch cán bộ của Trường được xây dựng có tính kế hoạch, công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện và nhu cầu thực tế của Nhà trường. Trường đã xây dựng được đề án vị trí việc làm đối với tất cả các đơn vị trong Trường để vận hành công tác tuyển dụng, bổ nhiệm sắp xếp công việc hợp lý.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch còn chưa chú trọng đúng mức tới sự cân đối về độ tuổi trong tương lai 5-10 năm tới, dẫn tới nguy cơ hẫng hụt đội ngũ GV có kinh nghiệm, trình độ, có học hàm PGS, học vị TS.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, Nhà trường cần kết hợp với tất cả các đơn vị trong Trường để rà soát đánh giá và xây dựng lại chiến lược phát triển Trường trong đó có chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế hiện nay.

Ngoài ra, các kế hoạch chiến lược đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ được thiết kế dựa trên các đánh giá nhu cầu của xã hội và của từng khoa trong Học viện. Đặc biệt, các chiến lược, kế hoạch này cần chú ý đến tuyển thêm các giảng viên có độ tuổi trẻ, đảm bảo cho chất lượng đào tạo và NCKH chất lượng cao trong tương lai. Khoa đã đề xuất với Ban TCCB chuẩn bị tuyển thêm cán bộ trong 2-5 năm tới.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Mục tiêu của Khoa XHH&PT là trở thành Khoa tiên tiến, phát triển theo hướng đa ngành, mở rộng đào tạo các ngành và chuyên ngành mới phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội và đặc biệt là theo định hướng truyền thông phát triển xã hội ... đồng thời duy trì và phát triển ngành truyền thống đặc thù; đào tạo các chuyên gia XHH có chất lượng tốt; tăng cường hợp tác trong và ngoài nước; trở thành một trong những

khoa nghiên cứu mạnh và phấn đấu trở thành một trong những khoa có vị trí quan trọng trong HVBC&TT, có uy tín đối với xã hội nói chung và với ngành XHH nói riêng [H06.06.01.01.DC].

Về cơ cấu cán bộ viên chức, Khoa đã có sự bố trí sắp xếp và đào tạo theo hướng hợp lý hóa giữa các chuyên ngành, giữa các độ tuổi, giới tính, các mức trình độ đào tạo; Tính đến tháng 11 năm 2020, tổng số giảng viên cơ hữu ngành XHH của Khoa là 12 người. Ngoài ra, Khoa còn có sự hợp tác liên kết với các nhà khoa học, GV có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước, trong và ngoài Học viện BC&TT như Khoa Xã hội học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện XHH, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Nghiên cứu và Phát triển Xã hội (ISDS) (Bảng 6.2)... Cán bộ giảng dạy trong Khoa còn có các liên kết nghiên cứu với các nhà khoa học của các trường đại học có uy tín từ các nước như: Nga, Úc, Anh, Thái Lan, v.v... [H06.06.01.10.DC].

Hiện nay số GV cơ hữu ngành XHH của Khoa XHH&PT có 07 TS, trong đó 03 PGS, 04 ThS và 01 CN. Số lượng GV quy đổi hiện nay là 22,5 người nếu chỉ tính riêng cho Khoa XHH&PT; và là 25,2 người tính cho tổng số GV tham gia đào tạo (Bảng 6.2) [H06.06.01.10.DC]. Số lượng sinh viên đại học chính quy của Khoa năm học 2019-2020 là 310 SV. Tỷ lệ SV/GV chính quy quy đổi cho toàn bộ giáo viên tham gia giảng dạy là gần 12,3 SV/GV (Bảng 6.2 và 6.3).

Bảng 6.2. Thống kê giảng viên Khoa XHH&PT
(Tính đến tháng 11 năm 2020)

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi nội bộ ngành	Bổ sung từ GVC đã quy đổi	Tổng qui đổi ngành (tính SV/GV)
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2			
1	Giáo sư, Viện sĩ	5	1				1		1	0	1
2	Phó Giáo sư	3	3	3					9	0.2	9.2
3	Tiến sĩ khoa học	3							0	0	0
4	Tiến sĩ	2	4	4					8	1.1	9.1
5	Thạc sĩ	1	4	4					4	1.4	5.4
6	Đại học	0.5	1	1					0.5	0	0.5
	Tổng		13	12			1		22.5	2.7	25.2

Bảng 6.3. Thống kê người học Ngành XHH

Đơn vị: người

Các chỉ tiêu	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	17	16	20	11	12
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	418	371	337	318	310
Hệ tại chức	190	190	157	0	0
Tổng số SV ĐH CQ					
Toàn Khoa	625	577	514	329	322
Hệ chính Quy	418	371	337	318	310

(Ghi chú: lấy theo số liệu sinh viên cuối kỳ 2 của năm học)

Trong các năm qua, khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn, giờ NCKH của GV HVBC&TT được Nhà trường ban hành quy định thực hiện dựa trên quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT về ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV [H06.06.02.01] và thông tư 47/2014/TT- BGDĐT về quy định chế độ làm việc đối với GV [H06.06.02.02]. Theo đó, Học viện BC & TT cũng đã có Quyết định ban hành Quy chế làm việc dành cho GV và trong đó có yêu cầu về giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trong quy chế cũng ghi rõ các yêu cầu về từng loại hoạt động khoa học được quy đổi và số giờ quy đổi cho mỗi hoạt động. Ngoài ra, việc tính toán giờ chuẩn quy đổi giờ giảng dạy hàng năm đều được quy định rõ ràng cụ thể cho từng loại hình, công tác đào tạo, quy định về miễn giảm giờ dạy [H06.06.02.01.DC].

Nhìn chung, trong giai đoạn 2015 - 2020, khối lượng giảng dạy của Khoa XHH&PT đều vượt so với số giờ quy định (giờ giảng chuẩn trung bình là 244 giờ/GV) (Bảng 6.4). Theo số liệu thống kê, bình quân số giờ giảng dạy quy đổi của một GV cơ hữu Khoa XHH & PT tham gia giảng dạy chuyên ngành XHH năm học 2015 - 2016 là 287,71 giờ, số lượng này tăng lên 354,6 giờ năm học tiếp theo và tương đối ổn định các năm sau đó do từ năm 2018 khóa 34 có 2 lớp XHH đã ra trường và các khóa tiếp theo Khoa chỉ có 1 lớp XHH(Bảng 6.4). [H06.06.02.03], [H06.06.02.04]. Đội ngũ cán bộ GV Khoa XHH&PT luôn đảm bảo chất lượng giảng dạy cao nhất, điều này được thể hiện thông qua các khảo sát đánh giá của sinh viên đối với GV và học phần được học theo từng học kỳ [H6.06.01.14.DC], đây cũng chính là căn cứ để Khoa, các Bộ môn cải tiến, có sự điều chỉnh trong giảng dạy nhằm đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo của các ngành.

Bảng 6.4. Khối lượng giảng dạy, NCKH bình quân của GV cơ hữu Khoa XHH&PT

DVT: giờ quy đổi

Khối lượng	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Khối lượng giảng dạy quy đổi	287,71	354,6	318,18	313,73	315,81
Khối lượng NCKH quy đổi	835,7	756,27	1000	1741	1836

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy thì NCKH cũng là một nhiệm vụ trọng tâm đối với

đội ngũ CBGV của Học viện BCTT nói chung và Khoa XHH&PT nói riêng. Điều này đã được quy định rõ trong các quy định về chế độ làm việc của GV của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của HVBC&TT [H06.06.02.02.DC], [H06.06.02.01.DC]. Dựa trên các văn bản quy định của Nhà nước có liên quan đến vấn đề KHCN trong trường đại học như Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ban hành ngày 12/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về “Điều lệ trường Đại học”, Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học; HVBC&TT đã xây dựng và ban hành các quy định về quản lý hoạt động KHCN của HVBC&TT vào các năm 2014 và 2018 [H06.06.02.05]. Hệ thống văn bản này là cơ sở, căn cứ để Nhà trường, Khoa và các Bộ môn đánh giá hoạt động NCKH hàng năm của đội ngũ GV trong đơn vị mình. Trong văn bản cũng quy định rõ cách quy đổi tính khối lượng NCKH cho GV hằng năm dựa trên các công trình, các hoạt động khoa học mà GV đã thực hiện trong năm học đó [H06.06.02.06].

Đối với đội ngũ giảng viên Khoa XHH&PT, số liệu thống kê trong giai đoạn 2015 - 2020 cho thấy bên cạnh việc đảm đương tốt khối lượng công việc giảng dạy khá lớn, đội ngũ GV Khoa XHH&PT vẫn rất tích cực tham gia vào các hoạt động NCKH (Bảng 6.5). Cụ thể, CBGV Khoa XHH&PT đã tham gia thực hiện 02 đề tài cấp NN, 15 đề tài cấp Bộ, chủ trì thực hiện 61 đề tài cấp Trường, biên soạn 13 sách chuyên khảo, 07 tài liệu tham khảo và 06 giáo trình, công bố 07 bài báo quốc tế trong đó có 02 bài thuộc danh mục ISI, 90 bài báo tạp chí khoa học trong nước, trong đó 43 bài đăng tải trên tạp chí của Trường, 134 bài tham luận hội thảo các cấp ... Có thể thấy khối lượng NCKH quy đổi bình quân của một giảng viên trong năm luôn đảm bảo và cao hơn so với khối lượng quy định (bình quân số giờ NCKH quy đổi giao động từ 756,3 đến 1836 giờ trong giai đoạn này) [H06.06.02.06.DC], [H06.06.02.07]. Lưu ý: Bên cạnh có sự tăng lên về số lượng và chất lượng các công trình khoa học có điểm số cao, sự thay đổi về điểm số này là do có sự thay đổi trong cách tính điểm cho các công trình khoa học theo các quy định mới về quản lý hoạt động KHCN của Nhà trường.

Bảng 6.5. Thống kê về NCKH của CBGV Khoa XHH&PT

TT	Phân loại	Số lượng					Tổng
		2016	2017	2018	2019	2020	
I	Đề tài NCKH						
1	Đề tài cấp NN	0	0	2	0	0	2
2	Đề tài cấp Bộ*	0	1	3	5	6	15

3	Đề tài cấp trường	9	11	10	17	14	61
II Tạp chí khoa học							
1	Tạp chí khoa học quốc tế	0	3	2	0	2	7
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	9	18	7	5	8	47
3	Tạp chí của Trường	7	11	7	8	10	43

Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H06.06.02.07.DC]. HVBC&TT đã áp dụng Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng do Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 04/7/2019. Trong này quy định rất rõ ràng các tiêu chuẩn để đánh giá xếp loại với các mức GV tự nhận từ hoàn thành tốt nhiệm vụ cho đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và tự đề xuất từ lao động tiên tiến đến chiến sỹ thi đua cấp HVCTQG tương ứng [H06.06.02.07.DC]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về công tác đánh giá, phân loại thi đua khen thưởng hàng năm. Đây là căn cứ để Ban thi đua Nhà trường và Khoa cùng đánh giá về công tác thi đua của cán bộ GV với các danh hiệu cá nhân đề xuất như Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở (CSTĐCS), lao động tiên tiến (LĐTT), v.v... và đề nghị xét khen thưởng thành tích ở các bậc cao hơn.

Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành bằng văn bản và trước toàn thể các CBGV khác trong Khoa, lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua, làm căn cứ để xét duyệt các danh hiệu thi đua [H06.06.02.07.DC]. Trong giai đoạn vừa qua, hầu hết cán bộ là GV của Khoa đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên (Bảng 6.6). Khoa XHH&PT liên tục được công nhận là tập thể lao động xuất sắc trong giai đoạn 2015-2020.

Bảng 6.6. Tổng hợp phân loại và đánh giá thi đua Khoa XHH&PT

Năm học	Thi đua cá nhân			
	CSTĐCS	LĐTT	HTNV	Khen thưởng Bậc cao
2015-2016	2	7	3	4

2016-2017	1	10	4	2
2017-2018	2	11	0	2
2018-2019	2	14	0	3
2019-2020	3	13	0	3

Bên cạnh việc tổ chức đánh giá hàng năm theo quy định của Trường thì tại các cuộc họp của Khoa, Hội nghị CBVC Khoa và Trường cũng đều có trao đổi, lấy các ý kiến của đội ngũ cán bộ GV đối với vấn đề liên quan đến đào tạo, NCKH, và phục vụ cộng đồng. Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ; mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Trường, Khoa, từ đó có định hướng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ GV thích hợp.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV Khoa XHH&PT được xác định rõ ràng thông qua hệ thống các văn bản quy định của Nhà trường và được giám sát bởi Bộ môn, Khoa, các đơn vị chức năng trong Nhà trường góp phần để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Nhà trường có các quy định cụ thể về tính toán khối lượng giảng dạy, NCKH và có văn bản về việc phân loại đánh giá, thi đua đối với các hoạt động giảng dạy, NCKH của giảng viên. Do đó có căn cứ để cải tiến các hoạt động giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù khối lượng theo giờ nghiên cứu khoa học của GV ngành XHH vẫn vượt so với quy định, tuy nhiên số lượng GV là chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cao như cấp Bộ, cấp Nhà nước còn ít, số lượng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín còn hạn chế so với năng lực của GV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020- 2021, Khoa XHH&PT kết hợp với Nhà trường để tính toán duy trì tỷ lệ SV/GV hợp lý theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như trong xu thế hiện nay góp phần ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo cho các ngành trong Khoa.

Cùng thời kỳ, Khoa XHH&PT phối hợp với Ban TCCB rà soát yêu cầu về giảng

viên có trình độ cao ở Khoa để xây dựng kế hoạch, chính sách và lộ trình cụ thể nhằm bồi dưỡng hoặc tuyển dụng những giảng viên có trình độ tiến sĩ, được đào tạo bài bản ở nước ngoài nước, giỏi về chuyên môn và ngoại ngữ để tiến tới mở các chương trình liên kết đào tạo, chương trình tiên tiến với nước ngoài. Đồng thời tiến tới đạt chuẩn quốc tế trong tương lai.

Khoa XHH&PT cần xúc tiến thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh trong Khoa để có thể thực hiện các đề tài ở cấp cao hơn và có nhiều công bố quốc tế hơn. Bên cạnh đó, Khoa và Nhà trường cần tiến hành khảo sát đội ngũ CBGV về khối lượng, chất lượng công việc được giao để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Động viên các GV tham gia đấu thầu các đề tài NCKH đặc biệt các đề tài có tính ứng dụng trong thực tiễn xã hội.

Có lộ trình cụ thể, phân công và khuyến khích các giảng viên trẻ hơn chủ động tiếp nhận dần các môn đang mời các giảng viên bên ngoài sau khi đã kết thúc các chương trình đào tạo bậc cao.

Khoa đã cùng Ban QLKH, Ban KHTC thông qua qui chế chi tiêu năm 2020 trong đó có mức khen thưởng các tác giả có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế ISI/Scopus tối đa 20.000.000 đồng.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu tiêu chí: 6/7 điểm

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Phát triển đội ngũ GV có năng lực, trình độ cao là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Chính vì vậy để đảm bảo tuyển được GV có đủ phẩm chất đạo đức, đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ thì HVBC&TT đã xây dựng và ban hành quy định về công tác tuyển dụng, luân chuyển, điều tiết cân đối và bồi dưỡng cán bộ viên chức, bổ nhiệm cán bộ quản lý của Học viện để phù hợp với chức năng các đơn vị [H6.06.01.04.DC], [H6.06.01.05.DC]. Nhìn chung, quy trình cán bộ của HVBC&TT là khá rõ ràng và có tính công khai minh bạch.

Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Phòng Tổ chức - Cán bộ, căn cứ vào chỉ tiêu viên chức được đã được phê duyệt, căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm,

tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, Trường đơn vị đăng ký nhu cầu tuyển dụng gửi về Phòng Tổ chức - Cán bộ để tổng hợp báo cáo trình Giám đốc phê duyệt. Các cá nhân khi đăng ký dự tuyển vào làm GV của HVBC&TT phải đảm bảo là có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển (quốc tịch, sức khỏe, lý lịch, v.v...) và các tiêu chuẩn cụ thể khác do Nhà trường, Khoa và Bộ môn đề xuất. Ví dụ, các ứng cử viên phải đảm bảo có kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành hoặc lĩnh vực tuyển dụng; Các quy định pháp luật về viên chức, đạo đức nhà giáo; Lịch sử hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của HVBC&TT, v.v... [H6.06.01.04.DC].

Thông báo tuyển dụng (điều kiện đăng ký dự tuyển, số lượng cần tuyển theo từng ngạch, nội dung hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ, số điện thoại liên hệ, hình thức và nội dung thi tuyển, v.v...) được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trên trang thông tin nội bộ của Nhà trường, được niêm yết tại trụ sở làm việc [H6.06.01.04.DC]. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Nhà trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ phù hợp với xu thế phát triển chung của giáo dục đại học.

Trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác, khách quan [H6.06.01.04.DC]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Đối với tuyển dụng giảng viên, ứng viên phải trải qua phần thi giảng và trả lời phỏng vấn trực tiếp của Hội đồng tuyển dụng. Sau khi trúng tuyển, các GV đều phải thực hiện biên soạn đề cương bài giảng, được cử một GV có kinh nghiệm và chuyên môn sâu kèm cặp, GV tập sự phải thông qua bài giảng của Bộ môn và giảng thử tại Bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức dưới sự giám sát của giáo viên được phân công, và có buổi dự giờ đánh giá của các bộ phận như Bộ môn, Chi đoàn cán bộ trong 1 năm tập sự thử việc. Sau 1 năm thử việc, Học viện và Ban Chủ nhiệm khoa, Bộ môn sẽ tiến hành đánh giá về mặt chuyên môn và phải trải qua cuộc thi sát hạch lại về ngoại ngữ, tin học, nếu đạt được các yêu cầu thì mới được công nhận hết tập sự [H6.06.01.04.DC].

Về cơ bản, thay cho việc tuyển dụng, Khoa XHH&PT đã và đang sử dụng chiến lược xây dựng, củng cố và tận dụng nguồn lực chất lượng cao có sẵn (là đội ngũ các giảng viên trong và ngoài Nhà trường có kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy, chuyên môn bậc cao...). Đây là đội ngũ GV thỉnh giảng mạnh, đã và đang giúp chia sẻ và

giảm tải khối lượng công việc giảng dạy cho đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa trong những năm qua (Bảng 6.2). Tuy vậy, trong giai đoạn 2015 - 2020, để đảm bảo yêu cầu phát triển đội ngũ GV và đảm bảo khối lượng công việc đào tạo và NCKH, Khoa XHH&PT đã tiến hành tiếp nhận thêm 01 cán bộ giảng dạy luân chuyển từ khoa khác sang và tiến hành các thủ tục kéo dài thời gian với 01 GV khác. Cả hai cán bộ giảng dạy này đều được đào tạo bài bản và có trình độ cao về chuyên môn và ngoại ngữ. Khi tuyển dụng cả 01 GV đang là nghiên cứu sinh và 01 GV là Phó giáo sư với chuyên môn phù hợp với chương trình đào tạo của Khoa XHH&PT là XHH [H6.06.03.01].

Về công tác bổ nhiệm, trong giai đoạn này Nhà trường cũng đã bổ nhiệm và bổ nhiệm lại một cán bộ GV vào vị trí lãnh đạo trong Ban chủ nhiệm Khoa XHH&PT [H6.06.01.05.DC]. Công tác bổ nhiệm của Khoa XHH&PT được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tất cả các vị trí được bổ nhiệm đều đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn theo đúng quy định. Việc bổ nhiệm cán bộ xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị. Quá trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều đảm bảo công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ của tất cả cán bộ viên chức, đảm bảo quy hoạch những người có năng lực [H6.06.01.05.DC]. Hầu hết cán bộ GV Khoa XHH&PT được bổ nhiệm đều hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ về quản lý, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng và đạt được các danh hiệu chiến sĩ thi đua của Trường và các danh hiệu thi đua bậc cao [H6.06.03.02], [H6.06.01.07.DC].

Nhìn chung việc tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ trong Khoa XHH&PT đều đảm bảo được những yêu cầu nhất định. Các GV được tuyển dụng và cán bộ được bổ nhiệm đều hoàn thành rất tốt các nhiệm vụ được giao. Điều này được thể hiện thông qua các kết quả đạt được trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của các giảng viên. 02 GV được tiếp nhận và kéo dài hợp đồng lao động trong giai đoạn này đều hoàn thành tốt thời gian tập sự được Hội đồng đánh giá cao. Sau thời gian tập sự, các GV đã tham gia công tác giảng dạy và NCKH. Thông qua khảo sát sinh viên về người dạy và học phần cho thấy các GV này đảm bảo về số lượng và chất lượng [H06.06.01.14.DC].

2. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng được quy trình và tiêu chuẩn tuyển dụng, quy hoạch cán

bộ có tính kế hoạch, công khai, minh bạch, rõ ràng, dân chủ, sát thực với điều kiện và nhu cầu thực tế của Nhà trường. Nhất là đã xây dựng được đề án vị trí việc làm làm căn cứ cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm.

Việc tuyển dụng viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định. Bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường.

Có các căn cứ để đánh giá, phân loại với đội ngũ CBGV nói chung, người được tuyển dụng, bổ nhiệm nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Việc tuyển dụng cán bộ chủ yếu thực hiện qua tiếp nhận, luân chuyển cán bộ, do đó chưa thông báo rộng rãi.

Chưa có nhiều chính sách để thu hút người lao động nhất là lao động có trình độ cao nên việc thu hút các ứng viên có trình độ cao như tiến sĩ còn gặp rất nhiều khó khăn

4. Kế hoạch hành động

Khoa cần phối hợp với Ban TCCB để có các hình thức thông báo tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp các ứng viên có thể tiếp cận được nhiều hơn như: thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, Mạng lưới liên hệ với cựu SV.

Học viện cần xây dựng lại một số cơ chế chính sách trong tuyển dụng nhằm thu hút được các ứng viên có trình độ cao về làm việc tại Trường và Khoa XHH&PT.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Giảng viên là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo của HVBC&TT nói chung và Khoa XHH&PT nói riêng. Năng lực của GV của Học viện được đánh giá ở 2 góc độ là năng lực sư phạm và năng lực NCKH. Năng lực sư phạm bao gồm năng lực giảng dạy, thiết kế chương trình, tài liệu dạy học, tổ chức dạy học, năng lực giao tiếp, sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học, v.v... Năng lực NCKH bao gồm năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề, thực hiện các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học và công bố khoa học trong nước và quốc tế. Quy chế giảng viên quy định rõ năng lực, trách nhiệm của GV trong việc thực hiện các hoạt động dạy

học và NCKH [H06.06.04.01], [H6.06.02.01.DC], [H6.06.01.02.DC].

Để đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH, Học viện quy định đánh giá năng lực của GV căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học. Cụ thể, đối với GS định mức giờ chuẩn là 1220 giờ trong đó 270 giờ giảng dạy và 950 giờ NCKH; với PGS là 1170 giờ (270 giờ giảng dạy và 900 giờ NCKH)GV cao cấp, GVCC là 1140 giờ (290 giờ giảng dạy và 850 giờ NCKH); GV chính là 980 giờ (280 giờ giảng dạy và 700 giờ NCKH; GV là 870 giờ (270 giờ giảng dạy và 600 giờ NCKH) (Xem bảng 6.7) [H6.06.02.01.DC], [H6.06.02.04.DC].

Bảng 6.7. Định mức giờ chuẩn quy định đối với giảng viên Học viện BCTT

TT	Hạng chức danh nghề nghiệp	Chức danh	Định mức giờ chuẩn (giờ/năm)		
			GD	NCKH	Tổng định mức giờ chuẩn
1	Hạng I	Giáo sư	270	950	1220
		Phó giáo sư	270	900	1170
		GV cao cấp	290	850	1140
2	Hạng II	GV chính	280	700	980
3	Hạng III	Giảng viên	270	600	870
		GV tập sự	270	600	870

Ngoài quy định về giờ chuẩn trong công tác giảng dạy và NCKH, Nhà trường còn đánh giá năng lực GV thông qua giờ quy đổi công tác giảng dạy bao gồm các công việc được quy đổi ra giờ chuẩn để tính hoàn thành nhiệm vụ và tính vượt giờ [H6.06.02.04.DC], [H6.06.02.07.DC]. Đây là những căn cứ để Nhà trường quản lý, phân công, bố trí GV để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH cũng như là cơ sở để Nhà trường đánh giá, xếp loại viên chức hằng năm và là cơ sở để các GV xây dựng kế hoạch giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc đánh giá năng lực GV Khoa XHH&PT căn cứ vào khối lượng giảng dạy và NCKH theo quy định. Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch giảng dạy do Nhà trường giao từ đầu năm học, các GV Khoa XHH&PT thực hiện khối lượng giảng dạy trên cơ sở định mức giờ chuẩn về giảng dạy và NCKH theo hạng chức danh nghề nghiệp. Trong các năm học từ 2015 - 2020, GV Khoa XHH&PT đều hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy và NCKH theo quy định của Nhà trường (Bảng 6.8).

Bảng 6.8. Thống kê khối lượng giảng dạy và NCKH của giảng viên**Khoa XHH & PT**

T T	Chỉ tiêu	Năm học									
		2015 -2016		2016- 2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020	
		Giờ định mức	Giờ thực hiện	Giờ định mức	Giờ thực hiện	Giờ định mức	Giờ thực hiện	Giờ định mức	Giờ thực hiện	Giờ định mức	Giờ thực hiện
1	Số giờ giảng dạy	2790	3207,6 7	2800	3950	2684	1982	275 0	3332	274 0	3628
2	Số giờ NCK H	5200	9193	4625	8319	5250	11002	745 0	17408	700 0	18357
3	Số giờ giảng dạy bq/GV	253,6 4	287,71	254,5 5	354,6 0	244,0 0	318,17	275	313,7 2	274	315,8 1
4	Số giờ NCK H bq/GV	472.7 3	835,73	420,4 5	756,2 7	477,2 7	1000,1 8	745	1741	700	1836

Để đáp ứng yêu cầu năng lực của giảng viên, đội ngũ GV Khoa XHH&PT không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, từ năm 2015 đến năm 2020 Khoa XHH&PT có thêm 02 GV có chức danh PGS, 02 GV thăng hạng GVCC, 02 GV bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Đến nay 100% GV có trình độ trên đại học theo chuẩn chức danh nghề nghiệp để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Nhà trường.

Bảng 6.9. Thống kê năng lực của đội ngũ GV Khoa XHH & PT

Trình độ, học vị, chức danh	Năm học				
	2015 -2016	2016- 2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Giáo sư	0	0	0	0	0
Phó giáo sư	2	3	3	3	3
Tiến sĩ	4	3	5	5	4
Thạc sĩ	7	7	4	4	4
Đại học	2	2	1	1	1
Tổng số	15	15	14	13	12

Học viện luôn quan tâm chú trọng đến việc nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên thông qua các quy định chuẩn năng lực sư phạm, chuẩn năng lực ngoại ngữ, chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể, Học viện thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ GVCC, GVC, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ, kỹ thuật dạy học trong đào tạo hệ thống tín chỉ... [H6.06.04.02]. Thông qua các lớp học này, GV được trang bị kiến thức, kỹ năng để có thể đạt được các năng lực sư phạm cũng như các năng lực khác giúp cho công tác đào tạo, giảng dạy của GV ngày càng có hiệu quả. Hiện nay 100% GV giảng dạy của Khoa XHH&PT có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm trước khi tham gia đứng lớp, đáp ứng đầy đủ quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy theo thông tư liên tịch 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ [H6.06.04.02.DC]. Bên cạnh đó, trong các năm học từ 2015 - 2020, GV của Khoa cũng tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn (Chức danh GVCC: 03 giảng viên; chức danh GVC: 03 giảng viên; nghiệp vụ sư phạm: 06 giảng viên; ngoại ngữ: 02 giảng viên; bồi dưỡng cán bộ quản lý: 03 người) [H6.06.04.02.DC].

Hàng năm Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV theo đúng quy định về đánh giá, phân loại và thi đua, khen thưởng [H6.06.02.08.DC]. Nhà trường quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục, tiêu chí đánh giá, phân loại xét thi đua, khen thưởng của từng GV và tập thể. Theo đó các GV được đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ thông qua năng lực giảng dạy và NCKH theo định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV. Trên cơ sở đó, vào cuối mỗi năm học, các GV thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo tự đánh giá kết quả công tác cá nhân về giảng dạy, sáng kiến, bồi dưỡng rèn luyện để Bộ môn đánh giá theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; và không hoàn thành nhiệm vụ và đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua a/Chiến sỹ thi đua toàn quốc; b/Chiến sỹ thi đua cấp Học viện CTQG; c/Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và d/Lao động tiên tiến. Sau đó, Lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H6.06.02.08.DC]. Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp cho các cấp

quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa, từ đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp.

Một hình thức đánh giá năng lực quan trọng khác cũng được thực hiện thường kỳ đó chính là dự giờ giảng của giảng viên trẻ/tập sự và/hoặc đánh giá chất lượng giờ giảng và năng lực GV dưới hình thức phát động các phong trào thi đua dạy tốt, giảng viên giỏi hàng năm nhân các ngày lễ lớn. Cũng như các Khoa khác trong Học viện, Khoa XHH&PT luôn coi trọng các hoạt động này và giảng viên của Khoa tham gia đều đạt các giải cao [H6.06.04.03].

Việc đánh giá năng lực của GV Khoa XHH&PT từ phía sinh viên cũng được thực hiện thường xuyên. Kết quả đánh giá của sinh viên đối với GV Khoa cũng như chất lượng giảng dạy môn học mà GV đảm nhận được đánh giá công khai, khách quan. Qua kết quả khảo sát SV tốt nghiệp đối với GV Khoa năm học 2017-2018, 2018-2019 cho thấy điểm trung bình SV đánh giá GV Khoa đều đạt ở mức tốt (năm 2018-2019: 3,9 điểm, năm 2019-2020: 4 điểm). Điều này cho thấy các GV Khoa XHH&PT đã thực hiện nhiệm vụ giảng dạy một cách nghiêm túc đúng theo quy định của Học viện [H6.06.02.13.DC] [H6.06.04.04]. Qua đó góp phần giúp Khoa đánh giá một cách chính xác năng lực của đội ngũ GV của đơn vị mình.

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng, nhất quán. Bộ môn, Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh để hoàn thiện hơn năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Năng lực của GV Khoa XHH&PT được xác định rõ ràng và được đánh giá bởi chính cá nhân GV cũng như đánh giá từ phía Nhà trường, Khoa, SV theo đúng quy định.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin của một vài GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Ban TCCB HVBC&TT và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng tăng cường năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin cho đội ngũ giảng viên. Khoa và Nhà trường tiếp tục mở các lớp đào

tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên: phương pháp giảng dạy, khai thác cơ sở dữ liệu để nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên. Cuối năm 2020 và đầu năm 2021 Nhà trường đã tổ chức tập huấn GV sử dụng các phần mềm trong đào tạo và NCKH.

Khoa XHH&PT đã đưa vào kế hoạch năm 2021 tập huấn tin học chuyên ngành cho các GV về các kỹ năng thu thập và xử lý thông tin hiện đại phục vụ cho nghiên cứu xã hội học.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Phát triển đội ngũ GV có đủ năng lực, trình độ cao là khâu then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa XHH&PT. Điều này được khẳng định trong chiến lược phát triển Khoa XHH&PT đến năm 2030 và tầm nhìn 2050 với sứ mệnh “Đi đầu về đào tạo nguồn nhân lực XHH và CTXH chất lượng cao trong nghiên cứu báo chí- truyền thông, lý luận chính trị và phát triển cộng đồng”. Cụ thể, “1) Xây dựng vững chắc đội ngũ giảng viên XHH, CTXH đạt chuẩn chuyên môn cao theo hướng đại học nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu đổi mới đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế; 2) Đến năm 2030, 50% những giảng viên có học vị tiến sĩ sau 5 năm đạt chức danh phó giáo sư; 3) Đến năm 2035, những giảng viên công tác ở Khoa từ năm 2025 trở về trước đạt học vị Tiến sĩ; 4) Từ năm 2020 đến 2030, mỗi bộ môn đều có giảng viên đạt chức danh Phó giáo sư hoặc giảng viên cao cấp; và 5) Số lượng tiến sĩ từ 8 lên 12; Phó giáo sư: từ 3 lên 5. Cán bộ giảng dạy từ 13 lên 17” **[H6.06.01.02.DC]**;

Theo tinh thần của Chiến lược phát triển này, trong những năm qua, được sự hỗ trợ của Bộ môn, Khoa, và Nhà trường, đội ngũ GV trẻ của Khoa XHH&PT đã không ngừng hoàn thiện, nâng cao trình độ, Khoa đã có thêm 05 GV bảo vệ thành công luận án tiến sĩ (trong đó 02 GV lấy bằng tiến sĩ ở Úc và 01 tại Hà Lan), 02 GV có học hàm PGS, 02 GV cao cấp và 04 GV chính. Tính đến tháng 11 năm 2020, đội ngũ GV Khoa XHH&PT là 12 GV và đều có trình độ cử nhân trở lên, trong đó 07 GV có học vị tiến

sĩ (chiếm 58,33%), 04 GV có trình độ thạc sĩ (33,33%) và 01 đang theo học chương trình thạc sĩ (8,33%); Đa số GV của Khoa XHH&PT đã có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định [H6.06.01.02.DC].

Cần phải nhấn mạnh rằng, chủ trương xây dựng, phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ là chủ trương xuyên suốt, trọng tâm của Nhà trường nói chung và Khoa XHH&PT nói riêng.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của GV các khoa trong Nhà trường, Ban Tổ chức Cán bộ của Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV - thông qua việc cử đi đào tạo các bậc học dài hạn và các lớp đào tạo ngắn hạn ở trong và ngoài nước [H6.06.01.11.DC]; Tính từ năm 2015 đến nay, Học viện đã cử 3 GV của Khoa tham gia khoá bồi dưỡng chức danh GV cao cấp và gần 200 các khoá đào tạo bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn khác trong và ngoài Học viện (Bảng 6.10 và 6.11). Đối với đội ngũ GV Khoa XHH&PT, nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thông qua việc tham gia các lớp bồi dưỡng chức danh GV cao cấp, bồi dưỡng chức danh GV chính, ngoại ngữ,... (Bảng 6.10) [H6.06.01.11.DC].

Bảng 6.10. Thống kê số lượng GV Khoa XHH&PT tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn từ 2015 - 11/2020

	Số lượng GV tham gia	2015	2016	2017	2018	2019	2020
I	Bồi dưỡng ngắn hạn trong nước						
1	Chức danh GV cao cấp					3	
2	Chức danh GV chính						
3	Nghiệp vụ sư phạm						
4	Ngoại ngữ						
5	Tin học						
6	Bồi dưỡng cán bộ quản lý						
7	Kỹ thuật giảng dạy đại học theo hệ thống tín chỉ						
8	Khác		17	25	40	30	33
II	Bồi dưỡng ngắn hạn nước ngoài		3	1			
III	Đào tạo bồi dưỡng dài hạn						
1	Trong nước	1					
2	Nước ngoài						

Bảng 6.11. Thống kê số lượng GV do Nhà trường cử đi tham gia hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước từ 2016 - 2020

TT	Số lượng GV tham gia	2016	2017	2018	2019	2020
I	Hội nghị, hội thảo quốc gia	4	4	17	4	14
II	Hội nghị, hội thảo quốc tế	1	2	4	3	5

Đồng thời Nhà trường cũng có chính sách cũng như biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ GV nâng cao trình độ như chính sách ưu đãi về tài chính, ưu đãi về giờ giảng như GV được cử đi học tiến sĩ tại Trường được miễn 100% học phí, GV đi học tiến sĩ ngoài trường (trong nước) được hỗ trợ học phí tối đa theo quy định của cơ sở đào tạo [H6.06.01.12.DC].

Nhu cầu phát triển chuyên môn, NCKH của đội ngũ GV còn được Nhà trường, Khoa quan tâm, tạo điều kiện thông qua tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, công bố các nghiên cứu trên các tạp chí khoa học có uy tín (*hỗ trợ đăng báo*), tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và NCKH ở trong và ngoài nước (*đi công tác nước ngoài*), hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài NCKH các cấp. Khuyến khích, khen thưởng và hỗ trợ các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt là đối với những công trình khoa học xuất sắc. Nhà trường tặng giấy khen và hỗ trợ GV có bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI/SCOPUS [H6.06.01.12.DC] [H6.06.02.05.DC]. Tổng kinh phí hỗ trợ của Nhà trường cho các hoạt động trên của Khoa XHH&PT năm 2015 là 102.625.000 đồng; năm 2016 là 73.300.000 đồng; năm 2017 là 109.300.000 đồng; năm 2018 là 139.750.000đồng; năm 2019 là 127.350.000 đồng [H06.06.05.01].

Bảng 6.12. Thống kê kinh phí hỗ trợ đội ngũ GV Khoa XHH&PT

TT	Kinh phí	2015	2016	2017	2018	2019	
I	Kinh phí các lớp bồi dưỡng ngắn hạn	8.925.000		5.000.000	6.000.000	6.000.000	
II	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng dài hạn						
		1	Trong nước	13.400.000		18.500.000	13.350.000
		2	Nước ngoài				
III	Kinh phí dự						
		1	Đi dự hội nghị, hội thảo				

	trong nước					
2	Đi dự hội nghị, hội thảo nước ngoài					
IV	Kinh phí hỗ trợ NCKH					
1	Đề tài cấp Bộ					
2	Đề tài cấp cơ sở	93.700.000 (6 đề tài)	59.900.000 (4 đề tài)	104.300.000 (7 đề tài)	115.250.000 (5 đề tài)	108.000.000 (7 đề tài)
	Tổng cộng:	102.625.000	73.300.000	109.300.000	139.750.000	127.350.000

Đối với Khoa XHH&PT, chủ trương khuyến khích, động viên các GV đi học tập dài hạn như đi học thạc sĩ, nghiên cứu sinh, đặc biệt là đi học ở nước ngoài. Trong giai đoạn 2015-2020, Khoa có 02 GV đi đào tạo ở cấp bậc thạc sĩ, 02 GV đi đào tạo ở cấp bậc tiến sĩ và 02 GV đi đào tạo ĐHV2 chuyên ngành ngôn ngữ Anh. Đến nay, 100% GV của Khoa đã lần lượt tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ mà Nhà trường tổ chức [H6.06.01.11.DC]. Một số GV của Khoa sau khi hoàn thành việc học tập đã được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý như trưởng, phó các Bộ môn. Ngoài ra, theo quy định của Nhà trường, những GV được cử đi học tập và hoàn thành nhiệm vụ của mình đúng thời hạn thì được hưởng chế độ khen thưởng bằng tiền theo quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.12.DC].

Như vậy nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV Khoa XHH&PT được đánh giá và đã có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

2. Điểm mạnh

Học viện có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ GV Khoa XHH&PT được đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo...). Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Tuy Nhà trường có tập hợp nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của GV hàng năm nhưng một số lớp tổ chức tập huấn (GVCC, GVC...) chưa phù hợp về mặt thời gian do việc bố trí lớp học trong giờ hành chính sẽ khó đảm bảo GV tham gia thường xuyên; Các mức hỗ trợ kinh phí cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng, hội thảo bên ngoài trường, thực hiện các nghiên cứu khoa học cấp cơ sở còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Ban TCCB Học viện phối hợp với Khoa XHH&PT tiến

hành khảo sát các GV nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV, xác định rõ các nội dung và hình thức tổ chức các khoá học hợp lý cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học, cụ thể tiến hành theo từng năm học. Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của GV sau mỗi khóa học nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo.

Học viện và Khoa tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí hợp lý để có thể khuyến khích GV tham gia nhiều hơn các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cũng như nghiên cứu và đăng tải các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí có uy tín trong danh mục ISI/SCOPUS.

Trong khi mức ngân sách cho nghiên cứu chưa cao, nên chia phần ngân sách thành 2. Một phần vẫn dành để phân bổ đều cho các khoa, phòng, ban, hỗ trợ cho các hoạt động biên soạn giáo trình, cải tiến hoạt động chuyên môn, v.v... Một phần nên dành chi cho một vài nghiên cứu về các vấn đề nổi bật, ưu tiên hàng năm. Các nghiên cứu này được lựa chọn thông qua hoạt động đấu thầu giữa các khoa, phòng, ban hoặc kết hợp giữa một vài các khoa, phòng, ban có liên quan.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Hàng năm kết quả công việc của đội ngũ GV Khoa XHH&PT trong giảng dạy, NCKH được Nhà trường đánh giá, phân loại theo quy định [H6.06.02.07.DC]. Kết quả công việc của GV được đánh giá căn cứ trên cơ sở khối lượng công việc theo năm học [H6.06.02.01.DC]. Đầu năm học, trên cơ sở khối lượng giảng dạy được Học viện giao, Trưởng bộ môn tiến hành phân công khối lượng giờ giảng cho các GV theo quy định hạng chức danh nghề nghiệp [H06.06.06.01]. Ngoài ra, theo quy định của Học viện, các GV còn phải hoàn thành các khối lượng cụ thể trong NCKH như: viết bài báo, hướng dẫn NCKHSV, tham gia hội thảo, sinh hoạt học thuật, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề [H6.06.02.01.DC]. Đầu mỗi năm học, giảng viên thực hiện đăng ký thi đua theo các chức danh như Lao động tiên tiến hay chiến sỹ thi đua [H06.06.06.02].

Cuối mỗi năm học, Khoa và Học viện tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Nhà trường với các quy định cụ thể về khối lượng

công việc cũng như các quy chế về thi đua khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét ở các mức khác nhau: 1) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 2) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 3) Hoàn thành nhiệm vụ; 4) Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế; và 5) Không hoàn thành nhiệm vụ.

Những GV hoàn thành tốt công việc trong giảng dạy, NKCH và các công việc khác luôn nhận được các danh hiệu xứng đáng: LĐTT, CSTĐCS, Giấy khen của Giám đốc Học viện BCTT, v.v... Mức độ hoàn thành công việc sẽ làm căn cứ bình xét thi đua - khen thưởng cấp cao [H6.06.02.07.DC] [H6.06.06.02.DC]. Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của các cá nhân, tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu đồng thời là cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H06.06.06.03].

Như đã đề cập ở phần 6.2, việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành bằng văn bản và trước toàn thể các CBGV khác trong Khoa, lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua, làm căn cứ để xét duyệt các danh hiệu thi đua [H06.06.02.07.DC]. Trong giai đoạn vừa qua, hầu hết cán bộ là GV của Khoa đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên (Bảng 6.6, 6.13). Khoa XHH&PT liên tục được công nhận là tập thể lao động xuất sắc trong giai đoạn 2015-2020 [H6.06.06.04].

Nhờ những quy định đánh giá, phân loại GV mà năng lực trong giảng dạy và NCKH của GV Khoa XHH&PT ngày càng được hoàn thiện. Trong 5 năm qua, các GV Khoa XHH&PT liên tục đạt danh hiệu CSTĐCS, LĐTT, một số GV được khen thưởng bằng khen cấp Bộ [H06.06.02.07.DC].

Bảng 6.13. Tổng hợp phân loại và đánh giá thi đua Khoa XHH&PT

Năm học	Thi đua cá nhân			
	CSTĐCS	LĐTT	HTNV	Khen thưởng Bậc cao
2015-2016	2	7	3	4
2016-2017	1	10	4	2
2017-2018	2	11	0	2
2018-2019	2	14	0	3
2019-2020	3	13	0	3

Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân đã giúp GV của Khoa nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường.

Bên cạnh việc triển khai đánh giá kết quả hoạt động của GV theo đúng quy định của Nhà trường. Để đảm bảo việc quản trị công việc theo kết quả của GV có tính dân chủ, khách quan, Ban Giám đốc, Ban TCCB luôn lắng nghe và ghi nhận các ý kiến đóng góp của GV. GV luôn được khuyến khích tham gia vào quá trình xây dựng các hệ thống văn bản chính sách trong Học viện. Ví dụ: trước khi ban hành các văn bản quy định về chế độ làm việc, đánh giá cán bộ GV, quy chế khen thưởng, quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm,... Học viện tiến hành gửi công văn góp ý dự thảo tới Khoa và các bộ môn. Các ý kiến đóng góp của GV được tổng hợp thành văn bản gửi cho Ban Tổ chức - Cán bộ hoàn thiện văn bản và trình Ban Giám đốc trước khi ban hành **[H06.06.06.06]**

Sự đóng góp ý kiến của GV được thực hiện qua nhiều hình thức khác nhau như thông qua các cuộc khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên đối với cán bộ quản lý, khảo sát ý kiến phản hồi của GV về công tác quản lý, hoạt động đào tạo và hoạt động NCKH; khảo sát ý kiến phản hồi của GV và sinh viên về hoạt động hỗ trợ của cán bộ khối phòng, ban. Các kết quả thu được từ khảo sát cho thấy sự phản hồi tích cực của các GV đối với công tác quản lý, hoạt động đào tạo và hoạt động NCKH của Nhà trường, các cuộc họp báo cáo tổng kết hội nghị CBVC của Khoa và Nhà trường **[H06.06.06.07], [H06.06.06.08]**.

Tính đến thời điểm hiện nay Nhà trường không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Về cơ bản, công tác quản trị theo kết quả công việc của GV được đánh giá là tốt.

2. Điểm mạnh

Học viện đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV được thực hiện tốt.

Học viện đã ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học (Quản lý điểm, Lý lịch khoa học của giảng viên trên phần mềm đào tạo).

Ban TCCB có các đề xuất cải tiến trong công tác thi đua khen thưởng hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Chưa khai thác tối đa các phần mềm quản lý đào tạo và nhất là trong hoạt động quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm. Cụ thể, Ban Quản lý Khoa học, Ban TCCB và Hội đồng thi đua khen thưởng của Khoa, Học viện chưa có chế tài giúp khai thác triệt để các tài nguyên này trong các hoạt động như: khảo sát/đánh giá, phản hồi chính sách, minh chứng cho các mẫu biểu khai thi đua của GV, v.v... Do vậy, vẫn sử dụng quá nhiều mẫu biểu và minh chứng bằng giấy, công kênh, trùng lặp và gây khó khăn cho công tác kiểm soát, thống kê và báo cáo của cả cá nhân và các Hội đồng thi đua khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 -2021 Nhà trường phối hợp với Khoa XHH&PT và các bộ phận chức năng tiếp tục hoàn thiện hoạt động quản trị theo kết quả công việc của GV thông qua tiến hành khảo sát, cụ thể giao cho Phòng Tổ chức - Cán bộ tổ chức khảo sát đo lường sự hài lòng của GV đối với công tác quản lý, hoạt động đào tạo và hoạt động NCKH, đánh giá cán bộ giảng viên, xét thi đua, khen thưởng để nâng cao hơn nữa hoạt động quản trị theo kết quả công việc.

Cuối năm 2020 và trong năm 2021 Học viện đã ký và đang thực hiện hợp đồng nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo và NCKH, từ đó sẽ giúp cá nhân và lãnh đạo nắm bắt được nhanh chóng và chính xác các thông tin về thành tích của cá nhân đạt được trong năm.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV trong Khoa XHH&PT. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng. Các hoạt động NCKH của GV Khoa XHH&PT được thực hiện theo quy định về Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của HVBC&TT [H6.06.02.05.DC]. Như đã phân tích trong các phần trên, các GV bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy còn phải hoàn thành các khối lượng nghiên cứu khoa học như soạn bài giảng, viết bài báo, hướng dẫn NCKH SV, tham gia hội thảo, sinh hoạt học thuật, nghiên cứu đề tài Khoa học các cấp,

tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề theo quy định của Học viện **[H6.06.02.01.DC]**. Trong kế hoạch NCKH hàng năm, các GV luôn đề ra những mục tiêu nghiên cứu khoa học cụ thể (tham gia đề tài, dự án, hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định **[H06.06.07.03]** **[H06.06.07.04]**. Từ năm 2018, Nhà trường đã ban hành quy định số giờ chuẩn hoạt động khoa học hàng năm đối với mỗi chức danh, học vị của cán bộ, GV trong Trường. Cụ thể, đối với GV cao cấp, giáo sư/phó giáo sư là 900-950 giờ; GV chính là 700 giờ; GV là 600 giờ (Bảng 6.7). Trong quy định cũng ghi rõ các yêu cầu về từng loại hoạt động khoa học được quy đổi và số giờ quy đổi cho mỗi hoạt động. Trên cơ sở giờ quy định về NCKH, Nhà trường tiến hành đối sánh với kết quả thực hiện công tác NCKH của GV và làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành công việc và bình xét thi đua khen thưởng **[H6.06.02.07.DC]**.

Hoạt động NCKH của GV được xác định rõ ràng và quy định cụ thể trong công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của HVBC&TT. Việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp được thực hiện theo đúng quy định: Căn cứ vào kế hoạch NCKH hàng năm, Ban Quản lý Khoa học Học viện thông báo nội dung, kế hoạch xây dựng đề xuất và thuyết minh đề tài, nhiệm vụ NCKH; GV xây dựng đề xuất và thuyết minh đề tài NCKH với Khoa; Hội đồng Khoa học Khoa và Ban Chủ nhiệm Khoa tổ chức xét duyệt, đánh giá và lựa chọn đề tài phù hợp với định hướng phát triển NCKH và đào tạo; Khoa đăng ký danh sách các đề xuất đề tài của GV với Ban Quản lý Khoa học; Ban Quản lý Khoa học được sự uỷ quyền của Hội đồng Khoa Học – Đào tạo của Học viện kiểm tra các đề tài đề xuất của Khoa trước khi báo cáo Nhà trường; lãnh đạo Nhà trường ra quyết định giao đề tài **[H6.06.07.01]**, **[H6.06.02.01.DC]**, **[H6.06.07.07.DC]**.

Hoạt động nghiên cứu của GV được giám sát thông qua Bộ môn, Khoa, Ban QLKH thường xuyên theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện các nhiệm vụ NCKH. Đối với các đề tài NCKH các cấp thì chủ nhiệm đề tài phải báo cáo tiến độ và kết quả 6 tháng một lần đồng thời được đề xuất, kiến nghị các nội dung cụ thể để đảm bảo chất lượng. Với đề tài NCKH sinh viên, lãnh đạo Bộ môn, Khoa thường xuyên kiểm tra tiến độ đối với SV thực hiện và giáo viên hướng dẫn, các đề tài nghiệm thu được đánh giá chặt chẽ theo quy định của Nhà trường **[H06.06.02.05.DC]**.

Kết thúc năm học, Khoa và Học viện sử dụng kết quả NCKH làm một trong những căn cứ đánh giá công tác thi đua, khen thưởng. Đặc biệt, kết quả hoạt động nghiên cứu của GV hàng năm là một trong những cơ sở để Bộ môn, Khoa đánh giá GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến hoặc chiến sĩ thi đua nhằm khuyến khích GV tích

cực tham gia vào hoạt động NCKH. Kết quả NCKH của đội ngũ GV Khoa XHH&PT trong 5 năm học vừa qua được thống kê ở bảng 6.14; 6.15; 6.16; 6.17. Nhìn chung, số lượng các hình thức và công trình khoa học thay đổi theo các năm (Số lượng các sản phẩm khoa học không tính những người đang đi học dài hạn).

Số liệu thống kê cho thấy GV Khoa (thoải mãn các tiêu chuẩn đăng ký và nộp đề xuất nghiên cứu) đều có tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học các cấp với tư cách là chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, chủ biên các sách chuyên khảo và sách giáo trình. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học và đào tạo của Khoa, theo các quy định về Quản lý khoa học của Học viện. Các ấn phẩm khoa học của các giảng viên trong Khoa được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ có chất lượng cao, một số giảng viên đã được khen thưởng, động viên cả về tinh thần và vật chất khi có bài báo đăng tạp chí quốc tế có uy tín trong danh mục ISI/SCOPUS [H06.06.07.02].

Bảng 6.14. Thống kê số lượng đề tài NCKH của Khoa XHH&PT

TT	Phân loại đề tài	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Đề tài cấp NN	0	0	2	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	0	1	3	5	6
3	Đề tài cấp cơ sở	9	11	10	17	14
4	Tổng	9	12	15	22	20

(Ghi chú: * Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước)

Bảng 6.15. Thống kê lượng đầu sách của Khoa XHH&PT được xuất bản

TT	Phân loại sách	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Sách chuyên khảo	4	2	0	2	3
2	Sách giáo trình	0	3	0	2	1
3	Tài liệu tham khảo	4	1	0	2	0
	Tổng	8	6	0	6	4

Bảng 6.16. Thống kê số lượng bài của GV Khoa XHH&PT được đăng tạp chí

T T	Phân loại tạp chí	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Tạp chí khoa học quốc tế	0	3	2	0	2
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	9	18	7	5	8
3	Tạp chí cấp trường	7	11	7	8	10
	Tổng	16	32	16	13	20

Bảng 6.17. Thống kê số lượng báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Hội thảo quốc tế	1	2	5	3	5
2	Hội thảo trong nước	4	4	17	4	18
3	Hội thảo cấp trường	1	1	0	1	0
4	Hội thảo cấp khoa	14	2	7	21	24
	Tổng	20	9	29	29	47

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các Hội nghị Khoa học định kỳ nhằm tổng kết, đánh giá các hoạt động NCKHN của Trường, Khoa thông báo các kết quả nghiên cứu khoa học, khả năng áp dụng với cộng đồng và giới thiệu và trao đổi về khả năng hợp tác, liên kết nghiên cứu khoa học với các đơn vị nghiên cứu ngoài trường. Ngoài thế mạnh nghiên cứu, đăng tải các bài báo quốc tế, Khoa XHH&PT còn luôn chú trọng ưu thế trong các nghiên cứu hợp tác với các cơ quan, tổ chức ngoài Học viện. Ở cấp độ Khoa, bên cạnh các tổ chức có uy tín khác, cơ quan đối tác thường xuyên trong những năm qua phải kể đến Viện FES với những hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và truyền thông về biến đổi khí hậu [H06.06.07.03]. Đáng chú ý là các quan hệ hợp tác, liên kết nghiên cứu ở cấp độ cá nhân các giảng viên. Khoảng 30% giảng viên hàng năm đều tham gia thu thập số liệu và viết báo cáo vào các đề tài cấp Vụ, Viện, Bộ và quốc gia bên ngoài Khoa.

2. Điểm mạnh

Giảng viên Khoa XHH&PT không những đáp ứng tốt năng lực giảng dạy mà còn cả năng lực NCKH. Các GV luôn coi NCKH là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của người giảng viên. Các GV trong Khoa luôn vượt mức giờ NCKH hàng năm do Nhà trường đề ra. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau như đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Quốc gia, bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, sách chuyên khảo, giáo trình có chất lượng tốt. Hàng năm BCN Khoa căn cứ các thành tích NCKH của các GV để khen thưởng, động viên tham gia tích cực hơn nữa trong NCKH, vận dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và giúp đỡ các GV trẻ cùng tham gia NCKH

3. Điểm tồn tại

Tuy có khá nhiều các GV tham gia các đề tài cấp bộ, cấp NN nhưng số GV là chủ nhiệm đề tài còn hạn chế. Các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và chủ yếu là tập trung vào nhóm các GV đã từng được đào tạo ở nước ngoài. Mức độ tham gia NCKH của các GV chưa được đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Khuyến khích GV tích cực đăng ký tham gia đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước, viết nhiều bài báo có hàm lượng khoa học cao để đăng trên các tạp chí quốc tế đồng thời có cơ chế, chính sách hỗ trợ động viên, khen thưởng kịp thời các GV có nhiều thành tích trong NCKH. Phát huy thế mạnh trong nghiên cứu các chủ đề về truyền thông, Khoa thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để định hướng GV trong Khoa tham gia thực hiện các đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Nhà nước, đề tài phục vụ sản xuất, cộng đồng.

Nhà trường và Khoa đang đưa ra các qui định cho các chủ nhiệm đề tài viết giáo trình cần phải huy động nhiều giảng viên khác tham gia (ít nhất là 2-3 người/đề tài), đồng thời động viên nhiều GV trẻ cùng tham gia NCKH, viết giáo trình.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV Khoa XHH&PT đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn và NCKH đảm bảo về chất lượng theo các tiêu chuẩn do Bộ GD & ĐT ban hành. GV được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường đã được công bố công khai. Khoa XHH&PT, HVBC&TT, đề cao công tác

NCKH để giúp giảng viên Ngành XHH bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn. Chất lượng đội ngũ GV Khoa XHH&PT hiện nay đảm bảo đảm đương tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH mà Khoa và Nhà trường giao phó. Công tác đánh giá và động viên khen thưởng luôn được đề cao giúp các GV nâng cao trách nhiệm thực hiện tốt công việc được giao.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí thì cả 7 đều đạt, điểm trung bình đạt 5,14 /7

TIÊU CHUẨN 7 ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Chất lượng đào tạo phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa GV và người học. Tuy nhiên, đội ngũ GV không thể thực hiện tốt nhiệm vụ, người học khó có kết quả học tập tốt nếu thiếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Đội ngũ cán bộ này là những người làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và hỗ trợ người học. Học viện và Khoa XHH&PT chủ trương đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển hệ thống cán bộ hỗ trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trong Chiến lược Phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050 [H07.07.01.01.DC], Học viện đã xác định phát triển nguồn nhân lực là một trong các trọng tâm hàng đầu. Đội ngũ cán bộ được chuẩn hoá và cơ cấu hợp lý về vị trí việc làm, độ tuổi, không ngừng nâng cao về trình độ chuyên môn và các kỹ năng cần thiết để giúp cho sinh viên có những trải nghiệm tốt nhất trong quá trình học tập tại trường. Đặc biệt, bộ máy Học viện được hoàn thiện theo hướng tinh gọn, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tránh chồng chéo, trùng lặp.

Chủ trương này được triển khai trong toàn Học viện. Yêu cầu chuyên môn hoá và tinh nhuệ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ đào tạo thể hiện rất rõ qua các vị trí việc làm và các hoạt động cụ thể tại Khoa và các phòng ban chức năng [H7.07.01.02.DC] [H7.07.01.03.DC]. Trước hết, Khoa hiện có 01 cán bộ văn phòng thực hiện hỗ trợ các chương trình đào tạo, số lượng này không hề thay đổi trong nhiều năm qua. Cụ thể, chuyên viên chính, Thạc sỹ Nguyễn Thị Xuân Nguyên phụ trách tất cả các công việc hỗ trợ khoa và sinh viên như: quản lý điểm, lưu trữ hồ sơ, đón tiếp và xét khen thưởng cho sinh viên, theo dõi sinh viên có kết quả yếu kém, v.v... Ngoài ra, còn có đội ngũ nhân viên hỗ trợ trực tiếp chương trình đào tạo ngành XHH gồm các cố vấn học tập là các giảng viên của Khoa và đội ngũ các lãnh đạo và chuyên viên phòng hỗ trợ thực

hành [H07.07.01.04.DC], [H07.07.01.05.DC].

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ hỗ trợ đào tạo này đều đảm bảo năng lực hỗ trợ tốt cho chương trình đào tạo (Bảng 7.1). Trong đó, có thể thấy một số vị trí, vai trò đáng kể như sau:

Giáo viên chủ nhiệm/Cố vấn học tập ngành XHH (08 cán bộ) là các giảng viên thuộc bộ môn XHH có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trình độ ngoại ngữ từ B1 trở lên hoặc có bằng Đại học ngoại ngữ tại các trường đại học uy tín hoặc có các chứng chỉ tin học quốc tế như IELTS, TOEIC, tương đương B1 trở lên, có trình độ tin học từ B trở lên. Với trình độ chuyên môn và năng lực tin học, ngoại ngữ của mình, các cố vấn học tập có thể hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

Các phòng ban chức năng (16 cán bộ) cũng tạo điều kiện hỗ trợ tốt nhất cho chương trình đào tạo ngành XHH. Các phòng ban như Ban QLĐT, Ban QLKH, phòng CTCT, Trung tâm KT-KĐCL, Phòng thực hành, Trung tâm Thông tin thư viện đều phân công nhân viên trực tiếp phụ trách các vấn đề liên quan đến Khoa XHH&PT nói chung và chương trình đào tạo ngành XHH nói riêng.

Nhân viên các phòng ban trên được phân công hỗ trợ chương trình đào tạo ngành XHH đều có trình độ từ đại học trở lên, trình độ ngoại ngữ từ bậc 2 trở lên và đều có chứng chỉ tin học văn phòng. Trong số đó, nhiều nhân viên được học và nhận chứng chỉ quản lý nhà nước chương trình chuyên viên. Nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành XHH tại các phòng ban trên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH, cũng như các hoạt động cộng đồng khác (Bảng 7.1). Ngoài ra, đội ngũ nhân viên kỹ thuật tại các phòng, ban khác như Phòng Quản trị thiết bị, Ban Quản lý ký túc xá... cũng được phân công đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng để hỗ trợ tốt nhất cho chương trình đào tạo ngành XHH.

Theo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá các năm trong giai đoạn 2018-2020, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hài lòng với đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo tăng đáng kể theo từng năm. Cụ thể, nếu năm 2018, tỷ lệ hài lòng với đội ngũ hỗ trợ đào tạo là 50,3 với mức độ hài lòng là 3,6 thì tỷ lệ tương ứng năm 2019 là 77,7 và 3,9 và năm 2020 là 86,2 và 4,2 [H07.07.01.06.DC].

Bảng 7.1. Danh sách trích ngang cán bộ hỗ trợ chương trình đào tạo ngành XHH

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ			
		Nam	Nữ	Chuyên môn		Tin học	Ngoại ngữ
				Trình độ đào tạo	Chuyên ngành TN		
1	2	3	4	6	7	11	12
I	Cố vấn học tập						
1	Bùi Thu Hương		x	Tiến sỹ	Xã hội học	CNTT cơ bản	Đại học
2	Dương Thị Thu Hương		x	Tiến sỹ	Xã hội học	B	Đại học
3	Nguyễn Thị Thúy Mai	x	x	Tiến sỹ	Xã hội học	B	B2
4	Phạm Võ Quỳnh Hạnh		x	Tiến sỹ	Xã hội học	CNTT cơ bản	B2
5	Phạm Thị Vân		x	Thạc sỹ	Xã hội học	B	IELTS 6.0
6	Nguyễn Thị Ngọc Hué		x	NCS	Xã hội học	B	IELTS 6.0
7	Phó Thanh Hương		x	Thạc sỹ	Xã hội học	B	TOEIC 845
8	Đỗ Đức Long		x	Cử nhân	Xã hội học	B	B1
II	Văn phòng Khoa - Hỗ trợ CTĐT						
9	Nguyễn Thị Xuân Nguyên		x	Thạc sỹ	Xã hội học	B	B1
III	Cán bộ thư viện						
10	Vũ Thị Hồng Luyến		x	Thạc sỹ	Thư viện học	CNTT nâng cao	B1
11	Lê Thị Phương Hào		X	Thạc sỹ	Công nghệ TT	Thạc sỹ CNTT	CN tiếng Anh
12	Phạm Thị Hằng		x	Thạc sỹ	Lưu trữ học	B	B
IV	Cán bộ phòng thực hành						
13	Nguyễn Thái Hà	x		Thạc sỹ	Báo chí	CNTT cơ bản	
14	Nguyễn Thị Thanh Loan		x	Cử nhân	Tin học	Kỹ sư CNTT	C
V	Cán bộ Công nghệ thông tin						
15	Lê Khánh Hùng	x		Cử nhân	Xã hội học	CNTT cơ bản	B1
16	Vũ Hồng Thái	x		Thạc sỹ		Thạc sỹ CNTT	

VI Phòng Đào tạo đại học							
17	Phạm Hữu Thuận	x		Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	B	B1
VII Cán bộ ban QLKH							
18	Lê Trần Lan Hương		x	Thạc sỹ	Báo chí học	B	CN
VIII Cán bộ phòng CTCT							
19	Thái Hồng Đức	x		Thạc sỹ	Chính trị học	B	C
20	Phạm Ngọc Thúy Hằng		x	Thạc sỹ	Xã hội học	Cơ bản	CN
21	Lê Trung Thu		x	Thạc sỹ	Xã hội học	B	B
IX Cán bộ Trung tâm KT-KĐCL							
22	Trần Thị Thảo Anh		x	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	C	B1
23	Trần Đình Đức	x		Thạc sỹ	Lịch sử Đảng	B	B
24	Hoàng Việt Linh	x		Cử nhân	Sư phạm Vật Lý	CNTT cơ bản	B1

2. Điểm mạnh

Học viện có chiến lược và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ rõ ràng, đội ngũ nhân viên hỗ trợ các hoạt động của chương trình đào tạo ngành XHH luôn được đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Nhiều vị trí nhân viên hỗ trợ trong Học viện còn do các giảng viên kiêm nhiệm như đội ngũ cố vấn học tập và vì vậy mức độ hỗ trợ người học là chưa thật sự sát sao do các cố vấn học tập vẫn phải thực hiện công tác giảng dạy tại Học viện và ở các địa phương khác. Tuy nhân viên hỗ trợ ở các phòng ban có trình độ cao, nhưng chuyên ngành đào tạo của các nhân viên hỗ trợ tại các phòng ban chưa thật sự phù hợp thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021-2022, Ban Tổ chức cán bộ chủ trì rà soát, bổ sung quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ giai đoạn 2020-2025 ở các Khoa, Phòng, Trung tâm để đáp ứng tốt hơn về nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện. Tuyển dụng/phân công một cán bộ làm công việc cố vấn/hỗ trợ học tập chuyên trách cho từng nhóm Khoa và/hoặc toàn trường

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Công tác tuyển dụng nhân sự thực hiện nghiêm túc theo các văn bản nhà nước: Nghị định 116 về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước; Nghị định 29 về việc sử dụng, tuyển dụng và quản lý viên chức Luật viên chức; Luật giáo dục đại học năm 2019 [H7.07.02.01]; Ngoài ra Học viện còn có các ban hành quy chế về tuyển dụng nhân viên [H7.07.01.02.DC] và Kế hoạch và hướng dẫn công tác quy hoạch cán bộ quản lý, lãnh đạo [H7.07.01.03.DC].

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên căn cứ vào nhu cầu của các Khoa, Phòng, Ban và Trung tâm. *Các tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng và minh bạch* theo Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức của Học viện (Đã trình bày trong Tiêu chuẩn 6) và phù hợp với yêu cầu thực tế của các Khoa và Phòng ban. Sau khi có kết quả tuyển dụng, Ban TCCB có trách nhiệm công bố cho ứng viên theo đúng quy định [H7.07.01.02.DC].

Về cơ bản, các tiêu chuẩn được nhấn mạnh là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm theo yêu cầu của Khoa và Nhà trường. *Hệ thống các tiêu chí tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ được xây dựng, cập nhật và bổ sung phù hợp với điều kiện tình hình thực tế và dựa trên khảo sát nhu cầu và các ý kiến góp ý phản biện của cá đơn vị.* Ban Tổ chức cán bộ của Nhà trường đóng một vai trò không nhỏ trong quá trình này. Sau khi phụ trách công tác dự thảo, Ban còn chịu trách nhiệm lấy ý kiến, tổng hợp và trên cơ sở đó hoàn thiện Quy định và trình Ban giám đốc phê duyệt trước khi ban hành chính thức [H07.07.02.04].

Cán bộ hỗ trợ có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước và yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với từng chức vụ quản lý và được phòng/ban giới thiệu sẽ được quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo để đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ rõ ràng và minh bạch trong Quy định về công tác bổ nhiệm miễn nhiệm của HVBC&TT [H7.07.01.03.DC] và Kế hoạch hướng dẫn công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý [H7.07.01.03.DC]. Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý được công khai và gửi cho các phòng ban chức năng và các Khoa [H07.07.02.05].

Trong khoảng thời gian từ 2016 đến nay, không có bất kỳ khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến công tác bổ nhiệm, tuyển dụng và điều chuyển cán bộ quản lý và nhân viên ngành XHH.

2. Điểm mạnh

Văn bản liên quan tới tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Học viện xác định và công khai. Các tiêu chí tuyển dụng cán bộ hỗ trợ được quy định rõ ràng trong thông tin tuyển dụng. Các tiêu chí tuyển dụng được xác định thông qua nhu cầu hoạt động của Học viện, ý kiến đóng góp của các Bộ môn, Phòng ban chuyên môn. Những cán bộ hỗ trợ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Học viện.

3. Điểm tồn tại

Các kế hoạch tuyển dụng hàng năm còn chưa phù hợp với đề án vị trí việc làm do sự thay đổi trong cách thức, quy mô tuyển sinh, cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự phụ trách các đơn vị chức năng trong thời gian qua.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021, Học viện, Ban TCCB tiếp tục hoàn thiện đề án vị trí việc làm, tiếp tục triển khai công tác tinh giản biên chế và điều chuyển nhân viên kiêm nhiệm công việc giữa các phòng ban. Học viện có kế hoạch xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể để giúp triển khai và đánh giá, quy hoạch và phát triển đội ngũ nhân viên.

Tiếp tục động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Hiện nay, cán bộ hỗ trợ trực tiếp CTĐT ngành XHH tại văn phòng khoa là 1 người. Nhân viên hỗ trợ thuộc văn phòng Khoa có trình độ thạc sỹ, có trình độ tiếng anh B1, có trình độ tin học cơ bản. 4 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học lớp cho sinh viên ngành XHH đều có trình độ từ Cử nhân trở lên. 100% nhân viên hỗ trợ tại Ngành XHH có trình độ từ đại học trở lên (100%), có 03 người có trình độ là PGS, 5 người là TS, 01 người là NCS 03 người là ThS và 01 người là cử nhân [H7.07.01.03.DC], [H7.07.01.05.DC], [H7.07.03.01.DC].

Để đảm bảo chất lượng, các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: kỹ năng tin học, tiếng Anh... [H7.07.03.02.DC]. Hàng năm, đội ngũ cán bộ hỗ trợ đều được tham gia các khóa bồi dưỡng cán bộ về Nghiệp vụ sư phạm, Tin học, Ngoại ngữ,

quản lí hành chính nhà nước, Quốc phòng - An ninh, được tạo điều kiện để bồi dưỡng nâng cao trình độ, có nhiều người được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, được tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và ở nước ngoài, được tham gia thực hiện các đề tài NCKH... đáp ứng được chức năng nhiệm vụ đảm nhận. Đa số đội ngũ cán bộ hỗ trợ đạt danh hiệu hoàn thành nhiệm vụ và lao động tiên tiến (Bảng 7.2 và 7.4) [H7.07.03.03.DC], [H7.07.03.04.DC]. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Học viện đối với đóng góp thành tích của đội ngũ hỗ trợ.

Việc đánh giá cán bộ hỗ trợ hàng năm được đưa ra trong các Quy định và quyết định về công tác thi đua khen thưởng [H7.07.03.05.DC] và công văn hướng dẫn đánh giá thi đua hàng năm [H7.07.03.06.DC]. Theo đó, quy trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo 3 bước:

(1) Làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao theo các tiêu chí như i) Nắm vững chuyên môn nghiệp vụ và thực hiện tốt các nguyên tắc, quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến công việc được giao; ii) Phát hiện, đề xuất các giải pháp để kịp thời điều chỉnh những thiếu sót và nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc được giao; iii) Đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện và trang bị làm việc phục vụ công việc của đơn vị; iv) Thực hiện chế độ quản lý hồ sơ tài liệu, tư liệu, phương tiện và trang bị làm việc đúng quy định; v) Nghiêm chỉnh chấp hành quy định của pháp luật, Học viện về vệ sinh môi trường, an toàn lao động trong khi làm việc; vi) Có khả năng sử dụng các thiết bị văn phòng, phương tiện và các trang thiết bị khác phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; vii) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; viii) Sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ phối hợp và ix) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị.

(2) Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp đề đồng nghiệp đóng góp ý kiến.

(3) Lãnh đạo đơn vị nhận xét và đánh giá.

(4) Quyết định đánh giá, phân loại của đơn vị trong Biên bản họp nhận xét đánh giá, phân loại viên chức hàng năm.

Công tác đánh giá đội ngũ nhân viên được thực hiện hàng năm vào tháng 11, 12 theo đúng các quy định về quy trình. Ngoài ra năng lực, thái độ, kết quả làm việc của đội ngũ nhân viên còn được đánh giá qua khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên từ GV và người học.

Cán bộ hỗ trợ được đánh giá phân loại hàng năm nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mạnh mẽ, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Các cá nhân được phân loại theo các mức không hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ; căn cứ vào các tiêu chí về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và tinh thần, thái độ làm việc và kết quả hoạt động khoa học công nghệ, phát minh, sáng kiến. Theo kết quả thống kê ba năm 2017-2019, đội ngũ cán bộ hỗ trợ CTĐT ngành XHH đều đạt mức và chủ yếu là mức HTNV trở lên (Bảng 7.2). Như trên đã đề cập, tỷ lệ sinh viên hài lòng với đội ngũ hỗ trợ CTĐT ngành XHH tăng lên đáng kể trong những năm gần đây [H7.07.01.07.DC]. Điều này chứng tỏ sự nỗ lực tự đào tạo, bồi dưỡng và hoàn thiện không ngừng của đội ngũ này.

**Bảng 7.2. Thống kê kết quả đánh giá phân loại cán bộ hỗ trợ CTĐT
Ngành XHH**

TT	Họ và tên	Kết quả đánh giá, xếp loại		
		2017	2018	2019
I	Cố vấn học tập			
1	Bùi Thu Hương	HTXS NV	HTXS NV	HTNV
2	Dương Thị Thu Hương	HTXS NV	HTNV	HTXS NV
3	Nguyễn Thị Thúy Mai	HTNV	HTNV	HTNV
4	Phạm Võ Quỳnh Hạnh	HTNV	HTXS NV	HTNV
5	Phạm Thị Vân	HTNV	HTNV	HTNV
6	Nguyễn Thị Ngọc Huế	HTNV	HTNV	HTNV
7	Phó Thanh Hương		HTNV	HTNV
8	Đỗ Đức Long	HTNV	HTNV	HTNV
II	Văn phòng khoa-hỗ trợ chương trình đào tạo			
9	Nguyễn Thị Xuân Nguyên	HTNV	HTNV	HTNV
III	Cán bộ thư viện			
10	Vũ Thị Hồng Luyến	HTXS NV	HTNV	HTNV
11	Lê Thị Phương Hảo	HTNV	HTNV	HTNV
12	Phạm Thị Hằng	HTNV	HTNV	HTNV
IV	Cán bộ phòng thực hành			
13	Nguyễn Thái Hà	HTNV	HTNV	HTNV
14	Nguyễn Thị Thanh Loan	HTNV	HTNV	HTNV
V	Cán bộ công nghệ thông tin			
15	Lê Khánh Hùng	HTNV	HTNV	HTNV
16	Vũ Hồng Thái	HTNV	HTXS NV	HTNV
VI	Cán bộ Ban Quản lý đào tạo			
17	Phạm Hữu Thuận	HTNV	HTNV	HTNV

VII	Cán bộ ban QLKH			
18	Lê Trần Lan Hương	HTNV	HTNV	HTNV
VIII	Cán bộ phòng CTCT			
19	Thái Hồng Đức	HTNV	HTNV	HTNV
20	Phạm Ngọc Thúy Hằng	HTNV	HTNV	HTNV
21	Lê Trung Thu	HTNV	HTNV	HTNV
IX	Cán bộ Trung tâm KT-KĐCL			
22	Trần Thị Thảo Anh	HTNV	HTNV	HTNV
23	Trần Đình Đức	HTNV	HTNV	HTNV
24	Hoàng Việt Linh	HTNV	HTNV	HTNV

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá, phân loại đội ngũ cán bộ hỗ trợ công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Học viện. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến đánh giá kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện thường xuyên.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đều là các cán bộ trẻ, năng động và nhiệt tình. Đội ngũ này luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực chuyên môn từ phía Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Áp dụng các hạn mức và phân bổ đều các hạn mức danh hiệu theo số lượng cán bộ giảng viên và nhân viên của từng Khoa, Phòng Ban. Ngoài việc hạn mức này khiến cho kết quả không chính xác giữa các Khoa, mặt khác trong nội bộ một khoa, các danh hiệu cao hơn chủ yếu tập trung vào nhóm giảng viên, cán bộ quản lý và có thâm niên công tác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, hạn mức danh hiệu thi đua được áp dụng trên phạm vi toàn trường chứ không nên được phân bổ đồng đều cho các khoa, phòng, ban. Cá nhân vẫn tự đánh giá, cho điểm, tự nhận danh hiệu, báo cáo và nhận phản hồi trong phạm vi từng khoa. Sau khi nhận điểm số đánh giá của từng cán bộ giảng viên và hỗ trợ, Hội đồng thi đua Học viện sẽ tổng hợp, sắp xếp từ cao xuống thấp, xếp loại và công nhận danh hiệu theo các hạn mức trên áp dụng theo danh sách chung của các cán bộ giảng viên và cán bộ hỗ trợ CTĐT toàn trường.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là điều kiện quyết định để Học viện có thể phát triển trong môi trường cạnh tranh. Vì vậy, chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên, đặc biệt chú trọng về chất lượng hỗ trợ cho công tác đào tạo luôn được Học viện quan tâm và thể hiện trong các giải pháp chiến lược phát triển Học viện trong mục tiêu phát triển đội ngũ CBVC đến năm 2035 và tầm nhìn đến 2050 [H07.07.04.01]. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên luôn được Học viện xây dựng kế hoạch để phù hợp với tầm nhìn chiến lược này [H7.07.01.01.DC] [H7.07.01.02.DC] [H7.07.01.03.DC].

Kế hoạch mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tiến hành được gửi đến các đơn vị liên quan để các nhân viên có kế hoạch đăng ký tham gia, lập danh sách đăng ký tham gia và gửi về Ban Tổ chức - Cán bộ. Trong giai đoạn từ 2015-nay, Học viện luôn cử một lượng đông đảo đội ngũ nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như: các lớp ngắn hạn về chuyên môn, học đại học và sau đại học, ngoại ngữ, tin học, quản lý nhân sự, tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, bồi dưỡng công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục, v.v. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên còn được Học viện khuyến khích thi thăng hạng [H07.07.04.01]. Trong năm 2020, toàn trường có 111 lượt cán bộ lãnh đạo và nhân viên hỗ trợ được cử đi tham gia 12 khóa tập huấn ngắn hạn và tham gia các hội nghị, hội thảo nhằm nâng cao trình độ (Bảng 7.3) [H7.07.04.02.DC]. Các cán bộ hỗ trợ được tham gia các khóa bồi dưỡng này, nhờ đó hiệu quả công việc được cải thiện rõ rệt.

Bảng 7.3. Kế hoạch chi tiết đào tạo bồi dưỡng cán bộ hỗ trợ 2016-2020

STT	Tên lớp	Thời gian	Số lượng	Đơn vị chủ trì	Kinh phí
1	Bồi dưỡng giáo dục quốc phòng an ninh đối tượng 3	16/10/2017	1	HVCTQG HCM	HVCTQG HCM chi trả
2	Tập huấn về ứng cứu sự cố và an toàn hệ thống thông tin	19/6/2017	2	HVCTQG HCM	HVCTQG HCM chi trả
3	Bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu khoa học	6/11/2017	1	HVCTQG HCM	HVCTQG HCM chi trả
4	Tập huấn công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên năm học 2017-2018	10/11/2017	1	Bộ Giáo dục và ĐT	HVCTQG HCM chi trả
5	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính	8/7/2018	2	CT Cổ phần GDVN	Tự túc
6	Bồi dưỡng về triển khai các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm đợt 1 năm 2018	7/9/2018	1	Trung tâm chuyên giao tri thức và hỗ trợ khởi nghiệp, Đại học quốc gia Hà Nội	2.000.000 + CTP
7	Bồi dưỡng Khai thác tài nguyên giáo dục mở	1/8/2019	3	Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam	800.000 + CTP
8	Tập huấn công tác chuyên giao công nghệ và sử dụng, vận hành phần mềm quản lý cán bộ	26/8/2019	1	HVCTQG HCM	CTP

9	Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương	30/11/2020	1	HVCTQGHCM	HVCTQG HCM chi trả
10	Tập huấn Công tác lưu trữ, tư vấn - hướng dẫn, thiết lập hệ thống tài liệu lưu trữ năm 2020	23/10/2020	6	HVBC&TT	
11	Bồi dưỡng kiến thức tin học	6/10/2020	1	HVBC&TT	
12	Đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp	17/10-15/11/2020		ĐH Quốc gia HN	10.950.000/ người
TỔNG		12			

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng năng lực của cán bộ hỗ trợ, Học viện đã tiến hành tổ chức các cuộc đối thoại tại hội nghị CBVC [H7.07.03.04.DC], giữa Ban Giám đốc với sinh viên [H7.07.04.04], giữa lãnh đạo Khoa với sinh viên chính quy trong Khoa [H7.07.04.05] nhằm lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của cán bộ và sinh viên đối với đội ngũ hỗ trợ chương trình đào tạo của Học viện và của Khoa.

Học viện và Khoa XHH&PT luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ hỗ trợ CTĐT được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước, đối với những nhân viên đi học tập bồi dưỡng sẽ được Học viện hỗ trợ về thời gian làm việc và kinh phí học tập, bồi dưỡng. Học viện đã có các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên, nhân viên, hỗ trợ về chế độ chính sách thể hiện qua Quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.04.06], kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Học viện.

Ngành XHH hiện có đội ngũ cán bộ hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý sinh viên và các hoạt động khác liên quan đến công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên. Cụ thể, khoa có 01 cán bộ văn phòng kiêm quản lý sinh viên. Bên cạnh các cán bộ chuyên trách, khoa còn có một số giảng viên kiêm nhiệm làm các công tác hỗ trợ sinh viên như: cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm, thư ký khoa học,

phát triển Đảng, truyền thông, HTQT... [H7.07.01.04.DC] Các cán bộ hỗ trợ của khoa đã được BCN Khoa định hướng nhu cầu đào tạo bồi dưỡng để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc trong tương lai. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, khoa còn có sự hỗ trợ, phối hợp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh nghiệm. Đây là các cán bộ kỹ thuật viên, nhân viên làm việc ở các Trung tâm, Phòng ban, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, v.v... [H7.07.01.10.DC].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Học viện và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ được đảm bảo thực hiện.

Bên cạnh cán bộ hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường.

Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV.

3. Điểm tồn tại

Trong một chừng mực nào đó, đội ngũ chuyên viên ở văn phòng Khoa, Bộ môn chưa được quan tâm giống như đội ngũ nhân viên thuộc các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ.

Học viện và Khoa sau khi tổ chức các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi của nhân viên hỗ trợ về hiệu quả của các hoạt động trên, mà chủ yếu là do các chuyên gia/giáo viên giảng dạy tự lấy ý kiến phản hồi từ người tham gia đề thay đổi phương pháp giảng dạy cũng chất lượng của bài giảng của riêng mình.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Ban Tổ chức cán bộ phối hợp với các đơn vị chức năng rà soát nhu cầu nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm; xây dựng kế hoạch đào tạo lại, đào tạo nâng cao chuyên môn cho các nhân viên để các hoạt động hỗ trợ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học được hiệu quả hơn. Đồng thời tiếp tục động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt hơn cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ

cộng đồng.

Từ năm 2021, Ban TCCB tiến hành lấy ý kiến phản hồi của những người tham gia về hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng mỗi khi các khóa học kết thúc.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Học viện, các Phòng, Ban, Trung tâm và Khoa XHH&PT luôn quan tâm, quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho nhân viên trong quá trình làm việc và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Học viện đã ban hành quy định về chế độ làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên công khai, rõ ràng [H07.07.05.01] [H7.07.05.02]. Học viện cũng đã ban hành quy định về đánh giá, thi đua, khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên hàng năm dựa theo các tiêu chí về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao [H7.07.03.01.DC].

Học viện, Khoa XHH&PT thực hiện đánh giá định kỳ kết quả thực thi công việc và xem xét thi đua khen thưởng của đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo một quy trình chặt chẽ theo các bước: Quy định/công văn hướng dẫn -> các bước tiến hành đánh giá ở các đơn vị -> các bước tiến hành đánh giá ở cấp Học viện -> kết quả. Dựa vào kết quả thực hiện của các cán bộ, các Ban - Phòng - Khoa và Học viện thành lập hội đồng tiến hành họp xét sau đó công bố kết quả cho CBVC trong toàn trường được biết [H7.07.05.03] [H7.07.05.03], [H7.07.05.04]. Kết quả thi đua khen thưởng trong các năm gần đây của đội ngũ cán bộ hỗ trợ chương trình đào tạo Ngành Xã hội học giai đoạn 2015 - 2019 được thể hiện trong bảng 7.4 [H7.07.05.05],[H7.07.03.03.DC].

Bảng 7.4. Thống kê kết quả thi đua khen thưởng của cán bộ hỗ trợ CTĐT Ngành XHH

TT	Họ và tên	Kết quả thi đua, khen thưởng				
		2015	2016	2017	2018	2019
I	Cố vấn học tập					
1	Bùi Thu Hương		LĐTT	LĐTT	CSTĐ	LĐTT
2	Dương Thị Thu Hương	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	CSTĐ
3	Nguyễn Thị Thúy Mai		HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT

4	Phạm Võ Quỳnh Hạnh	HTNV	LĐTT	LĐTT	CSTĐ	LĐTT
5	Phạm Thị Vân	LĐTT		LĐTT	LĐTT	LĐTT
6	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	HTNV	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT
7	Phó Thanh Hương		HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT
8	Đỗ Đức Long	LĐTT			LĐTT	LĐTT
II	Văn phòng khoa-hỗ trợ chương trình đào tạo					
9	Nguyễn Thị Xuân Nguyên	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
III	Cán bộ thư viện					
10	Vũ Thị Hồng Luyến	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
11	Lê Thị Phương Hảo	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
12	Phạm Thị Hằng		LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
IV	Cán bộ phòng thực hành					
13	Nguyễn Thái Hà	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
14	Nguyễn Thị Thanh Loan		HTNV		LĐTT	LĐTT
V	Cán bộ công nghệ thông tin					
15	Lê Khánh Hùng	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
16	Vũ Hồng Thái	LĐTT	LĐTT	CSTĐ	LĐTT	LĐTT
VI	Cán bộ Ban Quản lý đào tạo					
17	Phạm Hữu Thuận	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
VII	Cán bộ ban QLKH					
18	Lê Trần Lan Hương	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
VIII	Cán bộ phòng CTCT					
19	Thái Hồng Đức	LĐTT	LĐTT		LĐTT	LĐTT
20	Phạm Ngọc Thúy Hằng	LĐTT	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT
21	Lê Trung Thu	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
IX	Cán bộ Trung tâm KT-KĐCL					
22	Trần Thị Thảo Anh	HTNV	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
23	Trần Đình Đức	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT
24	Hoàng Việt Linh	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT	LĐTT

Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng thì những cán bộ hỗ trợ có kết quả làm việc tốt đáp ứng các tiêu chuẩn trong thông báo của Học viện về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, viên chức sẽ được xét nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định chung của Học viện [H07.07.05.06], [H7.07.05.07].

Ngoài ra, dựa vào kết quả đánh giá phân loại cán bộ viên chức của đội ngũ cán bộ phục vụ hàng năm, Học viện tính toán và chi trả mức thu nhập tăng thêm tương ứng để nhằm khuyến khích đội ngũ cán bộ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ

[H07.07.05.08]. Trong các báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hàng năm của Học viện đã thể hiện rõ việc hoàn thành tốt nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên từ đó động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ hỗ trợ trong nhà trường nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H7.07.03.04.DC]**.

Việc quản trị theo kết quả công việc thông qua công tác thi đua khen thưởng, đánh giá phân loại viên chức hàng năm và quản trị quá trình làm việc thông qua hoạt động chấm công thời gian làm việc của đội ngũ nhân viên đã góp phần khuyến khích, tạo động lực làm việc, đồng thời tác động tới các nhân viên hỗ trợ thực hiện cải thiện hiệu quả công việc để hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của chương trình đào tạo ngành XHH. Tuy chưa thể đo lường cụ thể được việc cải thiện đó như thế nào, nhưng có thể thấy được việc cải thiện đó thông qua các kết quả sau: 1) Các vấn đề thắc mắc, góp ý của cán bộ giảng viên và người học được thể hiện tại các buổi đối thoại, tọa đàm liên quan đến hoạt động hỗ trợ của nhân viên đối với chương trình đào tạo ngành XHH hầu hết đã được giải quyết và thay đổi sau đó, các ý kiến thắc mắc năm sau không còn bị lặp lại so với năm trước thể hiện các vấn đề đó đã được cải thiện **[H07.07.05.09]**; 2) Việc quy định chấm công thời gian làm việc hàng ngày khiến cho đội ngũ nhân viên phải thực hiện nghiêm túc hơn về thời gian làm việc, giảm hiện tượng đi sớm về muộn, điều đó được thể hiện qua bảng chấm công thời gian làm việc hàng ngày **[H7.07.05.10]**.

Có những phản hồi tích cực về hoạt động của đội ngũ nhân viên thông qua kết quả của các hoạt động khảo sát các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên qua các năm trong giai đoạn từ 2016-nay **[H7.07.03.05.DC]**.

Bên cạnh đó, để đảm bảo quy chế dân chủ trong việc đóng góp ý kiến của đội ngũ cán bộ viên chức, trước khi ban hành các quy định về thi đua khen thưởng hoặc quy định đánh giá việc thực hiện công việc, Học viện công bố các văn bản quy định dự thảo gửi về các đơn vị để lấy ý kiến đóng góp từ các cán bộ viên chức **[H7.07.05.11]** sau đó tập hợp chỉnh sửa rồi mới ban hành các quy định chính thức. Việc làm trên cũng nhằm để góp phần giúp đội ngũ này cải thiện hiệu quả công việc của mình, đồng thời khi được góp ý xây dựng các quy định sẽ giúp họ hài lòng hơn trong công tác thi đua khen thưởng và đánh giá hiệu quả công việc của Học viện.

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua khen thưởng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định rõ ràng và công khai giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Học viện và Khoa.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc.

Nhân viên được tham gia trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá.

3. Hạn chế

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ rất khó để có thể đạt được các danh hiệu thi đua cao nhất, đặc biệt là danh chiến sĩ thi đua cơ sở và nâng lương trước thời hạn theo các tiêu chuẩn trong quy định của công tác thi đua khen thưởng.

Nhiều chỉ tiêu đánh giá kết quả công việc của các vị trí việc làm còn chưa thực sự chi tiết.

Chưa triển khai khảo sát sự hài lòng của nhân viên hỗ trợ về kết quả đánh giá và kết quả thi đua- khen thưởng của Nhà trường.

Học viện chưa có hệ thống theo dõi sự cải tiến của nhân viên sau đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Ban Tổ chức cán bộ cần có những thay đổi quy định thi đua khen thưởng cho phù hợp để tạo điều kiện cho các cán bộ hỗ trợ đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Từ năm 2021, Văn phòng cần xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu cụ thể, định lượng được và dễ hiểu để làm cơ sở triển khai nhiệm vụ của từng cán bộ hỗ trợ. Đây cũng sẽ là căn cứ xác định hiệu quả công việc của mỗi cán bộ, làm cơ sở tạo động lực cho người lao động và nâng cao hiệu quả công tác tính lương theo hiệu quả công việc.

Tiến hành khảo sát sự hài lòng của đội ngũ nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của Nhà trường.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa XHH&PT, HVBC&TT đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Học viện đã được công bố công khai. HVBC&TT, Khoa XHH&PT tạo điều kiện cũng như khuyến khích cán bộ hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ hiện nay đảm bảo đảm đương được công tác phục vụ giảng dạy, NCKH của Khoa, Học viện.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí, cả 5 đều đạt, điểm trung bình là 5/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 8

NGƯỜI HỌC VÀ SỰ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Năm 2014, HVBC&TT đã chuyển đổi từ hình thức đào tạo theo niên chế sang hình thức đào tạo theo tín chỉ để đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT và xu thế của thời đại. Ưu điểm của hình thức đào tạo này là giúp người học tăng cường ý thức trách nhiệm đối với việc học tập của bản thân và thực hiện dân chủ hoá trong giáo dục. Người học có thể tham gia vào tất cả các khâu trong tiến trình đào tạo: từ việc cơ cấu các môn học dựa trên hệ thống tự chọn đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện tiến trình đào tạo tùy theo điều kiện và năng lực về tài chính và quỹ thời gian của mình.

Trong giai đoạn từ năm 2015 - nay, Khoa XHH&PT đã xây dựng cho ngành XHH chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể và phương pháp xét tuyển công khai. Chính sách tuyển sinh được được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Sinh viên ngành XHH được học tập và rèn luyện trong môi trường tốt: được tư vấn và hỗ trợ kịp thời, thường xuyên; được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm đến hệ thống CVHT, giáo viên chủ nhiệm, cán bộ văn phòng Khoa, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan trong Nhà trường. Ngoài ra, Học viện còn tạo môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan trong khuôn viên sạch, đẹp, tiện ích; từ đó nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả

Hàng năm, các thông tin về tuyển sinh ngành XHH của HV BC&TT luôn cụ thể, rõ ràng: khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh, điều kiện nhận hồ sơ, phương thức tuyển sinh, hình thức xét tuyển, đối tượng ưu tiên, đối tượng tuyển thẳng [H8.08.01.01]...với chỉ tiêu hàng năm ổn định khoảng 50 sinh viên, Việc lựa chọn chỉ tiêu tuyển sinh nhằm đảm bảo tỷ lệ giáo viên/sinh viên và điều kiện cơ sở vật chất theo Quy định của Bộ GD&ĐT (H8.08.01.02) và căn cứ vào nhu cầu của nhà tuyển dụng (H8.08.01.03). Nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, hàng năm Học viện đều xây dựng Quy trình chính sách tuyển sinh nhằm phù hợp với tình hình thực tế [H8.08.01.04], quy trình này được bàn bạc và thông qua hội đồng tuyển sinh [H8.08.01.05]. Thông qua các nội dung được thảo luận trong các cuộc họp HĐ tuyển sinh [H8.08.01.06] để đánh giá hiệu quả tuyển sinh của năm trước, thảo luận chính sách tuyển sinh cho năm học và các kênh quảng bá tuyển sinh.

Bảng 8.1: Bảng đối sánh chính sách tuyển sinh cho ngành XHH giai đoạn 2015-2019 [H8.08.01.07]

Nội dung	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018		Năm 2019			
	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
Đối tượng tuyển sinh	Đã tốt nghiệp THPT			Đã tốt nghiệp THPT			Đã tốt nghiệp THPT (riêng ĐH Thủy Lợi yêu cầu có điểm trung bình từ 5.5 trở lên)			Đã tốt nghiệp THPT (riêng ĐH Thủy Lợi yêu cầu có điểm trung bình từ 5.5 trở lên)		Là công dân Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đủ sức khỏe và không vi phạm pháp luật			
Phạm vi tuyển sinh	Cả nước			Cả nước			Cả nước			Cả nước		Cả nước			
Phương thức tuyển sinh	Thi tuyển			Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia; Tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT			Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia; Tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT			Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: (1), (2), (3) áp dụng		Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: (1), (2), (3) áp dụng			
										Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT: (1), (2), (3) áp dụng		Tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT: (1), (2), (3) áp dụng			
										Xét tuyển theo học bạ: (2) (3) áp dụng		Xét tuyển theo học bạ: (2) (3) áp dụng			
										(3) áp dụng thêm 3 trường hợp tuyển thẳng khác như học sinh đạt giải nhất nhì cấp Tỉnh/thành phố, học sinh trường chuyên và học sinh giỏi 3 năm THPT		(3) áp dụng thêm 3 trường hợp tuyển thẳng khác như học sinh đạt giải nhất nhì cấp Tỉnh/thành phố, học sinh trường chuyên và học sinh giỏi 3 năm THPT			

							năm THPT									
Tổ hợp môn thi/ xét tuyển	C03 C04 D01			C03	C04	D01	C03	C04	D01	C03	C04	D01	C14	C03	C04	D01
Điểm trúng tuyển	20.75	20.75	20.75	20.5	22	20.75	20.75	20.75	20.75	22.75	22.75	22.25	22.75	19.25	18.25	18.75
Điểm ưu tiên	Áp dụng chính sách cộng điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng vào điểm thi/điểm xét tuyển (Điểm ưu tiên từ 0,5 đến 2 điểm)															
Đối tượng ưu tiên	Theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, Cao đẳng do Bộ GD&ĐT ban hành															
	(1): Ngành XHH, HVBC&TT.															
	(2): Ngành XHH, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐH Quốc gia Hà Nội															
	(3): Ngành XHH, Trường ĐH Công đoàn.															

Từ năm 2014 trở về trước, cũng như các ngành học khác trong Học viện, ngành XHH thực hiện tuyển sinh hệ chính quy với các đối tượng là những người đã hoàn thành chương trình học phổ thông, có điểm thi tuyển 3 môn của nhóm ngành khối C và khối D lớn hơn điểm sàn quy định. Khi đó, các thí sinh trúng tuyển vào trường là những thí sinh có điểm tổng 3 môn thi lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển chung của cả trường sẽ được gọi nhập học.

Năm 2015, 2016, 2017, 2018 thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh ĐH, Học viện đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ ĐH chính quy cho ngành XHH [H8.08.01.08]. Khi xét tuyển, các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt theo đúng quy định

Từ năm 2015 đến nay, Học viện đã áp dụng triệt để tuyển sinh theo ngành, tất cả các thông tin của ngành XHH về: số lượng tuyển sinh, tổ hợp môn xét tuyển, cách tính điểm trúng tuyển, điểm chuẩn của ngành... đều được công bố công khai và cập nhật hàng năm [H8.08.01.09]. Năm 2018, nhằm đảm bảo số lượng người học và đăng ký vào ngành XHH, học viện cho phép đăng ký thêm tổ hợp ngành Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân (C14). Tuy nhiên, số lượng đăng ký học ở tổ hợp ngành này rất thấp do vậy năm 2019 không bổ sung tổ hợp ngành này trong xét tuyển vào ngành nữa. Nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng đầu vào, ngoài chính sách tuyển sinh, Học viện và khoa cũng sử dụng nhiều biện pháp quảng bá tuyển sinh khác nhau như truyền thông trên trang fanpage của khoa [<https://www.facebook.com/XHHPT.AJC>].

Hoạt động tuyển sinh ngành XHH có sự tham gia tích cực của Khoa và GV trong Khoa thông qua việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, thiết kế poster của ngành và cử người có kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn tại các trường THPT, trong AJC open day, livetream... [H8.08.01.10]...]. Khoa thành lập Ban truyền thông, trong đó có nội dung liên quan đến tuyển sinh [H8.08.01.11].

Kết quả tuyển sinh hàng năm cho thấy số lượng và chất lượng đầu vào của người học ngành XHH tương đối ổn định qua các năm và khá cao hơn so với mặt bằng chung. Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành XHH đều được Ban QLĐT tổng kết và báo cáo lãnh đạo Học viện, lãnh đạo Khoa XHH&PT nhằm đánh giá công tác tuyển sinh [H8.08.01.12]

Bảng 8.2: Thống kê số lượng đăng ký, trúng tuyển, nhập học của ngành XHH giai đoạn 2015-2020

Năm	Số lượng thí sinh đăng ký vào CTĐT	Số lượng thí sinh trúng tuyển	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm
2015	153	52	1:2,94	47	20,75
2016	176	71	1:3,52	34	C03: 20,5 C04: 22 D01: 20,75
2017	252	50	1:5,04	43	20,75
2018	294	67	1:4,3	56	22,75
2019	288	77	1:3,74	46	C03: 19,25 C04: 18,25 D01: 18,75
2020	388	66	1:8,7	62	D01, R22: 23,35 A16: 22,85 C15: 23,85

Các thông tin tuyển sinh này được công bố công khai và thường xuyên được cập nhật trên các phương tiện thông tin đại chúng như cổng thông tin tuyển sinh, [<http://tuyensinhajc.edu.vn/>] trên website của HVBC&TT [<https://ajc.hcma.vn/Pages/default.aspx>], fanpage của Khoa XHH&PT [<https://www.facebook.com/XHHPT.AJC>], trong cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH các năm. Bên cạnh đó trước mỗi kỳ tuyển sinh, Học viện tổ chức tư vấn, giới thiệu về chính sách tuyển sinh thông qua các sự kiện như: AJC open day, Livestream, tư vấn tuyển sinh (tại chỗ, đi đến các tỉnh thành) [**H8.08.01.10 DC**] cho học sinh THPT và phụ huynh. Hoạt động này đã giới thiệu những nội dung chi tiết trong chính sách tuyển sinh cũng như CTĐT ngành XHH được đào tạo tại HVBC&TT.

Hàng năm, trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan như: nhà

tuyên dụng, chuyên gia, cựu SV, Khoa và Nhà trường tiến hành nghiên cứu, xem xét cập nhật chính sách tuyển sinh của Ngành trong mối tương quan với nhu cầu nhân lực về XHH của thị trường lao động.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Học viện được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trong toàn xã hội. Chính sách tuyển sinh có tính lượng hóa với việc quy định cụ thể về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh giúp ngành XHH có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh còn được cập nhật hàng năm trên cơ sở góp ý của các bên liên quan, từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất.

Chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

3. Tồn tại

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng chính sách tuyển sinh của ngành XHH vẫn còn một số tồn tại: hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo (ngành XHH và Khoa XHH&PT) chưa được chi tiết, đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 -2021, Khoa XHH&PT và Học viện tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành XHH; mỗi giảng viên là một tuyên truyền viên cho ngành XHH.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của Học viện để có chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp.

Cần tiếp tục hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh hàng năm để đảm bảo hiệu quả công tác tuyển sinh ĐH chính quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 6/7 điểm.

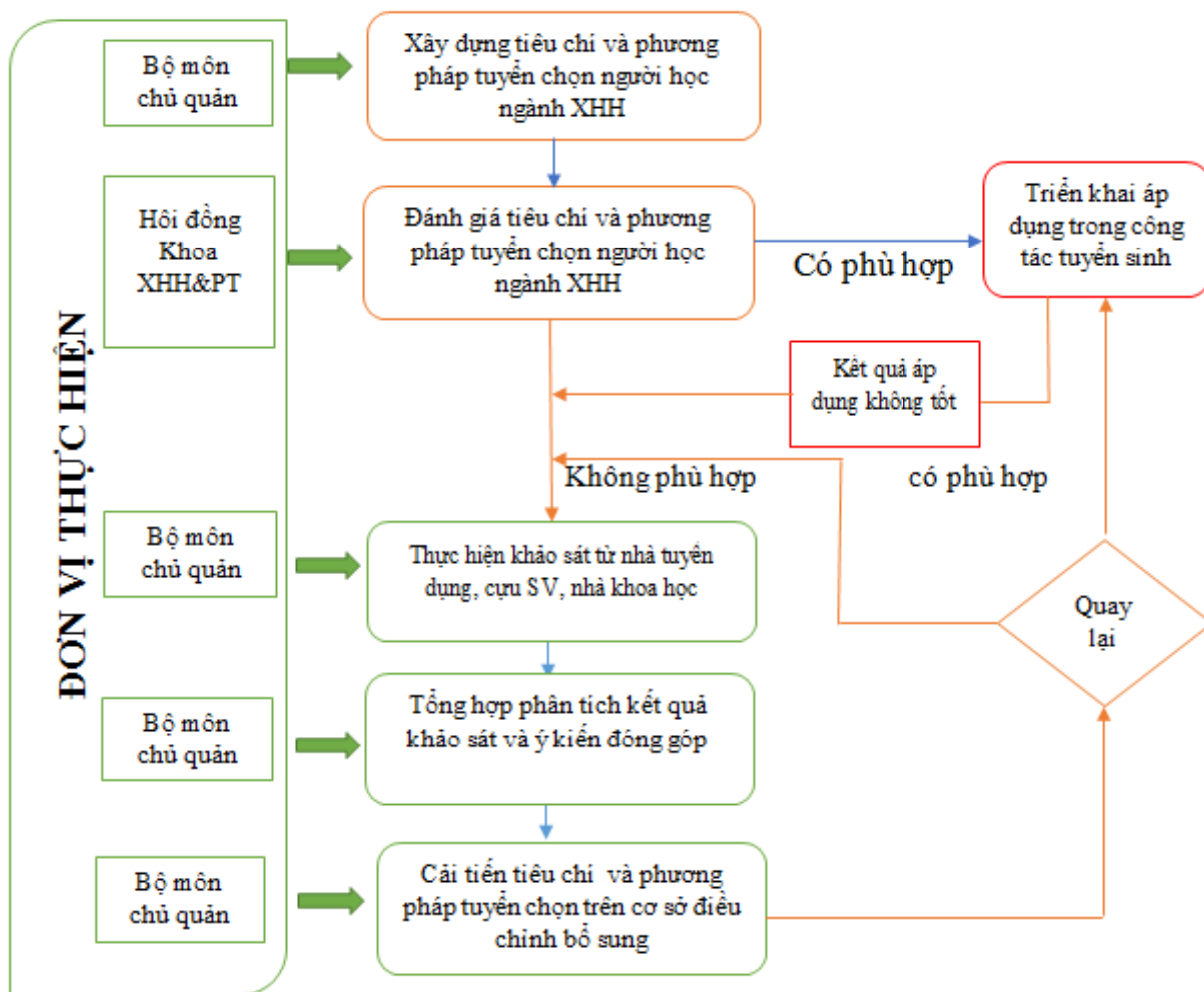
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy ngành XHH

được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.02. DC] và được xác định ghi rõ trong đề án tuyển sinh được công bố công khai hàng năm [H8.08.01.01.DC] trên trang website tuyển sinh của trường [<http://tuyensinhajc.edu.vn/>], trang fanpage của Khoa XHH&PT [<https://www.facebook.com/XHHPT.AJC>]. Cụ thể năm 2014 trở về trước, phương pháp tuyển chọn người học được thực hiện theo 2 phương thức là thi tuyển và xét tuyển thẳng. Với phương pháp thi tuyển, tiêu chí tuyển chọn người chọn ngành XHH được xác định rõ ràng: đó là các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương có tổng điểm các môn thi khối C và khối D trong kỳ thi tuyển sinh ĐH chung do Bộ GD&ĐT tổ chức cộng điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) phải lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển chung của Học viện sẽ được gọi nhập học. Với phương pháp xét tuyển thẳng, tiêu chí tuyển chọn người học ngành XHH áp dụng theo quy chế tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo: đó là thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia. Từ năm 2015 -nay, Học viện thay đổi phương pháp tuyển chọn người học cho ngành XHH khác với năm 2014 trở về trước: đó là phương pháp xét tuyển với 2 hình thức gồm xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia và xét tuyển thẳng. Với phương pháp xét tuyển thẳng vẫn áp dụng theo quy chế tuyển thẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo giống năm 2014. Với phương pháp xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia, tiêu chí tuyển chọn người học cho ngành đào tạo XHH là dựa trên điểm xét tuyển là tổng điểm của 3 bài thi của tổ hợp C01, C03, D01.của kết quả kỳ thi THPT [H8.08.01.09.DC] có cộng với điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng) và lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành.

Thí sinh dự tuyển tra cứu kết quả xét tuyển tại <http://tuyensinhajc.edu.vn/> [<https://ajc.hcma.vn/Pages/default.aspx>]. Sau khi có kết quả xét tuyển, thì Hội đồng tuyển sinh của Học viện gửi giấy báo đến các thí sinh trúng tuyển ngành XHH để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và đến nhập học theo thời gian ghi trong Giấy báo nhập học.



Sơ đồ 8.1: Quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành XHH [H8.08.01.04.DC]

Dựa trên quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học (Sơ đồ 8.1), Nhà trường, Khoa luôn có sự rà soát, điều chỉnh tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học sao cho phù hợp với năm tuyển sinh sau đó [H8.08.02.01]. Như vậy mới đảm bảo sự hợp lý trong quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của các ngành đào tạo nói chung và Ngành XHH nói riêng.

Tính đến thời điểm này, Học viện và Khoa XHH&PT chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành XHH [H8.08.02.01].

1. Điểm mạnh

Hiện nay Học viện và Khoa đã có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành XHH trên cơ sở góp ý của các bên liên quan; được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành XHH rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT, nên kết quả tuyển chọn khách quan và chính xác.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực, có kiến thức và ngoại ngữ vào ngành XHH.

2. Điểm tồn tại

Tổ hợp môn thi dùng trong xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia mới chỉ sử dụng 1 ngoại ngữ cho tổ hợp D01 mà chưa sử dụng nhiều ngoại ngữ.

Tiêu chí và phương thức tuyển sinh còn chưa bao gồm hình thức đánh giá năng lực người học (như bài kiểm tra đánh giá năng lực, phỏng vấn trực tiếp).

3. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 Ban QLĐT kết hợp Khoa XHH&PT tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm theo đúng quy chế tuyển sinh với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học xác định rõ ràng và phù hợp với ngành XHH.

4. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

HVBC&TT xây dựng lộ trình và bắt đầu triển khai lộ trình chuyển đổi sang đào tạo theo TC từ năm học 2014 - 2015 đối với hệ ĐH chính quy. Như vậy bắt đầu từ năm 2014, về cơ bản tất cả các hệ đào tạo ngành XHH đã tổ chức chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang theo hình thức đào tạo theo tín chỉ với nhiều ưu điểm [H8.08.03.01]. Để phát huy tối đa ưu điểm của hình thức đào tạo theo tín chỉ, Học viện và Khoa XHH&PT đã áp dụng hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập rèn luyện cũng như có thể theo dõi kết quả học tập và khối lượng học tập của SV ngành XHH. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV ngành XHH là sự kết hợp của 3 cấu phần: (1) hệ thống các văn bản quy định làm cơ sở cho việc giám sát; (2) Các công cụ phương tiện hỗ trợ như phần mềm quản lý đào tạo..., tài khoản cá nhân SV được cung cấp và sử dụng thường xuyên; (3) các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát như VP Khoa, Ban QLĐT, Phòng Công tác - Chính trị & hỗ trợ SV, đội ngũ cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm...

• Hệ thống các văn bản quy định làm cơ sở cho việc giám sát

Trước tiên HVBC&TT đã ban hành nhiều quy định [H8.08.03.02] để hướng dẫn cách thức xác định kết quả học tập và rèn luyện của SV từ đó làm cơ sở cho việc giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo TC. Tất cả

các quy định này được tập hợp trong Cuốn Sổ tay sinh viên và được phát miễn phí sau khi sinh viên nhập học. Cụ thể đối với ngành XHH, người học sẽ phải hoàn thành 130 TC trong 4 năm (8 học kỳ chính). Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học ngành XHH được đánh giá theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp SV không đạt phải đăng ký học lại học phần đó. SV ngành XHH nói riêng được trường công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2,0 trở lên theo thang điểm 4. Bên cạnh việc ban hành các quy định về xác định điểm học tập và rèn luyện, Học viện và Khoa cũng ban hành bộ CTĐT phù hợp [H8.08.03.03]. Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với ngành XHH không vượt 20 TC. Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có lực học trung bình để hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định (thời hạn đào tạo thiết kế). Bên cạnh đó trong CTĐT ngành XHH có bảng kế hoạch học tập [H8.08.03.03] được phổ biến cho toàn thể SV của ngành để thông qua đó SV, Học viện và Khoa chủ quản cũng sử dụng thước đo để so sánh đánh giá khối lượng học tập của SV trong suốt thời gian học.

• Hệ thống công cụ và phương tiện hỗ trợ việc giám sát

Nhà trường và Khoa đã thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác để theo dõi sự tiến bộ, kết quả, thành tích và khối lượng học tập của SV ngành XHH. Cụ thể là Học viện đã xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo Markman để theo dõi sự tiến bộ, thành tích và khối lượng học tập của SV. Phần mềm này tích hợp nhiều phân hệ quản lý (quản lý hồ sơ SV, quản lý điểm rèn luyện, quản lý điểm học tập...) và được phân quyền các hệ quản lý cho Ban QLĐT, Phòng Công tác - Chính trị & hỗ trợ SV cùng với Khoa XHH&PT quản lý SV. Bên cạnh đó SV ngành XHH cũng được cung cấp tài khoản cá nhân để truy cập website bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông báo (lich thi, lịch sinh hoạt lớp...), thời khóa biểu, đăng ký thi, đăng ký học, CTĐT và đặc biệt là kết quả, quá trình học tập của mình (điểm trung bình tích lũy, điểm từng môn học, điểm rèn luyện, kết quả xử lý học vụ...).

Việc đăng ký tín chỉ của SV được thực hiện vào trước các học kỳ hàng năm theo thông báo chung của học viện và được tổng hợp lại theo từng lớp về số lượng đăng ký tín chỉ [H8.08.03.04]. Cuối mỗi học kỳ, SV phải tự đánh giá bản thân và sau đó tập thể lớp đánh giá vào phiếu điểm rèn luyện [H8.08.03.05].

• ***Các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát***

Tham gia vào hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên ngành XHH là đội ngũ CVHT/GVCN [**H8.08.03.06**]. Đa đa số CVHT/GVCN - là những cán bộ giảng dạy nắm chắc quy chế và CTĐT, nên đã tư vấn một cách hiệu quả về kế hoạch và tiến độ học tập, phương pháp học tập, phương thức kiểm tra, đánh giá học tập theo học chế TC. Hệ thống CVHT/GVCN thường xuyên cung cấp thông tin, thông báo những nội dung liên quan đến chương trình học tập ngành XHH, quyền lợi và trách nhiệm cho người học bám sát tiến trình đào tạo. Việc tư vấn học tập được tiến hành đều đặn thường kỳ trong các buổi sinh hoạt lớp hay phản ánh sinh viên,... [**H8.08.03.07**].

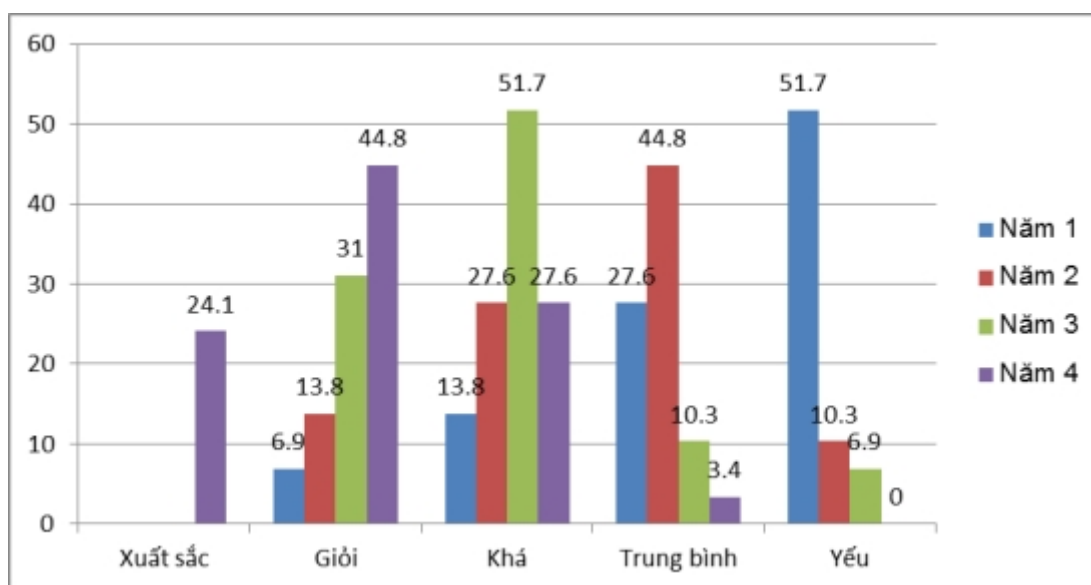
Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp giao ban về công tác đào tạo, công tác SV, công tác NCKH giữa BCN Khoa, CVHT/GVCN, cán bộ văn phòng Khoa [**H8.08.03.8**]; qua buổi họp phản ánh SV giữa đại diện lãnh đạo khoa, CVHT, cán bộ văn phòng khoa và Ban cán sự các lớp, đại diện Liên chi đoàn, các đội nhóm [**H8.08.03.9**] nhằm kịp thời nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện, các hoạt động khác cũng như tâm tư, nguyện vọng, đề xuất của người học để giải đáp hay kịp thời điều chỉnh, bổ sung, báo cáo, đề xuất lên Học viện. Ngoài ra, CVHT/GVCN của Khoa cũng nắm bắt tiến độ của người học thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Học viện và đồng thời theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của sinh viên [**H8.08.03.10**]

Ban QLĐT cũng được giao nhiệm vụ là đơn vị quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy và học, kết quả học tập của sinh viên [**H8.08.03.11**]; Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ SV là đơn vị quản lý các hoạt động rèn luyện và kết quả rèn luyện của SV [**H8.08.03.12**]

Sau mỗi học kỳ, Ban QLĐT, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ SV, Khoa XHH&PT đánh giá và đưa ra các quyết định về công tác rèn luyện SV căn cứ trên điểm học tập và rèn luyện [**H8.08.03.05.DC**]; trên cơ sở đó, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ SV và Khoa sẽ xét học bổng [**H8.08.03.13**] hoặc đưa ra các quyết định cảnh báo, kỷ luật SV [**H8.08.03.14**]. Cuối mỗi học kỳ, Ban QLĐT phối hợp với Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ SV và Khoa xem xét tình trạng học tập (nghỉ học quá thời gian cho phép, không đăng ký đủ số lượng tín chỉ cho học kỳ, điểm tích lũy thấp dưới mức quy định...) của một số sinh viên, sau đó sẽ gửi Danh sách chính thức những

SV thuộc diện kỷ luật ở các mức độ khác nhau tới Khoa [H8.08.03.14.DC]. Hàng năm, số liệu kết quả SV các khóa, tỷ lệ SV thôi học được thống kê trong báo cáo tổng kết năm học của Khoa [H8.08.03.15] và Học viện [H8.08.03.16] để đánh giá kết quả đạt được, tồn tại và phương hướng cho năm học tới.

Như vậy, nhờ có hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện bởi nhiều bộ phận khác nhau như: thông qua Ban QLĐT, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ SV (cấp trường) và hệ thống CVHT/GVCN, cán bộ Vp khoa (cấp khoa), mà sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được giám sát để điều chỉnh kịp thời. Kết quả học tập của SV ngành XHH có sự tiến bộ dần dần qua các năm học. Tỷ lệ yếu kém và trung bình của SV năm cuối bao giờ cũng giảm hơn rất nhiều so với năm thứ nhất. Tương tự như vậy, kết quả học tập đạt loại khá trở lên cũng tăng dần: tỷ lệ này tăng từ 13,8 % ở năm thứ nhất và đạt mức 51,7 % ở những năm cuối, đặc biệt đến năm cuối tỷ lệ sinh viên đạt loại xuất sắc lên tới 24.1% [H8.08.03.17].



Sơ đồ 8.2: Sơ đồ biểu diễn sự tiến bộ của SV ngành XHH K36 giai đoạn 2015-nay

Hệ thống giám sát phù hợp và áp dụng liên tục còn giúp tỷ lệ SV ngành XHH hoàn thành chương trình học đúng tiến độ hàng năm đều cao với số liệu 70% trở lên ở những khóa đầu tiên. Tuy nhiên, trong vài năm trở lại đây tỷ lệ này có phần giảm sút do yêu cầu khắt khe hơn về chuẩn đầu ra đối với sinh viên ngành XHH đặc biệt là đầu ra ngoại ngữ yêu cầu là B2 do vậy nhiều sinh viên không thể ra trường đúng hạn..

**Bảng 8.3: Bảng so sánh tỷ lệ SV ngành XHH hoàn thành CTĐT
trong 05 năm gần đây [H8.08.03.18]**

Khóa SV	Số liệu nhập học		Số liệu SV hoàn thành CTĐT*		Tỷ lệ %
	Năm nhập học	Số lượng SV	Năm	Số lượng SV	
K32*	2011-2012	52	2015	47	90,38%
K33*	2012-2013	41	2016	35	85,4%
K34*	2013-2014	87	2017	54	62,1%
K35*	2014-2015	47	2018	17	36,1%
K36*	2015-2016	34	2019	14	41,2%
K37	2016-2017	43	Chưa tốt nghiệp		
K38	2017-2018	56	Chưa tốt nghiệp		
K39	2018-2019	46	Chưa tốt nghiệp		
K40	2019 -2020	62	Chưa tốt nghiệp		

(* đã học xong 130 TC và tốt nghiệp)

2. Điểm mạnh

Việc ban hành công khai đầy đủ quy chế đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống TC và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện SV hệ chính quy của Học viện cùng với sự hỗ trợ hữu ích của phần mềm quản lý đào tạo, tài khoản cá nhân SV và sự nhiệt tình trách nhiệm của các chủ thể thực hiện hoạt động giám sát đã giúp Học viện và Khoa giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của SV ngành XHH nói riêng.

Kết quả học tập, rèn luyện của SV ngành XHH trên phần mềm quản lý đào tạo được chia sẻ cho cán bộ văn phòng khoa, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên liên tục nên nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

3. Tồn tại

Phần mềm chuyên dụng chưa nâng cấp thường xuyên nên chưa đáp ứng kịp các yêu cầu trong quản lý đào tạo (sinh viên và giáo viên khó khăn trong việc truy cập và truy xuất thông tin trên phần mềm, hệ thống mạng internet còn chậm)

Quy trình giám sát tiến bộ học tập của người học còn chưa có sự phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2020, Ban QLĐT, Trung tâm Thông tin - Tư liệu - Thư viện và Phòng CNTT & hỗ trợ giảng dạy, Phòng Quản trị phối hợp, xây dựng và triển khai đề án đầu

tư, nâng cấp đường truyền internet, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để hỗ trợ các khoa, đơn vị chức năng và các giảng viên lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo cũng như hỗ trợ giám sát sự tiến bộ của người học kịp thời.

Ban QLĐT phối hợp với Khoa rà soát lại quy trình giám sát sự tiến bộ của người học để phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Để giúp SV ngành XHH học tập tốt, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc khi tốt nghiệp ra trường, thì ngoài hoạt động giảng dạy trên lớp, HVBC&TT đã có nhiều hỗ trợ để cải thiện việc học tập và rèn luyện. Học viện đã giao nhiệm vụ cho nhiều đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác như Ban Quản lý Đào tạo, phòng Công tác - Chính trị và hỗ trợ SV, Văn phòng, Khoa XHH&PT, Đoàn thanh niên. Chính vì vậy, SV ngành XHH luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả trong suốt quá trình học tập, NCKH, thi đua và các hoạt động ngoại khóa.

Để giúp SV mới nhập học sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường ĐH, phòng Công tác - Chính trị & hỗ trợ SV có trách nhiệm phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho SV trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa [H8.08.04.01], cũng như cung cấp các thông tin cho tân SV về các chính sách dịch vụ hỗ trợ (KTX, kiểm tra sức khỏe, BHYT, chính sách miễn giảm học phí...). Trong ngày nhập trường, Đoàn Thanh niên Học viện và Liên chi đoàn Khoa XHH&PT có rất nhiều hoạt động giới thiệu về các câu lạc bộ của Học viện và Khoa như: đội Tình nguyện xung kích, đội Văn nghệ Xung kích, câu lạc bộ Thanh niên Vận động Hiến máu AJC, câu lạc bộ Võ thuật, câu lạc bộ Guitar, câu lạc bộ Bóng rổ, câu lạc bộ Phục hồi mắt gốc Tiếng Anh, trung tâm Hỗ trợ sinh viên... và các hoạt động về văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện vì cộng đồng như: Chào Tân sinh viên - Welcome to AJC, Phút Cuối, Tài sắc Nữ sinh Báo chí - Press Beauty, Tìm kiếm Người dẫn chương trình tài năng - Speak Up, Tình nguyện Mùa hè Xanh, Tình nguyện Đông Ám, Giải bóng đá thường niên AJC CUP, hoạt động Hiến máu Tình nguyện, Kịch Báo

chí... **[H8.08.04.02]** các hoạt động Tập huấn Kỹ năng mềm **[H8.08.04.03]** ... để sinh viên ngành XHH có thể lựa chọn, ứng tuyển theo năng lực và sở thích của mình.

Đối với các hoạt động tư vấn về học tập, NCKH và đào tạo: trên trang website của Học viện cũng như tài khoản của SV [<http://118.70.217.142:81/index.aspx>] cung cấp đầy đủ thông tin, hệ thống các văn bản, thông báo về quy định đào tạo, CTĐT, kế hoạch năm học, khen thưởng, thông tin tuyển sinh, kế hoạch tốt nghiệp, đánh giá, khen thưởng, kết quả học tập... Trước mỗi học kỳ, thời khóa biểu được Ban Quản lý Đào tạo xây dựng và gửi tới GV và SV. Sau mỗi học kỳ, SV nhận được đầy đủ các kết quả học tập trên trang cá nhân của phần mềm đào tạo. SV được BCN Khoa, CVHT/GVCN nhiệt tình tư vấn, giải quyết các vấn đề liên quan đến: lựa chọn môn học, đăng ký TC, sắp xếp kế hoạch học tập để đạt CDR, học bổng, học lại, học vượt, song bằng, xóa cảnh báo, các vấn đề liên quan đến quy chế đào tạo.... SV được cung cấp số điện thoại của CVHT, cán bộ văn phòng khoa hoặc dễ dàng tra cứu trên website của Khoa và của Học viện tên CVHT, GVCN cùng với thông tin liên lạc (email, số điện thoại) để có thể liên lạc nhận được sự tư vấn ngoài giờ học **[H8.08.04.04]**.

Ngoài ra, để sinh viên có những trải nghiệm thực tiễn khoa cũng phối hợp với một số tổ chức phi chính phủ như FES, CSAGA có tổ chức các diễn đàn, hội thảo, những chuyến đi thực tế... có sinh viên cùng tham gia để nhằm giúp các em có thêm những kiến thức và trải nghiệm thực tiễn **[H8.08.04.05]**

SV ngành XHH được khuyến khích NCKH và được hỗ trợ cũng như cung cấp các điều kiện tốt để nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của các GV Khoa XHH&PT

Hàng năm Ban Quản lý khoa học xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học sinh viên và ra thông báo về các khoa chủ quản. Lãnh đạo khoa và hội đồng khoa học khoa họp và đưa ra các định hướng các đề tài nghiên cứu khoa học cho sinh viên, đồng thời lắng nghe đề xuất từ các nhóm sinh viên mong muốn tham gia nghiên cứu khoa học: chủ đề nghiên cứu, hướng nghiên cứu, giáo viên hướng dẫn. Trên cơ sở đó, hội đồng khoa học khoa sẽ xét duyệt các đề xuất nghiên cứu từ sinh viên, đồng thời phân công giảng viên hướng dẫn các nhóm nghiên cứu. Bản đề xuất các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên ngành XHH sẽ được lãnh đạo khoa gửi lên Ban quản lý khoa học. Trên cơ sở đề xuất của khoa, Ban quản lý khoa học cùng với nhà trường sẽ xét duyệt, ra quyết định và gửi danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên về khoa, thông báo đến sinh viên và giáo viên hướng dẫn. **[H8.08.04.06]**.

Ngoài ra, Học viện thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, giải thưởng đối với người học có thành tích học tập **[H8.08.04.07]**, NCKH **[H8.08.04.08]** tốt theo

đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình.

Định kỳ năm học, Học viện tổ chức gặp gỡ và đối thoại giữa lãnh đạo Học viện, lãnh đạo các đơn vị với đại diện SV tất cả các lớp trong trường **[H8.08.04.09]**. Định kỳ từng học kỳ các khoa cũng tổ chức đối thoại SV. Tại các buổi gặp gỡ đối thoại này, BGD và lãnh đạo các đơn vị giải đáp và tư vấn trực tiếp những vướng mắc, kiến nghị của SV liên quan đến đào tạo, rèn luyện, đời sống SV, đồng thời cập nhật những thông tin mới nhất của CTĐT **[H8.08.04.10]**. Sau mỗi đợt đối thoại, các ý kiến phản hồi của SV được Phòng Công tác - Chính trị & hỗ trợ SV tiếp thu, tổng hợp trong báo cáo tổng kết gửi các đơn vị chức năng để phối hợp giải quyết những vướng mắc, nâng cao chất lượng đào tạo.

Học viện cũng đã ủy quyền cho Phòng Công tác - Chính trị & hỗ trợ SV thực hiện công tác làm thủ tục xác nhận vay vốn tín dụng giáo dục cho SV, đảm bảo cho 100% SV thuộc đối tượng vay vốn được làm đúng thủ tục tại Học viện **[H8.08.04.11]**

Đặc biệt, đối với khoa XHH&PT hàng năm khoa cũng dành thêm những suất học bổng hỗ trợ đối với những sinh viên nghèo vượt khó, những sinh viên có thành tích cao trong học tập. Nguồn học bổng được tài trợ từ các hoạt động đối tác của khoa với các tổ chức bên ngoài như công ty ICPA, và Quỹ Mái ấm tình thương **[H8.08.04.12]**

Hoạt động tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ nghề nghiệp cho sinh viên cũng được Học viện và Khoa quan tâm. Định kỳ hàng năm, Khoa XHH&PT phối hợp với Phòng Công tác - Chính trị & hỗ trợ SV, Đoàn thanh niên chịu trách nhiệm tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp cho SV ngành XHH liên quan đến định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, **[H8.08.04.3.DC]**. SV ngành XHH tham gia các buổi tư vấn hướng nghiệp khá đầy đủ. Khoa cũng chú trọng đến việc tăng cường kiến thức thực tiễn và kỹ năng nghiệp vụ nhằm nâng cao cơ hội việc làm cho SV tốt nghiệp. Cụ thể SV ngành XHH được tham gia thực hành, thực tế hàng năm và thực tế môn học; ngoài ra SV cũng được tham gia các hoạt động nghiên cứu đánh giá dự án xã hội của Wold Bank qua công ty ICPA **[H8.08.04.13]**

Ngoài ra, để tạo cho SV làm quen với đòi hỏi công việc sau khi ra trường cũng như tạo cơ hội sinh viên tiếp cận được các cơ hội nghề nghiệp. Khoa XHH&PT cũng thành lập trang fanpage về việc làm ngành XHH và thu hút được lượng lớn người theo dõi và truy cập: [<https://www.facebook.com/xjob.tuyendung>]

Thêm vào đó, Học viện và Khoa XHH&PT còn tổ chức cho SV ngành XHH các

hoạt động như hoạt động tình nguyện mùa hè xanh, hoạt động tình nguyện phục vụ tuyển sinh ĐH, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ SV, cắm trại, văn nghệ, Phút cuối, chào K, tham gia các câu lạc bộ đội nhóm, ...[H8.08.04.2.DC]. Nhìn chung SV ngành XHH tham gia tích cực vào các hoạt động ngoại khóa..

Bảng 8.4: Bảng thống kê một số hoạt động ngoại khóa của SV ngành XHH giai đoạn 2015-nay

Tên hoạt động ngoại khóa, hoạt động tư vấn	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
1. Tình nguyện hè					
- Số SV ngành XHH tham gia	3	3	4	4	4
- Tổng số SV tham gia toàn trường	50	50	50	50	50
- Tỷ lệ tham gia SV ngành XHH / toàn trường (%)	6%	6%	8%	8%	8%
2. Phục vụ tuyển sinh ĐH					
- Số SV ngành XHH tham gia				Không có hoạt động của Đoàn trường	Không có hoạt động của Đoàn trường
- Tổng số SV tham gia toàn trường					
- Tỷ lệ tham gia SV ngành QTKD / toàn trường					
3. Tham gia CLB hiến máu...					
- Số SV ngành XHH tham gia	60	60	60	60	60
- Tổng số SV tham gia toàn trường	1000	1000	1000	800	800
- Tỷ lệ tham gia SV ngành XHH / toàn trường	6%	6%	6%	8%	8%

Chính nhờ những hoạt động như hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa hay các cuộc thi của SV... đã nhằm giúp SV tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế, có kinh kỹ năng mềm nên tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp đều từ 82%-95%

Cụ thể, việc khảo sát sinh viên tốt nghiệp được thực hiện từ năm 2016 với các

phương pháp thu thập dữ liệu bao gồm các hình thức: gửi email, gọi điện, gửi phiếu trực tiếp. Trước năm 2020, Khoa chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu, hoàn thành phiếu khảo sát và gửi Trung tâm KT-KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc thu thập dữ liệu được chuyển cho Trung tâm KT-KĐCLĐT. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm được công khai trong đề án tuyển sinh của Học viện [H8.08.01.01.DC]

**Bảng 8.5: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp
Ngành XHH so với ngành Triết học đào tạo tại HVBC TT**

Khóa tốt nghiệp	Tốt nghiệp 2016		Tốt nghiệp 2017		Tốt nghiệp 2018		Tốt nghiệp 2019	
	Ngành Triết học	Ngành XHH	Ngành Triết học	Ngành XHH	Ngành Triết học	Ngành XHH	Ngành Triết học	Ngành XHH
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người).	44	47	39	73	36	34	23	39
2. Tỷ lệ tốt nghiệp (%) (trên tổng số sinh viên duy trì đến cuối khoá)	93,6%	94%	100%	85%	80%	72%	74,2%	48,7%
3. Số lượng người khảo sát phản hồi (người)	86	20	48	73	41	19	16	28
4. Tỷ lệ sinh viên có việc làm (%) (trong số phản hồi)	73,2%	95%	87,5%	95%	95,1%	94,74%	81%	82%

Kết quả khảo sát có thể cho thấy sinh viên sau tốt nghiệp của ngành XHH trong Khoa có việc làm đạt tỷ lệ cao, luôn đạt ở mức từ khoảng 90% trở lên. Sinh viên tốt nghiệp các khoá gần đây đều phản hồi tốt về khả năng kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu công việc, đặc biệt sinh viên khoá tốt nghiệp năm 2019 (điều tra vào năm 2020 sau một năm tốt nghiệp). Trong đó có hơn 80% ý kiến cho rằng kỹ năng, kiến thức đáp ứng phần lớn công việc.

Các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hoạt động tư vấn đã hỗ trợ tích cực cho SV ngành XHH trong quá trình học tập và rèn luyện với việc kết quả đạt mức khá trở lên ngày càng tăng. Năm 2018 khảo sát ý kiến người học ngành XHH cho thấy hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm đã được Học viện và Khoa XHH&PT tổ

chức là thực sự tốt cho SV (tỷ lệ 61,54% người được hỏi hoàn toàn hài lòng), SV ngành XHH được định hướng nghề nghiệp tốt từ phía Khoa (tỷ lệ 22% người được hỏi hoàn toàn đồng ý, 60% đồng ý) [H8.08.04.13].

Bảng 8.6: Thống kê tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp từ 2017-2019
[H8.08.04.14]

STT	Năm học	Tỷ lệ SVTN có việc làm(%)	Tỷ lệ làm đúng chuyên ngành (%)	Số SVTN có việc làm chia theo khu vực làm việc (%)			
				Khu vực nhà nước	Khu vực tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
1	2017	95.0	59	35	50	15	0
2	2018	94,74	22	11.1	72,2	16,7	11,1
3	2019	82	30	5	77	13	5

2. Điểm mạnh

Học viện, Khoa, đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về nhu cầu, nội dung và hình thức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ SV khác chưa được thực hiện đều đặn hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Phòng Công tác chính trị & hỗ trợ SV phối hợp với Văn phòng Đảng - Đoàn thể và các Khoa chuyên môn duy trì thường xuyên và phát triển hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, rèn luyện và các hoạt động ngoại khóa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến người học hàng năm để giúp người học cải thiện kết quả học tập, có được việc làm đúng ngành nghề khi tốt nghiệp ra trường.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Môi trường cảnh quan

HVBC&TT luôn có ý thức tạo ra môi trường cảnh quan đẹp giúp sinh viên có thể thư giãn, nghỉ ngơi, giải trí ngoài giờ học và các hoạt động ngoại khóa. Trong những năm qua, Nhà trường không ngừng nỗ lực tạo điều kiện cho sinh viên được học tập, rèn luyện như tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường với không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi có nhiều cây xanh, vườn hoa, ghế đá.

Tổng diện tích đất của trường: 57.310m². Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập): 14.552,19m². Các phòng học nhỏ, phòng học lớn, phòng thực hành được đặt tại các tòa nhà B1, B3, B5, B6, B8A, B8, B9, B11, B15, A1, A2, A4, được bố trí hợp lý, bao gồm 01 hội trường 800 chỗ, 01 Hội trường 200 chỗ, 08 phòng học trên 100 chỗ, 35 phòng học 70 chỗ, 47 phòng học nhỏ (39 phòng trên 40 chỗ, 8 phòng trên 30 chỗ), 02 phòng Bảo vệ luận văn và 17 phòng thực hành trong đó có 04 phòng LAB học Ngoại ngữ; 05 phòng thực hành tin học. Các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho học tập của SV: bàn ghế, bảng, máy chiếu, điều hòa, quạt... Các thông tin này được đề cập trên Đề án tuyển sinh, phần giới thiệu về CSVC của trường.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên Việt Nam: 1106 chỗ.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên nước ngoài: 86 chỗ.

- Số chỗ ở dự kiến cho sinh viên nhập học năm 2020: 300 chỗ trong phòng đều được trang thiết bị đầy đủ, có wifi.

CSVC phục vụ cho công tác rèn luyện và sinh hoạt văn nghệ, thể dục thể thao của người học bao gồm 1 hội trường lớn 800 chỗ thiết kế theo kiểu sân khấu, 1 sân KTX, 1 sân vận động có trang bị dụng cụ tập luyện thể dục thể thao [H8.08.05.01]. Về cơ bản, các công trình trên đảm bảo nhu cầu thiết yếu để người học tổ chức và duy trì được các hội thi/sự kiện văn nghệ, văn hóa, xã hội; luyện tập và tổ chức các giải thể thao cấp khoa, cấp trường đều đặn hàng năm [H8.08.05.02]

Bảng 8.7. Thống kê phòng học của Nhà trường [H8.08.05.02.DC]

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	146	19.339,00
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	2.180,00
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cosở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
	Tổng	170	27.179,08

HVBC&TT có quy định văn hóa công sở, trong đó nhấn mạnh đến cách thức ứng xử thầy - trò, quy định đối với trang phục, thẻ cán bộ, thẻ sinh viên nhằm tạo ra trật tự, kỷ cương học đường. Các nội quy/quy tắc ứng xử trong khuôn viên trường cũng được công bố công khai nhằm tạo không khí nghiêm túc, an ninh và trật tự [H8.08.05.03].

Giảng viên cũng có đánh giá tốt về môi trường xã hội, cảnh quan, tâm lý của Nhà trường [H8.08.05.4]

Môi trường xã hội

Học viện, Khoa XHH&PT thường xuyên tổ chức các hoạt động để tạo môi trường lôi cuốn những SV yêu ngành nghề, yêu khoa học tham gia như thành lập các câu lạc bộ (CLB diễn thuyết, Truyền thông, tiếng Anh...) [H8.08.04.05] thường xuyên tổ chức các hoạt động văn thể như các giải thể thao (bóng đá nam nữ), hội diễn văn nghệ, cắm trại và các hoạt động thanh niên (ví dụ thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, SV bảo vệ môi trường, nghiên cứu KHSV... [H8.08.04.2.DC] Tất cả những hoạt động trên để góp phần tạo ra những sân chơi bổ ích và một môi trường lành mạnh, đậm chất nhân văn để SV được sống, học

tập và rèn luyện nhằm phát huy hết khả năng và trí tuệ của mình.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Học viện duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học hàng năm [H8.08.05.06]. Thực hiện Luật Bảo hiểm y tế, trong 5 năm qua đã có... SV của ngành XHH tham gia bảo hiểm y tế và... lượt SV đã được khám chữa bệnh thông qua bảo hiểm y tế. [H8.08.05.07]; giải quyết thủ tục bảo hiểm y tế và là nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu cho SV trong toàn trường. Hàng năm, Phòng Y tế có báo cáo kết quả về công tác y tế theo đúng quy định hiện hành; chưa để xảy ra các vi phạm sự cố về y tế trong 5 năm vừa qua [H8.08.05.08].

Học viện, Phòng bảo vệ cũng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan công an phường, quận và thành phố đảm bảo tốt an ninh tạo môi trường xã hội trật tự và an toàn cho người học tại Trường, khu vực KTX và khu vực SV ngoại trú xung quanh Học viện [H8.08.05.09].

Môi trường tâm lý

Khoa XHH&PT, Phòng Công tác - Chính trị & Hỗ trợ SV đóng vai trò là bộ phận tư vấn hỗ trợ tâm lý cho người học khi người học có những vấn đề thắc mắc cần giải đáp [H8.08.03.10].

Mỗi lớp học có Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn luôn chú ý đến việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa như chào K, hội trại, các giải thi đấu bóng đá, nam nữ hàng năm... Hoạt động này đã gắn kết các thành viên trong lớp, tạo ra bầu không khí vui vẻ và lành mạnh cho SV ngành XHH. Như vậy các hoạt ngoại khóa đã tạo dựng môi trường tâm lý tốt cho SV. CVHT gặp SV theo định kỳ hàng tháng/hoặc trong những tình huống phát sinh để nắm bắt tình hình và động viên tâm lý cho SV. Nếu SV gặp khó khăn về tâm lý, các thành viên khác và ban cán sự lớp, CVHT...có trách nhiệm chia sẻ và động viên các em vượt qua hoặc đưa ra các biện pháp tháo gỡ. Các hoạt động xã hội, thể thao, văn nghệ...cũng giúp cho SV có cơ hội nâng cao sức khỏe và giảm bớt căng thẳng trong học tập.

Khu KTX được lắp đặt mạng wifi cho toàn khu tạo điều kiện thuận lợi thoải mái cho SV trong quá trình học tập, tự học và sinh hoạt. Học viện tiến hành đặt các biển cảnh báo PCCC tại tất cả các tầng nhà: nhà Hành chính A1, các khu giảng đường, thư viện, KTX, studio theo đúng quy định. Điều này tạo ra một môi trường tâm lý an toàn, thoải mái cho SV và cán bộ.

Môi trường tâm lý thoải mái tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, được người học đánh giá tốt với 88,46.% người học hài lòng [H8.08.05.11]. Năm 2020, Có 860%

người học đánh giá tốt các hoạt động hỗ trợ học tập, y tế, môi trường an ninh. Tất cả những điều đó cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của đội ngũ nhân viên phòng ban, cán bộ quản lý đã tạo được tâm lý thoải mái, tin tưởng, an tâm cho sinh viên để các em tích cực cố gắng trong học tập và rèn luyện [H8.08.05.12].

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

3. Tồn tại

Về môi trường cảnh quan: Cơ sở vật chất đặc thù dành cho người khuyết tật còn chưa đầy đủ như thiếu phòng vệ sinh dành riêng cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Phòng Quản trị tham mưu xây dựng kế hoạch, lộ trình cải tạo cơ sở vật chất bổ sung các chức năng dành cho người khuyết tật một cách đầy đủ hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chất lượng người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành XHH. Chất lượng này thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành XHH khi Học viện tổ chức tuyển sinh và thể hiện ở kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại Học viện của người học được lưu trữ trên phần mềm quản lý của Học viện. Bên cạnh đó, người học còn được sự hỗ trợ của Khoa, Học viện về hoạt động tư vấn học tập, cấp học bổng cho những SV có thành tích học tập và rèn luyện đạt tiêu chuẩn quy định của Học viện, cho vay vốn theo chương trình hỗ trợ của Ngân hàng chính sách xã hội... nhằm khuyến khích người học nâng cao kết quả học tập và tích cực NCKH. Chương trình giảng dạy gắn với hoạt động thực tiễn.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí, cả 5 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình 6/7

TIÊU CHUẨN 9

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có hệ thống thư viện, hệ thống trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, cơ sở vật chất đã được trường từng bước đầu tư, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ.

Bên cạnh công tác đầu tư, cải tạo, trường đã từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có, xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp, môi trường văn hóa trong Học viện.

Học viện luôn chủ động xây dựng dự án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách nhà nước, liên kết với các doanh nghiệp và nguồn lực xã hội hóa để bổ sung, hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ.

Công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành của trường đã từng bước đi vào nề nếp. Trung tâm Thông tin - Thư viện của Học viện hiện đại khang trang đáp ứng được nhu cầu của giảng viên và người học. Ký túc xá được đầu tư xây dựng và cải tạo thoáng mát sạch sẽ. Việc khai thác CSVC của trường đã từng bước đi vào nề nếp và có hiệu quả.

Với sự quan tâm của Học viện, Khoa XHH&PT đã được cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo, nghiên cứu Khoa học của ngành XHH. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, hệ thống tài liệu khoa học... mà ngành XHH hiện có và sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

HVBC&TT có đủ giảng đường, phòng học, phòng chuyên đề, phòng đọc cùng trang thiết bị kèm theo đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV, SV theo qui định. Cơ sở vật chất dành cho CTĐT ngành XHH được dùng chung với cơ sở vật chất trong toàn Học viện. Cụ thể, một số học phần chung của Nhà trường có số lượng SV gồm cả SV ngành XHH đăng ký học đông (từ 80 -150 SV) được bố trí ở những giảng đường lớn để đảm bảo có đủ số ghế B1, B3, B5, B6, B8, B9. Ngược lại các môn chuyên ngành cho SV ngành XHH có số lượng SV ít hơn (từ 30 - 50 SV) được bố trí linh hoạt ở các phòng học nhỏ hơn trong các khu nhà này. Số lượng và diện tích các phòng học,

phòng chức năng, phòng làm việc phục vụ đào tạo của HVBC&TT như sau:

Bảng 9.1. Thống kê danh sách và diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của HVBC&TT

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	146	19.339,00
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	2.180,00
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cosở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
	Tổng	170	27.179,08

Diện tích xây dựng phục vụ đào tạo của HVBC&TT [H9.09.01.01] bao gồm Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu là 19.339,00 m². Diện tích này đã đáp ứng đủ số lượng phòng học và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của Học viện. Hiện tại, Học viện có 86 phòng học với diện tích 11.957,9m² trên tổng số sinh viên chính quy của Học viện là 7557, tỉ lệ diện tích bình quân là 1,58m²/sv.

Số lượng và diện tích phòng học của Học viện đủ để đáp ứng yêu cầu dạy và học của tất cả các ngành đào tạo trong đó bao gồm cả ngành XHH (bao gồm giờ giảng lý thuyết, bài tập thực hành, thảo luận). 100% các phòng học này được trang bị đầy đủ máy chiếu, bảng chống lóa và màn chiếu, đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống chiếu sáng, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo của ngành XHH [H9.09.01.02] . Các giảng đường đều được lắp hệ thống âm thanh hỗ trợ giảng dạy tại khu giảng đường nhà B1, B3 và B8. Ngoài ra, các phòng học, phòng chức năng, phòng làm việc còn

được trang bị đầy đủ điều hoà.

Bảng 9.2. Thống kê trang thiết bị phòng học, phòng chức năng phục vụ đào tạo của HVBC&TT [H9.09.01.03]

Phòng học	SL	Trang thiết bị	Số lượng
Giảng đường, phòng học	86	Bàn	2,859
		Ghế	6,296
		Máy chiếu	99
		Loa đài	96
		Điều hòa	162
		Máy photo	0
		Hệ thống chiếu sáng	
		Số lượng máy tính toàn học viện	610 bộ (trong đó phòng thực hành dạy và học 400 bộ, phục vụ các văn phòng 210 bộ)

Trong mỗi phòng học, giảng đường, đều có nội quy quy định việc sử dụng CSVC, trang thiết bị. Các thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập tại các giảng đường, lớp học được quản lý, kiểm tra hằng ngày bởi tổ cán bộ Trung tâm Thực hành và hỗ trợ đào tạo và các công nhân vệ sinh [H9.09.01.04]. Do đó, trang thiết bị hỏng hóc được sửa chữa kịp thời. Thống kê trong giai đoạn 2014-2020, số phòng học sử dụng chung toàn Học viện đã đáp ứng nhu cầu đào tạo và giảng dạy của ngành XHH.

Hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV, CBVC. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 11 tầng, Học viện đã có khu hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar. Học viện đã ban hành biểu quản lý, sử dụng tòa nhà hành chính làm việc, đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT ngành XHH [H9.09.01.05].

Khoa XHH&PT có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp đủ để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Khoa được phân 1 phòng làm việc, 02 phòng dành cho BCN Khoa, tại nhà hành chính trung tâm A1. Các phòng này có diện tích khoảng 97,56m²

(bình quân 7.5 m²/1 GV), [H9.09.01.06]. được trang bị đầy đủ bình quân 1 bàn làm việc/ 1 người, bình quân 02 máy vi tính/phòng có kết nối mạng internet, 01 máy in/1 phòng, 01 điều hòa công suất lớn/1 phòng, 1 máy photo [H9.09.01.07] ... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của Học viện và đảm bảo điều kiện về ánh sáng để đáp ứng CSVC tốt nhất cho GV, cán bộ có nhiều điều kiện phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Bảng 9.3: Thống kê CSVC Khoa XHH&PT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số phòng được giao sử dụng	Phòng	3	
2	Tổng diện tích sử dụng	M2	97,56	
3	Diện tích bình quân	M2/người	7,5	
4	Số lượng bàn (bàn làm việc, bàn vi tính...)	Cái	9	
5	Máy tính xách tay	Cái	4	
	Máy tính bàn		5	
6	Số lượng điều hòa	Cái	Điều hòa tổng	
7	Máy in	Cái	4	
8	Máy photo	Cái	1	
9	Máy chiếu	Cái	1	Khoa tự trang bị
10	Các loại trang thiết bị khác	Cái (bộ)	22	

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều được phân phối hợp lý và có sơ đồ rõ ràng [H9.09.01.01.DC]. Các bộ phận chức năng của Học viện đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, người học đối với cơ sở vật chất về mức độ đáp ứng được yêu cầu của GV. Cụ thể, năm 2018 có 69 % số lượng GV [H9.09.01.08] và SV tham gia khảo sát [H9.09.01.09] đánh giá hệ thống phòng học của Trường đã đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo và NCKH với tỷ lệ trong năm 2019 là 77%.

Hàng năm, phòng Quản trị sẽ tổng hợp lập kế hoạch đầu tư, xây dựng, cải tạo hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng trên cơ sở đề xuất của các đơn vị [H9.09.01.10]. Trong năm, hoạt động đầu tư, cải tạo phải nằm trong kế hoạch đã được Giám đốc phê duyệt đầu năm, các đơn vị báo Phòng Quản trị để kiểm tra thực tế, lên phương án và thực hiện đầu tư, sửa chữa. Việc nghiệm thu sẽ được phối hợp giữa

Phòng Quản trị và đơn vị có đề xuất đầu tư sửa chữa.. Hàng năm, Học viện dành từ 10 đến 15 tỷ đồng để đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo của Trường. Hệ thống phòng làm việc của Khoa XHH&PT trong giai đoạn vừa qua cũng được Học viện trang bị thêm những thiết bị cần thiết như: máy tính, bàn ghế... đầu tư mới các trang thiết bị như máy chiếu, điều hòa...

Bảng 9.4. Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo của HVBC&TT [H9.09.01.11]

Đơn vị tính: triệu đồng

Hạng mục	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí
Máy tính	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
Máy chiếu	11	273	17	428	4	98	14	236	15	367
Loa đài	51	257			30	222	39	200	15	521
Phần mềm	1	53	118	528	3	846				
Điều hoà	17	425			11	362	284	6844		
Máy in					1	48				
Máy photo										
Các loại trang thiết bị khác										
Tổng										

Bảng 9.5. Thống kê kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của HVBC&TT [H9.09.01.12]

Năm	Danh mục	Kinh phí (VNĐ)
		2,212,059,000
2015	Cải tạo Phòng TH hỗn hợp nhà B1	198,000,000
	Cải tạo XD nhà B2 cũ - B8	71,910,000
	Cải tạo, sửa chữa nhà B5,B6	1,942,149,000
2016	Cải tạo 03 phòng khách tầng 3 nhà A3	584,959,000
2017	Không	0
2018	Cải tạo lớp học nhà B1	823,620,000
2019	Cải tạo, nâng cấp nhà B3	3,448,806,000

2. Điểm mạnh

Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng hội thảo, phòng chức năng hiện có với các trang thiết bị phù hợp và luôn được cải tạo sửa chữa đã đáp ứng tốt, có hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH,... của Học viện nói chung và ngành Quan hệ quốc tế nói riêng.

Hệ thống điều hòa trong hệ thống giảng đường đáp ứng tốt cho SV khi học tập trong những ngày hè nóng bức.

Việc bố trí phòng học được thực hiện khoa học cùng với nỗ lực của Trung tâm hỗ trợ và thực hành đào tạo đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như học nhóm, tự học,....

3. Tồn tại

Hệ thống các phòng thực hành nghiệp vụ cho sinh viên chuyên ngành XHH còn hạn chế.

Học viện chưa có đủ các phòng tự học đáp ứng tốt nhu cầu của sinh viên vào mùa thi.

Hệ thống bàn ghế trong các phòng học còn mang tính cố định nên chưa đáp ứng đầy đủ cho các hoạt động học tập nhóm, hoạt động học tập lấy người học làm trung tâm.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021, đối với hệ thống giảng đường, Học viện cần lên kế hoạch

nghiên cứu xây dựng phương án bố trí thêm các phòng tự học cho sinh viên. Đồng thời, phòng Quản trị cần có kế hoạch nâng cấp hệ thống bàn ghế trong một số phòng học để phù hợp thêm cho các hoạt động tập tích cực.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hiện tại Trung tâm Thông tin khoa học (thư viện) trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Thư viện sử dụng toà nhà 3 tầng có diện tích hơn 3.000 m² bao gồm 10 phòng học, 05 phòng phục vụ với 300 chỗ ngồi [H9.09.02.1]. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm: bàn, ghế, tủ, giá sách, máy số hóa, máy tính, máy photocopy, máy in, ti vi, điều hòa ... đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học..

[H9.09.02.03]

Thư viện thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, bổ sung đầy đủ, kịp thời giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của Học viện. Đặc biệt, thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc mở, phòng đọc báo - tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng phục vụ các lớp chất lượng cao, phòng đọc giảng viên... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá tạo thuận lợi cho việc quản lý bạn đọc và tài liệu, giúp bạn đọc thuận tiện trong việc tra cứu và sử dụng tài liệu đạt hiệu quả. Thư viện có nguồn tài liệu phong phú bao gồm: giáo trình; sách tham khảo; khóa luận tốt nghiệp; luận văn thạc sĩ; luận án tiến sĩ; đề tài khoa học; tạp chí; ấn phẩm; bản tin... Đây là nguồn thông tin khoa học quý giá phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.[H9.09.02.04]. Đây là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Bảng 9.6. Thống kê danh mục tài liệu in tại Thư viện

STT	LOẠI TÀI LIỆU IN	SỐ ĐẦU TL	SỐ BẢN
1	Đề tài khoa học	1913	2.579
2	Giáo trình	671	12.987
3	Khóa luận tốt nghiệp	2.100	2.389
4	Luận án tiến sĩ	85	85
5	Luận văn thạc sĩ	3.975	4095
6	Sách tham khảo	14.516	95.530
7	Sách ngoại văn	1.289	2046
8	Báo, Tạp chí, bản tin	110	374
9	Thông tin chuyên đề	57	500

Thư viện của Học viện ứng dụng phần mềm quản lý tài liệu số, với hệ thống giáo trình, sách tham khảo phong phú đa dạng.[H9.09.02.05].

Bảng 9.7. Thông kê danh mục tài liệu số tại Thư viện

STT	LOẠI TÀI LIỆU SỐ	SỐ ĐẦU TL	SỐ BẢN
1	Đề tài khoa học	1193	1193
2	Giáo trình	473	473
3	Khóa luận tốt nghiệp	32	32
4	Luận án tiến sĩ	74	74
5	Luận văn thạc sĩ	3.414	3.414
6	Sách tham khảo	1.585	1.585
7	Sách ngoại văn	447	447
8	Tạp chí	39	39
9	Thông tin chuyên đề	47	47

Từ năm 2013, thư viện ứng dụng phần mềm thư viện số Dspace để quản lý các tài liệu số, phục vụ bạn đọc tra cứu và đọc toàn văn tài liệu qua mạng internet; tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc có thể tiếp cận tài liệu dễ dàng mà không phải trực tiếp đến thư viện. Năm 2019, phần mềm được nâng cấp lên phiên bản 5.9 giúp bạn đọc có thể truy cập tài liệu số trên điện thoại di động. Địa chỉ truy cập: **thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace**.

Từ năm 2018 đến nay, thư viện sử dụng phần mềm thư viện điện tử Kipos phiên bản 6.X với 04 module cơ bản: biên mục tài liệu, lưu thông tài liệu, quản lý ấn phẩm định kỳ và công thông tin điện tử, để quản lý toàn bộ các tài liệu in có trong thư viện qua mã vạch, các tài liệu in được cập nhật thường xuyên, kịp thời phục vụ bạn đọc tra tìm tài liệu, quản lý quá trình lưu thông mượn, trả tài liệu của bạn đọc. Địa chỉ truy cập: **thuvienajc.hcma.vn**.

Hệ thống máy tính của Trung tâm bao gồm 63 máy tính, 48 máy tra cứu của bạn đọc. Hệ thống này được kết nối Internet. Các phòng làm việc và phục vụ bạn đọc đều được trang bị quạt, điều hòa, đèn điện đạt tiêu chuẩn[H9.09.02.03.DC].

Cùng với sự phát triển của Khoa XHH&PT, các tài liệu, tạp chí luôn luôn được đầu tư mua mới, bổ sung. Hàng năm, Trung tâm Thông tin khoa học tiến hành khảo sát nhu cầu bổ sung tài liệu [H9.09.02.06] từ khoa XHH &PT để trên cơ sở đó đề nghị Học viện Báo chí và Tuyên truyền dành một khoản kinh phí để bổ sung tài liệu cho ngành XHH. Trong giai đoạn 2016 đến 2020, thư viện của Học viện đã bổ sung 2.118 đầu sách (tương đương 17.306 bản sách) trong số đó, 364 đầu sách (tương đương 3.660 bản) phục vụ cho đào tạo, học tập và NCKH của GV và SV ngành Xã hội học. Điều này đảm bảo nguồn tài liệu, tạp chí,... của thư viện luôn luôn được đổi mới [H9.09.02.13] đáp ứng nhu cầu học tập nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Kinh phí Học viện dành cho việc bổ sung số lượng sách, tạp chí, cơ sở dữ liệu (gồm cả sách, tạp chí được biếu, tặng) trong đó có cả ngành XHH được mô tả trong Bảng 9.8

Bảng 9.8: Thống kê kinh phí bổ sung hàng năm Khoa XHH&PT

STT	Loại đầu mục	Kinh phí từ 2016 - 2020
1	Sách	540.843.600
2	Báo, tạp chí	1.684.489.658
3	Số hóa tài liệu	1,084,225,000
4	Tổng số	3,309,558,258

Hàng năm, Trung tâm Thông tin khoa học tổ chức trao đổi, khảo sát lấy ý kiến về mức độ hài lòng của cán bộ, giảng viên[H9.09.02.14] và sinh viên

[H9.09.02.15] về hoạt động của Thư viện. Kết quả thăm dò về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo ngành XHH cho thấy: Năm 2020 giảng viên và sinh viên ngành Xã hội học về cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện, tỷ lệ này ở giảng viên là 75% vào năm 2019.

Vào đầu năm học, cán bộ thư viện trực tiếp giới thiệu và hướng dẫn SV ngành Quan hệ quốc tế môn nhập học cách tra cứu, mượn trả sách, sử dụng thư viện điện tử, nội quy và thời gian phục vụ của Thư viện [H9.09.02.16]. Ngoài ra, cán bộ thư viện hướng dẫn trực tiếp bạn đọc cách sử dụng thư viện tại quầy phục vụ khi có yêu cầu. Thư viện có quy định loại tài liệu, số lượng đầu sách, thời gian được mượn cho từng đối tượng bạn đọc. Thời gian phục vụ bạn đọc được thông báo ở nội quy thư viện, trên website của thư viện và tại các phòng phục vụ [H9.09.02.17].

Theo quy định, tài liệu in bạn đọc được mượn giáo trình, sách tham khảo về nhà; với tài liệu số bạn đọc chỉ được đọc trực tuyến toàn văn, không được tải về. Đối với các cơ sở dữ liệu điện tử bạn đọc sẽ sử dụng qua các đường link trên thư viện số [H9.09.02.18].

1. Điểm mạnh

Thư viện có nguồn tài liệu đa dạng, hàng năm nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của các ngành đào tạo trong đó có ngành Xã hội học.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Thư viện hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu của bạn đọc với hệ thống phòng phục vụ rộng rãi, mát mẻ, đủ chỗ ngồi và phần mềm quản lý chuyên dụng cho Thư viện (hệ thống tra cứu, đường truyền tại thư viện ổn định cho phép người học và giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến qua thư viện điện tử và truy cập, sử dụng toàn văn tài liệu trên thư viện số). Thư viện có đủ giáo trình, sách tham khảo phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện.

Thư viện đã có các quy định hướng dẫn người đọc rõ ràng, đầy đủ, cán bộ thư viện chủ động hướng dẫn bạn đọc sử dụng thư viện hiệu quả.

2. Tồn tại

Thư viện còn thiếu các cơ sở dữ liệu điện tử; việc cập nhật và bổ sung tài

liệu nước ngoài còn hạn chế dẫn đến việc học liệu chưa thực sự đa dạng và phong phú.

3. Kế hoạch hành động

Thư viện Nâng cấp thêm một số module của phần mềm Thư viện điện tử Kipos: về công tác bổ sung, thống kê tài liệu... Bổ sung cơ sở dữ liệu điện tử, tài liệu tiếng nước ngoài; tiếp tục phát triển kho tài nguyên số. Thư viện tiếp tục phối hợp cùng các đơn vị trong Học viện để bổ sung tài liệu, nâng cấp hạ tầng mạng, đường truyền tốc độ cao, wifi để đảm bảo truy cập trang Thư viện điện tử, Thư viện số phục vụ hoạt động đào tạo.

Khoa XHH&PT đề xuất Nhà trường có kế hoạch từng bước tăng cường các đầu sách mới xuất bản trong nước và ngoài nước để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong ngành XHH: cụ thể mỗi năm mua từ 3-7 đầu sách.

4. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm.

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

HVBC&TT luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV trong công tác NCKH, chuyển giao công nghệ đồng thời nâng cao khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ cho SV khi ra trường.

Hệ thống phòng thực hành trong toàn Học viện đáp ứng được nhu cầu thực hành, thực tập của SV thuộc tất cả các ngành đào tạo trong đó có ngành XHH. Đối với người học ngành Báo chí - Truyền thông để phục vụ cho SV trong quá trình học các học phần sinh viên có thể sử dụng trường quay ảo, studio của Học viện tại tầng 1,2 nhà B3 để phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Sinh viên ngành XHH cũng có thể sử dụng các phòng thực hành này khi có yêu cầu của giảng viên. Ngoài ra, Học viện có 5 phòng máy tính phục vụ thực hành tin học, 2 phòng có trang thiết bị học ngoại ngữ [H9.09.03.01] để phục vụ SV ngành XHH trong quá trình học các môn trong CTĐT như Ngoại ngữ, tin học văn phòng, chuẩn đầu ra tin học.

**Bảng 9.9. Thống kê danh sách phòng thực hành kèm trang thiết bị
Phục vụ CTĐT ngành XHH**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Tên	Số lượng trang thiết bị	Giá trị
Phòng tin học (P.301-B1)	31 bộ máy tính	361,460
	01 bộ máy chiếu	30,624
	01 điều hòa	17,474
	01 bộ loa đài	36,551
Phòng Lab (P.103-B1)	33 bộ máy tính	366,305
	01 bộ máy chiếu	30,624
	02 điều hòa	34,948
	01 bộ loa đài	36,551
Tổng		914,537

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý trang thiết bị thí nghiệm, Học viện, Khoa XHH&PT đã thông qua quy định về quản lý và sử dụng tài sản công [H9.09.01.02]. Các phòng thực hành có bảng phân phối và sơ đồ sử dụng hợp lý. Trong mỗi phòng thực hành đều có nội quy quy định việc sử dụng CSVG, trang thiết bị [H9.09.03.03]. Các trang thiết bị luôn được thống kê, báo cáo hàng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng. Các danh mục trang thiết bị tại phòng thực hành phục vụ cho ngành XHH cũng luôn được thống kê, báo cáo hàng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng để trên cơ sở đó có các kế hoạch đề xuất cho việc đầu tư hay sửa chữa kịp thời phục vụ công tác đào tạo, NCKH [H9.09.03.04].

Tại các phòng thực hành luôn có các sổ theo dõi tần suất sử dụng [H9.09.03.05]. Hàng năm, HVBC&TT, khoa XHH&PT có khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. 69% GV [H9.09.01.08.DC] và 80% SV ngành XHH [H9.09.01.09.DC] được khảo sát đều đồng ý, phòng thực hành của HVBC&TT đáp ứng tốt và rất tốt.

Số lượng và thiết bị phòng thực hành hiện có đã đáp ứng thiết thực cho việc dạy và học của ngành XHH. Cụ thể, theo thống kê mức độ hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ cho học tập, khi được hỏi về mức độ đáp ứng của Phòng thực hành về trang bị các

công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thì câu trả lời là đáp ứng đến 75.9 % ở năm 2019 và con số này năm 2020 là 76.9%. **Bên cạnh đó**, HVBC&TT đều dành kinh phí cho việc đầu tư, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị cho các phòng thực hành tính trung bình một năm khoảng từ 2 đến 4 tỷ đồng. Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa trung bình một năm từ năm 2015 đến 2017 là khoảng 5 tỷ đồng. Riêng năm học 2018-2019, do đầu tư xây dựng, cải tạo lại hệ thống phòng học các khu giảng đường A3, A4, B11, B3, đặc biệt là đầu tư để cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC tại nhà A1, nên số kinh phí giành cho cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định năm 2019 tổng mức là 23,2 tỷ đồng [H9.09.03.06]

2. Điểm mạnh

Phòng thực hành phục vụ cho giảng dạy đào tạo NCKH ngành XHH đã được trang bị phù hợp và có bổ sung, sửa chữa hàng năm đã góp phần quan trọng vào việc kết hợp đào tạo lý thuyết với thực hành lĩnh vực lý luận chính trị trong đó có triết học cho người học.

3. Tồn tại

Phòng máy tính, thực hành vẫn còn có các thiết bị cũ, chưa được thay thế kịp thời, sửa chữa kịp thời.

Hiện nay số SV chủ động tiếp cận với phòng thực hành chưa nhiều nên tần suất sử dụng còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Trên cơ sở kế hoạch nguồn kinh phí NCKH và đầu tư CSVC, hàng năm Khoa sẽ đề xuất đầu tư thêm cho trang thiết bị cho Khoa bằng việc mua sắm, bổ sung thêm máy tính hiện đại cùng phần mềm quản lý có bản quyền nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH của ngành XHH.

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thu hút hơn nữa việc sử dụng phòng thực hành của SV ngành XHH để nâng cao hiệu suất sử dụng phòng đồng thời giúp SV bổ sung các kỹ năng thực hành phục vụ cho công việc sau này.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên

cứu.

1. Mô tả

Hiện nay, Học viện có 610 bộ máy tính để bàn, 99 máy chiếu. Tất cả các Bộ môn trong Khoa XHH&PT đều được trang bị máy tính, máy in, các thiết bị làm việc cần thiết khác. Cụ thể Khoa XHH&PT hiện nay số máy tính phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu của GV và phục vụ công tác điều hành quản lý là 5 máy. Tất cả các GV đều có máy tính cá nhân (được Học viện cung cấp hoặc tự trang bị).

Học viện có 06 phòng máy tính phục vụ SV thực hành, học tập các môn học trong đó có các môn học của ngành XHH như Tin học cơ bản; 01 phòng máy tính cho GV và SV ngành XHH tìm kiếm tài liệu ở Thư viện, trên Internet; 04 phòng máy chuyên dụng cho học ngoại ngữ **[H9.09.04.01]**.

Tất cả các máy tính của Học viện đều được nối mạng và sử dụng Internet miễn phí để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường **[H9.09.04.02]**. Tất cả CB, GV và SV đều có địa chỉ email của Học viện. Học viện cũng có mạng không dây kết nối Internet cho SV tại Thư viện và KTX **[H9.09.04.03]**.

Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của Học viện cũng như Khoa. Kinh phí đầu tư, nâng cấp, sửa chữa hệ thống tin học hàng năm của Học viện từ 1 đến 5 tỷ đồng **[H9.09.03.04]**.

**Bảng 9.9: Kinh phí mua sắm sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị tin học
(Công nghệ thông tin, phần mềm)**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí	SL	Kinh phí
1	Thiết bị CNTT	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
	Máy tính	1	30	68	757	39	567	128	1664	35	524
	Ổ cứng										
2	Phần mềm	1	53	118	529	3	846	0	0	1	180
	Phần mềm chấm thi, dạy học	1	53			1	95				
	Phần mềm thi trắc nghiệm					1	55				
	Phần mềm quản lý tài sản									1	180
	Phần mềm Quản lý Thư viện					1	696				
	Phần mềm học tiếng Anh			118	529						
	Phần mềm khác:...										

Năm 2018, 2019 Học viện tổ chức lấy ý kiến đánh giá của GV và người học ngành XHH về mức độ hài lòng với trang thiết bị tin học. Thống kê kết quả cho thấy, có trên 66% số SV [H9.09.04.05] và giảng viên ngành XHH được hỏi ý kiến hài lòng với trang thiết bị tin học của Học viện [H9.09.04.06].

2. Điểm mạnh

Học viện, Khoa đầu tư tập trung và liên tục CSVN, hạ tầng cho công nghệ thông tin; phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính cho các phòng thi,... được đảm bảo, hoạt động liên tục; phòng ốc và diện tích mặt bằng phù hợp (bao gồm các phòng thi, các phòng máy tính, các phòng hỗ trợ kỹ thuật tại các tòa nhà).

Chất lượng mạng internet đảm bảo khi có sự cố về mạng luôn được nhân viên

phòng Công nghệ thông tin thuộc VP Học viện hỗ trợ kịp thời.

3. Tồn tại

Máy tính tại một số bộ môn của Khoa XHH&PT làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình không cao. Giảng viên tự phải đầu tư máy tính xách tay trong khi đời sống còn khó khăn.

Đã có hệ thống wifi phủ sóng rộng khắp, miễn phí trong toàn Học viện nhưng đường truyền còn chưa ổn định nên ảnh hưởng tới việc dạy học trong các giảng đường.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2020-2021, Khoa tiếp tục lập kế hoạch đề xuất Học viện bổ sung một số máy tính hiện đại cho các bộ môn thay thế cho các máy hỏng và xây dựng kế hoạch hỗ trợ GV mua máy tính xách tay phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH.

Năm 2021, Phòng Công nghệ thông tin thuộc VP Học viện đề xuất với Học viện tiếp tục tăng cường, nâng cấp và cải thiện hệ thống mạng wifi trong Học viện

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Học viện luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc cũng như tại KTX SV. Phòng Bảo vệ, Phòng quản trị, Phòng y tế, Ban Quản lý KTX có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ, quân sự địa phương.

Về môi trường Học viện, Khoa XHH&PT và các bộ môn của khoa luôn chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho người học [H9.09.05.01]. Hệ thống thùng rác được bố trí trong khuôn viên trường (trên giảng đường, khu phòng làm việc...) tại những nơi thuận tiện dễ thấy. Bên cạnh đó Học viện ký hợp đồng hàng năm với công ty vệ sinh môi trường để thu gom rác thải trong toàn khuôn viên Học viện. Học viện cũng ký hợp đồng với công ty vệ sinh để đảm bảo các phòng học, phòng làm việc... luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học. Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong nhà ăn, vệ sinh môi trường ở KTX cũng được Học viện hết sức quan tâm. Hàng năm, Ban chỉ đạo Công tác y tế của Học viện đề ra kế hoạch, tổ chức thực hiện và báo cáo công tác vệ sinh trường học, trong đó có nội dung kiểm tra công tác vệ sinh tại KTX SV [H9.09.05.02]. Học viện có Phòng Y tế riêng để đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của GV và SV khi gặp vấn

đề về sức khỏe. Ngoài ra, Phòng y tế liên kết chặt chẽ với trạm y tế phường, các bệnh viện tuyến trên để xử lý những trường hợp khẩn cấp khi xảy ra tại khu vực Học viện và khu vực KTX SV. Định kỳ hàng năm Học viện tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ đồng thời còn tổ chức khám sức khỏe cho SV đầu khóa, **[H9.09.05.03]**.

Học viện đã ban hành các nội quy, quy định về công tác trật tự trị an, nội quy quy định khi sử dụng phòng thực tập, thực hành, vệ sinh môi trường... **[H9.09.05.04]** và được niêm yết tại các vị trí dễ đọc nhất. Không chỉ chủ động trong công việc của mình, Phòng Bảo vệ, Phòng Quản lý KTX đã có liên kết, phối hợp tốt với Công an Phường Dịch vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh vì vậy khi có sự việc xảy ra đều có sự tham gia khẩn trương của các lực lượng chức năng của Phường, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Học viện **[H9.09.05.5]**. Bên cạnh đó Phòng Bảo vệ và Học viện còn phối hợp với công an Phường trong công tác quản lý tạm trú SV ở trong KTX; thường xuyên báo cáo công tác an ninh, trật tự trong Học viện với phòng PA 83, Công an thành phố Hà Nội. Trong các dịp lễ Tết và trong các đợt có các hoạt động lớn, Học viện đều có thông báo đến từng thành viên trong Học viện tổ chức kế hoạch canh gác, bảo vệ, trực chỉ huy, trực lãnh đạo.

Với số lượng 16 người chuyên trách **[H9.09.05.06]**, lực lượng bảo vệ đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Học viện. Nhân viên bảo vệ có trách nhiệm bảo đảm trực 24/24 trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Khu vực tuần tra, kiểm soát bao gồm: (1) cổng chính: Kiểm soát các phương tiện vào ra Học viện 24/24 giờ; (2) khu vực nhà hành chính A1: Kiểm soát thực hiện nội quy vào ra của cán bộ viên chức, SV và khách đến làm việc trong giờ hành chính, cứu hộ thang máy khi gặp sự cố; (3) toàn bộ khuôn viên sân trường, các giảng đường, KTX SV: tuần tra, hướng dẫn, sắp xếp ô tô của cán bộ viên chức và khách đỗ đúng nơi quy định. Để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn tối đa cho khu giảng đường, KTX, sân vận động ở khu KTX.

Học viện hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV cũng như cán bộ. Học viện đã phối hợp với Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy số 3, Sở Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội, xây dựng phương án PCCC và thành lập Ban PCCC cơ sở. Học viện có các biển cảnh báo PCCC được đặt tại tất cả các tầng nhà A1, các khu giảng đường, thư viện, KTX, theo đúng quy định. Các thiết bị PCCC như bình chữa cháy xách tay các loại, hệ thống họng nước vách tường,... đã được trang bị đầy đủ và được rà soát bổ sung, thay thế. Như vậy, công tác phòng chống cháy nổ trong Học viện cũng được thực sự chú ý, không để xảy ra các sự cố **[H9.09.05.07]**.

Học viện cũng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan công an phường, quận và thành phố đảm bảo tốt an ninh, trật tự và an toàn cho người học tại Học viện, khu vực KTX và khu vực SV ngoại trú xung quanh Học viện.

Hàng năm, Học viện đều tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho toàn thể CBVC và SV [H9.09.05.08]. Đối với SV mới nhập học, Học viện dành thời gian trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV để cán bộ phòng, ban chức năng phổ biến nội quy, quy định bảo vệ Học viện, nội quy và kiến thức PCCC, nội quy KTX [H9.09.05.09].

Bên cạnh đó Học viện thường xuyên khảo sát thu thập các thông tin phản hồi về chất lượng công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường của SV [H9.09.05.10], cán bộ và GV, từng bước cải tạo, nâng cấp, bổ sung đáp ứng nhu cầu tốt nhất [H9.09.05.11].

Học viện đã có một số chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Các toà nhà làm việc, giảng đường học tập đều được thiết kế và xây dựng có lối đi lên dành cho người khuyết tật [H9.09.05.12]. Tuy nhiên, do Học viện không có sinh viên là người khuyết tật nên các trang thiết bị và dịch vụ khác dành cho người khuyết tật như chưa có nhà vệ sinh dành cho người khuyết tật.

2. Điểm mạnh

Toàn thể đội ngũ bảo vệ, phòng quản lý KTX đều được tập huấn, học nghiệp vụ công tác bảo vệ do Công an thành phố tổ chức. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa bộ phận bảo vệ cùng với đội tự vệ, đội phòng cháy, chữa cháy của Học viện trong công tác an ninh, trật tự. Hàng năm, trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, Tổ Bảo vệ, Phòng quản lý KTX luôn được bố trí thời gian để truyền đạt đến SV về các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Học viện.

Đội ngũ cán bộ, nhân viên quản lý giảng đường, phòng y tế luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe xanh-sạch- đẹp.

3. Tồn tại

Công tác tuần tra vào ban đêm còn mỏng do Học viện có nhiều địa điểm khác nhau. Hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Một số SV vẫn còn không mua bảo hiểm y tế. Diện tích cây xanh của trường tại khu KTX còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2021, Phòng Quản trị rà soát và xây dựng kế hoạch mua sắm các thiết

bị chiếu sáng, camera để tăng cường lắp đặt đèn bảo vệ vào các nơi thiết yếu, lắp camera quan sát ...

Từ năm 2021, Phòng Quản lý KTX đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy KTX của SV.

Từ năm học 2020 - 2021, Phòng Công tác chính trị - SV kết hợp với phòng y tế tiếp tục đôn đốc đảm bảo 100% SV mua bảo hiểm y tế.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 6/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 9

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Học viện đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành XHH hiện nay. Phòng thực hành luôn được coi trọng đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt cho công tác đào tạo và NCKH, phát huy thế mạnh của đơn vị có các chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực lý luận chính trị. Thư viện Học viện có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư thường xuyên. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. KTX đủ chỗ ở để phục vụ cho SV thuộc diện chính sách. Học viện có sân bãi, hội trường phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, văn nghệ của cán bộ, viên chức, giảng viên và SV. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai được quan tâm thích đáng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, cả 5 đều đạt, điểm trung bình 5,6/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 10

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Học viện Báo chí & Tuyên truyền nói chung và Khoa XHH&PT nói riêng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thường xuyên điều chỉnh nâng cao chất lượng của các ngành đào tạo trong đó có ngành XHH. Việc điều chỉnh được diễn ra định kỳ trên cơ sở lắng nghe và thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan cũng như tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới nhằm học hỏi và cập nhật CTĐT nhằm đáp ứng với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực. Bên cạnh đó CTĐT ngành XHH tại HVBC&TT cũng bám sát vào triết lý và mục tiêu giáo dục của Học viện cũng như của Khoa.

Học viện cùng với Khoa XHH&PT đã liên tục có các hoạt động nhằm cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo với các nội dung triển khai cụ thể như sau:

- Duy trì cơ chế phản hồi có tính hệ thống từ các bên liên quan (giảng viên, sinh viên đang học, cựu sinh viên, các đơn vị sử dụng lao động cũng như các bên liên quan khác) làm căn cứ để giúp thiết kế tốt và phát triển CTDH đảm bảo tính cập nhật và phù hợp;

- CTDH được định kỳ đánh giá và cải tiến chất lượng nhằm đáp ứng CDR và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động;

- Quá trình dạy và học, quy định đánh giá kết quả học tập của sinh viên được rà soát, đánh giá thường xuyên đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR;

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ đào tạo thường xuyên được đánh giá và cải tiến chất lượng;

Các kết quả NCKH được áp dụng trong CTDH, đồng thời cải tiến việc dạy và học ngành XHH tại HVBC&TT

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả

Công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng giáo dục nói chung và các hoạt động đào tạo trong đó có thiết kế và phát triển CTDH nói riêng được HVBC&TT rất quan tâm và đã triển khai trong nhiều năm. Bên cạnh việc huy động các nhà khoa học, chuyên gia và các giảng viên có kinh nghiệm tham gia xây dựng CTĐT theo qui trình,

đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố của từng ngành đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Học viện, một trong những căn cứ quan trọng để xây dựng chương trình cũng như đổi mới, cải tiến chương trình là chú ý xem xét đến ý kiến phản hồi, nhu cầu của các bên liên quan. Học viện đã có hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển chương trình, cụ thể:

HVBC&TT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh cải tiến CTDH. Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (tháng 1/5//2012) theo quyết định số 876/QĐ-HVCT-HVQG làm đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo. **[H10.10.01.01]**. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo sau đó được đổi tên thành trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo (KT&KĐCLĐT) đồng thời, chức năng, nhiệm vụ của TTKT&KĐCLĐT cũng được quy định cụ thể và rõ ràng hơn, có liên quan đến trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan phục vụ kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo **[H10.10.01.01]**. Ngoài ra, Học viện ban hành quy định về xây dựng CTĐT trong đó có quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và quy định về xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT vào năm 2018 **[H10.10.01.02]**, **[H10.10.01.03]**.

Hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, bao gồm 5 loại hình khảo sát **[H10.10.01.04]**

1. Khảo sát sinh viên theo học kỳ về chất lượng giờ giảng và môn học **[H10.10.01.05]:**

Nội dung: Mục tiêu, CDR của học phần, nội dung học phần, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong học phần, cơ sở vật chất phục vụ học phần.

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên đang theo học tại HVBC&TT

Phương pháp: Được thực hiện qua phần mềm QLĐT.

Thời điểm: hàng kỳ.

2. Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo **[H10.10.01.06]:**

Nội dung: CDR, nội dung, cấu trúc CTDH, phương pháp dạy học, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, cơ sở vật chất (thư viện, phòng học, phòng

thực hành, KTX, CNTT, trang thiết bị dạy học, v.v) , môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên trước khi tốt nghiệp

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Kết thúc năm học

3. Khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách

[H10.10.01.07]

Nội dung: CTDH, cơ sở vật chất, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng, v.v.

Đối tượng: Toàn bộ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Hàng năm

4. Khảo sát cựu sinh viên **[H10.10.01.08]**

Nội dung: Mức độ đáp ứng CDR, tình trạng việc làm, CTĐT

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

5. Khảo sát nhà tuyển dụng **[H10.10.01.09]**

Nội dung: Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về CTĐT.

Đối tượng: Các nhà tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đúng ngành hoặc gần ngành

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

Trong các văn bản hướng dẫn đã xác định trách nhiệm phối hợp thực hiện của TTKT&KĐCLĐT với khoa đào tạo trong việc thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động và cán bộ viên chức. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTDH ngành XHH trình độ đại học.

TT KT&KĐCLĐT là đơn vị đầu mối xây dựng mẫu phiếu khảo sát, hàng năm tổ chức thực hiện và phân tích kết quả khảo sát. Riêng đối với khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng thì do Khoa tiến hành khảo sát và gửi phiếu lên TT KT&KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Các phương pháp khảo sát đa dạng, bao gồm trực tuyến qua cổng thông tin điện tử, gọi điện thoại, gửi email và gửi phiếu

trực tiếp. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Báo cáo kết quả khảo sát được gửi về các Khoa, phòng, ban làm căn cứ để thiết kế, phát triển và cải tiến CTĐT.

Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế phản hồi đã có những điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Thứ nhất, trước năm 2016, Học viện mới thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với sinh viên hàng kỳ; khảo sát sinh viên cuối khoá và sinh viên tốt nghiệp với quy mô nhỏ. Từ năm 2017, Học viện đã thực hiện khảo sát đa dạng các đối tượng, bao gồm nhà tuyển dụng. Đến năm 2018, Học viện bắt đầu triển khai khảo sát giảng viên, cán bộ nhân viên về CTĐT và chất lượng các mặt hoạt động. Thứ hai, phương pháp, hình thức khảo sát ngày càng đa dạng dẫn đến số lượng sinh viên cuối khóa, sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng phản hồi khảo sát ngày càng tăng. Trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email nên số lượng phản hồi thấp; từ năm 2019 trở đi, Học viện đã đa dạng hóa các hình thức khảo sát, bao gồm gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp và gửi email nên số lượng phản hồi khảo sát cao.

Ngoài ra, Khoa XHH&PT cũng đã chủ động thu thập các thông tin phản hồi về chương trình học, các môn giảng dạy trực tiếp thông qua các cuộc họp phản ánh sinh viên hàng tháng, trong đó có sự tham gia của đại diện sinh viên các lớp, ban lãnh đạo khoa và các CVHT với lớp chuyên ngành [H10.10.01.10].

Kết quả phân tích thông tin phản hồi từ các bên liên quan cho thấy những tín hiệu tích cực đối với CTĐT và sản phẩm đầu ra. Ví dụ như kết quả khảo sát người sử dụng lao động (**năm 2018**) do khoa tiến hành cho thấy không có một ý kiến nào "không hài lòng" với cựu sinh viên tốt nghiệp khoa XHH & phát triển, thuộc HVBC&TT về từng mặt cụ thể như: mức độ hài lòng về kiến thức, kỹ năng, kỹ năng mềm, năng lực chuyên môn. Có 50% ý kiến của nhà tuyển dụng cho rằng sinh viên tốt nghiệp tại khoa ra trường hoàn toàn đáp ứng yêu cầu công việc, có thể sử dụng được ngay, 50% ý kiến cho rằng sinh viên cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc và cần đào tạo thêm để thích ứng tốt hơn và không có một ý kiến nào phản hồi sinh viên phải đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng mới có thể làm việc được. [H10.10.01.11]

Đối với khảo sát phản hồi của sinh viên đang học sau mỗi học kỳ đối với mỗi môn học và giảng viên giảng dạy cũng như chịu trách nhiệm môn học: kết quả cập nhật trực tuyến và giáo viên có thể truy cập trang thông tin tài khoản cá nhân để xem

phản hồi của sinh viên sau mỗi môn học về tất cả các khía cạnh: môn học đáp ứng mục tiêu đặt ra, tài liệu đầy đủ, phù hợp; hình thức kiểm tra đánh giá chính xác và toàn diện; giảng viên có kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại có hiệu quả; mức độ kiến thức, kỹ năng được cung cấp có khả năng vận dụng trong thực hành nghề nghiệp tương lai ... Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, giảng viên nắm bắt được điểm mạnh, hạn chế trong từng môn học, lên kế hoạch thay đổi nâng cao chất lượng trong kỳ giảng dạy tiếp theo hoặc có những thay đổi mang tính toàn diện hơn trong những đợt điều chỉnh, sửa đổi chương trình mang tính định kỳ **[H10.10.01.05.DC]**.

Đối với sinh viên cuối khoá, sau khi kết thúc toàn bộ chương trình học tập chuyên ngành, khảo thí tiến hành khảo sát lấy ý kiến của sinh viên nhằm thu nhận và nắm bắt ý kiến phản hồi về CTĐT, kết quả đầu ra, các hình thức kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất, giảng viên, đội ngũ giảng viên, đội ngũ nhân viên, KTV. Trong năm 2017 - năm đầu tiên tiến hành đánh giá thu thập thông tin, ý kiến phản hồi của sinh viên còn ít. Tuy nhiên, đến năm 2018, số lượng sinh viên tham gia phản hồi đã cao hơn rất nhiều (XHH 34). Kết quả khảo sát cho thấy có hơn 50% sinh viên hài lòng với CTĐT, còn lại sinh viên hài lòng nhưng còn một vài băn khoăn, tỉ lệ không hài lòng gần như không đáng kể. Sinh viên có nhận xét rất tích cực về đội ngũ giảng viên về cả phương pháp giảng dạy và năng lực chuyên môn. Chương trình học giúp sinh viên định hướng được nghề nghiệp tương lai. **[H10.10.01.06.DC]**

Đối với khảo sát sinh viên sau khi kết thúc CTĐT phản hồi về tổng thể chương trình học: kết quả đầu ra, CTĐT, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá ..., TTKT&KĐCLĐT đã tiến hành khảo sát phản hồi của 4 khoá sinh viên ra trường gần đây nhất các năm 2017, 2018, 2019, 2020 (tương ứng sinh viên K33, sinh viên K34, sinh viên K35 và sinh viên K36). Tổng hợp kết quả cho thấy với sự cải tiến CTĐT, tỉ lệ phản hồi của sinh viên các khoá sau luôn cao hơn so với các khoá trước. Mức độ hài lòng chung của sinh viên với toàn bộ khoá học được cải thiện rõ rệt và có xu hướng tăng lên: điểm số trung bình về mức độ hài lòng chung với CTĐT các khoá lần lượt là: 3,72/5 điểm (K34); 3,9/5 điểm (K35); 4 điểm/5 điểm (K36) (vì số lượng sinh viên K33 tham gia khảo sát ít nên kết quả chỉ mang tính chất tham khảo). Đây là một phần kết quả có được từ việc chỉnh sửa và cải tiến CTĐT lấy sinh viên làm trung tâm. **[H10.10.01.06.DC]**

Các đề xuất của sinh viên trong các cuộc khảo sát từ 2018 trở lại đây chủ yếu tập

trung vào mong muốn tăng thời gian thực hành, trải nghiệm thực tế, giảm thời gian học lý thuyết. Do vậy, khi điều chỉnh chương trình, lãnh đạo và giảng viên khoa đã bàn bạc và trao đổi nhằm có điều chỉnh tăng hợp lý thời lượng thực hành, trải nghiệm thực tế cho sinh viên nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và thực tiễn công tác đào tạo. Trong phiên bản CTĐT mới nhất của ngành XHH năm 2020 đã được điều chỉnh với rất nhiều môn được tăng số giờ thực hành căn cứ trên phản hồi của sinh viên: ví dụ nhiều môn học đã được tăng lên 3 tín chỉ (1,5 lý thuyết; 1,5 thực hành/thực tế, tương ứng với 22,5 tiết lý thuyết, 45 tiết thực hành), ví dụ một số môn chuyên ngành như: XHH gia đình, XHH y tế, XHH giáo dục, XHH truyền thông đại chúng, nghiên cứu DLXH ... [H10.10.01.12], [H10.10.01.13].

Tất cả các ý kiến phản hồi và nhu cầu từ các bên liên quan được TTKT&KĐCLĐT tổng hợp lại, gửi về các khoa, phòng, ban. Học viện và khoa sử dụng để làm căn cứ điều chỉnh, thiết kế và phát triển CTDH theo đúng quy trình xây dựng, cập nhật CTĐT [H10.10.01.12]. Cụ thể trong giai đoạn từ năm 2014 đến nay, mục tiêu CTĐT ngành XHH đã qua 3 lần rà soát, sửa đổi cho phù hợp: chương trình sửa đổi (sửa đổi năm 2016, sửa đổi năm 2018 và sửa đổi năm 2000). Qua các lần rà soát, sửa đổi chương trình, đặc biệt là bản sửa đổi năm 2020 đã thể hiện được những tiến bộ, đáp ứng yêu cầu chuẩn của một CTĐT bậc cử nhân. Cụ thể về một số thông tin đối sánh cơ bản giữa các phiên bản CTĐT như sau [H10.10.01.13]:

Về mục tiêu chung CTĐT năm 2018 và năm 2016 không gì có thay đổi và giống với năm 2014. Đến năm 2020 đã nhấn mạnh đến mục tiêu tổng quát CTĐT, trong đó nhấn mạnh năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lý luận chính trị; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ; có khả năng học tập suốt đời.

Về mục tiêu cụ thể: Đến năm 2020, mục tiêu chương trình không phân thành các nhóm yêu cầu về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống mà chia thành các chuẩn đầu ra tương ứng từ PO1 đến PO11. Về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp được cụ thể và rõ ràng hơn ở chương trình năm 2014, 2016, 2018. Về tin học năm 2018 và 2020 đã nâng cao trình độ tin học lên trình độ B, giúp sinh viên thích ứng với thị trường lao động với nền công nghệ 4.0. Các nội dung sửa đổi chi tiết về CDR, nội dung chương trình được đề cập đến trong bản đối sánh như đề cập ở minh chứng.

Các thay đổi về CTĐT qua các năm nói trên được chỉnh sửa dựa trên ý kiến của các bên liên quan, trong đó có ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, chuyên gia và hội đồng nghiệm thu chương trình **[H10.10.01.14]**

Khi xây dựng CTDH ngành XHH, khoa XHH&PT, HVBC&TT, đã tham khảo CTDH của ngành XHH, trường Đại học Khoa học xã hội nhân văn. Một số vấn đề rút ra từ so đối sánh CTĐT Cử nhân XHH tại HVBC&TT và chương trình Cử nhân XHH thuộc Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn **[H10.10.01.15]:**

Tổng số tín chỉ đào tạo của chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT phê duyệt năm 2020 là 130 tín chỉ, khá tương đồng với chương trình cử nhân XHH thuộc trường KHXHNV là 137 tín chỉ, chưa bao gồm tín chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh. CTĐT của chương trình cử nhân XHH thuộc HVBC&TT được xây dựng với các môn học được xác định trên căn cứ mục tiêu chung, 11 mục tiêu cụ thể và 13 chuẩn đầu ra chi tiết cần đạt được, do vậy các môn học được lựa chọn giảng dạy cũng như xây dựng chương trình trên cơ sở mục tiêu và chuẩn đầu ra đã được xác định. Việc xác định chi tiết các chuẩn đầu ra đã định hướng tốt cho việc xác định và xây dựng nội dung giảng dạy chi tiết cho môn học. Chương trình cử nhân XHH tại HVBC&TT chỉ phân chia là 2 khối kiến thức lớn: Khối kiến thức giáo dục đại cương (47 TC) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (83 TC). Chương trình cử nhân XHH thuộc trường KHXHNV (năm 2019) chia làm 5 khối kiến thức: khối kiến thức chung (16 TC); Khối kiến thức theo lĩnh vực (29 TC); khối kiến thức theo khối ngành (27 TC); Khối kiến thức của nhóm ngành (15 TC); Khối kiến thức ngành (50 TC). Qua phân tích chương trình cho thấy khối kiến thức giáo dục đại cương (chương trình HVBC&TT) khá tương đồng với 3 khối kiến thức đầu tiên của chương trình cử nhân XHH thuộc trường KHXHNV. Khối kiến thức giáo dục chuyên biệt (bao gồm kiến thức cơ sở ngành; kiến thức ngành; kiến thức bổ trợ; kiến thức chuyên ngành) tương đồng với 2 khối kiến thức còn lại của chương trình trường KHXHNV (Khối kiến thức của nhóm ngành và khối kiến thức ngành). Chi tiết đối sách chương trình được đề cập trong minh chứng **[H10.10.01.15]**. Việc phát triển CTDH ngành XHH thuộc HVBC&TT được tiếp thu có chọn lọc thông tin phản hồi của các bên liên quan, đối sách với chương trình cùng ngành của cơ sở đào tạo khác, đồng thời phù hợp với Luật giáo dục đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT) **[H10.10.01.16]**, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (quyết định 1982/QĐ-

TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016) [H10.10.01.17].

2. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng được cơ chế lấy ý kiến phản hồi khách quan, hiệu quả, đồng thời sử dụng đa dạng các kênh phản hồi: khảo sát các bên liên quan, hội nghị, đối thoại nhằm thu được nhiều nhất các thông tin phản hồi phục vụ quá trình thiết kế, phát triển CTDH.

Các bên liên quan được xác định đầy đủ và do vậy thu thập được đa chiều cạnh ý kiến phản hồi nhằm có được thông tin khách quan và đầy đủ nhất phục vụ quá trình rà soát, xây dựng và phát triển CTDH: ý kiến của sinh viên trong từng học kỳ đối với từng môn học và ý kiến của sinh viên đánh giá tổng thể chương trình sau khi kết thúc toàn bộ chương trình học và ý kiến sinh viên sau một năm ra trường; ý kiến giảng viên; ý kiến của đơn vị sử dụng lao động, đối sánh và học hỏi CTĐT của ngành XHH thuộc cơ sở đào tạo khác trong nước ...

Ý kiến phản hồi đã được Học viện, khoa chủ quan và giảng viên quan tâm, sử dụng trong quá trình thiết kế, phát triển CTDH, giúp chương trình phát triển theo hướng cải tiến, đáp ứng CĐR, đồng thời lấy người học làm trung tâm.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến phản hồi của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, người sử dụng sinh viên tốt nghiệp ngành XHH còn chưa cao, chưa đạt 100% địa chỉ/ sinh viên gửi đi.

Các ý kiến đề xuất có tính tham mưu cho Học viện, Khoa trong việc cải tiến nâng cao chất lượng CTDH ngành XHH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Để đáp ứng với thực tiễn về công tác đào tạo đáp ứng với CĐR và nhu cầu thực tiễn, từ năm học 2021, Khoa Xã hội và Phát triển có kế hoạch và quy định bài bản hơn về lưu trữ thông tin về sinh viên, cựu sinh viên, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn, đồng thời bàn bạc rõ hơn quy định trách nhiệm giữa CVHT, nhân viên văn phòng và lãnh đạo khoa trong lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên. Đây là cơ sở hết sức quan trọng để thu thập được các ý kiến phản hồi để cập nhật, đổi mới CTDH.

Khoa phối hợp với TTKT&KĐCLĐT cùng ban TCCB xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bên trong việc thu thập và chia sẻ ý kiến phản hồi và tổng hợp được các thông tin phản hồi một cách hệ thống nhằm có những tham mưu mang tính chiến lược thay

đổi, cải tiến CTDH đạt hiệu quả cao hơn nữa từ thông tin thu được thông qua phản hồi về CTDH của các bên liên quan.

Xây dựng mạng lưới cơ quan/viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ sử dụng lao động là cựu sinh viên ngành XHH của Học viện nhằm thu thập thông tin phản hồi từ người sử dụng lao động một cách hệ thống, toàn diện và đa dạng hơn. Cuối năm 2020 Khoa đã tiến hành thành lập Hội Cựu SV của Khoa và lập nhóm cựu SV trên mạng Zalo hy vọng công tác khảo sát và lấy ý kiến đánh giá các bên liên quan sẽ thuận lợi và có thể cải tiến được CTĐT của Khoa ngày càng tốt hơn theo hướng đáp ứng nhu cầu thị trường

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

HVBC&TT có ban hành quy định 6520/QĐ-HVBC&TT ngày 28/12/2018 về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT, đồng thời có hướng dẫn về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH với hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, CDR ngành, thiết kế và phát triển CTDH, tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, phát triển chương trình, thực hiện so sánh đối chiếu với các CTĐT tương tự trong nước, quốc tế...[H10.10.02.01].

Quy trình được xác định gồm 9 bước như sau:

1. Khảo sát nhu cầu và lập kế hoạch xây dựng CTĐT
2. Xây dựng mục tiêu và CDR của CTĐT
3. Thiết kế chương trình khung
4. Đối sánh với các CTĐT khác trong và ngoài nước để hoàn thiện CTĐT
5. Xây dựng đề cương chi tiết học phần
6. Tổ chức hội thảo lấy ý kiến hoàn thiện CTĐT
7. Thẩm định CTĐT
8. Phê duyệt và ban hành
9. Triển khai sử dụng và lưu hồ sơ

Khoa XHH&PT xây dựng và phát triển CTĐT theo quy định của Học viện, trong

đó có sự tham gia các bên liên quan quan trọng như:

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện có vai trò quan trọng trong hoạt động đào tạo, xây dựng, phát triển CTĐT của Học viện. Chủ tịch Hội đồng khoa học là Giám đốc Học viện và thành viên là các Trưởng khoa, phòng, ban trong Học viện. Những thay đổi, điều chỉnh lớn trong CTĐT đều được Hội đồng khoa học và đào tạo thảo luận trước khi thông qua [H10.10.02.02]. Trước năm 2018, Ban QLĐT được giao là đơn vị chủ trì, đầu mối tổ chức xây dựng, cập nhật CTĐT. Ban QLĐT có trách nhiệm lập kế hoạch đánh giá và ban hành các hướng dẫn liên quan đến xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT [H10.10.02.03]. Theo yêu cầu kiểm định chất lượng, trong giai đoạn 2018-2020, việc xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT được giao cho TTKT&KĐCLĐT làm đơn vị chủ trì, làm đầu mối nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về kiểm định chất lượng đào tạo [H10.10.02.04]. Từ năm 2018, với đầu mối chịu trách nhiệm chính là TTKT&KĐCLĐT, quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại HVBC&TT, kế hoạch cập nhật rà soát, cập nhật CTĐT, đề cương chi tiết học phần đã được ban hành trong toàn HVBC&TT trong 2 lần rà soát năm 2018 và năm 2020 [H10.10.02.05].

Định kỳ sau 2 năm, sau khi tiếp thu ý kiến phản hồi thông qua các cuộc khảo sát từ các bên liên quan, khoa sẽ thực hiện quy trình sửa đổi chương trình đào tạo ngành XHH, thực tế đã sửa đổi qua 3 lần: 2016, 2018 và 2020 [H10.10.01.12.DC]. Hội đồng khoa học - đào tạo khoa chủ trì thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT thông qua các cuộc họp với sự tham gia của giảng viên phụ trách môn học và thành viên hội đồng khoa [H10.10.02.06]. Khoa cũng tổ chức tọa đàm, hội thảo mở rộng mời các chuyên gia, cán bộ quản lý chương trình, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên tham gia đóng góp xây dựng CTĐT [H10.10.02.07]. Các ý kiến đóng góp của giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, chuyên gia v.v. được tổng hợp và tích hợp vào quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT [H10.10.01.14.DC]. Chương trình sửa đổi sau khi hoàn chỉnh, thống nhất sẽ được đệ trình xin phê duyệt theo đúng quy trình. Học viện tổ chức nghiệm thu CTĐT theo đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo theo thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Hội đồng nghiệm thu tối thiểu gồm 5 thành viên là các giáo sư, phó giáo sư tiến sỹ đúng ngành/chuyên ngành; đại diện đơn vị sử dụng lao động. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký và một số ủy viên. Trong đó, 2 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau ngoài Học viện. Các CTĐT sau khi được nghiệm thu, chỉnh

sửa sẽ được Giám đốc Học viện ra quyết định ban hành và đưa vào sử dụng **[H10.10.01.12.DC]**.

Quá trình thực hiện rà soát, đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH tại Học viện đã góp phần nâng cao chất lượng CTDH. Có thể nhận thấy, giai đoạn trước năm 2016, CTDH của chuyên ngành XHH được thiết kế theo hướng tiếp cận theo nội dung là giảng viên chỉ cần tìm phương pháp phù hợp để truyền đạt kiến thức đó một cách tốt nhất. Tuy nhiên, từ 2016 đến nay trải qua 2 đợt rà soát, điều chỉnh của HVBC&TT, Khoa XHH & PT đã xác lập thiết kế CTDH ngành XHH tiếp cận theo mục tiêu qua đó người dạy, người học đều biết rõ mình phải dạy, phải học những loại kiến thức, kỹ năng gì, năng lực gì, mức độ yêu cầu ra sao, từ đó tìm ra phương pháp phù hợp để đạt mục tiêu một cách tốt nhất. Đề cương chi tiết các học phần trong CTDH sau điều chỉnh đã thể hiện rõ theo hướng tiếp cận mục tiêu, xác định cụ thể mục tiêu cần đạt được của người học sau khi kết thúc học phần (về kiến thức, kỹ năng, thái độ...), kèm theo đó là các CDR cần đạt được khi kết thúc học phần. Cụ thể, năm 2018, Học viện đã phối hợp cùng các Khoa thực hiện rà soát CTĐT theo công văn số 6520, QĐ-HVBC&TT (ngày 28/12/2018). Sau đó chương trình tiếp tục được chỉnh sửa theo yêu cầu của công văn số 2643/QĐ - HVBC&TT vào năm 2020 và hướng dẫn rà soát cập nhật CTĐT đại học (công văn số 2645/HD - HVBC&TT ngày 31/5/2020) **[H10.10.01.12.DC]**, **[H10.10.02.05.DC]**. Theo đó, từ năm 2018, Học viện đã quy định cách tiếp cận xây dựng và phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra thay vì cách tiếp cận nội dung như truyền thống

Ngoài ra, việc điều chỉnh CTĐT cũng căn cứ trên ý kiến phản hồi của sinh viên về các môn học qua các học kỳ thông qua các phản hồi vào mỗi cuối học kỳ **[H10.10.01.05.DC]**, phản hồi của sinh viên cuối khoá sau khi kết thúc toàn bộ chương trình về tính hợp lý, hiệu quả của CTĐT. Đây sẽ là căn cứ để tăng/giảm thời lượng môn học, thời gian dành cho thực hành, lý thuyết, thời điểm đưa môn học vào chương trình giảng dạy **[H10.10.01.06.DC]**. Ví dụ như ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khoá đều tập trung vào việc tăng thời lượng thực hành, thực tế, và nhu cầu này sau khi khoa giảng dạy chuyên ngành thảo luận thấy rằng đây là nhu cầu chính đáng, đã có điều chỉnh tăng thời lượng thực hành, thực tế trong chương trình đào tạo mới nhất áp dụng cho các khoá mới (từ XHH 38, XHH K39, và đặc biệt là XHH K40)

Năm 2020, sau khi thực hiện rà soát đánh giá việc xây dựng quy trình của các

đơn vị, Học viện giao nhiệm vụ các khoa phối hợp với Ban QLĐT, TTKT&KĐCLĐT hoàn thiện quy trình thiết kế và phát triển CTĐT như đã nêu trước khi công bố CTĐT ngành phiên bản 2020.

Tuy nhiên từ 2016 đến nay trải qua 3 lần rà soát, điều chỉnh lớn, Học viện, Khoa đào tạo đã xác lập thiết kế CTĐT tiếp cận theo CĐR, qua đó giảng viên, sinh viên đều biết rõ mình phải dạy, phải học những nhóm kiến thức, kỹ năng gì, mức độ yêu cầu ra sao, từ đó tìm ra phương pháp dạy và học phù hợp để đạt CĐR một cách tốt nhất. Đề cương chi tiết các học phần trong CTDH sau điều chỉnh đã thể hiện rõ theo hướng tiếp cận CĐR cần đạt được của sinh viên sau khi kết thúc học phần (về kiến thức, kỹ năng, thái độ...) [H10.10.01.12.DC].

2. Điểm mạnh

Khoa phối với các bộ phận chức năng trong Học viện đã liên tục chỉ đạo rà soát, đánh giá, cải tiến CTĐT nói chung và CTDH nói riêng, đồng thời không ngừng hoàn thiện các quy định, quy trình liên quan đến quá trình cải tiến CTDH đang áp dụng tại Trường nói chung và CTDH ngành XHH nói riêng

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở CĐR rõ ràng, hướng đến một CTDH có tính khoa học, tiên tiến, cập nhật. Quá trình dạy - học hợp lý và thường xuyên được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan, do vậy CTDH được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội nói chung và của người học nói riêng

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi đầy đủ đối với đối tượng là giảng viên mời.

Chưa tận dụng và khai thác triệt để thông tin phản hồi của các bên liên quan thông qua phân tích thông tin có hệ thống kết quả khảo sát theo các năm nhằm đạt hiệu quả cao trong thiết kế, điều chỉnh và cải tiến CTDH của ngành XHH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Bộ phận khảo thí sẽ phối hợp với khoa tổ chức nghiên cứu lấy ý kiến phản hồi với các đối tượng bổ sung là giảng viên mời, giảng viên mời về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Khoa XHH&PT sẽ lên kế hoạch tăng cường tọa đàm, hội thảo về CTDH với sự tham gia đồng thời của nhiều bên liên quan (giảng viên, chuyên gia, nhà tuyển dụng,

sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên từ các cơ sở đào tạo chuyên ngành XHH khác ...) để cùng trao đổi nâng cao chất lượng CTDH.

Để cải tiến CTĐT, Bộ phận khảo thí sẽ nghiên cứu phối hợp với Khoa đưa ra hướng phân tích thông tin phản hồi một cách hệ thống hơn hướng đến tận dụng hiệu quả trong xây dựng thiết kế và phát triển CTDH nhằm hỗ trợ trong việc đạt được mục tiêu CDR đáp ứng với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong thực tiễn.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) của sinh viên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra (CDR).

1. Mô tả

Hoạt động dạy và học của giảng viên và của sinh viên, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên của toàn Học viện cũng như ngành XHH được tổ chức thực hiện, rà soát, giám sát, đánh giá với sự phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT, TTKT&KĐCLĐT và Khoa XHH&PT [H10.10.02.03.DC], [H10.10.01.01.DC]. Lịch học từng kỳ được Ban QLĐT phối hợp với khoa đào tạo lập theo từng kì theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt, tuân thủ theo Quy định đào tạo Đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H10.10.03.01]. Thông tin về kế hoạch giảng dạy được cập nhật lên website và được chuyển đến từng khoa đào tạo, thông tin đến tải khoản cá nhân sinh viên theo từng học phần [H10.10.03.02].

Nhằm đảm bảo quá trình giám sát, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thường xuyên và đảm bảo tương thích với chương trình, phù hợp với CDR của CTĐT, Học viện đã chỉ đạo và phối hợp cùng khoa ban hành quyết định thành lập hội đồng khoa học của khoa trong đó có chức năng, nhiệm vụ rà soát CTDH, đề cương môn học [H10.10.03.03].

Để quản lý một cách hệ thống việc dạy và học của giảng viên và sinh viên các lớp, Học viện đã cung cấp mã số và hòm thư điện tử cho sinh viên và giảng viên. Do vậy sinh viên tham gia đăng ký học, theo dõi lịch học và tiến độ, kết quả học tập của sinh viên được cập nhật thường xuyên trên phần mềm đào tạo thông qua tài khoản đã cấp cho từng cá nhân [H10.10.03.04]. Đề cương chi tiết môn học được xây dựng

hướng đến đáp ứng tối đa CĐR cho từng môn, thông tin chi tiết sẽ được giảng viên giới thiệu vào buổi đầu tiên dạy môn học tại lớp để sinh viên nắm được. Trên cơ sở đề cương chi tiết môn học, sinh viên cùng tham gia vào quá trình học và đồng thời giám sát, đánh giá môn học đáp ứng các CĐR vào cuối mỗi kỳ học [H10.10.03.05]

HVBC&TT đã ban hành Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTDH nhằm thường xuyên rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh chương trình, đề cương học phần, CĐR, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn [H10.10.02.05.DC]. Định kỳ 2 năm/lần trong các lần điều chỉnh, cập nhật CTĐT, Khoa rà soát lại CTĐT, bao gồm phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá để đảm bảo cập nhật, phù hợp và tương thích với CĐR thông qua toạ đàm, hội thảo xây dựng chương trình [H10.10.02.06.DC], [H10.10.01.14.DC]. Kết quả khảo sát các bên liên quan, cụ thể là khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học được tiến hành sau mỗi kỳ học cũng là căn cứ quan trọng để BCN Khoa và giảng viên đánh giá lại phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và đề xuất những thay đổi, bổ sung cho phù hợp. Kết quả khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, bao gồm cả đánh giá về các mức độ phù hợp, hiệu quả của phương pháp kiểm tra, đánh giá được thông báo theo tài khoản cá nhân giảng viên trên trang đào tạo để giảng viên điều chỉnh kịp thời phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá của mình cho phù hợp với yêu cầu và mục tiêu CĐR. Kết quả khảo sát cũng là căn cứ BCN có những quyết định cải tiến đổi mới khi rà soát CTĐT [H10.10.01.05.DC]. Trên cơ sở ý kiến phản hồi qua các kỳ học, các giảng viên thực hiện điều chỉnh, cập nhật CĐR, nội dung giảng dạy, các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, thể hiện cụ thể qua đề cương chi tiết học phần theo hướng dẫn xây dựng CĐR chương trình đào tạo [H10.10.03.06]. Trong ĐCHP ghi rõ phương pháp dạy học đáp ứng với từng nội dung và chuẩn đầu ra học phần. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi HP trong CTĐT ngành XHH được đa dạng hóa theo yêu cầu chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu CĐR đề ra, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, bài tập lớn, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,... [H10.10.03.05.DC].

Nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, Học viện đã ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng CĐR [H10.10.03.07], hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần [H10.10.03.08], xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi

[H10.10.03.09], [H10.10.03.10], trên cơ sở những hướng dẫn nói trên, khoa chủ quan và giảng viên phụ trách môn cùng phối hợp thực hiện theo đúng các quy định và hướng dẫn.

Học viện cũng chỉ đạo Khoa và các bộ phận chức năng (Ban QLĐT, Phòng Thanh tra, TTKT&KĐCLĐT) thực hiện công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy và học bằng nhiều hình thức, cụ thể:

- Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng vào cuối năm học để tổng kết rà soát, đánh giá hoạt động đào tạo của các ngành đào tạo toàn trường. Tại hội nghị, đại diện các đơn vị đào tạo có thể nêu lên những bất cập trong quá trình giảng dạy từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp mục tiêu, nội dung và đáp ứng với CĐR [H10.10.03.11]

- Việc đánh giá quá trình dạy học còn thông qua kênh dự giờ lên lớp của các giảng viên được các khoa tổ chức định kì. Thông qua hoạt động dự giờ (đặc biệt với những giảng viên trẻ), các giảng viên trong khoa cùng tham gia góp ý kiến, học hỏi rút kinh nghiệm cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H10.10.03.12].

- Thi giáo viên dạy giỏi: Định kỳ hàng năm hoặc 2 năm/lần, nhà trường tổ chức các đợt thi giáo viên dạy giỏi, giờ giảng chất lượng cao. Thông qua dự giờ chấm điểm, đưa ra các ý kiến nhận xét, giảng viên tham gia dự thi và giảng viên trong khoa tham dự góp ý kiến đều nâng cao được năng lực giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm [H10.10.03.13].

- Bên cạnh đó Ban Thanh tra, Ban QLĐT của Học viện cũng thường xuyên thành lập các đoàn thanh tra kiểm tra hoạt động giảng dạy theo thời khóa biểu trên các giảng đường, các buổi thi kết thúc học phần đã học [H10.10.03.14], [H10.10.03.15].

Ngoài ra trong công tác CVHT và giáo viên chủ nhiệm, Học viện quy định rõ trách nhiệm theo dõi tình hình, kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ để tư vấn cho sinh viên đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp. Thông qua các buổi sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm từng lớp nắm được tình hình học tập của sinh viên, động viên sinh viên có ý thức, kết quả học tập tốt, nhắc nhở những sinh viên có ý thức học tập chưa tốt hoặc ở dạng chờ xử lí. CVHT đồng thời giải đáp những băn khoăn của sinh viên hoặc làm cầu nối với giáo viên giảng dạy nếu có vấn đề khúc mắc.

Đồng thời thu nhận cả các ý kiến phản hồi từ sinh viên về quá trình dạy - học, quá trình đánh giá KQHT đang diễn ra, từ đó có những phản hồi lại với BCN khoa [H10.10.03.16].

Nhìn chung, tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên) về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá KQHT đã được tiếp thu và đã giúp cho Khoa XHH & PT, Học viện xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng đảm bảo các CDR của ngành XHH đã công bố. Cụ thể, trong giai đoạn đánh giá, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đã có sự thay đổi, cải tiến, thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của HVBC&TT và gắn với phương pháp giảng dạy đã sử dụng trong từng môn học. Sự kết hợp một cách có chủ đích đó đảm bảo đánh giá đúng kết quả của người học, là công cụ tích cực góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CDR của người học một cách hiệu quả [H10.10.03.17], [H10.10.03.18]. Về cơ bản, mỗi học phần được đánh giá dựa trên 3 hệ số A,B,C theo công thức:

$$D_{HP} = 0,6A + 0,3B + 0,1C$$

Trong đó:

A: Điểm thi kết thúc học phần

B: Điểm đánh giá giữa học kì

C: Điểm chuyên cần và tinh thần thái độ học tập

Căn cứ vào quy định đó, điểm B, C là điểm được giảng viên phụ trách môn học xác định căn cứ vào quy định chung của trường và căn cứ vào phương pháp giảng dạy đã áp dụng đối với môn học. Điểm B, C được thể hiện trong hồ sơ giảng dạy của từng giảng viên. Các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ cũng như tổng kết được thiết kế nhằm đảm bảo đạt CDR. Chi tiết các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập được trình bày trong minh chứng bằng ma trận kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.18].

Nhằm giám sát chất lượng bộ đề thi, xác định mức độ khó của đề thi và chất lượng học tập của sinh viên, sau mỗi kỳ thi, khoa XHH&PT kết hợp với TTKT&KĐCLDH có làm một số thống kê phổ điểm các môn học chuyên ngành XHH, trên cơ sở đó có những căn cứ để điều chỉnh ngân hàng đề thi hay phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học [H10.10.03.19].

Bên cạnh việc đánh giá kết quả học tập, việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được thực hiện thường xuyên trong năm học (định kì 2 lần/năm học) thông qua

phiếu tự đánh giá theo quy trình: sinh viên tự đánh giá, họp đánh giá của ban cán sự lớp và đoàn, và đánh giá cuối cùng của CVHT. Trong nội dung của Phiếu đánh giá có bao gồm nội dung đánh giá về ý thức tham gia học tập của sinh viên trên lớp và chuyên cần, đây cũng là nội dung quan trọng để đánh giá sinh viên toàn diện, không chỉ là học tập mà còn bao gồm điểm rèn luyện cũng như đóng góp cho hoạt động cộng đồng, xã hội [H10.10.03.20]

Nhìn chung, tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên) về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá Kết quả học tập đã được tiếp thu và đã giúp cho Khoa XHH & PT và Học viện xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng đảm bảo các CĐR của ngành XHH.

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành các quy trình chuẩn hướng dẫn quá trình đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học phù hợp với CĐR, đồng thời thường xuyên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Quá trình dạy và học, đánh giá KQHT được Học viện, TTKT&KĐCLĐTT cùng Khoa phối hợp với CVHT, các phòng ban liên quan kiểm tra giám sát và đánh giá thường xuyên nhằm đáp ứng mục đích và chuẩn đầu ra môn học.

Các phương pháp đánh giá, kiểm tra đa dạng, được xây dựng trên quy trình được ban hành, được thường xuyên rà soát, cải tiến trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan nhằm đảm bảo sau khi hoàn thành CTĐT ngành XHH, sinh viên khi ra trường được trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng CĐR đã công bố của ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Các ý kiến phản hồi chủ yếu thu thập từ sinh viên và sinh viên mới tốt nghiệp, các đối tượng khác như các nhà khoa học, chuyên gia giáo dục, bản thân các giảng viên tham gia phản hồi còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 trở đi, Khoa XHH & PT sẽ tiếp tục tiến hành rà soát quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học định kỳ theo quy định để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra (CĐR). Trên cơ sở lắng nghe ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là sinh viên và đội ngũ giảng viên trực tiếp giảng dạy để có những định hướng điều chỉnh phù hợp, nâng cao hiệu quả dạy và học

Từ năm học 2021 trở đi Khoa chủ quản tiếp tục triển khai thu thập thông tin phản hồi về quá trình dạy và học, dự kiến mở các tọa đàm, hội thảo với sự tham gia của đội ngũ giảng viên và sinh viên, cựu sinh viên thảo luận về các hình thức, phương pháp đánh giá KQHT phù hợp với CDR, đồng thời đáp ứng được nhu cầu người học.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Đối với một cơ sở giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Đối với giảng viên, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính, NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà là trách nhiệm. NCKH giúp giảng viên đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy. Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học và đào tạo của Khoa, của Trường.

HVBC&TT có Quy chế quản lý hoạt động NCKH ban hành năm 2011, trong đó phạm vi điều chỉnh của quy chế bao gồm: Hoạt động QLKH; hoạt động nghiên cứu khoa học; hoạt động khai thác, trao đổi, phổ biến thông tin khoa học; hoạt động phục vụ khoa học (tài chính, hậu cần); hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ nhân lực khoa học [H10.10.04.01]. Để hoạt động NCKH của HVBC&TT được chặt chẽ hơn, năm 2017, HVBC&TT đã ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của HVBC&TT [H10.10.04.02].

Hàng năm, HVBC&TT xây dựng Kế hoạch hoạt động khoa học phù hợp với chiến lược chung từng giai đoạn và nhiệm vụ từng năm học [H10.10.04.03]. Kế hoạch NCKH được thông báo về khoa, sau khi các khoa/đơn vị nhận được thông báo, khoa sẽ thông báo định hướng nghiên cứu đến các thành viên trong khoa. Các thành viên khoa (giảng viên) và bao gồm cả sinh viên các lớp đăng ký đề tài phù hợp với nhiệm vụ khoa học và giảng dạy của khoa trong năm học (chủ yếu là giáo trình phục vụ công tác giảng dạy hay các nghiên cứu phù hợp với hướng trọng tâm nghiên cứu của khoa). Hội đồng Khoa học và đào tạo của khoa sẽ thông qua đề tài đăng ký, duyệt và chuyên danh mục đề tài đến Ban QLKH. Căn cứ vào đề xuất của khoa, hội đồng Khoa học và đào tạo của Học viện sẽ duyệt và quyết định giao đề tài cho khoa và các thành viên tham

gia đề tài thực hiện. [H10.10.04.04], [H10.10.04.05].

Học viện những năm qua rất quan tâm sử dụng các kết quả NCKH vào cải tiến việc dạy và học. Cụ thể đã ưu tiên những công trình khoa học cấp cơ sở định hướng giáo trình trong CTĐT hiện thời. Các đề tài NCKH của khoa XHH chủ yếu là đề tài phục vụ giảng dạy như: đề tài cơ sở định hướng giáo trình, giáo trình in sách, nghiên cứu xây dựng tài liệu tham khảo. Đề tài sau khi được nghiệm thu sẽ được nộp bản cứng và bản mềm lên thư viện phục vụ cho nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên và sinh viên [H10.10.04.06]. Trong giai đoạn từ năm 2016 - 2020, giảng viên ngành XHH đã tham gia hoàn thành tổng cộng 61 đề tài NCKH là những giáo trình giảng dạy nội bộ, giáo trình in sách, tài liệu tham khảo cho các môn giảng dạy ngành XHH. Dưới đây là trích dẫn công trình và cũng là sách, giáo trình, tài liệu tham khảo được thực hiện trong 2 năm gần đây nhất (2019 - 2020) [H10.10.04.06].

Bảng 10.1: Một số đề tài NCKH điển hình được sử dụng trong dạy và học ngành XHH trong năm 2019 - 2020

T T	Tên đề tài nghiên cứu được sử dụng là giáo trình giảng dạy chính thức và tham khảo	Năm	Loại đề tài	Chủ nhiệm đề tài
1.	Phương pháp phân tích truyền thông: Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay	2019	Khoa học trọng điểm (KHTĐ)	Dương Thị Thu Hương
2.	XHH pháp luật	2019	Giáo trình in sách (GTIS)	Nguyễn Thị Tố Quyên
3.	XHH y tế	2019	GTIS	Dương Thị Thu Hương
4.	An sinh xã hội	2019	GTIS	Phạm Hương Trà
5.	Truyền thông về nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam hiện nay (nghiên cứu trường hợp báo điện tử nongnghiep.vn và vnexpress.vn)	2019	Tài liệu tham khảo TLTK	Phạm Thị Vân
6.	Công chúng truyền thông đại chúng Việt Nam đầu thế kỷ XXI	2019	TLTK	Lưu Hồng Minh
7.	Phân tích sản phẩm truyền thông	2019	TLTK	Bùi Thu Hương
8.	Phân tầng xã hội và bất bình đẳng	2020	KHTĐ	Lưu Hồng Minh
9.	XHH về cơ cấu xã hội	2020	BSGT - ĐH	Lưu Hồng Minh

10.	Nghiên cứu dự luận xã hội	2020	BSGT - ĐH	Dương Thị Thu Hương
11.	XHH về lứa tuổi	2020	BSGT - ĐH	Phạm Hương Trà
12.	Văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa	2020	BSGT - ĐH	Bùi Thu Hương
13.	Định hướng dự luận xã hội và truyền thông	2020	BSGT - ĐH	Vũ Hào Quang

Các đề tài NCKH sau khi chỉnh sửa đã được phê duyệt trở thành giáo trình chính thức hoặc tài liệu tham khảo cho các môn học chuyên ngành [H10.10.04.07], [H10.10.03.05.DC].

Trong các hoạt động NCKH của khoa, NCKH sinh viên là một trong những hoạt động được quan tâm đặc biệt trong khoa nói chung và sinh viên ngành XHH nói riêng. Hoạt động này được đội ngũ giảng viên khuyến khích và trợ giúp sinh viên tham gia NCKH hàng năm, sinh viên ngành XHH cũng tham gia từ 1-2 đề tài dưới sự hỗ trợ của giảng viên trong khoa [H10.10.04.08]. Việc tham gia NCKH của sinh viên nhằm tăng cường vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực hành, thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của sinh viên, hình thành và phát triển năng lực tự học cho sinh viên, ứng dụng kiến thức đã được trang bị vào xử lý các vấn đề thực tiễn.

Ngoài đề tài khoa học là giáo trình, sách, tài liệu tham khảo phục vụ môn học, giảng viên giảng dạy chuyên ngành XHH còn tích cực tham gia nhiều hình thức đề tài khác ở các cấp và đặc biệt tích cực tham gia công bố kết quả NCKH trên tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế (97 bài báo được công bố trong giai đoạn 2016 - 2020), chia sẻ kết quả nghiên cứu với cộng đồng khoa học trong và ngoài nước thông qua hội thảo khoa học trong nước và quốc tế với 134 bài hội thảo các cấp trong giai đoạn 2016 - 2020 [H10.10.04.09].

Bảng 10.2: Thống kê số lượng báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế của giảng viên khoa XHH giai đoạn 2016 - 2020

[H10.10.04.09]

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Hội thảo quốc tế	1	2	5	3	5

2	Hội thảo trong nước	4	4	17	4	18
3	Hội thảo cấp trường	1	1	0	1	0
4	Hội thảo cấp khoa	14	2	7	21	24
	Tổng (134 bài)	20	9	29	29	47

Các bài báo khoa học, kỷ yếu hội thảo khoa học được lưu giữ tại khoa làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác dạy và học chuyên ngành XHH, phục vụ mục đích tham khảo cho giảng viên và sinh viên chuyên ngành.

Với những lợi ích rõ ràng của việc gắn kết đào tạo và NCKH, Học viện, Khoa đã tổ chức nhiều hình thức để phổ biến, cập nhật và hướng dẫn cách thức áp dụng kết quả NCKH. Các kết quả NCKH được chuyển thành giáo trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, các bài báo khoa học lưu trữ tại thư viện của trường, đồng thời được đưa vào danh mục tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo trong giảng dạy các môn chuyên ngành của khoa. Khoa cũng tổ chức các hội thảo chia sẻ kết quả nghiên cứu, trao đổi cách thức áp dụng hiệu quả các kết quả NCKH vào công tác giảng dạy và giải quyết các vấn đề thực tiễn [H10.10.04.10]

2. Điểm mạnh

Giảng viên, sinh viên ngành XHH đã tham gia tích cực trong hoạt động NCKH, đồng thời có nhiều đề tài NCKH đã được vận dụng có hiệu quả để cập nhật, cải tiến việc dạy và học.

Các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở được Học viện và Khoa ưu tiên theo định hướng giáo trình và giáo trình in sách nhằm vận dụng tối ưu vào quá trình dạy và học, triển khai áp dụng những tri thức mới và cập nhật, bài bản, hệ thống vào quá trình dạy và học. Các đề tài cơ sở khác (không thuộc định hướng giáo trình và giáo trình in sách) như đề tài khảo sát, đề tài cơ sở trọng điểm của Học viện, đề tài NCKH của sinh viên cũng được định hướng ngay từ khâu xây dựng đề tài nhằm hướng đến chuyển giao làm tài liệu tham khảo cho các môn học chuyên ngành được giảng dạy trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Trong 5 năm gần đây, các đề tài NCKH của giảng viên, sinh viên ngành XHH chủ yếu là đề tài NCKH cấp cơ sở. Các đề tài, dự án NCKH ở các cấp cao hơn còn hạn chế, các giảng viên trong khoa còn chưa tham gia nhiều vào vị trí chủ nhiệm đề tài cấp bộ hay đề tài nhà nước.

Việc tham gia NCKH còn chưa đồng đều, một số giảng viên trẻ cần tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Học viện, Khoa XHH & PT cần tiếp tục có các chính sách động viên khuyến khích về vật chất, tinh thần, hỗ trợ và thúc đẩy giảng viên hơn trong hoạt động NCKH để tiếp tục có các kết quả NCKH hữu ích phục vụ hoạt động dạy và học, trong đó đặc biệt có chính sách khuyến khích giảng viên trẻ tham gia vào các nhóm NCKH của khoa và của trường. Cuối năm 2020 đã thông qua qui chế chi tiêu mới trong đó có khen thưởng cá nhân có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISI/Scopus 20 triệu đồng.

Khoa XHH & PT lên kế hoạch xây dựng phương án phối hợp với các cơ quan bên ngoài tăng cường nguồn lực và hợp tác trong NCKH, nâng cao năng lực NCKH của giảng viên trong khoa, trên cơ sở đó có thêm nhiều sản phẩm NCKH bổ sung tài liệu, sản phẩm khoa học phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như triển khai ứng dụng thực tiễn.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) là một hợp phần quan trọng tác động rất lớn đến chất lượng giảng dạy, học tập, NCKH của giảng viên và sinh viên tại HVBC&TT nói chung và ngành XHH nói riêng vì đây là những tiện ích sinh viên, giảng viên tiếp cận và sử dụng hàng ngày cho việc dạy, học, tự học, tự nghiên cứu.

- Dịch vụ hỗ trợ sinh viên hiện có ở trường (miễn phí) bao gồm: như dịch vụ trả mượn sách tại thư viện [H10.10.05.01], dịch vụ hỗ trợ sinh viên trong cuộc sống và học tập thông qua Trung tâm đồng hành cùng sinh viên [H10.10.05.02], Trung tâm hỗ trợ sinh viên phòng chống bạo lực và quấy rối tình dục [H10.10.05.03], dịch vụ và tiện ích phục vụ hoạt động thể dục thể thao của sinh viên trong khu vực ký túc xá

[H10.10.05.04].

- Cơ sở vật chất thể và tiện ích phục vụ quá trình dạy và học: hệ thống phòng làm việc, phòng học, ký túc xá, thư viện, sách và tài liệu tham khảo, các phòng máy tính và phần mềm đi kèm

Về cơ sở vật chất và tiện ích phục vụ học tập và giảng dạy, giảng viên và sinh viên Khoa XHH & PT được trang bị tương đối đầy đủ và đáp ứng tốt những nhu cầu giảng dạy, học tập và thực hành của sinh viên. Cụ thể về cơ sở vật chất chung bao gồm các phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng [H10.10.05.05], đi kèm với nó là trang thiết bị dạy học, thực hành [H10.10.05.06]. Ngoài ra, Khoa XHH & PT cũng được trang bị cơ sở vật chất cho riêng khoa phục vụ cho dạy và học, tự học và nghiên cứu của giảng viên, sinh viên [H10.10.05.07].

Tóm tắt một số số liệu chính về cơ sở vật chất phục vụ công việc giảng dạy, NCKH, học tập và các hoạt động liên quan khác của Khoa XHH&PT

Bảng 10.3: Diện tích các phòng học, thực hành, thư viện, KTX của HVBC&TT [H10.10.05.05]

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	146	19.339,00
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	11.449,10
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	07	961,20
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	53	3.557,34
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	24	1.121,76
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	71,28
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	2.180,00
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914,00
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	18	3.924,40
	Tổng	170	27.179,08

Riêng khoa XHH & PT, đội ngũ giảng viên, sinh viên ngành XHH ngoài việc sử dụng tiện ích chung của toàn trường thì cán bộ giảng viên khoa được giao sử dụng một số cơ sở vật chất sau được giao riêng cho khoa:

Bảng 10.4: Cơ sở vật chất và tiện ích dành cho giảng viên ngành XHH [H10.10.05.07]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Số phòng được giao sử dụng	Phòng	4
2	Tổng diện tích sử dụng	M2	121
3	Diện tích bình quân	M2	14.22
4	Bàn làm việc, bàn vi tính	Cái	5
5	Ghế các loại	Cái	31
6	Tủ	Cái	18
7	Máy tính để bàn	Bộ	5
8	Máy tính xách tay	Cái	4
9	Máy in	Cái	4
10	Máy photo	Cái	1
11	Điện thoại để bàn	Cái	0
12	Các trang thiết bị khác quạt cây	Cái	7

Các phòng học đều được trang bị đầy đủ các tiện ích cần thiết cho việc giảng dạy và học tập: máy chiếu, loa, điều hoà. Khoa được phân sử dụng 1 phòng thực hành máy tính. Máy tính được cài đặt chương trình phần mềm phục vụ đào tạo ngành XHH và được kết nối internet phù hợp cho sinh viên thực hành.

Các máy tính của trường đều sử dụng các phần mềm có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và quản lý. Cụ thể, Học viện đã mua các phần mềm chuyên dụng có bản quyền phục vụ công tác quản lý, đào tạo, NCKH như: QLĐT Marxman, phần mềm QLKH, phần mềm kế toán, v.v. [H10.10.05.08]

Học viện tạo điều kiện nối mạng miễn phí, cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, nhà làm việc, hội trường, xây dựng mạng không dây kết nối Internet cho sinh viên tại Thư viện và các khu KTX có hệ thống mạng máy tính nội bộ. Tất cả CBGV và sinh viên đều có địa chỉ email trong hệ thống mạng thông tin nội bộ của Trường. Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công tác nội bộ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của Học viện cũng như Khoa, Bộ môn. [H10.10.05.09]. Học viện tạo điều kiện nối mạng miễn phí, cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường, xây dựng mạng không

dây kết nối Internet cho sinh viên tại Thư viện và các khu KTX có hệ thống mạng máy tính nội bộ. [H10.10.05.09]

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (bao gồm sinh viên, giảng viên, cán bộ, nhân viên thuộc HVBC&TT) về cơ sở vật chất, tiện ích, dịch vụ hỗ trợ quá trình dạy và học, Học viện đã ban hành quy chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan [H10.10.05.10]. Định kỳ hàng năm, Học viện, cụ thể là Trung tâm KT&KĐCĐT triển khai xin ý kiến đánh giá từ phía giảng viên và sinh viên nhằm tìm ra những điểm cần khắc phục, những điểm tích cực để tiếp tục phát huy về cơ sở vật chất, tiện ích, dịch vụ hỗ trợ quá trình dạy và học [H10.10.05.11], [H10.10.05.12].

Ví dụ: trong khảo sát sinh viên cuối khoá về các nội dung có liên quan đến đánh giá mức độ hài lòng về cơ sở vật chất phòng học, hệ thống trang thiết bị, phòng thực hành về trang thiết bị tin học, các dịch vụ hỗ trợ khác,... được thực hiện trên thang đo mức độ từ: 1- không hài lòng đến 5- rất hài lòng và điểm số chạy từ 1 đến 5 tương ứng với mức hài lòng tăng dần. Kết quả khảo sát cho thấy ý kiến của sinh viên về từng khía cạnh cụ thể như sau tính theo điểm giá trị trung bình điểm số đánh giá từng tiêu chí và tổng điểm trung bình đánh giá của sinh viên chung về cơ sở vật chất. Kết quả tổng hợp lại ở bảng dưới đây:

Bảng 10.5: Đánh giá, phản hồi của sinh viên ngành XHH (cuối khoá) về cơ sở vật chất [H10.10.05.11]

Cơ sở vật chất	Điểm trung bình đánh giá các tiêu chí qua các năm (trên tổng số 5 điểm)		
	2018	2019	2020
1. Có đủ giảng đường, phòng học đáp ứng nhu cầu học tập	3.97	4.0	4.4
2. Giảng đường, phòng học có đủ ghế cho SV, đủ ánh sáng, quạt, vv...	3.92	4.0	4.2
3. Lớp học được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho học tập (micro, trang bị âm thanh, máy chiếu...)	4.03	3.9	4.3
4. Có đủ phòng thực hành nhằm củng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng	3.64	3.6	3.9
5. Phòng thực hành được trang bị đủ các công cụ, thiết bị và các vật tư cần thiết, vv. cho SV thực hành.	3.72	3.7	4.0
6. Trang thiết bị tin học, CNTT đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH (phần mềm, wifi, v.v.)	3.53	3.8	3.5

7. Thư viện có đủ sách, tài liệu để đáp ứng được nhu cầu học tập của SV	3.71	3.8	3.8
8. Thư viện có đủ chỗ cho SV tự học, tự nghiên cứu	4.14	4.2	4.3
9. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa thể thao đầy đủ	3.78	3.8	4.0
10. Môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập	-	-	4.2
11. Môi trường cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo an toàn, tạo thuận lợi cho việc học tập	-	-	4.3
Tổng điểm trung bình	3.8	3.9	4.1

So sánh kết quả đánh giá từ năm 2018 đến năm 2020, xu hướng chung cho thấy điểm số trung bình đánh giá đối với từng tiêu chí cụ thể đều có tăng lên và điểm trung bình chung đánh giá tổng thể về cơ sở vật chất cũng như dịch vụ tiện ích có xu hướng tăng lên đáng kể (từ 3,8 điểm năm 2018 lên đến 4,1 điểm năm 2020), thể hiện cơ sở vật chất phục vụ quá trình dạy và học đã không ngừng được cải thiện.

Đánh giá về dịch vụ hỗ trợ, khảo sát sinh viên cuối khoá hàng năm cũng thu thập thông tin về đội ngũ cán bộ hỗ trợ ở các khâu: cán bộ văn phòng, nhân viên hành chính, cán bộ kỹ thuật, cán bộ thư viện ... Kết quả đánh giá phản hồi của sinh viên về đội ngũ phục vụ/ vận hành dịch vụ tại Học viện rất tích cực, ví dụ năm 2020, điểm số trung bình đối với từng nhóm cán bộ hỗ trợ về kiến thức/ trình độ và thái độ đều đạt 4/5 điểm (tương ứng với mức độ hài lòng). **[H10.10.05.11]**.

Bên cạnh đó, Học viện cũng đã thực hiện giám sát kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ sinh viên thông qua các cuộc kiểm tra TTTTKH -Thư viện, Kí túc xá,... Sau mỗi đợt thanh tra, kết luận thanh tra đã chỉ rõ những điểm đơn vị đã thực hiện tốt cũng như chỉ các tồn tại của đơn vị, từ đó yêu cầu các đơn vị có những giải trình và có kế hoạch khắc phục trong các cuộc họp công tác tháng **[H10.10.05.13]**.

Học viện cũng đã triển khai nhiều kênh thông tin nắm bắt ý kiến của sinh viên về chất lượng các dịch vụ cũng như nắm bắt nhu cầu của sinh viên, từ đó có biện pháp cải thiện kịp thời chất lượng các dịch vụ phục vụ sinh viên như: các cuộc họp phản ánh sinh viên hàng tháng **[H10.10.01.10.DC]**; Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Học viện và các phòng chức năng hàng năm... **[H10.10.05.14]**. Ngoài ra, tại các phòng chờ giảng viên trên các giảng đường, Học viện luôn công khai sổ trực và số

điện thoại của cán bộ phụ trách trang thiết bị, cơ sở vật chất. Bất kể gặp sự cố hỏng hay trục trặc cơ sở vật chất (loa, máy chiếu, phòng học có vấn đề ...), giảng viên giảng dạy đều có thể gọi báo trực tiếp cán bộ phụ trách để khắc phục khẩn cấp ngay hoặc có kế hoạch thay sớm nhất. Ngoài ra, sinh viên sau mỗi giờ học trả thiết bị về phòng quản lý thiết bị dạy học cũng có thể báo trực tiếp hoặc ghi sổ sự cố các thiết bị cần thay hay cần kỹ thuật kiểm tra. Thông thường các vấn đề đơn giản sẽ được đội ngũ kỹ thuật trực khắc phục ngay để đảm bảo quá trình dạy và học không bị gián đoạn hay ảnh hưởng. Đối với những vấn đề phức tạp hay cần thay thế, việc khắc phục cũng diễn ra ngay trong tuần [H10.10.05.15].

Kết quả phản hồi của giảng viên, cán bộ nghiên cứu về cơ sở vật chất trong năm gần nhất 2019, về cơ bản giảng viên và đội ngũ nhân viên có phản hồi tốt về cơ sở vật chất, với điểm số hài lòng với từng hạng mục luôn đạt từ 3,5 điểm/ 5 đến đến 4 điểm/ 5 điểm về mức độ hài lòng [H10.10.05.12.DC]. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên cũng có những ý kiến đề xuất về nâng cấp cơ sở vật chất hiện có, ví dụ như: nâng cấp mạng internet không dây với tốc độ tốt hơn phục vụ học tập, nghiên cứu; nâng cấp phòng làm việc thông thoáng hơn; nâng cấp trang thiết bị dạy học (chuyển sang sử dụng mic không dây và hệ thống âm thanh tại phòng học tốt hơn ...) Đây là một số ý kiến đóng góp để bộ phận chức năng Học viện xem xét, có kế hoạch nâng cấp trong thời gian tới [H10.10.05.12.DC].

Từ năm 2016 đến nay, Học viện liên tục thực hiện nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin, nâng cấp trang thiết bị dành cho phòng thực hành, trang thiết bị dành cho phòng học, thể hiện thông qua các hợp đồng mua sắm và các gói thầu mua sắm, nâng cấp cụ thể trong minh chứng [H10.10.05.16]. Bên cạnh đó, hàng năm Học viện đều có kế hoạch mua mới các trang thiết bị phục vụ việc học và dạy, trong đó có nhiều trang thiết bị mới được trang bị cho Khoa XHH & PT như đề cập trong bảng thống kê của riêng khoa [H10.10.05.17]. Ngoài ra, số lượng đầu sách, giáo trình dành cho sinh viên ngành XHH cũng được bổ sung liên tục hàng năm [H10.10.05.18]. Từ năm 2015 - 2019, Học viện đã triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn diện thư viện, giúp người dạy, sinh viên và cán bộ nghiên cứu có môi trường nghiên cứu, tra cứu hiện đại và thuận tiện hơn [H10.10.05.19].

2. Điểm mạnh

Việc kiểm tra, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được quan tâm

tiến hành định kỳ và có cơ chế báo bất thường hay kế hoạch nâng cấp, sửa chữa, đổi mới hàng năm.

Những nhu cầu của sinh viên về dịch vụ hỗ trợ được cải thiện kịp thời theo từng năm học sau khi nhận được sự phản hồi của sinh viên. Học viện đã tiến hành các cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho hoạt động dạy và học của ngành XHH định kỳ hàng năm.

Trên cơ sở ý kiến phản hồi các bên liên quan, Học viện đã tích cực đầu tư đủ các thiết bị hỗ trợ và nâng cấp dịch vụ, tiện ích phục vụ quá trình dạy và học, trong đó có chú trọng đến: hệ thống thư viện, phòng học, mạng internet và tài khoản mạng cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ hoàn toàn hài lòng với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa cao, đặc biệt ở đội ngũ giảng viên trực tiếp làm công tác giảng dạy và nghiên cứu. Trong các phản hồi từ phía giảng viên từ các cuộc đánh giá còn các tồn tại lặp lại qua các năm như: cơ sở vật chất tại giảng đường (loa, mic ...) chưa được nâng cấp hiện đại hơn, tốc độ truy cập mạng còn chưa như mong muốn mặc dù Học viện đã cố gắng phủ sóng wifi toàn trường, những hạn chế này có ảnh hưởng một phần đến chất lượng dạy và học.

Các bộ phận chức năng đã tích cực tham gia giám sát, đánh giá, tuy nhiên chưa triển khai thành qui trình chuẩn trong giám sát, kiểm tra, từ đó có đề xuất cụ thể giải pháp khắc phục, cải tiến, nâng cấp tiện ích, dịch vụ hỗ trợ

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021, Phòng Quản trị phối hợp với Văn phòng, TTTTKH, ký túc xá và các Khoa sẽ cải tiến qui trình và kế hoạch triển khai đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy - học tập của Học viện trong kế hoạch công tác hàng năm hệ thống và bài bản hơn. TTKT&KĐCLĐT sẽ phối hợp với phòng ban chức năng rà soát và bổ sung bộ câu hỏi với các nội dung đánh giá cụ thể và chi tiết hơn về từng dịch vụ hỗ trợ, tiện ích và người vận hành dịch vụ để có giải pháp đúng và kịp thời nâng cấp tiện ích, dịch vụ

Năm 2021, Phòng Quản trị kết hợp với TTTTKH xây dựng kế hoạch nâng cấp các phần mềm sử dụng trong các dịch vụ hỗ trợ quá trình dạy và học (thư viện, tài vụ, QLKH ...), lắp đặt bổ sung các điểm phát wifi nội bộ đảm bảo nâng cao chất lượng

truy cập và tối ưu hệ thống mạng hiện nay.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

HVBC&TT đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh cải tiến CTDH. Học viện đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (tháng 1/5//2012) theo quyết định số 876/QĐ-HVCT-HVQG làm đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo, đi kèm với đó là chức năng, nhiệm vụ được quy định rõ ràng, cụ thể. [H10.10.01.01.DC]. Ngoài ra, Học viện ban hành quy định về xây dựng CTĐT trong đó có quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và quy định về xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT vào năm 2018. [H10.10.01.02.DC], [H10.10.02.01.DC].

Học viện đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo, quy định rõ các nội dung, mục đích, đối tượng, quy trình lấy ý kiến phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan. Theo đó, hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát bao gồm:

1. Khảo sát sinh viên theo học kỳ về chất lượng học phần [H10.10.01.05.DC]
2. Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo [H10.10.01.06.DC]
3. Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách [H10.10.01.07.DC]
4. Khảo sát cựu sinh viên [H10.10.01.08.DC]
5. Khảo sát nhà tuyển dụng [H10.10.01.09.DC]

Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi được thực hiện như sau:

Trung tâm Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo là đầu mối xây dựng Kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục năm học, kế hoạch khảo sát phản hồi các bên liên quan; xây dựng mẫu phiếu khảo sát; ban hành thông báo khảo sát; tổ chức khảo sát các bên liên quan với các phương thức gọi điện, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tuyến qua phần mềm QLĐT.

+ Các Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn tham gia và phối hợp thực hiện các hoạt

động khảo sát thu thập thông tin phản hồi bao gồm các nội dung công việc: Phát hành thông báo tiến hành khảo sát tới các đối tượng khảo sát. Riêng đối với khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng thì Khoa chịu trách nhiệm lập danh sách sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng, phát và thu phiếu khảo sát gửi TTKT&KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc lấy dữ liệu khảo sát của sinh viên tốt nghiệp chuyển từ Khoa sang TTKT&KĐCLĐT.

+ Các phiếu khảo sát được TTKT&KĐCLĐT rà soát và loại bỏ các phiếu không đảm bảo tính tin cậy. Số liệu sau khi được nhập được làm sạch và chủ yếu được xử lý đơn giản trên MS Excel lấy ra các kết quả thống kê phản hồi. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Các số liệu thống kê mô tả (Tỉ lệ % hài lòng và mức trung bình) là cơ sở để đối sánh kết quả khảo sát giữa các đối tượng và qua các năm [H10.10.06.09]. Trên cơ sở đó, TTKT&KĐCLĐT viết báo cáo tổng hợp kết quả, báo cáo lãnh đạo Học viện và phản hồi tới các Khoa, phòng, ban.

+ Các khoa, phòng ban chức năng có nhiệm vụ sử dụng kết quả khảo sát phản hồi làm căn cứ để cải tiến chất lượng.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được Học viện, các bộ phận chức năng quan tâm hoàn thiện và cải tiến nâng cao cả về nội dung và cách thức triển khai thực hiện. Trong giai đoạn đánh giá, cơ chế phản hồi đã có những điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Thứ nhất, trước năm 2016, Học viện mới thực hiện khảo sát chất lượng giờ giảng và môn học đối với sinh viên hàng kỳ; khảo sát sinh viên cuối khoá và sinh viên tốt nghiệp với quy mô nhỏ. Từ năm 2017, Học viện đã thực hiện khảo sát đa dạng các đối tượng, bao gồm nhà tuyển dụng. Đến năm 2018, Học viện bắt đầu triển khai khảo sát giảng viên, cán bộ nhân viên về CTĐT và chất lượng các mặt hoạt động. Thứ hai, phương pháp, hình thức khảo sát ngày càng đa dạng dẫn đến số lượng sinh viên cuối khóa, sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng phản hồi khảo sát ngày càng tăng. Trước năm 2018, Học viện chỉ tiến hành khảo sát qua email nên số lượng phản hồi thấp; từ năm 2019 trở đi, Học viện đã đa dạng hóa các hình thức khảo sát, bao gồm gọi điện thoại, gửi phiếu trực tiếp và gửi email nên số lượng phản hồi khảo sát cao [H10.10.06.09].

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua khảo sát do

TTKT&KĐCLĐT tiến hành, khoa cũng căn cứ trên ý kiến của các bên liên quan để cải tiến chương trình [H10.10.01.14.DC]. Ý kiến phản ánh của sinh viên thông qua các buổi họp phản ánh sinh viên đề cập đến chương trình, môn học để có hướng cải tiến chương trình phù hợp [H10.10.01.10.DC]. Ngoài ra, để chương trình giảng dạy được cải tiến theo hướng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, Khoa cũng tham khảo và lấy ý kiến của các chuyên gia, các nhà tuyển dụng trong các buổi hội thảo, tọa đàm xây dựng CTĐT [H10.10.02.06.DC].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã tiếp nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện đặc biệt là về CTĐT, CTDH, hoạt động giảng dạy của giảng viên, chất lượng các dịch vụ, tiện ích phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của Học viện nói chung và ngành XHH nói riêng.

Việc phản hồi trực tiếp của sinh viên được chú trọng ghi nhận từng tháng thông qua cuộc họp phản ánh sinh viên định kỳ hàng tháng với sự có mặt của đại diện BCN khoa, CVHT các lớp, đại diện sinh viên các lớp. Các vấn đề tồn đọng, nảy sinh được sinh viên các lớp tổng hợp, nêu trực tiếp. Ngoài ra CVHT cũng có mặt báo cáo tình hình của lớp, các vấn đề tổng hợp từ họp lớp. Trên cơ sở đó lãnh đạo khoa đưa ra các biện pháp giải quyết triệt để.

3. Tồn tại

Việc thu thập ý kiến phản hồi đối với nhà tuyển dụng còn hạn chế do khả năng tiếp cận các nhà sử dụng lao động của Khoa còn chưa cao. Phiếu khảo sát sử dụng chung cho toàn trường nên một số nội dung như CĐR chưa mang đặc thù, cụ thể của ngành.

Việc thảo luận kết quả khảo sát phản hồi chưa được đưa vào thành trọng tâm các cuộc họp có quy mô trường hay đơn vị, từ đó có những giải pháp mang tính hệ thống cải tiến CTĐT cũng như cải tiến hệ thống phục vụ việc dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Học viện, các bộ phận chức năng, Khoa XHH & PT cần phối hợp cập nhật điều chỉnh một số nội dung trong Phiếu khảo sát, lấy ý kiến để đem lại hiệu quả thông tin phản hồi cao hơn, phản ánh đầy đủ hơn đánh giá của các bên liên quan.

Từ năm học 2020 - 2021, Học viện nói chung và Khoa XHH & PT nói riêng cần lên kế hoạch sử dụng kết quả khảo sát phản hồi từ các bên liên quan hiệu quả hơn, các

kết quả thu được cần được trao đổi, bàn bạc kỹ hơn trong khoa nhằm có những giải pháp kịp thời, nhanh chóng khắc phục được những vấn đề tồn tại cũng như có kế hoạch cải tiến CTDH trên cơ sở bằng chứng thu được từ kết quả khảo sát, đánh giá từ các bên liên quan.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa XHH&PT sẽ tăng cường các hình thức, biện pháp kết nối với các nhà tuyển dụng để đảm bảo thu thập thông tin phản hồi từ nhiều nhà tuyển dụng hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 10

Học viện, Khoa XHH & PT đã hết sức quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo ngành XHH để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho xã hội. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ sinh viên, nhà tuyển dụng, người sử dụng lao động, giảng viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến CTĐT.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

Hoạt động NCKH của các giảng viên và sinh viên ngành XHH luôn được quan tâm, khuyến khích, kết quả NCKH đã được thường xuyên sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin,...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí, cả 6 đều đạt, điểm trung bình là 5/7

TIÊU CHUẨN 11

KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Đánh giá kết quả đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của một cơ sở đào tạo đại học. Hàng năm, Ban đào tạo kết hợp với khoa chủ quản thống kê và thực hiện giám sát việc đạt CĐR, thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình học. Tỷ lệ sinh viên thôi học, lượng sinh viên tốt nghiệp xin được việc làm... được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu sinh viên và các đơn vị sử dụng lao động.

Các hoạt động NCKH cho sinh viên được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu CĐR của CTĐT ngành, phù hợp với các hướng nghiên cứu ưu tiên của Học viện và được lên kế hoạch hàng năm, cũng như được tạo mọi điều kiện khuyến khích, hỗ trợ thực hiện đề tài.

Học viện, TTKT&KĐCLĐT phối hợp cùng Khoa XHH & PT đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan, là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến đảm bảo chất lượng đào tạo ngành XHH.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Ban QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát quá trình dạy học và kết quả học tập của sinh viên, bao gồm tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học [H11.11.01.01]. Hàng năm, thông tin tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp được Học viện công bố trong Báo cáo tổng kết năm học [H11.11.01.02] và Đề án tuyển sinh hàng năm [H11.11.01.03].

Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, đặc biệt tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, trước hạn hay sau hạn của sinh viên toàn trường và sinh viên các ngành đào tạo luôn được tổng hợp, báo cáo, giám sát bởi Ban QLĐT phối hợp với khoa chủ quản. Vấn đề này được quy định trong chức năng của ban đào tạo, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ của khoa chủ quản quy định trong chức năng, nhiệm vụ của khoa [H11.11.01.04], chức năng nhiệm vụ của CVHT trong việc nắm bắt thông tin, trợ giúp và giải quyết các khó khăn sinh viên gặp phải nhằm đạt được các yêu cầu về CĐR, tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.05].

Về giám sát tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, Ban QLĐT là đầu mối cập nhật thông tin về từng đợt sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và trao bằng và gửi thông tin danh sách sinh viên đủ điều kiện xuống khoa, CVHT phối hợp với ban chủ nhiệm khoa kiểm tra thông tin, xác nhận với Ban QLĐT. Trên cơ sở thông tin xác nhận, Ban QLĐT sẽ làm các thủ tục ra quyết định và cấp bằng tốt nghiệp. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách kèm theo Quyết định được công bố công khai, đồng thời gửi về Khoa chủ quan và các bộ phận liên quan [H11.11.01.06].

Hàng năm, kết thúc mỗi năm học, lãnh đạo khoa cũng sẽ thông báo về tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành XHH cũng như tỉ lệ của toàn trường để giáo viên cập nhật, nắm bắt tình hình. Trên cơ sở đó, lãnh đạo khoa và giảng viên sẽ cùng trao đổi về tình trạng tốt nghiệp đúng thời hạn của sinh viên ngành XHH so với các ngành khác trong trường và so với các năm trước đó, cùng trao đổi về nguyên nhân của những tồn đọng và giải pháp trợ giúp sinh viên hoàn thành các CDR tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.01.07].

Bảng dưới đây mô tả thống kê về tỉ lệ tốt nghiệp của ngành XHH giai đoạn 2016 - 2020 [H11.11.01.06].

Bảng 11.1: Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành XHH trong giai đoạn 2016-2020

Khóa	Tổng số sinh viên nhập học	Tổng sinh viên duy trì đến cuối khoá	Số SINH VIÊN tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp			Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp/ tổng đầu vào (%)	Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp/ số sinh viên duy trì cuối (%)
				3 năm (trước hạn) (%)	4 năm (đúng hạn)	> 4 năm (quá hạn)		
2016 - 2020 (K36)	34	29	14	0	14 sv (100%)	Chưa có số liệu	41	48
2015-2019 (K35)	47	39	19	0	17 sv (89%)	2 sv (11%)	40	48,7
2014-2018 (K34)	87	75	69	0	54 sv (78%)	16 sv (11%)	62	72
2013-2017 (K33)	41	37	36	0	35 sv (97%)	1 sv (13%)	94,6	85
2012-2016 (K32)	52	50	47	0	47 (100%)	0 (0%)	90	94

Khoa chủ quản cũng đã nắm được số liệu sinh viên tốt nghiệp của ngành XHH các năm gần đây thông qua các thống kê đào tạo gửi về khoa (danh sách sinh viên tốt nghiệp theo các đợt). Ban chủ nhiệm khoa cũng đã nhận thấy bắt đầu từ khoá K34 trở đi, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn bắt đầu có xu hướng sụt giảm. Nguyên nhân cơ bản là do sinh viên chưa hoàn thành CĐR về tin học, đặc biệt CĐR ngoại ngữ với yêu cầu đạt chuẩn B2 (Tiếng Anh) và đây là một trong những khó khăn rất lớn đối với nhiều sinh viên ngành XHH với xuất phát điểm đầu vào tiếng Anh thấp.

Khoa cũng tiến hành đối chiếu tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành XHH với ngành khác trong Học viện, cụ thể là ngành Triết học nhằm có được số liệu so sánh mặt bằng chung về tình trạng sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn, trên cơ sở đó có biện pháp phù hợp [H11.11.01.08]. Ngoài ra, khoa cũng đối sánh với ngành XHH của trường đại học KHSHNV (Đại học Quốc Gia HN) để có thêm thông tin và cơ sở thực tiễn [H11.11.01.09]

Bảng 11.2: Bảng đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp CTĐT ngành XHH với các CTĐT trong trường (CTĐT ngành Triết), ngoài trường (CTĐT ngành XHH, trường ĐHKHXH Nhân văn) giai đoạn 2016-2020 [H11.11.01.08], [H11.11.01.09].

Khóa tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) sinh viên tốt nghiệp/ tổng số sinh viên duy trì đến cuối khoá		
	CTĐT được đánh giá XHH	CTĐT của Trường ngành Triết học	CTĐT của Trường ĐHKHXH nhân văn
2016 - 2020	48%	76,74%	không có
2015-2019	48,7%	74%	52%
2014-2018	72%	80%	72%
2013-2017	85%	100%	không có
2012-2016	94%	93,61%	76%

Hiện tại trên website của trường đại học KHSHNV, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành XHH mới chỉ được công bố cho khoá 2015 - 2019 và các báo cáo cho các năm khác không có đủ dữ liệu cho ngành XHH để tính toán. Đối sánh giữa tỉ lệ tốt nghiệp ngành XHH (HVBC&TT) và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành XHH của trường Đại học

KHXHNV (tốt nghiệp năm 2018 và tốt nghiệp năm 2019), kết quả cho thấy tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp trên tổng số duy trì đến cuối khoá gần như tương đồng của ngành đào tạo XHH ở 2 trường (48,7% so với 52% năm 2019 và 72% năm 2018)

Bảng 11.3: Thống kê tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành XHH trong giai đoạn 2016-2020 [H11.11.01.10]

Khóa	Tổng số sinh viên nhập học	Số sinh viên và Tỷ lệ sinh viên thôi học/đình chỉ học/bảo lưu kết quả	Tỷ lệ (%) sinh viên thôi học sau			
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
2016-2020	34	7 sv	2 sv	1 sv	3 sv	1 sv
		20,6%	5,9%	3%	8,8%	2,9%
2015-2019	47	8 sv	1 sv	0 sv	5 sv	2 sv
		17%	2,2%	0%	10,6%	4,2%
2014-2018	87	9 sv	1 sv	2 sv	0 sv	6 sv
		9,3%	1,1%	2,3%	0	6,9%
2013-2017	41	6 sv	2 sv	4 sv	0 sv	0 sv
		14,6%	4,9%	9,8%	0%	0%
2012-2020	52	6 sv	0 sv	4 sv	0	2 sv
		11,5%	0%	7,7%	0	3,8%

Bảng thống kê trên cho thấy về cơ bản, số lượng sinh viên thuộc diện thôi học (tự thôi học, bị buộc thôi học do kỷ luật hoặc bị đình chỉ học 1 năm hay bảo lưu kết quả) không nhiều, mỗi năm học trung bình có từ 1-2 sinh viên mỗi lớp rơi vào trường hợp trên. Sinh viên rơi vào trường hợp thôi học hoặc bảo lưu kết quả nói trên không tập trung vào giai đoạn cố định nào mà rải rác qua nhiều năm với nhiều lý do đa dạng: sinh viên chuyển trường; sinh viên đi du học, sinh viên tìm cơ hội việc làm có thu nhập thay vì đi học, sinh viên gặp vấn đề sức khỏe cần điều trị dài ngày, sinh viên lập gia đình Tuy nhiên, bảng thống kê trên cũng cho thấy tỉ lệ thôi học, bảo lưu của sinh viên ngành XHH vẫn diễn ra chưa có dấu hiệu giảm, đây là vấn đề đã được trao đổi, bàn bạc và giao trách nhiệm cho CVHT tư vấn thường xuyên cho sinh viên để hạn chế sinh viên rơi vào trường hợp nói trên nói trên.

So sánh về tỉ lệ sinh viên thôi học/bảo lưu của ngành XHH với một số ngành trong trường, kết quả được trình bày cụ thể ở bảng dưới đây [H11.11.01.11].

Bảng 11.4: Bảng đối sánh tỷ lệ thôi học/bảo lưu của CTĐT ngành XHH với các CTĐT trong Trường. [H11.11.01.11]

Khóa tốt nghiệp	Tỷ lệ (%) sinh viên thôi học/ bảo lưu			
	Ngành XHH	Ngành Triết	Ngành QHQT	Ngành PR
2012-2016	11,5%	15,4%	9%	8%
2013-2017	14,6%	17,1%	8,89%	14,3%
2014-2018	9,3%	11,8%	6,1%	13,6%
2015-2019	17%	6,98%	18,5%	22,3%
2016-2020	20,6%	18,9%	23,8%	12,5%

Về tỉ lệ thôi học, bảo lưu của sinh viên ngành XHH trong giai đoạn từ 2016 đến 2020 cho thấy so với một số ngành khác trong trường, tỉ lệ của ngành XHH luôn ở mức trung bình (không thuộc ngành cao nhất cũng như không thuộc ngành có tỉ lệ thôi học/bảo lưu thấp nhất).

Về sinh viên bảo lưu, thôi học, CVHT là đầu mối nắm tình hình, tư vấn với sinh viên và gia đình sinh viên trong trường hợp cần thiết. Sinh viên thôi học hiện nay với rất nhiều lý do đa dạng, CVHT thông qua tìm hiểu trực tiếp với sinh viên có ý định thôi học, gián tiếp qua lớp, bạn bè và trao đổi với gia đình. Với những lý do phù hợp: chuyển trường, ngành học không phù hợp, đi du học ..., CVHT sẽ tư vấn các thủ tục cần thiết. Đối với những lý do liên quan đến tâm lý, các vấn đề cá nhân, gia đình, CVHT sẽ tìm hiểu và tìm phương án hỗ trợ, báo BCN khoa cũng như tư vấn thêm cùng gia đình để tìm cách cùng giải quyết, hỗ trợ sinh viên ở mức tối ưu nhất. Các trường hợp sinh viên này cũng sẽ được cố vấn thông báo với khoa chủ quản nắm tình hình và tư vấn thêm các hướng giải quyết hay trợ giúp phù hợp. Khoa sẽ và cố vấn sẽ hỗ trợ tư vấn sinh viên nộp đơn và hoàn thiện các thủ tục cần thiết gửi lên Ban QLĐT để xin thôi học hay bảo lưu kết quả học tập. Các quyết định thôi học, bảo lưu kết quả học tập được Học viện ra quyết định và thông báo về khoa chủ quản [H11.11.01.12].

Về sinh viên có các nguy cơ bỏ học hoặc bị đuổi học do rơi vào các trường hợp: nghỉ học không phép nhiều và có nguy cơ nghỉ quá thời gian quy định; số lượng tín chỉ tích lũy thấp hơn quy định; nợ nhiều học phần; có nguy cơ không tốt nghiệp đúng hạn do chưa hoàn thành các CĐR tin học, ngoại ngữ ..., CVHT là đầu mối nắm bắt thông tin thông qua các kênh từ lớp, Ban QLĐT và tự giám sát định kỳ kết quả tổng kết học tập của sinh viên lớp trên phần mềm. Trên cơ sở thông tin nắm bắt, CVHT định kỳ báo

cáo trong các buổi họp phản ánh sinh viên theo tháng hay tổng kết hàng năm để BCN khoa cùng đội ngũ cố vấn, cán bộ lớp sẽ đưa ra định hướng giải pháp và hỗ trợ cụ thể [H11.11.01.12]. Ngoài ra, trên cơ sở phân tích thực trạng khó khăn, vướng mắc chung của sinh viên ảnh hưởng đến việc tốt nghiệp đúng hạn hoặc thôi học trong đó bao gồm nguyên nhân khách quan và chủ quan, BCN khoa và CVHT cũng đưa ra những giải pháp, định hướng cho sinh viên, đặc biệt cảnh báo và định hướng sinh viên các khoá sau cố gắng khắc phục sớm để không rơi vào những nguy cơ dẫn đến buộc thôi học hay ra trường muộn [H11.11.01.12].

Trong những năm gần đây, vấn đề tồn đọng lớn nhất sinh viên gặp phải là nợ học phần và nợ CĐR tin học, ngoại ngữ khiến cho sinh viên không ra trường đúng hạn. Để khắc phục tình trạng này, Ban QLĐT các học kỳ gần đây đã tích cực hỗ trợ, thông báo đến sinh viên toàn trường và thống kê số sinh viên có nhu cầu học bổ sung các môn còn nợ hoặc học cải thiện điểm, trên cơ sở nhu cầu học bổ sung của sinh viên để ra trường đúng hạn, Học viện sẽ có các thông báo về mở các lớp học vét, học bổ sung đối với sinh viên còn nợ môn có nhu cầu và thông tin sẽ được gửi về khoa chủ quản [H11.11.01.13]. Với các học phần đủ số lượng sinh viên đăng ký và thông báo cụ thể trên website của Học viện [H11.11.01.14]. Bên cạnh đó, để khắc phục tình trạng sinh viên ngành XHH nợ CĐR tin học, ngoại ngữ khiến tỉ lệ ra trường không đúng hạn còn cao, ngay đầu năm học 2020, Học viện đã ban hành văn bản chi tiết hướng dẫn về CĐR tin học, ngoại ngữ, các đợt thi CĐR Học viện dự kiến sẽ tổ chức trong năm để sinh viên các khoá chuẩn bị ra trường có kế hoạch bố trí học và thi sớm đạt CĐR, đủ điều kiện ra trường đúng thời hạn [H11.11.01.15].

2. Điểm mạnh

Học viện có phần mềm QLĐT, do vậy việc quản lý, giám sát tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, sinh viên thôi học được thông tin, công khai, cập nhật và đưa ra các biện pháp quản lý, hỗ trợ kịp thời.

Trách nhiệm của CVHT, BCN khoa và Ban QLĐT trong việc thống kê, giám sát, hỗ trợ sinh viên trong diện cảnh báo được quy định, đồng thời các bên liên quan đều phối hợp tốt với nhau nhằm nắm bắt thông tin kịp thời và đưa ra các giải pháp cụ thể trên cơ sở phân tích nguyên nhân của tình trạng sinh viên còn có các vấn đề tồn đọng nhằm khắc phục và cải thiện hiệu quả.

Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, sinh viên tồn đọng được xác lập, theo dõi thường

xuyên, làm cơ sở cho việc giám sát quá trình đào tạo và cải tiến chất lượng đào tạo của ngành.

3. Tồn tại

Hiện nay Khoa XHH & PT vẫn đang gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin những sinh viên tạm ngừng học đang làm gì, kế hoạch tiếp tục hoàn thành chương trình học của sinh viên như thế nào, do vậy vẫn còn gặp khó khăn để hỗ trợ những đối tượng này hiệu quả hơn nữa.

Hiện tại chưa có chính sách CVHT sau khi kết thúc 4 năm học, những sinh viên ra trường muộn hay còn tồn đọng các vấn đề sau khi kết thúc 4 năm mặc dù vẫn do cố vấn lớp cũ và khoa chủ quản phụ trách, nhắc nhở, nhưng gặp khá nhiều khó khăn trong liên hệ thông tin, tập hợp thông tin.

Thông tin công khai về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên cùng ngành XHH của các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế hạn chế công bố công khai, do vậy tính đối sánh còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Khoa XHH & PT đã và đang có đề xuất với Học viện về chính sách cho CVHT sau khi kết thúc 4 năm học: tiếp tục được hưởng một phần chính sách dành cho cố vấn chính thức để họ tích cực tập hợp, tư vấn sinh viên tồn đọng có kế hoạch ra trường trong thời gian được phép kéo dài, tránh tình trạng quá hạn không ra được trường.

Từ năm 2021 Ban đào tạo lên kế hoạch rà soát định kỳ danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo hoặc danh sách sinh viên tồn đọng theo hệ thống, tốt nhất là trên phần mềm để CVHT và lãnh đạo khoa cập nhật thường xuyên hơn, từ đó tư vấn và hỗ trợ sinh viên mang lại hiệu quả cao hơn.

Từ năm học 2021, TTKT&KĐCLĐT và khoa chủ quản tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Tại HVBC&TT, quá trình học tập tích lũy học phần, tín chỉ và điều kiện tốt

nghiệp của ngành XHH được quy định rõ ràng, công bố công khai tới sinh viên trong các văn bản quy định của Học viện, trong đó các quy định cụ thể được đề cập đến trong quy chế đào tạo đại học về tín chỉ [H11.11.02.01]. Ngoài ra, sinh viên ngay từ tuần học tập đầu tiên sau khi nhập học đã được cung cấp sổ tay sinh viên, trong đó có quy định cụ thể về: điều kiện học vượt; điều kiện học kéo dài; số tín chỉ tối thiểu trong học kỳ được đăng ký, thời gian học tối đa kéo dài đối với sinh viên nói chung, bao gồm sinh viên ngành XHH [H11.11.02.02].

Học viện sử dụng phần mềm QLĐT để theo dõi, thống kê, quản lý học tập của sinh viên trong đó Ban QLĐT (QLĐT) là đơn vị đầu mối quản lý học tập, quản lý quy trình tốt nghiệp của sinh viên. Công tác quản lý học tập, quản lý thời gian tốt nghiệp được thực hiện chính xác bởi bộ phận quản lý dạy và học (thuộc Ban QLĐT) và thông báo công khai cho sinh viên (sinh viên có thể dùng mã sinh viên và mật khẩu để truy cập, xem điểm tích lũy, xem các thông tin khác liên quan đến học tập, điều kiện tốt nghiệp của bản thân mình đối chiếu với điều kiện tốt nghiệp được quy định và công bố trong sổ tay sinh viên [H11.11.02.03]. Ngoài ra, hàng năm, nhà trường cũng sẽ gửi kế hoạch xét tốt nghiệp của sinh viên năm cuối đến khoa chủ quản và cán bộ lớp để thông báo đến từng sinh viên về các đợt xét tốt nghiệp, qua đó sinh viên chủ động lên kế hoạch hoàn thành các CDR để được xét tốt nghiệp ra trường theo kế hoạch [H11.11.02.04].

Từ năm học 2017, Học viện, Khoa XHH & PT đã tăng cường triển khai và giám sát công tác CVHT thông qua các cuộc họp phản ánh sinh viên hàng tháng [H11.11.02.05]. Để nắm được hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên toàn khoa, Ban chủ nhiệm, CVHT, ban cán sự lớp, ban chấp hành chi đoàn và liên chi đoàn họp định kỳ hàng tháng [H11.11.02.06]. Trợ giúp thông tin, tư vấn sinh viên về các quy định liên quan đến điều kiện hoàn thành các CDR và số lượng học phần (bắt buộc, tự chọn) để được công nhận tốt nghiệp cũng là một nội dung được quy định trong chức năng, nhiệm vụ của CVHT tư vấn, hỗ trợ tích cực sinh viên lập kế hoạch học tập phù hợp để đạt các chuẩn đầu ra. [H11.11.01.05.DC],

Ngoài ra, việc tổng kết so sánh, đánh giá về thời gian tốt nghiệp trung bình /năm của các ngành trong trường và so sánh, đối sánh với cùng ngành đào tạo ở đơn vị khác cũng được khoa chủ quản, Ban QLĐT và Học viện chú ý phân tích nhằm có được thông tin về thực trạng, từ đó có chiến lược và giải pháp phù hợp nếu có những khác

biệt, bất thường Dưới đây là một số số liệu tổng kết về thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành XHH so với các ngành khác trong trường và so với cùng ngành ở cơ sở đào tạo khác.

Bảng 11.5: Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành XHH với ngành khác trong trường (tính trong tổng sinh viên tốt nghiệp) [H11.11.02.07].

Khóa học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm) tại HVBC&TT			
	Ngành XHH	Ngành Triết	Ngành QHCC	ngành QHQT
2016 - 2020 (K36)	4	4	4	4
2015-2019 (K35)	4,1 năm	4,24	4,05	4,06
2014-2018 (K34)	4,38 năm	4,16 năm	4,4 năm	4,3 năm
2013-2017 (K33)	4,01 năm	4,02 năm	4 năm	4 năm
2012-2016 (K32)	4 năm	4,01 năm	4 năm	4 năm

(Lưu ý SV K35, K36 chưa hết 6 năm học theo tín chỉ)

Trên cơ sở đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, Học viện hàng năm đưa ra các giải pháp để cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình như tích cực mở các lớp học tự nguyện tạo điều kiện cho sinh viên học vượt, học vét các môn còn nợ [H11.11.01.13.DC]. CVHT liên tục rà soát và thông báo sinh viên còn nợ môn chuyên ngành, thông báo cho sinh viên tích cực trả nợ môn thông qua đăng ký tham gia các lớp học tự nguyện, tham gia ôn tập và lên kế hoạch đăng ký sớm thi CĐR tin học và ngoại ngữ nhằm đạt điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.15.DC]

Trong Hội nghị tổng kết đào tạo hàng năm đều thông báo về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của sinh viên ngành XHH cũng như các ngành khác trong trường [H11.11.01.02.DC]. Khi có danh sách sinh viên tốt nghiệp chậm/muộn được Ban QLĐT gửi về khoa kèm với nguyên nhân chậm/muộn [H11.11.02.08], Khoa sẽ thảo luận trong hội nghị, trên cơ sở đó BCN khoa có những chỉ đạo về phương hướng hỗ trợ, CVHT đưa ra những giải pháp, trực tiếp tư vấn sớm đối với những khoá sinh viên hiện đang học ngành XHH (từ năm học thứ 2 hoặc thứ 3) để xây dựng lộ trình phù hợp, tăng cường khả năng ra trường đúng thời hạn [H11.11.02.06.DC] Những

nguyên nhân cơ bản của sinh viên ngành XHH tốt nghiệp chậm, muộn được tổng kết chủ yếu nằm ở một số học sinh không kịp bố trí học bổ sung các học phần còn nợ lại do thời gian các lớp học chưa phù hợp với bản thân, còn lại phần lớn sinh viên nợ CĐR ngoại ngữ và tin học do đăng ký thi muộn hoặc thi những lần đầu không qua. Đặc biệt CĐR tiếng Anh ngành XHH (trước khoá K40) yêu cầu là B2, theo phản ánh của sinh viên là quá nặng so với năng lực đầu vào của sinh viên, khiến sinh viên thi nhiều lần và phải đầu tư rất nhiều thời gian học nâng cao mới có thể qua. Sau khi đánh giá thực trạng nói trên, Khoa XHH & PT đã điều chỉnh CTĐT, từ K40 trở đi, CĐR tiếng Anh đã hạ xuống B1, tương đương với CĐR của nhiều ngành tương ứng của trường như Công tác xã hội, Triết học ... [H11.11.02.09].

2. Điểm mạnh

Học viện có quy định rõ ràng và cơ chế giám sát chặt chẽ kết quả học tập của sinh viên, có kế hoạch sớm thông báo cụ thể, rõ ràng đến sinh viên về yêu cầu CĐR nhằm giúp sinh viên lên kế hoạch sớm đạt CĐR, tốt nghiệp đúng thời hạn hoặc vượt trước thời hạn nếu mong muốn.

Khoa XHH&PT và giáo viên CVHT là những người có kinh nghiệm, nhiệt tình và luôn hỗ trợ kịp thời cho sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Tồn tại

Hiện nay vẫn còn tỷ lệ sinh viên ngành XHH tốt nghiệp muộn so với thời gian chuẩn của CTĐT là 4 năm. Mặc dù điều này là được cho phép, tùy thuộc vào năng lực và kế hoạch học tập của sinh viên, tuy nhiên qua phân tích cho thấy các nguyên nhân phổ biến: sinh viên còn gặp nợ một số môn học từ năm thứ nhất, thứ hai nhưng chưa bố trí học lại được do vướng/trùng với lịch học đã đăng ký cho các kỳ tiếp sau đó, lịch kiến tập, thực tập. Bản thân sinh viên chưa chủ động đăng kí học lại, học cải thiện, bổ sung kiến thức để đạt CĐR dẫn đến nhiều sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, kéo dài thời gian học tập.

Thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình ngành XHH của các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế hạn chế do vậy tính đối sánh còn yếu do thông tin không được cung cấp công khai.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021, Khoa XHH&PT sẽ phối hợp với liên chi đoàn mở thêm các

buổi tư vấn sinh viên về phương pháp học đại học nhằm giúp sinh viên không bị thi trượt và nợ nhiều môn từ năm học đầu tiên, phối hợp mở các câu lạc bộ Tiếng Anh cho người mất gốc hoặc các diễn đàn trao đổi phương pháp học tiếng Anh, tiếng Trung cho sinh viên nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng cường cơ hội sớm đạt chuẩn ngoại ngữ giúp ra trường đúng hạn.

CVHT các lớp lên kế hoạch sớm tư vấn cho sinh viên (từ năm thứ nhất) về xây dựng lộ trình và kế hoạch học tập nhằm chủ động tích lũy đủ tín chỉ, đủ học phần và đạt các CĐR để sớm ra trường đúng hạn.

Từ năm học 2021, TTKT&KĐCLĐT kết hợp với khoa chủ quản tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm các kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng của ngành XHH.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Học viện đã giao nhiệm vụ xác lập thông tin của sinh viên sau tốt nghiệp cho Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. **[H11.11.03.01]**

Nhiệm vụ cụ thể của Trung tâm trong việc xác lập thông tin của cựu sinh viên là:

(1) Xây dựng cơ sở dữ liệu về sinh viên đã tốt nghiệp theo từng năm học để công khai trước xã hội và báo cáo cho Bộ Giáo dục và đào tạo; cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động;

(2) Khảo sát, thống kê về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp được Trung tâm thực hiện như sau: **[H11.11.03.02]**

Bảng 11.6: Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp

TT	NỘI DUNG
1	Xây dựng và hoàn thiện mẫu phiếu khảo sát.

2	Xây dựng dữ liệu sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp (danh sách sinh viên, điện thoại, địa chỉ liên hệ...)
3	Tiến hành khảo sát sinh viên tốt nghiệp sau 1 năm
4	Tổng hợp phân tích kết quả.
5	Báo cáo Ban Giám đốc, Bộ GD&ĐT và thông tin đến các bộ phận chức năng
6	Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo dựa vào kết quả khảo sát.

Khảo sát sinh viên tốt nghiệp được thực hiện từ năm 2016 với các phương pháp thu thập dữ liệu bao gồm các hình thức: gửi email, gọi điện, gửi phiếu trực tiếp. Trước năm 2020, Khoa chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu, hoàn thành phiếu khảo sát và gửi TTKT&KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo [H11.11.03.03]. Từ năm 2020, việc thu thập dữ liệu được chuyển cho TTKT&KĐCLĐT. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm được công khai trong đề án tuyển sinh của Học viện [H11.11.01.03.DC].

Bảng 11.7: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp Ngành XHH so với ngành Triết học đào tạo tại HVBC&TT [H11.11.03.04]

Khóa tốt nghiệp Các tiêu chí	Tốt nghiệp 2016		Tốt nghiệp 2017		Tốt nghiệp 2018		Tốt nghiệp 2019	
	Ngành Triết học	Ngành XHH	Ngành Triết học	Ngành XHH	Ngành Triết học	Ngành XHH	Ngành Triết học	Ngành XHH
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người).	44	47	39	73	36	34	23	19
2. Tỷ lệ tốt nghiệp (%) (trên tổng số sinh viên duy trì đến cuối khoá)	93,61	94%	100%	85%	80%	72%	74,2	48,7%
3. Số lượng người khảo sát phản hồi (người)	86	20	48	73	41	19	16	28
4. Tỷ lệ sinh viên có việc làm (%) (trong số phản hồi)	73,2%	95%	87,5%	95%	95,1%	94,74%	81%	82%
4.1. Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	33%	61%	31%	59%	38%	22%	32,5%	30%
4.2. Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%).	67%	39%	69%	41%	62%	78%	57,5%	70%

**Bảng 11.8: Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp
Ngành XHH HVBC&TT và ngành XHH đại học KHXHNV [H11.11.03.05]**

Các chỉ số	Ngành XHH tại HVBC&TT	Ngành XHH tại ĐH KHXHNV
1. Tốt nghiệp năm 2016	95%	100%
2. Tốt nghiệp năm 2017	95%	84,4%
3. Tốt nghiệp năm 2018	94,75%	91%
4. Tốt nghiệp năm 2019	82%	91%

Kết quả khảo sát có thể cho thấy sinh viên sau tốt nghiệp của ngành XHH trong Khoa có việc làm đạt tỷ lệ cao, luôn đạt ở mức từ khoảng 90% trở lên (năm 2016 đến năm 2018) và đạt 82% đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2019. Tỷ lệ này khá tương đồng với ngành XHH tại trường KHXHNV (đại học Quốc Gia Hà Nội): có năm cao hơn, có năm thấp hơn nhưng không nhiều. Sinh viên tốt nghiệp các khoá gần đây đều phản hồi tốt về khả năng kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu công việc, đặc biệt sinh viên khoá tốt nghiệp năm 2019 (điều tra vào năm 2020 sau một năm tốt nghiệp): có hơn 80% ý kiến cho rằng kỹ năng, kiến thức đáp ứng phần lớn công việc.

Mặc dù tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm cao, tuy nhiên vẫn còn có những sinh viên làm trái ngành đào tạo. Kết quả khảo sát gần nhất vào năm 2020 (đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2019) cho thấy một trong những lý do quan trọng sinh viên chưa làm đúng ngành do: cơ hội việc làm đúng ngành nghề thấp, mặt khác có đến 35% sinh viên muốn thử sức ở những công việc với nhiều cơ hội hơn, mức lương hấp dẫn hơn, đồng thời một tỷ lệ đáng chú ý (20%) sinh viên chưa muốn đi làm và vẫn đang tiếp tục học cao hơn, học thêm các kỹ năng cơ bản khác để tăng cơ hội được tuyển dụng vào vị trí mong muốn.

Để tăng tỷ lệ sinh viên có việc làm và việc làm đúng ngành đào tạo sau, Học viện, Khoa chủ quản và các bộ phận chức năng đã tổ chức nhiều cuộc họp, hội nghị để thảo luận phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khắc phục. Các giải pháp được đề xuất để giúp tăng tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp được đề xuất, đã và đang đưa vào thực hiện như sau:

- Tổ chức các tọa đàm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho sinh viên

[H11.11.03.06]

- Dẫn các đường link tuyển dụng sinh viên chuyên ngành XHH về trang thông tin của khoa và sinh viên khoa, Giới thiệu các đơn vị, cơ sở tuyển dụng chuyên ngành XHH trên trang thông tin truyền thông của khoa để sinh viên tìm hiểu, trang bị thêm các kiến thức và kỹ năng mềm phù hợp với yêu cầu nhà tuyển dụng nhằm chuẩn bị tốt cho quá trình tham gia tuyển dụng khi tốt nghiệp [H11.11.03.07]

- Tăng cường giới thiệu và dẫn sinh viên đến các cơ sở tuyển dụng chuyên ngành XHH trong các đợt thực tập chính trị xã hội, kiến tập, thực hành, thực tập tốt nghiệp để sinh viên làm quen và bồi dưỡng các kỹ năng thực tế cần thiết. [H11.11.03.08]

- Tăng cường cơ hội sinh viên toàn trường tham gia các khoá bồi dưỡng kỹ năng mềm nhằm tăng cơ hội có việc làm cho sinh viên sau khi ra trường [H11.11.03.09].

- Đưa các thông tin tuyển dụng có liên quan đến ngành đào tạo của HVBC&TT lên các mục thông tin phù hợp (ví dụ như tuyển dụng) tại trang web của HVBC&TT để sinh viên chuẩn bị ra trường và cựu sinh viên tiếp cận và tham gia tuyển dụng [H11.11.03.10].

2. Điểm mạnh

Học viện và Khoa đào tạo luôn chú trọng đến tăng cường kiến thức, kỹ năng và cơ hội nghề nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên ngành XHH rèn luyện kỹ năng thông qua nhiều môn học chính thức, hoạt động ngoại khoá, tiếp xúc với thông tin tuyển dụng và nhà tuyển dụng để định hướng tăng cường bồi dưỡng thêm các năng lực, kỹ năng và kiến thức đáp ứng các nhu cầu tuyển dụng khác nhau, tăng cường cơ hội việc làm và thích ứng với môi trường làm việc ngay sau khi ra trường.

Tỷ lệ sinh viên ngành XHH ra trường hài lòng với kiến thức, kỹ năng được đào tạo tương đối cao, tỉ lệ có việc làm sau 1 năm là cao, luôn ở mức trên 80% (trong tổng số sinh viên đã tốt nghiệp).

3. Tồn tại

Do việc liên lạc với sinh viên đã ra trường còn gặp nhiều khó khăn (sinh viên thay đổi điện thoại, hòm thư liên lạc), do vậy thông tin khảo sát sinh viên đã ra trường thu nhận được còn chưa đầy đủ.

Khoa và các bộ phận chức năng của trường chưa có được đầy đủ thông tin về vị trí làm việc, mức thu nhập trung bình... của sinh viên sau tốt nghiệp, vẫn còn một số sinh viên sau khi ra trường không liên lạc được để tìm hiểu thông tin về việc làm, do

vậy dẫn đến thông tin về việc làm đúng ngành nghề chưa thật đầy đủ và chính xác hoàn toàn. Ngoài ra, tỉ lệ sinh viên ra trường làm trái ngành trong những năm gần đây có xu hướng tăng cao trong kết quả khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, TTKT&KĐCLĐT sẽ phối hợp chặt chẽ với Khoa XHH&PT cùng với mạng lưới cựu sinh viên, phòng CTCT và hỗ trợ sinh viên nhằm tập hợp được thông tin và số liệu đầy đủ hơn về sinh viên ngành XHH sau khi tốt nghiệp, trong đó đặc biệt thông tin về việc làm, khả năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn, kỹ năng của sinh viên ra trường. Trên cơ sở thông tin đầy đủ, phản ánh chính xác hơn kết quả đầu ra của ngành XHH, các bên liên quan sẽ phân tích cơ sở dữ liệu qua các năm, từ đó có được những giải pháp hiệu quả trong cải tiến chương trình dạy và học.

Khoa đào tạo sẽ phối hợp với TTKT&KĐCLĐT xác định lại quan điểm “làm việc đúng ngành đào tạo”, từ đó triển khai cụ thể trong phiếu khảo sát, tránh hiểu lầm, đồng thời phù hợp với xu thế mới hiện nay (làm việc liên ngành, làm việc đa dạng vị trí gắn với ngành đào tạo và có thể vận dụng kiến thức được đào tạo trong công việc).

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của sinh viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên nhằm giúp sinh viên làm quen với phương pháp và tư duy khoa học, vận dụng tổng hợp những kiến thức đã học để bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra. NCKH sinh viên cũng là cơ hội để sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tiễn, tập dượt và trải nghiệm vai trò, trách nhiệm đóng góp và vận dụng kiến thức mang tính lý luận, lý thuyết vào giải quyết các bài toán thực tiễn.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của NCKH trong sinh viên, HVBC&TT nói chung và Khoa XHH & PT nói riêng đã rất quan tâm đầu tư, phát triển NCKH trong sinh viên đa dạng về loại hình, chú trọng chất lượng nghiên cứu. Cụ thể, hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên cũng như của sinh viên HVBC&TT được xem là một nội dung quan trọng của chiến lược phát triển HVBC&TT và là trách nhiệm của giảng

viên tham gia hướng dẫn khoa học sinh viên [H11.11.04.01]. Đây cũng là một nội dung trọng tâm được đề cập đến trong Chiến lược phát triển khoa XHH&PT đến năm 2030 và tầm nhìn 2050 [H11.11.04.02].

Ngoài ra hoạt động NCKH của giảng viên, cán bộ và sinh viên HVBC&TT, bao gồm cả năng lực nghiên cứu và khen thưởng, kỷ luật ... được quy định cụ thể trong Quy chế quản lý hoạt động khoa học ban hành vào năm 2011 và "Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của HVBC&TT" ban hành năm 2017 [H11.11.04.03], [H11.11.04.04].

Hàng năm Ban QLKH xây dựng kế hoạch NCKH sinh viên và ra thông báo về các khoa chủ quản. Lãnh đạo khoa và hội đồng khoa học khoa họp và đưa ra các định hướng các đề tài NCKH cho sinh viên, đồng thời lắng nghe đề xuất từ các nhóm sinh viên mong muốn tham gia NCKH: chủ đề nghiên cứu, hướng nghiên cứu, giáo viên hướng dẫn. Trên cơ sở đó, hội đồng khoa học khoa sẽ xét duyệt các đề xuất nghiên cứu từ sinh viên, đồng thời phân công giảng viên hướng dẫn các nhóm nghiên cứu. Bản đề xuất các đề tài NCKH sinh viên ngành XHH sẽ được lãnh đạo khoa gửi lên Ban QLKH. Trên cơ sở đề xuất của khoa, Ban QLKH cùng với nhà trường sẽ xét duyệt, ra quyết định và gửi danh sách các đề tài NCKH sinh viên về khoa, thông báo đến sinh viên và giáo viên hướng dẫn. [H11.11.04.05]. Nhà trường luôn dành sự quan tâm đến NCKH sinh viên, dành một khoản kinh phí nhất định trích từ nguồn thu học phí đầu tư cho các NCKH sinh viên. Kinh phí nhà trường đầu tư cho NCKH sinh viên luôn có xu hướng tăng, năm sau cao hơn so với năm trước trong 5 năm gần đây [H11.11.04.06].

Trong giai đoạn 2016 – 2020, đã có 8 đề tài NCKH sinh viên ngành XHH làm chủ nhiệm tham gia NCKH sinh viên với 33 sinh viên tham gia. Ban QLKH kết hợp với khoa chủ quản thông qua thư ký khoa học và chủ tịch hội đồng khoa học khoa, giáo viên trực tiếp hướng dẫn cùng hỗ trợ, thông tin, đôn đốc theo dõi, giám sát và tư vấn NCKH cho sinh viên kịp thời, hiệu quả trước, trong và sau khi thực hiện đề tài, xã hội hoá kết quả nghiên cứu [H11.11.04.07]. Một số các thống kê chỉ số NCKH được rút ra đối sánh với ngành Triết học (HVBC&TT) như sau [H11.11.04.08]:

Bảng 11.9: Đối sánh sinh viên tham gia NCKH giai đoạn 2016 - 2020 đối sánh giữa ngành XHH và Triết học

	Các chỉ số	XHH	Triết
1	Số lượng sinh viên tham gia	33 sinh viên	27 sinh viên
2	Số đề tài nghiên cứu	8 đề tài	7 đề tài

Các nhóm sinh viên NCKH của ngành XHH thuộc Khoa XHH & PT luôn hoàn thành đúng tiến độ, bảo vệ đúng thời hạn, đặc biệt được hội đồng nghiệm thu đánh giá cao về phương pháp nghiên cứu tin cậy và khả năng áp dụng các giải pháp vào thực tiễn cũng như làm tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu, học tập, giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành các khoá sau. Đề tài NCKH của sinh viên năm học 2016 - 2017 tham dự giải thưởng sinh viên NCKH và đoạt giải 3 toàn quốc. Để khuyến khích và cổ vũ tinh thần NCKH của sinh viên, Học viện cũng đã kịp thời có quyết định khen thưởng thành tích của nhóm sinh viên đoạt giải nhằm khích lệ tinh thần và lan toả tình yêu khoa học trong sinh viên [H11.11.04.09].

Để nâng cao chất lượng NCKH trong sinh viên phù hợp với yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển và phù hợp với năng lực, nhu cầu sinh viên, hàng năm Học viện có tổ chức hội nghị khoa học sinh viên với sự tham gia của các bên liên quan, phòng chức năng, lãnh đạo Học viện và đặc biệt là đại diện các nhóm sinh viên đã và sẽ tham gia NCKH. Hội nghị tổng kết công tác NCKH sinh viên, đồng thời trao đổi và lắng nghe những chia sẻ, đóng góp từ sinh viên và giáo viên hướng dẫn, đại diện lãnh đạo ban QLKH và từ đó cùng trao đổi giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng và thu hút đông đảo sinh viên tham gia NCKH [H11.11.04.10].

Kết quả khảo sát sinh viên ngành XHH về hoạt động NCKH từ 2018 đến nay cho thấy tỉ lệ sinh viên cuối khoá hài lòng với cơ hội tham gia NCKH có xu hướng tăng lên: từ 58,3% vào năm 2018 lên đến 75% vào năm 2019 và 69% vào năm 2020 [H11.11.04.11].

2. Điểm mạnh

Các quy định liên quan đến hoạt động NCKH sinh viên được ban hành đầy đủ, rõ ràng.

Sinh viên ngành XHH yêu thích và hứng thú với tham gia NCKH, năm nào cũng có ít nhất 1 nhóm sinh viên đăng ký tham gia NCKH với các chủ đề nghiên cứu đa dạng, kết quả nghiên cứu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao, được hội đồng nghiệm thu đánh giá tích cực.

Kinh phí đầu tư cho NCKH sinh viên liên tục tăng nhằm góp phần khuyến khích và nâng cao chất lượng NCKH trong sinh viên.

3. Tồn tại

Nguồn kinh phí dành cho đề tài NCKH sinh viên mặc dù đã được cải thiện và liên tục tăng trong những năm gần đây, tuy nhiên thực chất vẫn còn hạn chế, đặc biệt với nghiên cứu xã hội học rất tốn kém trong quá trình thu thập thông tin.

Sinh viên ngành XHH vẫn chủ yếu tham gia vào NCKH ở phạm vi trong trường, với nguồn kinh phí còn hạn chế của trường mà chưa chủ động tìm kiếm các nguồn kinh phí cũng như các nghiên cứu bên ngoài trường.

Nguồn kinh phí mặc dù có cải thiện nhiều so với những năm trước đây nhưng vẫn còn hạn chế do vậy chưa khuyến khích sinh viên đăng ký và thực hiện những đề tài NCKH có quy mô và có tầm ảnh hưởng.

Khoa chưa tiến hành đối sánh kết quả NCKH của sinh viên với các sinh viên cùng ngành đào tạo tại cơ sở đào tạo khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, khoa XHH&PT sẽ tăng cường tư vấn và thông tin, tư vấn sớm đến sinh viên về hoạt động NCKH thông qua CVHT để sinh viên có nhiều thời gian tìm hiểu và chuẩn bị cho việc thành lập nhóm nghiên cứu, chuẩn bị ý tưởng nghiên cứu.

Từ năm 2021, khoa XHH&PT sẽ lên kế hoạch kết hợp với đoàn thành niên lấy ý kiến sinh viên về thành lập CLB NCKH sinh viên nhằm tăng cường trao đổi, chia sẻ và học hỏi giữa sinh viên, cựu sinh viên và giảng viên về phương pháp và kinh nghiệm NCKH. Bên cạnh đó câu lạc bộ NCKH sinh viên cũng sẽ định hướng và hỗ trợ tìm kiếm nguồn lực NCKH sinh viên bên ngoài trường nhằm tăng cơ hội nhiều sinh viên cùng được tham gia NCKH. Khoa sẽ động viên GV tìm kiếm các nguồn tiền hay đề tài để cho SV tham gia nghiên cứu, đặc biệt các đề tài có tính ứng dụng trong thực tiễn

Khoa chủ quản kết hợp với TTKT&KĐCLĐT chủ động liên kết và chia sẻ thông tin với các trường khác cùng đào tạo ngành XHH để có thêm các thông tin đối sánh về

NCKH sinh viên, từ đó học hỏi thêm những biện pháp thúc đẩy NCKH trong sinh viên đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

Nhằm đáp ứng yêu cầu về đảm bảo chất lượng đào tạo, trong đó bao gồm việc đánh giá khách quan và thường xuyên mức độ hài lòng của các bên liên quan, Học viện đã thành lập TTKT&KĐCLĐT (tháng 1/5//2012) theo quyết định số 876/QĐ-HVCT-HVQG. Trung tâm là đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo, đồng thời, chức năng, nhiệm vụ của TTKT&KĐCLĐT cũng được quy định cụ thể có liên quan đến trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan phục vụ công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục [H11.11.05.01]. Ngoài ra, Học viện ban hành quy định về xây dựng CTĐT trong đó có quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan quy định về xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT vào năm 2018. [H10.10.01.02], [H10.10.01.03].

Học viện đã ban hành Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo, quy định rõ các nội dung, mục đích, đối tượng, quy trình lấy ý kiến phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan. Từ năm 2018, công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Học viện đã được triển khai một cách đồng bộ, hệ thống: Học viện đã ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục, trong đó xác định rõ hệ thống ĐBCL của Học viện, các nội dung ĐBCL và mức độ hài lòng của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, cán bộ, nhân viên, nhà tuyển dụng lao động được xác định, đối sánh và làm căn cứ cải tiến chất lượng [H10.10.06.04]. Hàng năm Học viện triển khai các loại hình khảo sát nhằm đo lường mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của các bên liên quan, bao gồm; [H10.10.06.05]

1. Khảo sát sinh viên theo học kỳ về chất lượng giờ giảng, môn học [H11.11.05.06]:

Nội dung: Mục tiêu, CĐR của học phần, nội dung học phần, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong học phần, cơ sở vật chất phục vụ học phần.

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên đang theo học tại HVBC&TT

Phương pháp: Được thực hiện qua phần mềm QLĐT.

Thời điểm: hàng kỳ.

2. Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo **[H11.11.04.11.DC]**:

Nội dung: CĐR, nội dung, cấu trúc CTDH, phương pháp dạy học, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, cơ sở vật chất (thư viện, phòng học, phòng thực hành, KTX, CNTT, trang thiết bị dạy học, v.v), môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên trước khi tốt nghiệp

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Kết thúc năm học

3. Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách **[H11.11.05.07]**

Nội dung: CTDH, cơ sở vật chất, hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, hoạt động hỗ trợ đào tạo, môi trường dạy học, đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, chế độ chính sách, thi đua khen thưởng, v.v.

Đối tượng: Toàn bộ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện

Phương pháp: Sử dụng Google form, gửi phiếu qua email

Thời điểm: Hàng năm

4. Khảo sát cựu sinh viên **[H11.11.05.08]**

Nội dung: Mức độ đáp ứng CĐR, tình trạng việc làm, CTĐT

Đối tượng: Toàn bộ sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

5. Khảo sát nhà tuyển dụng **[H11.11.05.09]**

Nội dung: Chất lượng sinh viên tốt nghiệp, nhu cầu tuyển dụng, khả năng tiếp cận thông tin về CTĐT.

Đối tượng: Các nhà tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đúng ngành hoặc gần ngành

Phương pháp: Gọi điện thoại, gửi phiếu qua email, gửi phiếu trực tiếp

Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi được thực hiện như sau [H11.11.05.02 DC]: Trung tâm Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo là đầu mối xây dựng Kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục năm học, kế hoạch khảo sát phản hồi các bên liên quan; xây dựng mẫu phiếu khảo sát; ban hành thông báo khảo sát; tổ chức khảo sát các bên liên quan với các phương thức gọi điện, gửi phiếu qua email, gửi

phiếu trực tuyến qua phần mềm QLĐT.

+ Các Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn tham gia và phối hợp thực hiện các hoạt động khảo sát thu thập thông tin phản hồi bao gồm các nội dung công việc: Phát hành thông báo tiến hành khảo sát tới các đối tượng khảo sát. Riêng đối với khảo sát sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng thì Khoa chịu trách nhiệm lập danh sách sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng, phát và thu phiếu khảo sát gửi TTKT&KĐCLĐT để xử lý số liệu và viết báo cáo. Từ năm 2020, việc lấy dữ liệu khảo sát của sinh viên tốt nghiệp chuyển từ Khoa sang TTKT&KĐCLĐT.

+ Các phiếu khảo sát được TTKT&KĐCLĐT rà soát và loại bỏ các phiếu không đảm bảo tính tin cậy. Số liệu sau khi được nhập được làm sạch và chủ yếu được xử lý đơn giản trên MS Excel lấy ra các kết quả thống kê phản hồi. Kết quả khảo sát được phân tích định lượng theo thống kê mô tả (bao gồm tỉ lệ % và mức trung bình) và định tính (Phân tích các nội dung đề xuất, góp ý của các bên liên quan). Các số liệu thống kê mô tả (Tỉ lệ % hài lòng và mức trung bình) là cơ sở để đối sánh kết quả khảo sát giữa các đối tượng và qua các năm. Trên cơ sở đó, TTKT&KĐCLĐT viết báo cáo tổng hợp kết quả, báo cáo lãnh đạo Học viện và phản hồi tới các Khoa, phòng, ban.

Dưới đây là một số số liệu trích dẫn từ các cuộc khảo sát:

Về mức độ hài lòng của sinh viên đối với CTĐT, kết quả khảo sát đối với sinh viên cuối khoá tổng hợp từ năm 2017 đến năm 2020 ở bảng dưới đây. Điểm số đánh giá về mức độ hài lòng chạy từ 1 đến 5 (tương ứng 1 là rất không hài lòng; 2. Không hài lòng; 3. Trung bình; 4. Hài lòng; 5 rất hài lòng). Kết quả dưới đây được tổng hợp tỉ lệ sinh viên trả lời hài lòng và rất hài lòng (mức 4 và 5) cũng như điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với từng tiêu chí.

Bảng 11.10: Thống kê mức hài lòng của sinh viên về CTĐT (Kết quả KS sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo) [H11.11.04.11 DC]

NỘI DUNG	2018		2019		2020	
	Tỉ lệ	Điểm TB/5 điểm	Tỉ lệ	Điểm TB/5 điểm	Tỉ lệ	Điểm TB/5
1. Kết quả đầu ra	65.8	3.84	77.4	3.90	74.90	3.90
2. CTĐT	55	3.66	74.7	3.90	73.10	3.90
3. Phương pháp dạy học	68.7	4	79.70	3.90	80.80	4.00
4. Kiểm tra đánh giá	55.6	3.59	76.6	3.80	77.40	3.90

5. Cơ sở vật chất	67.1	3.82	77.8	3.90	80.40	4.10
6. Hoạt động hỗ trợ đào tạo	52.8	3.62	74.1	3.90	74.10	3.90
7. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo	50.3	3.6	77.7	3.90	86.20	4.20
Đánh giá chung về CTĐT	61.1	3.72	84.4	4.00	84.60	4.00

Kết quả đánh giá tổng hợp ở bảng trên cho thấy trong giai đoạn từ 2018 đến 2020 đánh giá của sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo các mặt đều ở mức tích cực và có xu hướng được cải thiện qua các năm, trong đó cải thiện rõ rệt nhất là mức độ hài lòng của sinh viên với CTĐT, hình thức kiểm tra đánh giá và hoạt động hỗ trợ đào tạo cũng như đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo.

Bảng 11.11: Thống kê mức hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp (Năm khảo sát 2020 (số lượng NTD: 19) [H11.11.05.09]

NỘI DUNG	2020	
	Tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng	Điểm TB/ tổng 5 điểm
Kiến thức chuyên ngành	100	4.27
Kỹ năng chuyên ngành	100	4.21
Kiến thức nền tảng	92	4.2
Kỹ năng chung	98	4.28
Phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ	100	4.33
Mức độ hài lòng tổng thể	100	4.33

Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng cho thấy nhà tuyển dụng có mức độ hài lòng rất cao đối với kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của lao động được tuyển dụng là cựu sinh viên ngành XHH thuộc HVBC&TT, với tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng đều đạt trên 90%

Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của cựu sinh viên về CTĐT (đánh giá sau 12 tháng ra trường), số liệu thu thập được đối với phản hồi cựu sinh viên XHH 33 (ra trường năm 2017 và khảo sát năm 2018), XHH 34 (ra trường năm 2018 và khảo sát năm 2019), XHH 35 (ra trường năm 2019 và khảo sát năm 2020) (ra trường năm 2019 và đánh giá sau 12 tháng ra trường) được thể hiện ở bảng dưới đây;

Bảng 11.12: Thống kê mức độ hài lòng của cựu sinh viên về CTĐT
[H11.11.05.08].

NỘI DUNG	XHH 33	XHH 34	XHH 35
	Điểm TB/ tổng 5 điểm	Điểm TB/ tổng 5 điểm	Điểm TB/ tổng 5 điểm
1. Đánh giá về mức độ đáp ứng mục tiêu của CTĐT với nhu cầu của thị trường lao động	chưa đánh giá	chưa đánh giá	3.6
2. Đánh giá về chuẩn đầu ra CTĐT	3,84	3,9	3.6
3. Đánh giá về nội dung CTĐT	3,66	3,9	3.6
4. Đánh giá về cấu trúc CTĐT	chưa đánh giá	chưa đánh giá	3.4
5. Đánh giá về Phương pháp dạy học	4	3,9	3.7
6. Đánh giá về công tác Kiểm tra đánh giá	3,59	3,8	3.6
7. Đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	3,82	3,9	3.6
8. Đánh giá về đội ngũ nhân viên phục vụ đào tạo	3,6	3,9	3.6
9. Đánh giá về hoạt động hỗ trợ đào tạo	3,62	3,9	3.6
10. Đánh giá về Hoạt động hỗ trợ việc làm	chưa đánh giá	chưa đánh giá	3.4
Đánh giá chung về CTĐT	3,72	4	3.6

Nhìn chung CTĐT của ngành XHH luôn nhận được phản hồi tích cực từ cựu sinh viên về các mặt đánh giá, với điểm trung bình đánh giá luôn đạt ở mức 3,5 điểm trung bình/5 điểm trở lên, trong đó phương pháp dạy học của đội ngũ giảng viên luôn nhận được đánh giá ở mức tích cực với điểm số trung bình cao nhất.

Kết quả khảo sát sinh viên về chất lượng dạy học các học phần được lưu trữ và công bố trên phần mềm QLĐT. Giảng viên được cấp tài khoản và mật khẩu truy cập để tiếp cận kết quả và sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh cải tiến chất lượng dạy học, ngoài ra kết quả cũng được gửi về khoa chủ quản để giảng viên có thể tiếp cận thông tin từ khảo sát.

Ngoài kênh thông tin từ các cuộc khảo sát, Học viện cũng sử dụng các hình thức khác để thu thập thông tin về sự hài lòng của các bên liên quan như: tổ chức các cuộc đối thoại với sinh viên, hội nghị cán bộ công nhân viên chức:

Hàng năm, Học viện tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với sinh viên toàn trường [H11.11.05.10]. Hàng tháng khoa chủ quản họp phản ánh sinh viên với đại diện các lớp, CVHT các lớp và lãnh đạo khoa lắng nghe phản hồi của sinh viên liên quan

đến chất lượng CTĐT và đưa ra giải pháp để nâng cao chất lượng CTĐT [H11.11.05.11], [H11.11.05.12]. Cán bộ, giảng viên, nhân viên cũng được bày tỏ ý kiến về cơ sở vật chất, chế độ chính sách thông qua các cuộc họp hội nghị CNVC của khoa và hội nghị công nhân viên chức cuối năm của nhà trường [H11.11.05.13], [H11.11.05.14].

Các kết quả khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khoá, giảng viên, nhân viên, cựu sinh viên, và nhà tuyển dụng được chuyển về khoa, phòng ban làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến chất lượng CTDH. Khoa sử dụng kết quả khảo sát phục vụ rà soát, cập nhật CTĐT trên tinh thần lắng nghe ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.15].

Trong giai đoạn đánh giá, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, Học viện đã thực hiện cải tiến, nâng cấp cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Học viện cũng đã liên tục bổ sung kinh phí đầu tư nhằm cải tiến chất lượng phòng học, phòng thực hành, thư viện, cơ sở vật chất khác nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học trong thời gian qua [H11.11.05.16].

2. Điểm mạnh

Đã xác lập được hệ thống các bên liên quan, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan, trong đó thường xuyên thu thập phản hồi về sự hài lòng của các bên liên quan thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Mức độ hài lòng của nhiều bên liên quan: sinh viên (hiện đang học và đã tốt nghiệp ra trường), giảng viên, cán bộ phòng ban, đơn vị sử dụng lao động được thu thập, giám sát và đối sánh giữa các năm nhằm có căn cứ điều chỉnh CTDH trong trường hợp cần thiết.

Sự hài lòng của các bên liên quan được đánh giá ở nhiều mặt, nhiều nội dung, đảm bảo thu thập được ý kiến phản hồi chi tiết, đa chiều và chính xác nhất.

3. Tồn tại

Ý kiến phản hồi về sự hài lòng của nhà tuyển dụng còn hạn chế, do chưa thu thập đầy đủ địa chỉ của các nhà tuyển dụng. Mặc dù cũng đã có nhiều hình thức khuyến khích nhà tuyển dụng tham gia trả lời (email, gọi điện ...) nhưng số lượng nhà tuyển dụng tham gia vào khảo sát đánh giá mức độ hài lòng còn hạn chế.

Nhiều sinh viên sau khi ra trường thay đổi số điện thoại và địa chỉ email, do vậy tiếp cận nhóm này còn gặp khó khăn và chưa tiếp cận để lấy thông tin khảo sát của 100% cựu sinh viên.

Học viện, khoa chưa tiến hành đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan

đối với CTĐT cùng ngành của các cơ sở khác do chưa có nguồn số liệu đối sánh.

4. Kế hoạch hành động

Khoa lên kế hoạch xây dựng và đưa vào hoạt động mạng lưới cựu sinh viên hiệu quả hơn nhằm duy trì mối liên hệ với cựu sinh viên và thu hút đầy đủ cựu sinh viên tham gia vào các khảo sát định kỳ.

Từ năm học 2021, căn cứ vào kết quả khảo sát từ các bên liên quan, TTKT&KĐCLĐT cần sớm có báo cáo tổng hợp những kết quả nổi bật gửi cho lãnh đạo và các khoa, phòng liên quan qua đường thông tin trực tiếp (gửi văn bản về các khoa, phòng ban). Trên cơ sở nghiên cứu kết quả khảo sát, khoa, phòng ban cần có những phản hồi về kết quả, có kế hoạch hành động khắc phục những hạn chế được phản ánh trong các phản hồi một cách cụ thể, chi tiết hơn

Lên kế hoạch thực hiện đối sánh các kết quả khảo sát giữa các ngành trong trường và giữa cùng ngành đào tạo nhưng khác cơ sở đào tạo, từ đó có cái nhìn khách quan hơn về những ưu điểm và hạn chế của ngành đào tạo, đề xuất biện pháp khắc phục hiệu quả, triệt để.

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 11

Nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên từ nhiều bộ phận cho sinh viên số lượng sinh viên thôi học /bảo lưu và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp luôn được cán bộ lãnh đạo, CVHT và giảng viên trong khoa nắm rõ, ưu tiên tìm các biện pháp khắc phục trước mắt và lâu dài.

Sinh viên tích cực tham gia hoạt động NCKH, tham gia các đề tài NCKH, sinh viên sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu thực tế, nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với thực tiễn và nhận được phản hồi tích cực từ các nhà tuyển dụng.

Học viện đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Mức độ hài lòng của các bên liên quan đã được Học viện, Khoa ghi nhận, giám sát việc thực hiện phản hồi thông tin, đưa ra những kế hoạch điều chỉnh để cải tiến chất lượng

Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí, cả 5 tiêu chí đều đạt, điểm trung bình 5/7

KẾT LUẬN

Việc triển khai công tác tự đánh giá CTĐT có ý nghĩa quan trọng, đây là dịp để Khoa XHH&PT - HVBC&TT đánh giá chất lượng các hoạt động của Nhà trường, của Khoa. Qua đó thấy được mặt mạnh mặt yếu, mặt tồn tại trong công tác quản lý, đào tạo, các hoạt động chuyên môn của Khoa. Trên tinh thần đó, Nhà trường đã ban hành quyết định số 5062/ QĐ-HVBC&TT ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc thành lập Hội đồng TĐG CTĐT ngành XHH. Việc tiến hành công tác tự đánh giá CTĐT được thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định đảm bảo kết quả đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành XHH. Cụ thể:

Những điểm mạnh của CTĐT ngành XHH

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của HVBC&TT được thể hiện trong các văn bản của khoa, của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật GDĐH và kết quả khảo sát các bên liên quan. Mục tiêu của CTĐT ngành XHH đã xác định rõ ràng các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và nhấn mạnh chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về cử nhân có chuyên môn về nghiên cứu, điều tra XHH. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin, nhận hỗ trợ từ phía giảng viên hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân. CDR được xây dựng, rà soát, sửa đổi, điều chỉnh 2 năm 1 lần có sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, SV và bên liên quan theo định kỳ và được công bố công khai, rộng rãi qua các hình thức và phương tiện khác nhau như trên trang web của trường, trang fanpage của Khoa để các đối tượng thí sinh tiềm năng, SV của Khoa ngay từ năm thứ nhất nắm được.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật theo đúng hướng dẫn của BGD&ĐT và được khoa xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật 2 năm một lần với đầy đủ thông tin về CTĐT. Ma trận tích hợp các khối kiến thức, các học phần và CDR của chương trình được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT. Đề cương các học phần (đề cương môn học) trong CTĐT cũng được định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật. Mục tiêu của đề cương học phần hướng tới CDR trong CTĐT ngành XHH và phù hợp với CDR được các định

cho mỗi học phần và được công bố rộng rãi, công khai. Bản mô tả CTĐT, đề cương môn học được công bố công khai bằng nhiều hình thức và phương pháp đa dạng và các bên liên quan đều dễ dàng tiếp cận.

CTDH ngành XHH được thiết kế phù hợp với mục tiêu và CĐR của ngành về kiến thức, kỹ năng, thái độ (năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm). Chương trình có cấu trúc rõ ràng, hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo sự cân đối giữa giờ tự học và giờ trên lớp nhằm đạt được CĐR trong CTĐT. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được Khoa XHH&PT và giảng viên trực tiếp phụ trách học phần thực hiện theo hướng dẫn và theo phương pháp giảng dạy trong từng học phần. CTDH ngành XHH có cấu trúc rõ ràng, hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo sự logic về cấu trúc cho phép SV có khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất. CTDH được xây dựng, rà soát, điều chỉnh, cập nhật và có tính tích hợp dựa trên kết quả đánh giá của các bên liên quan (người học, nhà tuyển dụng, các chuyên gia) và tham khảo, cập nhật CTĐT của các trường có uy tín

Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng thể hiện hiện trong chiến lược phát triển của khoa dựa trên chiến lược phát triển Học viện và được thể hiện rõ trong phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, các hoạt động nghiên cứu khoa học của SV và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học đa dạng, linh hoạt, có nhiều phương pháp dạy học tích cực, nhằm đạt được CĐR của CTĐT. Các hoạt động dạy và học có tính định hướng cao phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học như đã công bố. Khoa tích cực động viên SV tích cực học tập, tham gia nghiên cứu khoa học và các hoạt động ngoại khóa nhằm thực hành, thực tập thúc đẩy khả năng học tập suốt đời của người học đồng thời tạo cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp cho SV sau khi tốt nghiệp.

Việc tổ chức đào tạo theo tín chỉ giúp cho cách đánh giá học phần được thông báo rộng rãi, tạo chủ động cho người học, đồng thời giúp cho giảng viên có kế hoạch đánh giá và kiểm tra cho phù hợp với từng loại học phần. Công tác đánh giá kết quả học tập thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra đánh giá, được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần, phù hợp với mức độ CĐR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành XHH là rõ ràng và được thông báo công khai tới

người học đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo. Nhà trường đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến việc công bố kết quả chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; đồng thời tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ nên đã hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp. Học viện đã ban hành quy trình giải quyết khiếu nại rõ ràng và công khai tới người học thông qua nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên của khoa đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý đáp ứng được yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác. Đội ngũ này được quy hoạch (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng và được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định. Việc phân công nhiệm vụ đảm bảo chính xác, phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, thành tích học thuật và kỹ năng của giảng viên. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận sự đóng góp của mỗi cá nhân tạo động lực phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ chẳng hạn như Học viện có nhiều cách thức đánh giá năng lực cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên ở nhiều cấp độ khác nhau đồng thời có chính sách công nhận, đãi ngộ, nhằm tạo động lực và hỗ trợ đào tạo, khuyến khích đội ngũ hỗ trợ đào tạo, giảng viên, nghiên cứu viên giảng dạy và NCKH cũng như hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ SV/GV đảm bảo theo quy định để đảm bảo chất lượng của quá trình đào tạo. Nhiều giảng viên tham gia vào nhiều loại hình NCKH khác nhau từ đề tài cấp Bộ, cấp cơ sở đến những đề tài phục vụ sản xuất. Tất cả các giảng viên đều tham gia viết xuất bản các bài báo trong các tạp chí, hội nghị có uy tín cả trong và ngoài nước. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ thư viện, phòng thực nghiệm, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT.

Hàng năm công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai trong toàn xã hội. Chính sách tuyển sinh có tính lượng hóa với việc quy định cụ thể về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh giúp ngành XHH có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển với chất lượng tốt. Nhà trường và Khoa đã có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành XHH trên cơ sở góp ý của các bên liên quan. Trong quá trình học tập tại trường, ngoài việc học tập theo CTĐT, Nhà trường, Khoa đã có nhiều hoạt động

ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Do vậy người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

Cơ sở vật chất, thiết bị của Học viện ngày càng được đầu tư theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và thoải mái cho cá nhân người học. Số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng chức năng hiện có với các trang thiết bị phù hợp và luôn được cải tạo sửa chữa đã đáp ứng tốt, có hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH,... của Nhà trường nói chung và ngành XHH nói riêng. Ngoài ra, Trung tâm Thông tin Thư viện có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú. Hàng năm nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của các ngành đào tạo trong đó có ngành XHH.

Kết quả đầu ra của người học được đảm bảo chất lượng tốt. Khoa cũng đã giám sát việc đạt CDR, phối hợp với Trung tâm khảo thí và kiểm định chất lượng thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp thời gian hoàn thành chương trình học, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp (sau 6 tháng, 1 năm, 2 năm... thông qua các kênh khác nhau),... với kết quả khả quan. Bên cạnh đó, các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu CDR của CTĐT ngành, phù hợp với các hướng nghiên cứu ưu tiên của Học viện và được lên kế hoạch hàng năm, cũng như được tạo mọi điều kiện khuyến khích, hỗ trợ thực hiện đề tài. Ngoài ra, Học viện, Trung tâm KT & KĐCLĐT phối hợp cùng khoa đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan, là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến đảm bảo chất lượng đào tạo ngành QHQT.

Khoa XHH&PT và giáo viên cố vấn học tập có kinh nghiệm, nhiệt tình và luôn hỗ trợ kịp thời cho sinh viên, tạo điều kiện cho SV hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo. Việc phản hồi trực tiếp của SV được chú trọng ghi nhận từng tháng thông qua cuộc họp phản ánh SV định kỳ hàng tháng với sự có mặt của đại diện BCN khoa, cố vấn học tập các lớp, đại diện SV các lớp. Các vấn đề tồn đọng, nảy sinh được SV các lớp tổng hợp, nêu trực tiếp. Ngoài ra cố vấn học tập cũng có mặt báo cáo tình hình của lớp, các vấn đề tổng hợp từ họp lớp. Trên cơ sở đó lãnh đạo khoa đưa ra các biện pháp giải quyết triệt để.

Những tồn tại của CTĐT ngành XHH

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa lấy được nhiều ý kiến của các bên liên quan. Bên cạnh đó, CDR ngoại ngữ chuyên ngành của một số SV vẫn chưa đáp ứng công việc của nhà tuyển dụng. Chưa có điểm nhấn trong việc tuyên bố, phổ biến CDR CTĐT tới các bên liên quan.

Bản mô tả CTĐT quá dài dòng, quá chi tiết, nhiều thông tin trùng lặp với CTĐT. Hệ thống giáo trình in sách cần được tăng cường hơn, các tài liệu tham khảo quốc tế còn hạn chế đặc biệt các môn thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành. Việc phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần trên website chưa dễ dàng trong việc tìm kiếm thông tin làm giảm hiệu quả của công tác truyền thông.

Trọng số kiểm tra đánh giá trong đề cương chi tiết học phần hiện nay còn chưa hợp lý để đảm bảo CDR. Hoạt động tự học của SV ở một số học phần trong CTDH chưa phát huy được hết năng lực của sinh viên. Sự phối kết hợp phương pháp dạy học thực hành giữa các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp còn chưa cao dẫn tới việc SV đi thực hành môn học chưa phát huy hết kỹ năng được trang bị.

Việc phổ biến mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan chưa có điểm nhấn. Hạn chế về kinh phí nên việc đưa SV đi thực tế mới chỉ giới hạn tại những khu vực lân cận ở Hà Nội. Còn một bộ phận SV chưa tích cực tham gia vào hoạt động chung của Khoa và Học viện do yếu tố khách quan như việc SV vừa học vừa làm (làm thêm không đúng chuyên ngành, chuyên môn). Không gian lớp hơi nhỏ, bàn ghế còn cố định và không thuận tiện cho việc sử dụng đa dạng hoạt động giảng dạy áp dụng các phương pháp tích cực.

Tỷ lệ hình thức kiểm tra đánh giá trắc nghiệm cuối kỳ còn ít đặc biệt các môn đại cương. Trọng số điểm chuyên cần chưa hợp lý. Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được phổ biến công khai, đặc biệt giảng viên phổ biến trực tiếp vào đầu mỗi môn học, được đăng tải trên website của Học viện nhưng lượng truy cập vào website của người học còn hạn chế. Phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến chưa được phổ biến trong CTĐT. Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm trên phần mềm quản lý kết quả học tập bị nghẽn gây khó khăn cho người học. Phần mềm đào tạo chưa tích hợp được cảnh báo tồn đọng đối với người học. Vẫn còn một số SV chưa nắm rõ về các quy trình, các quy định về khiếu nại KQHT dẫn đến quá thời gian phúc tra, phúc khảo.

Về công tác cán bộ: Công tác quy hoạch còn chưa chú trọng đúng mức tới sự cân đối tỷ lệ nam/nữ giảng viên trong phạm vi Khoa và Nhà trường cũng như nguy cơ hẫng hụt đội ngũ GV có kinh nghiệm, có học hàm PGS. Việc thu hút các ứng viên có trình độ cao như Tiến sĩ còn gặp rất nhiều khó khăn do chưa có những chính sách ưu đãi trong tuyển dụng. Mặc dù tỷ lệ SV/GV đáp ứng đúng theo quy định, tuy nhiên xét một cách chi tiết thì tỷ lệ này còn có sự chênh lệch lớn giữa các ngành nghề đào tạo trong khóa, Ngoài ra, mặc dù số lượng GV có học vị TS có tăng nhưng, tỷ lệ GV có học hàm học vị PGS cần được bổ sung. Trong những năm gần đây, số lượng đề tài NCKH cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp Nhà nước còn ít, các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và chủ yếu là tập trung vào nhóm các GV đã từng được đào tạo ở nước ngoài.

Chính sách thu hút nhân viên hỗ trợ còn chưa rõ ràng. Nhiều vị trí nhân viên hỗ trợ trong Nhà trường còn do các giảng viên kiêm nhiệm như đội ngũ cố vấn học tập và vì vậy mức độ hỗ trợ người học là chưa thật sự sát sao do các cố vấn học tập vẫn phải thực hiện công tác giảng dạy tại trường.

Đối với người học: Chính sách tuyển sinh của ngành XHH vẫn còn một số tồn tại: hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo là Khoa XHH & PT chưa được chi tiết, đầy đủ. Quy trình giám sát tiến bộ học tập của người học còn chưa có sự phân định rõ ràng chức năng nhiệm vụ của Ban QLĐT và của Khoa. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về nhu cầu, nội dung và hình thức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ SV khác chưa được thực hiện đều đặn hàng năm.

Về cơ sở vật chất: Hệ thống bàn ghế trong các phòng học còn mang tính cố định nên chưa đáp ứng đầy đủ cho các hoạt động học tập nhóm, hoạt động học tập lấy người học làm trung tâm. Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức quốc tế, các NXB chưa được phát triển mạnh. Hệ thống mạng còn chưa đồng bộ nên việc truy cập còn khó khăn.

Hiện nay việc nắm bắt các thông tin về người học còn gặp nhiều khó khăn, chưa nắm bắt được những SV thôi học, tạm ngừng học đang làm gì, kế hoạch tiếp tục hoàn thành chương trình học của người học như thế nào vì vậy rất khó để hỗ trợ những đối tượng này. Cũng việc xác lập các thông tin với người học đã tốt nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn.

Thông tin công khai về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV cùng ngành XHH của

các cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế hạn chế công bố công khai, do vậy tính đối sánh còn hạn chế.

Tỷ lệ SV ngành XHH tốt nghiệp muộn so với thời gian chuẩn của CTĐT là 4 năm. Mặc dù điều này là được cho phép, tùy thuộc vào năng lực và kế hoạch học tập của sinh viên, tuy nhiên qua phân tích cho thấy các nguyên nhân phổ biến: SV còn gặp nợ một số môn học từ năm thứ nhất, thứ hai nhưng chưa bố trí học lại được do vướng/trùng với lịch học đã đăng ký cho các kỳ tiếp sau đó, lịch kiến tập, thực tập. Bản thân SV chưa chủ động đăng kí học lại, học cải thiện, bổ sung kiến thức để đạt CĐR dẫn đến nhiều SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, kéo dài thời gian học tập.

SV ngành XHH vẫn chủ yếu tham gia vào NCKH ở phạm vi trong trường, với nguồn kinh phí còn hạn chế của trường mà chưa chủ động tìm kiếm các nguồn kinh phí cũng như các nghiên cứu bên ngoài trường.

Ý kiến phản hồi về sự hài lòng của nhà tuyển dụng còn hạn chế, do chưa thu thập đầy đủ địa chỉ của các nhà tuyển dụng. Mặc dù cũng đã có nhiều hình thức khuyến khích nhà tuyển dụng tham gia trả lời (email, gọi điện...) nhưng số lượng nhà tuyển dụng tham gia vào khảo sát đánh giá mức độ hài lòng còn hạn chế.

Kế hoạch hành động

Mục tiêu của CTĐT cũng sẽ được Khoa tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật trong giai đoạn tiếp theo cho phù hợp với sự phát triển của ngành nghề trên cơ sở tham khảo các CTĐT trong nước và nước ngoài Từ năm 2021 trở đi, Khoa XHH&PT sẽ:

- Tiếp tục phối hợp với TTKT&KĐCLĐT lấy ý kiến phản hồi của SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng về các nội dung cụ thể của mục tiêu để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

- Để đáp ứng nhu cầu của xã hội về năng lực ngoại ngữ, một số môn học chuyên ngành do giáo viên của khoa giảng dạy sẽ thúc đẩy việc đọc, nghiên cứu tài liệu nước ngoài (phối hợp với Thư viện tiếp tục cập nhật với các nguồn tài liệu nước ngoài) để SV được trang bị một vốn từ chuyên ngành đủ để khi ra trường đáp ứng được yêu cầu công việc. Khoa sẽ tăng cường việc trao đổi học thuật bằng tiếng Anh trong một số môn học chuyên ngành.

- Phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Ban QLĐT xây dựng kế hoạch truyền thông trong đó nhấn mạnh mục tiêu giáo dục và CĐR của chương trình đào tạo.

- Phối hợp với Ban QLĐT, Trung tâm khảo thí kiểm định chất lượng tổ chức toạ

đàm đưa ra bản mô tả CTĐT của ngành đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT, theo hướng ngắn gọn, xúc tích; đề xuất điều chỉnh trọng số điểm chuyên cần tăng từ 10% lên 20%.

- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn nhằm chia sẻ cách thức kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động tự nghiên cứu của SV một cách cụ thể, thường xuyên nhằm phát huy tối đa hiệu quả đạt được CDR của việc SV tự nghiên cứu trong mỗi học phần. Đồng thời xây dựng kế hoạch thực hành đối với các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng mạng lưới các cơ sở cho SV đi thực địa

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới cựu SV, liên kết với các đơn vị tuyển dụng để tìm nguồn thông tin về việc làm phù hợp với ngành học đăng tải trên trang page của khoa giúp cho SV vừa có cơ hội thực hành nghề nghiệp vừa có cơ hội tăng thu nhập.

- Với từng môn học, giảng viên của Khoa sẽ tiến hành khảo sát ý kiến người học trước và sau khi kết thúc môn học để kịp thời nắm bắt được nhu cầu, phản hồi về nội dung, phương pháp giảng dạy để điều chỉnh cho phù hợp.

- TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT, Khoa XHH&PT (cố vấn học tập và giảng viên) tăng cường thông báo công khai cho SV qua các kênh thông tin nhất là website đào tạo của Học viện và thông qua email SV do Học viện cấp.

- Cố vấn học tập của khoa tăng cường phổ biến các quy định về khiếu nại KQHT cho sinh viên.

Ngoài ra, từ năm 2021:

- Văn phòng có kế hoạch hoàn thiện giao diện Website.

- Nhà trường, ban chủ nhiệm khoa và giảng viên phối hợp mở rộng mối quan hệ, xã hội hóa tìm các nguồn kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động trên.

- Học viện, TTKT&KĐCLĐT, Ban QLĐT phối hợp với các khoa giảng dạy các môn đại cương xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm với tỷ lệ phù hợp đáp ứng tốt CDR.

- Ban QLĐT, TTKT&KĐCLĐT đề xuất điều chỉnh trọng số điểm chuyên cần tăng từ 10% lên 20%.

- Học viện có quy định bổ sung hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến một cách chính thức.

- Học viện đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả học tập và hoạt động đào tạo.

Khuyến khích GV tích cực đăng ký tham gia đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước, viết nhiều bài báo có hàm lượng khoa học cao để đăng trên các tạp chí quốc tế đồng thời có cơ chế, chính sách hỗ trợ động viên, khen thưởng kịp thời các GV có nhiều thành tích trong NCKH.

Thực hiện điều chỉnh, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành XHH; mỗi giảng viên là một tuyên truyền viên cho ngành XHH.

Ban QLĐT phối hợp với Khoa rà soát lại quy trình giám sát sự tiến bộ của người học để phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ.

Phòng Công tác chính trị & hỗ trợ SV phối hợp với Văn phòng Đảng - Đoàn thể và các Khoa chuyên môn duy trì thường xuyên và phát triển hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, rèn luyện và các hoạt động ngoại khóa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến người học hàng năm để giúp người học cải thiện kết quả học tập, có được việc làm đúng ngành nghề khi tốt nghiệp ra trường.

Phòng Quản trị cần có kế hoạch nâng cấp hệ thống bàn ghế trong một số phòng học để phù hợp thêm cho các hoạt động tập tích cực.

Trung tâm Thông tin - Thư viện Nâng cấp thêm một số module của phần mềm Thư viện điện tử Kipos: về công tác bổ sung, thống kê tài liệu... Bổ sung cơ sở dữ liệu, tài liệu tiếng nước ngoài; tiếp tục xây dựng kho tài nguyên số.

Ban đào tạo lên kế hoạch rà soát định kỳ danh sách SV thuộc diện cảnh báo hoặc danh sách SV tồn đọng, các vấn đề tồn đọng theo hệ thống và gửi định kỳ về khoa theo tháng (hoặc 2 tháng/lần) thay vì theo học kỳ và theo năm học để cố vấn học tập và khoa chủ quản nắm bắt, tư vấn và hỗ trợ SV hiệu quả hơn. Ban quản lý Đào tạo, Trung tâm KT - KĐCLĐT và khoa chủ quản tích cực trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp Học viện có thêm kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng.

Khoa XHH&PT sẽ phối hợp với đoàn thanh niên mở thêm các buổi tư vấn SV về phương pháp học đại học nhằm giúp SV không bị thi trượt và nợ nhiều môn từ năm học đầu tiên, phối hợp mở các câu lạc bộ Tiếng Anh cho người mất gốc hoặc các diễn đàn trao đổi phương pháp học tiếng anh, tiếng trung cho SV nâng cao trình độ ngoại ngữ, tăng cường cơ hội sớm đạt chuẩn ngoại ngữ giúp ra trường đúng hạn.

Cố vấn học tập các lớp lên kế hoạch sớm tư vấn cho SV (từ năm thứ nhất) về xây dựng lộ trình và kế hoạch học tập nhằm chủ động tích lũy đủ tín chỉ, đủ học phần và đạt các CĐR để sớm ra trường đúng hạn.

Khoa sẽ tăng cường tư vấn và thông tin, tư vấn sớm đến SV về hoạt động NCKH thông qua cố vấn học tập để SV có nhiều thời gian tìm hiểu và chuẩn bị cho việc thành lập nhóm nghiên cứu, ý tưởng nghiên cứu. Lên kế hoạch kết hợp với đoàn thành niên lấy ý kiến SV về thành lập CLB nghiên cứu khoa học SV nhằm tăng cường trao đổi, chia sẻ và học hỏi giữa sinh viên, cựu SV và giảng viên về NCKH.

Khoa lên kế hoạch xây dựng và đưa vào hoạt động mạng lưới cựu SV hiệu quả hơn nhằm duy trì mối liên hệ với cựu SV và thu hút đầy đủ cựu SV tham gia vào các khảo sát định kỳ.

Căn cứ vào bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT do BGD&ĐT ban hành, tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành XHH, HVBC&TT nhận thấy cả 50 tiêu chí đều đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí được thể hiện trong bảng tổng hợp sau:

PHỤ LỤC

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT đánh giá theo Thông tư 04/2016

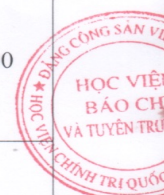
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT ĐÁNH GIÁ THEO THÔNG TƯ 04/2016

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tên CTĐT: XHH

Mã CTĐT: 7310301

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1										
Tiêu chí 1.1					5			5,0	3	100
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1						6		5,33	3	100
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			5,0	3	100
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5,66	3	100
Tiêu chí 4.2						6				
Tiêu chí 4.3						6				
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			5	5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			5,14	7	100
Tiêu chí 6.2					6					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			5	5	100
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					



Tiêu chí 7.4				5					
Tiêu chí 7.5				5					
Tiêu chuẩn 8									
Tiêu chí 8.1				6					
Tiêu chí 8.2				6			6	5	
Tiêu chí 8.3				6				100	
Tiêu chí 8.4				6					
Tiêu chí 8.5				6					
Tiêu chuẩn 9									
Tiêu chí 9.1				6					
Tiêu chí 9.2				6					
Tiêu chí 9.3				5			5,6	5	
Tiêu chí 9.4				6					
Tiêu chí 9.5				6					
Tiêu chuẩn 10							4,83		
Tiêu chí 10.1				5					
Tiêu chí 10.2			4						
Tiêu chí 10.3				5					
Tiêu chí 10.4				5					
Tiêu chí 10.5				5					
Tiêu chí 10.6				5				6	
Tiêu chuẩn 11									
Tiêu chí 11.1				5					
Tiêu chí 11.2				5					
Tiêu chí 11.3				5			5	5	
Tiêu chí 11.4				5					
Tiêu chí 11.5				5					
Đánh giá chung CTĐT							5,23	50	100

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Q. GIÁM ĐỐC



Lưu Văn An

CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày/...../20....

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tiếng Anh: Academy of Journalism and Communication

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: HVBC&TT

Tiếng Anh: AJC

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Tuyên giáo Trung ương, Trường Đại học Tuyên giáo,
Phân viện Báo chí và Tuyên truyền

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

5. Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: (024)37.456.963 *Số fax:* (024)37.548.949

E-mail: website@ajc.edu.vn

Website: <https://ajc.hcma.vn/Pages/default.aspx>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1962 (Nghị quyết 36 NQ/TW)

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I:

10. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- *Tiếng Việt:* Khoa Xã hội học và Phát triển

- *Tiếng Anh:* Faculty of Sociology and Development

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- *Tiếng Việt:* Khoa XHH & PT

- *Tiếng Anh:* FSD

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa XHH

15. Tên CTĐT: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Xã hội học

- *Tiếng Việt:* Khoa Xã hội học

- *Tiếng Anh:* Faculty of Sociology

16. Mã CTĐT:

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 9, Nhà A1, Học viện Báo chí & Tuyên truyền

19. Số điện thoại liên hệ: (024)37456963, máy lẻ: 814-5

20. E-mail: khoaxahoihoc@ajc.edu.vn

Website: <https://ajc.hcma.vn/tintuc/Pages/tin-tuc-su-kien.aspx?ItemID=3407>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1994 (475 /QĐ-TC)

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1994

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1998

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

* Các giai đoạn phát triển

- Đầu thập kỷ 1980: Thành lập Tổ bộ môn Xã hội học thuộc Khoa kiến thức Bổ trợ, gồm 09 cán bộ giảng viên, giảng dạy các môn Xã hội học, Tin học và Dân số học.

- Ngày 8/2/1992: Tổ bộ môn Xã hội học tách ra Khoa kiến thức Bổ trợ, để chuẩn bị chương trình đào tạo cử nhân xã hội học.

- Ngày 20/8/1994: Khoa Xã hội học được thành lập với 11 giảng viên.

- Ngày 3/10/1994: Bắt đầu đào tạo khoá đào tạo cử nhân Xã hội học đầu tiên gồm 42 sinh viên tại Hà Nội và tiếp theo là các lớp tại chức tại An Giang, Đồng Tháp, Yên Bái, Cà Mau.

- Năm 1998: Các khoá sinh viên cử nhân đầu tiên tốt nghiệp.

- Năm 2004-2014: Khoa có 3 tổ bộ môn: Lý luận chung về XHH, XHH chuyên biệt và Dân số, Giới và Truyền thông.

- Năm 2012: Khoa mở thêm chuyên ngành đào tạo cử nhân Công tác xã hội.

- Năm 2013: Tuyển sinh khoá cao học Xã hội học đầu tiên.

- Năm 2014-2019: Khoa có 3 tổ bộ môn: Lý luận XHH, XHH chuyên biệt và Công tác xã hội.

- Năm 2018: Khoa Xã hội học đổi tên thành Khoa Xã hội học và Phát triển gồm 15 cán bộ giảng viên.

- Năm 2020: Có Trưởng Khoa, 2 Phó trưởng Khoa và không còn tổ bộ môn.

* Tổng số ngành đào tạo: 2 ngành (Xã hội học và Công tác Xã hội)

* Quan hệ hợp tác:

- Hợp tác với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu trong nước trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học như: Viện Xã hội học & Phát triển - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Xã hội học – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Viện Xã hội học, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện nghiên cứu thanh niên - Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Viện nghiên cứu Phát triển Xã hội, Viện nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường, v.v...

- Hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu tại nước ngoài trong các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, hội thảo, thực tập, thực tế dành cho cán bộ giảng viên và sinh viên: UNFPA, Viện Friedrich-Ebert-Stiftung FES (Đức), CIRAD, ARENA, Quĩ Ford, v.v...

* Thành tích nổi bật:

Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2012-2013	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số: 2775 QĐ/HVBC&TT Ngày 29/07/2013.
2013-2014	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số: 3165 QĐ/HVBC&TT Ngày 18/07/2014.
2014-2015	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số: 2721 QĐ/HVBC&TT Ngày 21/07/2015.
2015-2016	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số: 3144 QĐ/HVBC&TT Ngày 18/7/2016.
2016-2017	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số: 19/QĐ-HVCTQG ngày 09/01/2018.
2017-2018	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số: 93/ QĐ-HVCTQG Ngày 10/01/2019.
2018-2019	Tập thể lao động xuất sắc	Quyết định số: 6911/ QĐ-HVCTQG Ngày 30/12/2019.

Cờ thi đua cấp bộ:

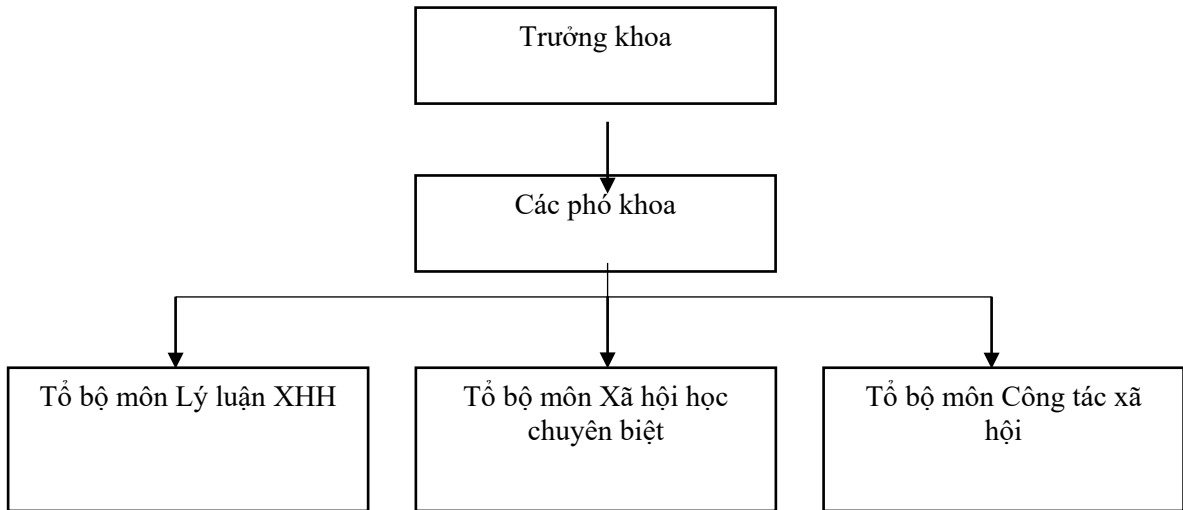
Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2014-2015	Cờ thi đua cấp bộ	Quyết định số: 2721/ QĐ-HVCTQG Ngày 21/07/2015.
2018	Cờ thi đua cấp bộ	Quyết định số: 93/ QĐ-HVCTQG Ngày 10/01/2019

Hình thức khen thưởng: Bằng khen cấp Bộ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2014	Giấy khen	Quyết định số: 3165 QĐ/HVBC&TT Ngày 18 /07/2014.
2015	Cờ thi đua cấp Bộ	Quyết định số: 2721/ QĐ-HVCTQG Ngày 21/07/2015.

2016	Giấy khen	Quyết định số: 3144/QĐ/ HVCTQG ngày 18/7/2016
2017	Giấy khen	Quyết định số: 19/ QĐ-HVCTQG ngày 09/01/2018.
2018	Cờ thi đua cấp Bộ	Quyết định số: 93/ QĐ-HVCTQG Ngày 10/01/2019
2019	Giấy khen	Quyết định số: 6911/ QĐ-HVCTQG Ngày 30/12/2019.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT đến năm 2019.



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Ban giám đốc	Lưu Văn An	1962	PGS.TS. Quyền Giám đốc	0904186034	Luuvanan@ajc.edu.vn
2		Phạm Minh Sơn	1968	PGS. TS. Phó Giám đốc	0912778171	sonloanthu@yahoo.com
3		Nguyễn Thị Trường Giang	1978	PGS. TS. Phó Giám đốc	0904997876	Nguyenthitruonggiang@ajc.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.		Lưu Hồng Minh	1961	TS. Trưởng Khoa	0913043663	Minhpbctt@gmail.com
2		Nguyễn Thị Tố Quyên	1968	PGS. TS. Phó Trưởng khoa	0947087898	Nguyentoquyen_68@yahoo.com
3		Phạm Hương Trà	1979	PGS. TS. Phó Trưởng khoa	0912219786	<u>PhamHuongTra@ajc.edu.vn</u>
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Văn phòng Đảng uỷ				Máy lẻ 312	vanphongdanguy@ajc.edu.vn
2.	Công đoàn Trường	Nguyễn Xuân Phong		PGS.TS. Chủ tịch	0904030372	phonghvbc@gmail.com
2.	Văn phòng Đoàn Thanh niên	Thái Hồng Đức	1982	ThS. Bí thư	0904584137	thai.duc1982@gmail.com
III.	Các phòng, ban					
1.	Ban Tổ chức cán bộ	Hà Huy Phượng		PGS.TS. Trưởng ban	0913344645	huyphuongkxb@gmail.com
2.	Ban Quản lý Đào	Trần Thanh Giang		PGS.TS. Trưởng	0984927397	<u>tranthanhgiang@ajc.edu.vn</u>

	tạo			ban		
3.	Ban Quản lý Khoa học	Nguyễn Đức Luận		PGS.TS. Trưởng ban	09888345268	luanvf@gmail.com
4.	Ban Kế hoạch – Tài chính	Trần Xuân Ban				
5.	Ban Hợp tác quốc tế	Vũ Thanh Vân	1982	TS. Trưởng ban	0906001008	vanvuajc@gmail.com
6.	Ban Thanh tra	Nguyễn Thị Hải Yến		TS. Trưởng ban	0837353188	hoangyendu@yahoo.com
7.	Văn phòng	Vũ Quốc Cường	1974	ThS. Chánh Văn phòng	0968855859	Quoccuong74@gmail.com
8.	Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	1976	Giám đốc	0936689969	Ngochoaajc1976@gmail.com
9.	Phòng Quản trị và Quản lý Ký túc xá	Nguyễn Thị Hồng Mên		Trưởng phòng	0984235499	missajc@yahoo.com.vn
10.	Phòng Công tác Chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Phạm Tuyên		Trưởng phòng	0988891979	phamtuyenajc@gmail.com
IV.	Các bộ môn					
1.	Lý luận và phương pháp	Lưu Hồng Minh	1961	TS. Trưởng Khoa	0913043663	Minhpbctt@gmail.com
2.	Công tác xã hội	Nguyễn Thị Tố Quyên	1968	PGS. TS. Phó Trưởng khoa	0947087898	Nguyentoquyen_68@yahoo.com
3.	Xã hội học chuyên biệt	Phạm Hương Trà	1979	PGS. TS. Phó Trưởng khoa	0912219786	PhamHuongTra@ajc.edu.vn

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

29. Tổng số các ngành đào tạo : 02

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	3	10	13
I.1	Cán bộ trong biên chế	3	10	13
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	3	10	13

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị,	Số	GV cơ hữu	GV	GV
----	-------------------	----	-----------	----	----

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

	chức danh	lượng GV	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	thỉnh giảng trong nước	quốc tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	1				1	
2	Phó Giáo sư	3	3				
3	Tiến sĩ khoa học	0					
4	Tiến sĩ	5	5				
5	Thạc sĩ	3	3				
6	Đại học	1	1				
7	Cao đẳng	0					
8	Trình độ khác	0					
	Tổng số	13	12			1	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = 13-1=12 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ GV: 12/13

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5	1				1		1
2	Phó Giáo sư	3	3	3					9
3	Tiến sĩ khoa học	3							0
4	Tiến sĩ	2	5	5					10
5	Thạc sĩ	1	2	2					2
6	Đại học	0.5	0	0					0
	Tổng		11	10			1		22

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	3	25	1	2			1	1	1
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	5	41,7	1	4		1	2	1	
5	Thạc sĩ	3	25		3		2	1		
6	Đại học	1	8,3	1			1			
	Tổng	12	100	3	9		4	3	1	1

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 44 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 8/12

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 3/12

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	50%	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm (30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016	176	71	1:3,52	34	20,5 - 22		0
2017	252	50	1:5.04	43	20,75		0
2018	294	67	1:4,3	56	22,75		0
2019	288	77	1:3,74	46	18,25 - 19,25		0
2020	388	66	1:8,7	62	22,85 - 23,85		0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016	2017	2018	2019	2020
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	34	43	56	46	62
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					

Các tiêu chí	2016	2017	2018	2019	2020
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015.- 2016	2016.- 2017	2017.- 2018	2018.- 2019	2019.- 2020
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015.- 2016	2016.- 2017	2017.- 2018	2018.- 2019	2019.- 2020	2020 - 2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4925.5	4925.5	4925.5	4925.5	4925.5	4925.5
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)						
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)						
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)						

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượng (người)	9	8	10	5	5
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	18%	22%	13,3%	13%	17,2%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015.- 2016	2016.- 2017	2017.- 2018	2018.- 2019	2019.- 2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015.- 2016	2016.- 2017	2017.- 2018	2018.- 2019	2019.- 2020
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	47	36	69	19	14
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016	2017	2018	2019	2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	47	73	34	19	14
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số duy trì đến cuối khoá (%).	94%	85%	72%	48,7%	-
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).		65,8%	77,4	79,4%	-
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).		26%	15,4%	16,7%	-
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ		8,2%	7,2%	3,9%	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016	2017	2018	2019	2020
năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	61%	59%	22%	30%	-
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	39%	41%	78%	70%	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).				67%	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).				33%	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).				0%	-

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	2	0	0	4
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	1	3	5	6	15
3	Đề tài cấp trường	0,5	9	11	10	17	14	30.5
4	Tổng		9	12	13	10	14	49.5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 49,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 4,13

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016			
2	2017			
3	2018			
4	2019			
5	2020			

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	6	2		
Từ 4 đến 6 đề tài		2	2	
Trên 6 đề tài		6	11	
Tổng số cán bộ tham gia	6	10	13	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	4	2	0	2	3	22
2	Sách giáo trình	1,5	0	3	0	2	1	9
3	Sách tham khảo	1,0	4	1	0	2	0	7
4	Sách hướng dẫn	0,5	8	6	0	6	4	12
5	Tổng		4	2	0	2	3	50

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 50

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,16

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách		5	1	1
Từ 4 đến 6 cuốn sách		1	1	
Trên 6 cuốn sách			2	
Tổng số cán bộ tham gia		6	4	1

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	3	2	0	2	10.5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	9	18	7	5	8	47
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	7	11	7	8	10	21.5
	Tổng		16	32	16	13	20	79

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 79

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6,58

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	4	
Từ 6 đến 10 bài báo	2	2	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo		4	
Tổng số cán bộ tham gia	3	10	

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	2	4	3	5	15
2	Hội thảo trong nước	0,5	4	4	17	4	14	21.5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	1	0	1	0	0.75
4	Tổng		6	7	21	8	19	37.25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 37,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,14

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	5	4
Từ 6 đến 10 báo cáo	1		
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	6	5	4

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	
20...-20...	

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	70	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0		
Trên 6 đề tài	0	0		
Tổng số người học tham gia	0	0	70	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 56,310m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 119m² Nơi học: 12.559,19 m² Nơi vui chơi giải trí: 3000 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 11,957,9 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,58m²

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 23.930 tài liệu in, 6739 tài liệu số

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 586

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:
- Dùng cho hệ thống văn phòng: 4
- Dùng cho người học học tập: 400
Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,05

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 12
Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 12/13
Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 58%
Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 91,6%

2. Người học:

- Tổng số người học chính quy (người): 310
Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 12,3
Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 48,7%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 79,4%
Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 3,9%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp (2018-2019):

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 30%
Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 70%
Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): Không có

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 67%
Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 33%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,13
Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0
Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,16
Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6,58

7. Cơ sở vật chất:

- Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,05
Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,55
Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 13,58

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Xã hội học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Quyết định số 6591/QĐ-HVCTQG ngày 01/11/2018 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 5062/QĐ-HVBCTT v/v thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành XHH;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo và Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Xã hội học.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Xã hội học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban

hành Quyết định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà (trưởng các đơn vị liên quan) và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TTKT&KĐCLĐT



Lưu Văn An

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH XÃ HỘI HỌC**
(Kèm theo Quyết định số 6015/QĐ-H.Đ.C.ĐT., ngày 15 tháng 12 năm 2020
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lưu Văn An	Quyền Giám đốc	Chủ tịch
2	PGS.TS. Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch
3	PGS.TS. Lưu Hồng Minh	Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Phó Chủ tịch
4	PGS.TS. Phạm Hương Trà	Phó Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Thư ký
5	PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang	Phó Giám đốc	Thành viên
6	PGS.TS. Trương Ngọc Nam	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên
7	PGS.TS. Nguyễn Thị Tố Quyên	Phó Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên
8	PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
9	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
10	PGS. TS. Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Thành viên
11	PGS. TS. Hà Huy Phương	Trưởng ban Tổ chức cán bộ	Thành viên
12	PGS. TS. Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản lý khoa học	Thành viên
13	TS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý ký túc xá	Thành viên
14	Ths. Trần Xuân Ban	Trưởng Ban Kế hoạch -	Thành viên

INC
 OC
 BÁC
 UYÊN
 RIC

		Tài chính	
15	Ths. Vũ Quốc Cường	Phó Chánh văn phòng Học viện	Thành viên
16	TS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin khoa học	Thành viên
17	Ths. Phạm Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Thành viên
18	Ths. Thái Hồng Đức	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
19	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Thanh tra	Thành viên
20	TS. Bùi Thu Hương	Giảng viên chính – Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên
21	TS. Dương Thị Thu Hương	Giảng viên chính – Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên
22	TS. Nguyễn Thị Thúy Mai	Giảng viên– Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên
23	Nguyễn Thị Thu Trang	Sinh viên Lớp Xã hội học K38	Thành viên

(Danh sách gồm có 23 người).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số/QĐ- HVBCCTT ngày... tháng... năm....

của Giám đốc Học viện báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Hương Trà	Phó Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Trưởng Ban
2	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng Đào tạo	Phó Trưởng Ban
3	Trần Văn Thư	Phó trưởng ban QLĐT	Thành viên
4	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó trưởng ban QLĐT	Thành viên
5	Nguyễn Thị Tố Quyên	Phó Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên
6	Phó Thanh Hương	Giảng viên Khoa Xã hội học và phát triển	Thành viên
7	Nguyễn Thị Thúy Mai	Giảng viên Khoa Xã hội học và phát triển	Thành viên
8	Đỗ Đức Long	Giảng viên Khoa Xã hội học và phát triển	Thành viên
9	Nguyễn Thị Xuân Nguyên	Chuyên viên giáo vụ Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên
10	Bùi Thu Hương	Giảng viên Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên
11	Dương Thị Thu Hương	Giảng viên chính – Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên
12	Phạm Võ Quỳnh Hạnh	Giảng viên Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên
13	Phạm Thị Vân	Giảng viên Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên
14	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	Giảng viên Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên
15	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm	Thành viên

		Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	
16	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
17	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Thành viên
18	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên
19	Đông Thị Kim Khuyến	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
20	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Thành viên
21	Vương Hoàng Yến	Chuyên viên phòng Hành chính	Thành viên
22	Trương Thị Hằng	Kế toán, Ban Kế hoạch – Tài vụ	Thành viên

(Danh sách gồm có 22 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số/QĐ- HVBCTT ngày... tháng... năm
của Giám đốc Học viện báo chí và Tuyên truyền)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (Tiêu chuẩn 1,2, 3)	Lưu Hồng Minh	Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Phạm Hương Trà	Phó Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Thư ký
	Đỗ Đức Long	Giảng viên Khoa Xã hội học và phát triển	Thành viên
Nhóm 2 (Tiêu chuẩn 4,5)	Phạm Hương Trà	Phó Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Phó Thanh Hương	Giảng viên Khoa Xã hội học và phát triển	Thành viên
	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Nhóm 3 (Tiêu chuẩn 6,7)	Nguyễn Thị Tố Quyên	Phó Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Trưởng nhóm
	Trần Văn Học	Trưởng Ban Tổ chức cán bộ	Phó Trưởng nhóm
	Phạm Thị Vân	Giảng viên Khoa Xã hội học và phát triển	Thư ký
	Phạm Xuân Huy	Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ	Thành viên
Nhóm 4 (Tiêu chuẩn 8)	Dương Thị Thu Hương	Giảng viên chính – Khoa Xã hội học và Phát triển	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Ban QLĐT	Phó trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Ngọc Hué	Giảng viên Khoa Xã hội học và phát triển	Thư ký

	Đông Thị Kim Khuyên	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
	Lê Trung Thu	Chuyên viên Phòng Công tác chính trị	Thành viên
Nhóm 5 (Tiêu chuẩn 9)	Nguyễn Thị Thúy Mai	Giảng viên chính – Khoa Xã hội học và Phát triển	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm thông tin Khoa học	Phó trưởng nhóm
	Đỗ Đức Long	Giảng viên Khoa Xã hội học và Phát triển	Thư ký
	Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên Phòng Quản trị	Thành viên
	Đông Thị Kim Khuyên	Chuyên viên Phòng Hành chính	Thành viên
Nhóm 6 (Tiêu chuẩn 10, 11)	Bùi Thu Hương	Giảng viên chính – Khoa Xã hội học và Phát triển	Trưởng nhóm
	Trần Văn Thư	Phó Trưởng ban Quản lý đào tạo	Phó trưởng nhóm
	Phạm Võ Quỳnh Hạnh	Giảng viên Khoa Xã hội học và Phát triển	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
Nhóm 7 (Báo cáo tổng hợp Biên tập minh chứng Cơ sở dữ liệu KĐCL chương trình đào tạo)	Lưu Hồng Minh	Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Phó Trưởng nhóm
	Phạm Hương Trà	Phó Trưởng khoa Xã hội học và Phát triển	Thư ký
	Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Thành viên
	Nguyễn Thị Xuân Nguyên	Chuyên viên giáo vụ Khoa Xã hội học và Phát triển	Thành viên

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 1
MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học</i>					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H1.01.01.01DC	CTĐT bậc cử nhân ngành XHH năm 2014	Quyết định số 3332/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 15/09/2014	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 2972/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 2/10/2015	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 754/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 22/02/2016	HVBC&TT	
2	H1.01.01.02DC	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2018	Quyết định số 4969-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 26/10/2018	HVBC&TT	
3	H1.01.01.03DC	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 20/09/2020	HVBC&TT	

4	H1.01.01.04DC	Luật Giáo dục Đại học năm 2012	Số 08/2012/QH13, ngày 18 tháng 06 năm 2012	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-Giao-duc-dai-hoc-2012-142762.aspx
5	H1.01.01.05DC	Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018	Số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	<i>https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-Giao-duc-dai-hoc-sua-doi-388254.aspx</i>
6	H1.01.01.06DC	Thông tư 14 năm 2010 của BGDĐT về ban hành giáo dục, đào tạo cấp 4 trình độ Cao đẳng Đại học	Số 14/2010/TT – BGDĐT ngày 27/4/2010	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-14-2010-TT-BGDD-Danh-muc-giao-duc-dao-tao-cap-IV-104730.aspx

7	H1.01.01.07DC	Thông tư 07 năm 2015 của BGDDT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 07/2015/TT – BGDDT ngày 16/4/2015	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-07-2015-TT-BGDDT-quy-trinh-xay-dung-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-dai-hoc-thac-si-tien-si-271929.aspx
8	H1.01.01.08DC	Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	Số 1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyet-dinh-1982-QD-TTG-phe-duyet-khung-trinh-do-quoc-gia-Viet-Nam-2016-327841.aspx
9	H1.01.01.09	Chiến lược phát triển Khoa XHH&PT đến năm 2030 tầm nhìn 2050		Khoa XHH&PT

10	H1.01.01.10	Quyết định của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của HVBC&TT	Số 6591-QĐ/HVCTQG	HVBC&TT	
11	H1.01.01.11	Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2025, tầm nhìn 2035	2020	HVBC&TT	
12	H1.01.01.12DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2016			
		Biên bản họp khoa về thay đổi CTĐT	2016	HVBC&TT	
13	H1.01.01.13DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2018		HVBC&TT	
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 6520/QĐ-HVBC&TT, ngày 28/12/2018	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện CTĐT đại học	2018	HVBC&TT	

		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH	2018	HVBC&TT	
		Bản nhận xét	2018	HVBC&TT	
		Phiếu thẩm định CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Biên bản thẩm định CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành XHH	2018	HVBC&TT	
14	H1.01.01.14DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020			
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBC&TT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBC&TT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT	

		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH	2020	HVBC&TT	
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT	
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Biên bản thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành XHH	2020	HVBC&TT	
15	H1.01.01.15DC	Bảng đối sánh CTĐT chuyên ngành XHH, HVBC&TT với Chương trình đào tạo cử nhân XHH, ĐHKHXHNV Hà Nội	2020	Khoa XHH&PT	
16	H1.01.01.16DC	Bảng đối sánh CTĐT chuyên ngành XHH, HVBC&TT với Chương trình đào tạo cử nhân XHH, ĐH KHXH Singapore	2020	Khoa XHH&PT	
17	H1.01.01.17DC	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo	2016-2020	TTKT&KĐCL ĐT	

18	H1.01.01.18DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016-2020	TTKT&KĐCL ĐT	
19	H1.01.01.19DC	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách	2016-2020	TTKT&KĐCL ĐT	
20	H1.01.01.20DC	Website HV BC&TT về công bố CTĐT	2020	Cổng thông tin của HVBC&TT	
21	H1.01.01.21DC	Fanpage của Khoa XHH&PT về CTĐT	2020	Địa chỉ Fanpage	
22	H1.01.01.22DC	Sổ tay sinh viên	2016-2020	Phòng CTCT&HTSV	
23	H1.01.01.23DC	Biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa XHH&PT	2016-2020	Khoa XHH&PT	
24	H1.01.01.24	Gặp mặt sinh viên đầu khóa	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
		Kế hoạch gặp mặt sinh viên đầu khóa	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
		Biên bản gặp mặt sinh viên đầu khóa	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 2
BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.</i>					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H2.02.01.01	Bản mô tả CTĐT năm 2018	2018	Khoa XHH&PT	
2	H2.01.01.02.DC	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 20/09/2020	HVBC&TT	
3	H2.02.01.03.DC	Bản mô tả CTĐT năm 2020	2020	HVBC&TT	
4	H2.02.01.04.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020		HVBC&TT	
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBCTT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCTT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT	
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH	2020	HVBC&TT	
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT	
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Biên bản thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	

		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành XHH	2020	HVBC&TT
4	H2.02.01.05	Các văn bản hướng dẫn xây dựng Bản mô tả CTĐT ngành XHH năm 2020	2020	TTKT&KĐCLĐT
5	H2.02.01.06	Biên bản họp Khoa về xây dựng Bản mô tả CTĐT ngành XHH năm 2020	2020	Khoa XHH&PT
8	H2.02.01.07	Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018	Số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-Giao-duc-dai-hoc-sua-doi-388254.aspx
9	H2.02.01.08.DC	Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	Số 1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-1982-QĐ-TTg-phe-duyet-khung-trinh-do-quoc-gia-Viet-Nam-2016-327841.aspx
10	H2.02.01.09	Thông tư 14 năm 2010 của BGDĐT về ban hành giáo dục, đào tạo cấp 4 trình độ Cao đẳng Đại học	Số 14/2010/TT – BGDĐT ngày 27/4/2010	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-14-2010-TT-BGDD-Danh-muc-giao-duc-dao-tao-cap-IV-104730.aspx
11	H2.02.01.10	Thông tư 07 năm 2015 của BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16/4/2015	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-07-2015-TT-BGDDT-quy-trinh-xay-dung-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-dai-hoc-thac-si-tien-si-271929.aspx
12	H2.02.01.11	Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24 tháng 01 năm 2014	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-01-2014-TT-BGDDT-Khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-Viet-Nam-220349.aspx

13	H2.02.01.12	Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin truyền thông ngày 11 tháng 03 năm 2014	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-03-2014-TT-BTTTT-Chuan-ky-nang-su-dung-cong-nghe-thong-tin-223113.aspx	
15	H2.02.01.13	Thông tư Ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học	Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-04-2016-TT-BGDĐT-tieu-chuan-danh-gia-chat-luong-chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-2016-293968.aspx	
16	H2.02.01.14	Công văn V/v hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH	Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục	https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Giao-duc/Cong-van-1074-KTKDCLGD-KDDH-2016-tieu-chuan-danh-gia-chat-luong-dao-tao-giao-duc-dai-hoc-427965.aspx	
	H2.02.01.15.DC	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	HVBC&TT	
17	H2.02.01.16.DC	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo	2016-2020	TTKT&KĐCL ĐT	
18	H2.02.01.17.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016-2020	TTKT&KĐCL ĐT	
19	H2.02.01.18.DC	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách	2016-2020	TTKT&KĐCL ĐT	
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

1	H2.02.02.01DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật ĐCHP 2016	2016	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật đề cương ĐCHP	2016	HVBC&TT	
		Hướng dẫn rà soát, cập nhật ĐCHP	2016	HVBC&TT	
		Biên bản họp khoa về rà soát cập nhật ĐCHP	2016	HVBC&TT	
2	H2.02.02.02DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật ĐCHP 2018	2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật đề cương ĐCHP	6521/KH_HVBCTT ngày 28/12/2018	HVBC&TT	
		Hướng dẫn rà soát, cập nhật ĐCHP	2018	HVBC&TT	
		Biên bản họp khoa về rà soát cập nhật ĐCHP	2018	HVBC&TT	
3	H2.02.02.03DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật ĐCHP 2020	2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật đề cương ĐCHP	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn rà soát, cập nhật ĐCHP	2020	HVBC&TT	
		Biên bản họp khoa về rà soát cập nhật ĐCHP	2020	HVBC&TT	
4	H2.02.02.04.DC	Đề cương chi tiết học phần 2016	2016	HVBC&TT	
5	H2.02.02.05.DC	Đề cương chi tiết học phần 2018	2018	HVBC&TT	
6	H2.02.01.15.DC	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	HVBC&TT	
7	H2.02.02.07DC	CTĐT bậc cử nhân ngành XHH năm 2014	Quyết định số 3332/QĐ- HVBCTT-ĐT, ngày 15/09/2014	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 2972/QĐ- HVBCTT-ĐT, ngày 2/10/2015	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 754/QĐ-HVBCTT- ĐT, ngày 22/02/2016	HVBC&TT	

8	H2.02.02.08DC	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2018	Quyết định số 4969/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 26/10/2018	HVBC&TT	
9	H2.01.01.02.DC	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 20/09/2020	HVBC&TT	
10	H2.02.02.10	Ma trận CDR của ĐCHP đáp ứng CDR của CTĐT	2016- 2020	Khoa XHH&PT	
		Ma trận CDR của ĐCHP đáp ứng CDR của CTĐT 2016	2016	Khoa XHH&PT	
		Ma trận CDR của ĐCHP đáp ứng CDR của CTĐT 2018	2018	Khoa XHH&PT	
		Ma trận CDR của ĐCHP đáp ứng CDR của CTĐT 2020	2020	Khoa XHH&PT	
11	H2.02.02.11	Đôi sánh ĐCHP các năm 2016- 2020	2020	Khoa XHH&PT	
12	H2.02.02.12DC	Báo cáo khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2016- 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC&TT	
13	H2.02.02.13DC	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016- 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2020	HVBC&TT	

14	H2.02.02.14.DC	Hồ sơ Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách	2018 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận					
TT	Minh chứng chung	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H2.02.03.01	Bản mô tả CTĐT 2020	2020	HVBC&TT	
2	H2.02.02.04.DC	Đề cương chi tiết học phần 2016	2016	Khoa XHH&PT	
3	H2.02.02.05.DC	Đề cương chi tiết học phần 2018	2018	Khoa XHH&PT	
4	H2.02.01.15.DC	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa XHH&PT	
5	H2.02.03.02	Website	Đường link	HVBC&TT	
6	H2.02.03.03	Fanpage của Khoa XHH&PT về CTĐT	Đường link	Khoa XHH&PT	
7	H2.02.03.04	Livestream truyền thông của khoa năm 2020	Đường link	HVBC&TT	
8	H2.02.03.05	Báo cáo khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2016- 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC&TT	
10	H2.02.01.17.DC	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016- 2020	HVBC&TT	

		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2020	HVBC&TT	
11	H2.02.03.06	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên các năm từ 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Khảo sát của khoa XHH&PT đối với cựu sinh viên	2016 - 2018	Khoa XHH&PT	

**DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 3
CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

<i>Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra</i>					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H3.03.01.01	Quy định xây dựng CTĐT hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo	2015- 2016	BGD&ĐT	
		Thông tư 07 năm 2015 của BGD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của người học với giáo dục đại học	Số 07/2015/TT - BGD&ĐT ngày 16/4/2015	BGD&ĐT	
		Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016	Số 1982/QĐ-TTG ngày 18/10/2016	BGD&ĐT	
2	H3.03.01.02.DC	Quyết định về xây dựng CTDH		HVBC&TT	
3	H3.03.01.03.DC	CTDH ngành XHH năm 2016		Khoa XHH&PT	
		CTĐT bậc cử nhân ngành XHH năm 2014	Quyết định số 3332/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 15/09/2014	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 2972/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 2/10/2015	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 754/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 22/02/2016	HVBC&TT	
		Đề cương chi tiết học phần 2016	2016	Khoa XHH&PT	
		Kế hoạch dạy học	2016	Khoa XHH&PT	
		Hồ sơ giảng viên của Khoa XHH	2016	Khoa XHH&PT	
4	H3.03.01.04.DC	CTDH ngành XHH năm 2018		Khoa XHH&PT	

		CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2018	Quyết định số 4969-QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 26/10/2018	HVBC&TT	
		Đề cương chi tiết học phần 2018	2018	Khoa XHH&PT	
		Kế hoạch dạy học 2018	2018	Khoa XHH&PT	
		Hồ sơ giảng viên của Khoa XHH	2018	Khoa XHH&PT	
5	H3.03.01.05.DC	CTDH ngành XHH năm 2020		Khoa XHH&PT	
		CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 20/09/2020	HVBC&TT	
		Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa XHH&PT	
		Kế hoạch dạy học 2020	2020	Khoa XHH&PT	
		Hồ sơ giảng viên của Khoa XHH	2020	Khoa XHH&PT	
6	H3.03.01.06	Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.	Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-04-2016-TT-BGDĐT-tieu-chuan-danh-gia-chat-luong-chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-2016-293968.aspx	
	H3.03.01.07	Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24 tháng 01 năm 2014	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-01-2014-TT-BGDĐT-Khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-Viet-Nam-220349.aspx	

	H3.03.01.08	Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin truyền thông ngày 11 tháng 03 năm 2014	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-03-2014-TT-BTTTT-Chuan-ky-nang-su-dung-cong-nghe-thong-tin-223113.aspx	
6	H3.03.01.09.DC	Ma trận khối kiến thức và chuẩn đầu ra	2020	Khoa XHH&PT	
7	H3.03.01.10.DC	Ma trận CDR-Phương pháp dạy học	2020	Khoa XHH&PT	
	H3.03.01.11	Phần mềm dạy học trực tuyến MS Teams MC diễn hình bài giảng của GV	chụp màn hình	Khoa XHH&PT	
8	H3.03.01.12.DC	Ma trận CDR- Kiểm tra đánh giá		Khoa XHH&PT	
9	H3.03.01.13.DC	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016- 2020	HVBC&TT	
10	H3.03.01.14.DC	Báo cáo khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2016- 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC&TT	
11	H3.03.01.15.DC	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên các năm từ 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Khảo sát của khoa XHH&PT đối với cựu sinh viên	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	

12	H3.03.01.16.DC	Hồ sơ Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách	2018 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT	
13	H3.03.01.17.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2016			
		Biên bản họp khoa về thay đổi CTĐT	2016	HVBC&TT	
14	H3.03.01.18.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2018		HVBC&TT	
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 6520/QĐ-HVBC&TT, ngày 28/12/2018	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện CTĐT đại học	2018	HVBC&TT	
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH	2018	HVBC&TT	
		Bản nhận xét	2018	HVBC&TT	
		Phiếu thẩm định CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Biên bản thẩm định CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành XHH	2018	HVBC&TT	
15	H3.03.01.19.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020			
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBC&TT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBC&TT- ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	

		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCTT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT	
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH	2020	HVBC&TT	
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT	
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
16	H3.03.01.20.DC	Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng	2017- 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017 - 2020	2017 - 2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H3.03.02.01DC	Đề cương chi tiết học phần 2016	2016	Khoa XHH&PT	
2	H3.03.02.02DC	Đề cương chi tiết học phần 2018	2018	Khoa XHH&PT	
3	H3.03.02.03DC	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa XHH&PT	
4	H3.03.02.04	Thông báo về việc đăng kí học phần học tập trong kì	2016-2020	Ban QLĐT	
5	H3.03.02.05DC	CTĐT bậc cử nhân ngành XHH năm 2014	Quyết định số 3332/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 15/09/2014	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 2972/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 2/10/2015	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 754/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 22/02/2016	HVBC&TT	

6	H3.03.02.06DC	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2018	Quyết định số 4969/QĐ-HVBCCTT-ĐT, ngày 26/10/2018	HVBC&TT	
7	H3.03.02.07DC	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBCCTT-ĐT, ngày 20/09/2020	HVBC&TT	
8	H3.03.01.09.DC	Ma trận khối kiến thức và chuẩn đầu ra	2020	Khoa XHH & PT	
9	H3.03.01.12.DC	Ma trận Kiểm tra đánh giá	2020	Khoa XHH & PT	
10	H3.03.01.10.DC	Ma trận Phương pháp dạy học	2020	Khoa XHH & PT	
11	H3.03.02.11	Biên bản họp khoa về xây dựng, chỉnh sửa CTĐT ngành XHH 2020	2020	Khoa XHH & PT	
12	H3.03.01.19.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020			
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBCCTT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCCTT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT	
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH	2020	HVBC&TT	
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT	
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
13	H3.03.02.12.DC	Bảng đối sánh CTĐT chuyên ngành XHH, HVBCCTT với Chương trình đào tạo cử nhân XHH, ĐHKHXHNV Hà Nội	2020	Khoa XHH & PT	

14	H3.03.02.13.DC	Bảng đối sánh CTĐT chuyên ngành XHH, HVBC&TT với Chương trình đào tạo cử nhân XHH, ĐH KHXH Singapore	2020	Khoa XHH & PT	
15	H3.03.01.14.DC	Báo cáo khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2016- 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC&TT	
16	H3.03.01.13.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2020	HVBC&TT	
17	H3.03.01.15.DC	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên các năm từ 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Khảo sát của khoa XHH&PT đối với cựu sinh viên	2016 - 2020	Khoa XHH và PT	
18	H3.03.01.16.DC	Hồ sơ Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách	2018 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT	
19	H3.03.01.20.DC	Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng	2017- 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017 - 2020	2017 - 2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

1	H3.03.01.05.DC	CTDH ngành XHH năm 2020	2020	HVBC&TT	
		CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 20/09/2020	HVBC&TT	
		Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa XHH&PT	
		Kế hoạch dạy học 2020	2020	Khoa XHH&PT	
		Hồ sơ giảng viên của Khoa XHH	2020	Khoa XHH&PT	
2	H3.03.03.01	Ma trận mục tiêu- CDR của CTĐT 2020	2020	Khoa XHH & PT	
3	H3.03.02.12.DC	Bảng đối sánh CTĐT chuyên ngành XHH, HVBC&TT với Chương trình đào tạo cử nhân XHH, ĐHKHXNV Hà Nội	2020	Khoa XHH & PT	
4	H3.03.02.13.DC	Bảng đối sánh CTĐT chuyên ngành XHH, HVBC&TT với Chương trình đào tạo cử nhân XHH, ĐHKHXH Singapore	2020	Khoa XHH & PT	
5	H3.03.01.17.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2016			
		Biên bản họp khoa về thay đổi CTĐT	2016	HVBC&TT	
6	H3.03.01.18.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2018		HVBC&TT	
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 6520/QĐ-HVBC&TT, ngày 28/12/2018	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện CTĐT đại học	2018	HVBC&TT	
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH	2018	HVBC&TT	
		Bản nhận xét	2018	HVBC&TT	
		Phiếu thẩm định CTĐT	2018	HVBC&TT	
		Biên bản thẩm định CTĐT	2018	HVBC&TT	

		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành XHH	2018	HVBC&TT	
7	H3.03.01.19.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020			
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBCTT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCTT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT	
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH	2020	HVBC&TT	
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT	
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
8	H3.03.03.08	Biên bản họp HĐKH HVBCTT về xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH ngành XHH	2016 - 2020	HVBCT&TT	
9	H3.03.01.03.DC	CTDH ngành XHH năm 2016		Khoa XHH&PT	
		CTĐT bậc cử nhân ngành XHH năm 2014	Quyết định số 3332/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 15/09/2014	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 2972/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 2/10/2015	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 754/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 22/02/2016	HVBC&TT	
		Đề cương chi tiết học phần 2016	2016	Khoa XHH&PT	

		Kế hoạch dạy học	2016	Khoa XHH&PT	
		Hồ sơ giảng viên của Khoa XHH	2016	Khoa XHH&PT	
10	H3.03.01.04.DC	CTDH ngành XHH năm 2018		Khoa XHH&PT	
		CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2018	Quyết định số 4969-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 26/10/2018	HVBC&TT	
		Đề cương chi tiết học phần 2018	2018	Khoa XHH&PT	
		Kế hoạch dạy học 2018	2018	Khoa XHH&PT	
		Hồ sơ giảng viên của Khoa XHH	2018	Khoa XHH&PT	
11	H3.03.03.09	Biên bản họp khoa về thay đổi CTĐT 2020	2020	Khoa XHH&PT	
12	H3.03.01.15.DC	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên các năm từ 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Khảo sát của khoa XHH&PT đối với cựu sinh viên	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
13	H3.03.01.20.DC	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017 - 2020	2017 - 2020	HVBC&TT	
14	H3.03.01.13.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2020	HVBC&TT	
15	H3.03.02.01.DC	Đề cương chi tiết học phần 2016	2016	Khoa XHH&PT	
16	H3.03.02.02.DC	Đề cương chi tiết học phần 2018	2018	Khoa XHH&PT	
17	H3.03.02.03.DC	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa XHH&PT	

**DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 4
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DẠY VÀ HỌC**

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H4.04.01.01.DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	Ban hành theo quyết định số 770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC&TT	
2	H4.04.01.02.DC	Chiến lược phát triển khoa XHH&PT đến năm 2030 tầm nhìn 2050	2020	Khoa XHH&PT	
3	H4.04.01.03.DC	Website Học viện	đường link		
4	H4.04.01.04	Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018	Số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-Giao-duc-dai-hoc-sua-doi-388254.aspx	
5	H4.04.01.05	Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam Giấy chứng nhận ngoại ngữ B2 (MC điển hình của sinh viên Minh Anh, XHH 35)	số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24 tháng 01 năm 2014	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-01-2014-TT-BGDĐT-Khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-Viet-Nam-220349.aspx	
6	H4.04.01.06	Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin Giấy chứng nhận Tin học (MC điển hình của sinh viên Minh Anh, XHH 35)	Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin truyền thông ngày 11 tháng 03 năm 2014	vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-03-2014-TT-BTTTT-Chuan-ky-nang-su-dung-cong-nghe-thong-tin-223113.aspx	

7	H4.04.01.07.DC	Chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 20/9/2020	HVBC&TT	
8	H4.04.01.08.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020			
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBCTT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCTT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT	
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH	2020	HVBC&TT	
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT	
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Biên bản thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành XHH	2020	HVBC&TT	
9	H4.04.01.09	Website	Đường link	HVBC&TT	
10	H4.04.01.10	Fanpage của Khoa XHH&PT về CTĐT	Đường link	Khoa XHH&PT	
11	H4.04.01.11	Livestream truyền thông của khoa năm 2020	Đường link	HVBC&TT	
12	H4.04.01.12	Hồ sơ gặp mặt SV đầu khóa	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Kế hoạch, chương trình gặp mặt sv đầu khóa	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Biên bản gặp mặt	2016-2020	Khoa XHH &PT	

13	H4.04.01.12	Tờ rơi quảng cáo CTĐT	2018 - 2020	Khoa XHH &PT	
14	H4.04.01.13	Tọa đàm khoa học của Khoa năm 2020	2020	Khoa XHH &PT	
15	H4.04.01.14.DC	Thống kê nghiên cứu khoa học của sinh viên	2016-2020	Khoa XHH &PT	
16	H4.04.01.15.DC	CTĐT bậc cử nhân ngành XHH năm 2014	Quyết định số 3332/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 15/09/2014	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 2972/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 2/10/2015	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 754/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 22/02/2016	HVBC&TT	
17	H4.04.01.16.DC	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2018	Quyết định số 4969-QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 26/10/2018	HVBC&TT	
18	H4.04.01.17	Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017-2020	2017- 2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H4.04.02.01.DC	Đề cương chi tiết học phần 2016	2016	Khoa XHH&PT	
2	H4.04.02.02.DC	Đề cương chi tiết học phần 2018	2018	Khoa XHH&PT	
3	H4.04.02.03.DC	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa XHH&PT	
4	H4.04.01.08.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020			

		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBCTT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCTT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT	
		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH	2020	HVBC&TT	
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT	
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Biên bản thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành XHH	2020	HVBC&TT	
5	H4.04.02.04.DC	Ma trận CĐR-Phương pháp dạy học	2020	Khoa XHH&PT	
6	H4.04.02.05.DC	Ma trận Phương pháp dạy học - Kiểm tra đánh giá	2020	Khoa XHH&PT	
7	H4.04.01.07.DC	Chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 20/9/2020	HVBC&TT	
8	H4.04.02.06	Danh sách cơ sở sinh viên đến thực hành, kiến tập, thực tập, thực tế chính trị - XH	2016-2020	Khoa XHH &PT	

9	H4.04.02.07	Giấy khen giảng viên dạy giỏi (MC điển hình của GV trong khoa tham gia hội thi GV giảng dạy giỏi)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
10	H4.04.02.08	Ma trận phương pháp dạy học và khối kiến thức	2020	Khoa XHH &PT	
11	H4.04.01.14.DC	Thống kê nghiên cứu khoa học của sinh viên	2016-2020	Khoa XHH &PT	
12	H4.04.02.09	Biên bản hội nghị khoa học sinh viên các năm của trường 2016 - 2020	2016-2020	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2016	21/4/2016	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2017	15/05/2017	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2018	04/10/2018	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2019	23/4/2019	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2020	04/01/2020	HVBC&TT	
13	H4.04.02.10	Hồ sơ nghiên cứu khoa học sinh viên ngành Xã hội học	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
		Đề xuất danh mục đề tài nghiên cứu khoa học SV các năm của khoa gửi Ban Khoa học	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
		Quyết định Hội đồng tư vấn đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
		Quyết định triển khai nghiên cứu Đề tài khoa học sinh viên năm 2019 (Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)	6404-QĐ/HVBC&TT-KH ngày 28/12/2018	HVBC&TT	
		Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên 2019(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)	6405-QĐ/HVBC&TT-KH ngày 28/12/2018	HVBC&TT	
		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài KHSV	4762-QĐ/HVBC&TT-KH	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019	19/11/2019	HVBC&TT	
		Biên bản bàn giao sản phẩm	27/11/2019	HVBC&TT	

		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	27/11/2019	HVBC&TT	
14	H4.04.02.11	Quy chế giảng dạy trực tuyến 2020	2020	HVBC&TT	
15	H4.04.02.12	Phần mềm dạy học trực tuyến MS Teams MC điền hình bài giảng của GV	chụp màn hình	Khoa XHH&PT	
16	H4.04.02.13	Giấy khen GV có thành tích trong giảng dạy trực tuyến năm 2020 (MC điền hình của thầy Vũ Hào Quang)	2020	HVBC&TT	
17	H4.04.02.14	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên	2016-2020	Khoa XHH &PT/Khảo thí	
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên các năm từ 2016 - 2020	2016-2020	Khoa XHH &PT/Khảo thí	
		Khảo sát của khoa XHH&PT đối với cựu sinh viên	2016-2020	Khoa XHH &PT/Khảo thí	
18	H4.04.02.15.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng dạy học	2016-2020	Khoa XHH &PT/Khảo thí	
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016-2020	Khoa XHH &PT/Khảo thí	
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H4.04.01.15.DC	CTĐT bậc cử nhân ngành XHH năm 2014	Quyết định số 3332/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 15/09/2014	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 2972/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 2/10/2015	HVBC&TT	

		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 754/QĐ-HVBCCTT-ĐT, ngày 22/02/2016	HVBC&TT	
2	H4.04.01.16.DC	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2018	Quyết định số 4969-QĐ/HVBCCTT-ĐT, ngày 26/10/2018	HVBC&TT	
3	H4.04.01.07.DC	Chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBCCTT-ĐT, ngày 20/9/2020	HVBC&TT	
4	H4.04.03.01	Hướng dẫn thiết kế phương pháp dạy học đạt CĐR	Số 5621/HD-HVBCCTT-ĐT, ngày 10/11/2019	HVBC&TT	
5	H4.04.02.04.DC	Ma trận CĐR-Phương pháp dạy học	2020	Khoa XHH&PT	
6	H4.04.01.08.DC	Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020			
		Quyết định Về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 2643/QĐ-HVBCCTT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn Rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT đại học	Số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT, ngày 29/04/2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ đại học	Số 3056/KH-HVBCCTT, ngày 15/05/2020	HVBC&TT	

		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH	2020	HVBC&TT	
		Bản nhận xét	2020	HVBC&TT	
		Phiếu thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Biên bản thẩm định CTĐT	2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp ý kiến về CTĐT ngành XHH	2020	HVBC&TT	
7	H4.04.02.03.DC	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa XHH&PT	
8	H4.04.01.14.DC	Thống kê nghiên cứu khoa học của sinh viên	2016-2020	Khoa XHH &PT	
9	H4.04.03.02	Báo cáo khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2016-2020	Khảo thí	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC&TT	
10	H4.04.01.14.DC	Thống kê nghiên cứu khoa học của sinh viên	2016-2020	Khoa XHH &PT	

**DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 5
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC**

<i>Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.</i>					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

1	H5.05.01.01.D C	Quyết định về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC&TT (quy định về học song bằng, học vượt)	Số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017	HVBC&TT	
2	H5.05.01.02.D C	Đề án tuyển sinh hàng năm	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐ-HVBC&TT ngày 10/2/2017	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐ-HVBC&TT ngày 19/3/2018	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐ-HVBC&TT ngày 18/3/2019	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2020	Số 1650-ĐA/HVBC&TT-ĐT 11/5/2020	HVBC&TT	
3	H5.05.01.03	Điểm chuẩn ngành XHH	2016-2020	HVBC&TT	
4	H5.05.01.04.D C	CTĐT bậc cử nhân ngành XHH năm 2014	Quyết định số 3332/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 15/09/2014	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 2972/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 2/10/2015	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 754/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 22/02/2016	HVBC&TT	
5	H5.05.01.05.D C	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2018	Quyết định số 4969/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 26/10/2018	HVBC&TT	
6	H5.05.01.06.D C	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 20/09/2020	HVBC&TT	
7	H5.05.01.07.D C	Chức năng nhiệm vụ của TTKT&ĐBCL			
		Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	876/QĐ-HVCT-HVQG ngày 1/5/2012	HVBC&TT	

		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TTKT & KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&TT	
8	H5.05.01.08.D C	Hồ sơ gặp mặt đầu khóa cho sinh viên			
		Kế hoạch gặp mặt đầu khóa	2016-2020	Khoa XHH&PT	
		Biên bản gặp mặt đầu khóa	2016-2020	Khoa XHH&PT	
9	H5.05.01.09.D C	Sổ tay sinh viên	2016-2020	HVBC&TT	
10	H5.05.01.10.D C	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa XHH&PT	
11	H5.05.01.11.D C	Website quy chế đào tạo tín chỉ	https://ajc.hcma.vn/Pages/default.aspx	HVBC&TT	
12	H5.05.01.12.D C	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	số 2647/HD-HVBCTT ngày 09/07/2020	HVBC&TT	
13	H5.05.01.13.D C	Ma trận CDR và phương pháp kiểm tra đánh giá	2020	Khoa XHH &PT	
14	H5.05.01.14	Bài thi, đề thi tiêu chí đánh giá thang điểm các môn thi tự luận (<i>Minh chứng điển hình</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
15	H5.05.01.15	Bài thi, đề thi tiêu chí đánh giá, thang điểm các môn thi vấn đáp (<i>Minh chứng điển hình vấn đáp.</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
16	H5.05.01.16	Bài tập, phiếu chấm theo hình thức bài tập lớn (<i>Minh chứng điển hình</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
17	H5.05.01.17	Sản phẩm theo hình thức bài sản phẩm (<i>Minh chứng điển hình</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
18	H5.05.01.18	Báo cáo thực tế (<i>Minh chứng điển hình</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	

19	H5.05.01.19.D C	Hồ sơ khóa luận tốt nghiệp	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Khóa luận tốt nghiệp(<i>Minh chứng điển hình</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Phiếu chấm	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Nhận xét	2016-2020	Khoa XHH &PT	
20	H5.05.01.20.D C	Thống kê các hình thức kiểm tra đánh giá	2016-2020	Khoa XHH &PT	
21	H5.05.01.21	Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi	30/11/2015	HVBC&TT	
		Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi	2020	HVBC&TT	
22	H5.05.01.22.D C	Hướng dẫn thiết kế câu hỏi và ngân hàng đề thi	2020	HVBC&TT	
23	H5.05.01.23	Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ	2016-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm công tác ra đề tổ chức kiểm tra đánh giá.	2016-2020		
24	H5.05.01.24	Giấy chứng nhận ngoại ngữ B2 (MC điển hình của sinh viên Minh Anh, XHH 35)	2018	HVBC&TT	
25	H5.05.01.25	Giấy chứng nhận Tin học (MC điển hình của sinh viên Minh Anh, XHH 35)	2018	HVBC&TT	
26	H5.05.01.26	Giấy chứng nhận GDQP, AN (MC điển hình của sinh viên Minh Anh, XHH 35)	2018	HVBC&TT	
27	H5.05.01.27. DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019 về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC&TT	
28	H5.05.01.28.D C	Báo cáo khảo sát SV về môn học, giờ giảng	2016-2020	HVBC&TT	
29	H5.05.01.29.D C	Thống kê khảo sát mức độ hài lòng của SV cuối khóa về phương pháp kiểm tra đánh giá.	2016-2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H5.05.01.01.D C	Quyết định về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC&TT (quy định về học song bằng, học vượt)	Số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017	HVBC&TT	
2	H5.05.02.01.D C	Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí (quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo)	Số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 1/9/2017	HVBC&TT	
		Quyết định về việc ban hành quy định phúc khảo bài thi học phần của HVBC&TT	Số 1117/QĐ-HVBC&TT ngày 9/3/2018	HVBC&TT	
3	H5.05.01.02.D C	Đề án tuyển sinh hàng năm	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐ-HVBC&TT ngày 10/2/2017	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐ-HVBC&TT ngày 19/3/2018	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐ-HVBC&TT ngày 18/3/2019	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2020	Số 1650-ĐA/HVBC&TT-ĐT 11/5/2020	HVBC&TT	
3	H5.05.01.10.D C	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa XHH&PT	
4	H5.05.01.09.D C	Sổ tay sinh viên	2016-2020	HVBC&TT	
5	H5.05.01.11.D C	Website quy chế đào tạo tín chỉ	https://ajc.hcma.vn/Pages/default.aspx	HVBC&TT	

6	H5.05.02.02	Website về kế hoạch, về thời gian thi tuyển sinh đầu vào, kết thúc học phần, thay thế tốt nghiệp (<i>Minh chứng điển hình K39, 40</i>)	đường link	HVBC&TT	
7	H5.05.02.03	Thông báo về kế hoạch thi hết học phần (<i>Minh chứng điển hình K38,39</i>)	phô tô thông báo	Khoa XHH&PT	
8	H5.05.02.04	Thông báo về kế hoạch thi hết học phần (<i>Minh chứng điển hình K38,39</i>)	chụp màn hình thông báo trên nhóm CVHT về lịch thi	H5.05.02.05	
9	H5.05.02.05	Quy định về ra đề, sử dụng ngân hàng câu hỏi	2020	HVBC&TT	
10	H5.05.02.06	Phiếu đánh giá quá trình thực tập (<i>Minh chứng điển hình XHH 35,36 đi thực tập tại iCPA</i>)	2016-2020	Khoa XHH&PT	
11	H5.05.02.07	Báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm công tác ra đề tổ chức kiểm tra đánh giá	2016-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ 2016-2018	12/03/2016	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả công tác khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ CT KT và KĐCLĐT năm 2020	11/11/2019	HVBC&TT	
12	H5.05.02.08	Danh sách sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp	2016-2020	Khoa XHH&PT	
13	H5.05.01.19	Hồ sơ khóa luận tốt nghiệp (<i>Minh chứng điển hình sinh viên Minh Anh XHH 36</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Khóa luận tốt nghiệp	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Phiếu chấm	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Nhận xét	2016-2020	Khoa XHH &PT	
14	H5.05.02.20	Quy định làm lại khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp	2016-2020	HVBC&TT	

15	H5.05.02.21	Đơn xin không làm khóa luận tốt nghiệp (<i>Minh chứng điển hình SV</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
16	H5.05.01.04.D C	CTĐT bậc cử nhân ngành XHH năm 2014	Quyết định số 3332/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 15/09/2014	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 2972/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 2/10/2015	HVBC&TT	
		Điều chỉnh các CTĐT đại học theo hệ thống tín chỉ	Quyết định số 754/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 22/02/2016	HVBC&TT	
17	H5.05.01.05.D C	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2018	Quyết định số 4969/QĐ-HVBC&TT-ĐT, ngày 26/10/2018	HVBC&TT	
18	H5.05.01.06.D C	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 20/09/2020	HVBC&TT	
19	H5.05.01.28.D C	Báo cáo khảo sát SV về môn học, giờ giảng	2016-2020	HVBC&TT	
20	H5.05.01.29.D C	Thống kê khảo sát mức độ hài lòng của SV cuối khóa về phương pháp kiểm tra đánh giá.	2016-2020	HVBC&TT	
21	H5.05.02.21.D C	Minh chứng về việc thực hiện phúc tra, phúc khảo cho SV	2016-2020		
		Danh sách SV xin phúc tra, phúc khảo	2016-2020	HVBC&TT	
		Đơn xin phúc tra, phúc khảo (<i>Minh chứng điển hình</i>)	2016-2020	HVBC&TT	
		Bài phúc tra, phúc khảo (<i>Minh chứng điển hình</i>)	2016-2020	HVBC&TT	
		Kết quả phúc tra, phúc khảo	2016-2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H5.05.01.01.D C	Quyết định về việc ban hành quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của HVBC&TT (quy định về học song bằng, học vượt)	Số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017	HVBC&TT	

2	H5.05.02.01.D C	Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí (quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo...)	Số 2989/QĐ-HVBC&TT ngày 1/9/2017	HVBC&TT	
		Quyết định về việc ban hành quy định phúc khảo bài thi học phần của HVBC&TT	Số 1117/QĐ-HVBC&TT ngày 9/3/2018	HVBC&TT	
3	H5.05.01.22.D C	Hướng dẫn thiết kế câu hỏi và ngân hàng đề thi	2020	HVBC&TT	
4	H5.05.01.12.D C	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	số 2647/HD-HVBC&TT ngày 09/07/2020	HVBC&TT	
5	H5.05.01.10.D C	Đề cương chi tiết học phần 2020	2020	Khoa XHH &PT	
6	H5.05.01.20.D C	Thông kê các hình thức kiểm tra đánh giá	2016-2020	Khoa XHH &PT	
7	H5.05.03.01	Ngân hàng câu hỏi	2016-2020	Khoa XHH &PT	
8	H5.05.03.02.D C	Quyết định về việc ban hành quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi	số 2648/QĐ-HVBC&TT ngày 9/7/2020	HVBC&TT	
9	H5.05.03.03	Danh sách cán bộ chấm thi	2020	Khoa XHH &PT	
		Phiếu chấm	2020	Khoa XHH &PT	
		Bài thi (<i>Minh chứng điển hình bài thi viết, thi vấn đáp, báo cáo thực tập, kiến tập</i>)	2020	Khoa XHH &PT	
		Kết quả biểu 4	2020	Khoa XHH &PT	
10	H5.05.03.04.D C	Kết quả điểm thi trên phần mềm của SV (<i>Minh chứng điển hình SV</i>)	Chụp màn hình	Khoa XHH &PT	
11	H5.05.03.05	Bảng phân công hướng dẫn thực tế CT-XH, kiến tập, thực tập (<i>Minh chứng điển hình kiến tập XHH 37</i>)	Chụp màn hình email phân công	Khoa XHH &PT	

12	H5.05.03.06	Quyết định hướng dẫn kiến tập, thực tập (<i>Minh chứng điển hình XHH 36</i>)	2019-2020	Khoa XHH &PT	
13	H5.05.03.06	Quy định hướng dẫn thực hiện khóa luận tốt nghiệp	2016-2020	HVBC&TT	
14	H5.05.01.19.D C	Hồ sơ khóa luận tốt nghiệp (<i>Minh chứng điển hình sinh viên Minh Anh XHH 36</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Khóa luận tốt nghiệp	2016-2020	Khoa XHH &PT	KT64
		Phiếu chấm	2016-2020	Khoa XHH &PT	KT75
		Nhận xét	2016-2020	Khoa XHH &PT	KT75
15	H5.05.02.21.D C	Minh chứng về việc thực hiện phúc tra, phúc khảo cho SV	2016-2020		
		Danh sách SV xin phúc tra, phúc khảo	2016-2020	HVBC&TT	
		Đơn xin phúc tra, phúc khảo (<i>Minh chứng điển hình</i>)	2016-2020	HVBC&TT	
		Bài phúc tra, phúc khảo (<i>Minh chứng điển hình</i>)	2016-2020	HVBC&TT	
		Kết quả phúc tra, phúc khảo	2016-2020	HVBC&TT	
16	H5.05.02.07.D C	Báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm công tác ra đề tổ chức kiểm tra đánh giá	2016-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ 2016-2018	12/03/2016	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả công tác khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ CT KT và KĐCLĐT năm 2020	11/11/2019	HVBC&TT	
17	H5.05.03.07	Báo cáo tổng kết năm học, biên bản họp khoa có nội dung thảo luận về sự đa dạng, mức độ tin cậy công bằng của đề thi, công tác tổ chức thi	2016-2020	Khoa XH&PT	
18	H5.05.01.28.D C	Báo cáo khảo sát SV về môn học, giờ giảng	2016-2020	HVBC&TT	

19	H5.05.01.29.D C	Thống kê khảo sát mức độ hài lòng của SV cuối khóa về phương pháp kiểm tra đánh giá.	2016-2020	HVBC&TT	
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H5.05.02.01.D C	Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí (quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo...)	Số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 1/9/2017	HVBC&TT	
		Quyết định về việc ban hành quy định phúc khảo bài thi học phần của HVBC&TT	Số 1117/QĐ-HVBC&TT ngày 9/3/2018	HVBC&TT	
2	H5.05.03.04.D C	Kết quả điểm thi trên phần mềm của SV (<i>Minh chứng điển hình SV</i>)	Chụp màn hình	Khoa XHH &PT	
3	H5.05.04.01	Tổng kết lớp	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Báo cáo tổng kết lớp (<i>minh chứng điển hình lớp</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Biên bản họp lớp (<i>minh chứng điển hình lớp</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
		Bảng điểm (điểm học tập, rèn luyện) (<i>minh chứng điển hình lớp</i>)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
4	H5.05.04.02.D C	Biên bản họp phản ánh sinh viên (họp xét điểm thưởng, phạt)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
5	H5.05.04.03	Đối thoại Ban giám đốc và sinh viên			
		Kế hoạch và biên bản hội nghị đối thoại sinh viên từ 2016 - 2020.	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2016	01/09/2016	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2017	01/09/2017	HVBC&TT	

		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2018	01/09/2018	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2019	01/09/2019	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2020	01/09/2020	HVBC&TT	
6	H5.05.01.06.D C	CTĐT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBC TT-ĐT, ngày 20/09/2020	HVBC&TT	
7	H5.05.04.03	Phương hướng hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng của khoa			
		Biên bản họp lớp (minh chứng điển hình lớp)	2020	Khoa XHH &PT	
		Thông tin giữa CVHT và SV (Minh chứng điển hình)	Chụp màn hình điện thoại tin nhắn	Khoa XHH &PT	
		Danh sách học cải thiện, vét qua các kỳ	2019-2020	Khoa XHH &PT	
8	H5.05.01.28.D C	Báo cáo khảo sát SV về môn học, giờ giảng	2016-2020	HVBC&TT	
9	H5.05.01.29.D C	Thống kê khảo sát mức độ hài lòng của SV cuối khóa về phương pháp kiểm tra đánh giá.	2016-2020	HVBC&TT	
<i>Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.</i>					
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H5.05.02.01.D C	Quyết định về việc ban hành quy định về công tác khảo thí (quy định xây dựng đề thi, đánh giá đề thi; quy định phúc khảo...)	Số 2989/QĐ-HVBC TT-KT ngày 1/9/2017	HVBC&TT	
		Quyết định về việc ban hành quy định phúc khảo bài thi học phần của HVBC&TT	Số 1117/QĐ-HVBC TT ngày 9/3/2018	HVBC&TT	

2	H5.05.05.01	Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa	2016-2020	HVBC&TT	
3	H5.05.01.09.D C	Sổ tay sinh viên	2016-2020	HVBC&TT	
4	H5.05.02.21.D C	Minh chứng về việc thực hiện phúc tra, phúc khảo cho SV	2016-2020		
		Danh sách SV xin phúc tra, phúc khảo	2016-2020	HVBC&TT	
		Đơn xin phúc tra, phúc khảo (<i>Minh chứng điển hình</i>)	2016-2020	HVBC&TT	
		Bài phúc tra, phúc khảo (<i>Minh chứng điển hình</i>)	2016-2020	HVBC&TT	
		Kết quả phúc tra, phúc khảo	2016-2020	HVBC&TT	
5	H5.05.04.02.D C	Biên bản họp phản ánh sinh viên (họp xét điểm thưởng, phạt)	2016-2020	Khoa XHH &PT	
6	H5.05.01.28.D C	Báo cáo khảo sát SV về môn học, giờ giảng	2016-2020	HVBC&TT	
7	H5.05.01.29.D C	Thống kê khảo sát mức độ hài lòng của SV cuối khóa về phương pháp kiểm tra đánh giá.	2016-2020	HVBC&TT	

TIÊU CHUẨN 6

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

T T	Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC mới	MC dùng chung			

1		H6.06.01.01 DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ-HVBCCTT ngày 20/2/2017	Học viện BC&TT
2		H6.06.01.02 DC	Chiến lược phát triển của Khoa XHH&PT đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa XHH&PT
3		H6.06.01.03 DC	Đề án vị trí việc làm	2020	Học viện BC&TT
4	H6.06.01 .04		Qui định và qui trình về việc tuyển dụng công chức, viên chức	2016-2020	HVCTQGHCM, Học viện BC&TT
			Quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển dụng	2012-2018	CP, QH
			Nghị định 29 về Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012	CP
			Luật Viên chức	58/2010/QH12 ngày 15/11/2010	QH
			Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học	34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	QH
			QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2013)	1437/QĐ-HVCT- HCQG ngày 02/5/2013	HVCTQGHCM
			QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2014)	2440/QĐ-HVBC&TT ngày 10/7/2014	Học viện BC&TT
			Biên bản họp xét hết tập sự cho giảng viên	2016-2020	Học viện BC&TT
			Minh chứng về Quyết định công nhận hết tập sự cho giảng viên	2016-2020	Học viện BC&TT

5	H6.06.01 .05	Kế hoạch, qui chế và quy trình luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.) 2016 - 2020	2016-2020	Học viện BC&TT
		Kế hoạch xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý HVBCCTT giai đoạn 2016-2020	404/KH-HVBC&TT ngày 17/2/2016	Học viện BC&TT
		Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020	5949-KH/HVBCCTT ngày 21/12/2018	Học viện BC&TT
		QĐ quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các tổ chức đảng, đơn vị, đoàn thể trực thuộc HV	2016-2020	Học viện BC&TT
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2016)	4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016	HVCTQGHCM
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2019)	339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCTQGHCM
		QĐ v/v bổ nhiệm lại cán bộ quản lý	6507-QĐ/HVBCCTT ngày 31/12/2019	Học viện BC&TT
		Biên bản họp khoa quy hoạch rà soát cán bộ	2016-2020	Khoa XHH&PT

		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa XHH&PT (đ/c Phạm Hương Trà)		Học viện BC&TT
		Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức Khoa XHH&PT v/v lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm lại Phó trưởng khoa (đ/c. Nguyễn Thị Tố Quyên)	2020	Học viện BC&TT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa XHH&PT (Đảng Ủy)	2019	Học viện BC&TT
		Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm về nhân sự để bổ nhiệm lại Phó Trưởng Khoa XHH&PT (BGĐ HVBCCTT)	2019	Học viện BC&TT
		QĐ v/v bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý (đ/c Phạm Hương Trà)	Số 230/QĐ-HVBCCTT-TCCB	Học viện BC&TT
		QĐ v/v bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý (đ/c Nguyễn Thị Tố Quyên)		Học viện BC&TT
6	H6.06.01 .06	QĐ chấm dứt, kéo dài và điều chuyển cán bộ, công chức, viên chức	2016-2020	Học viện BC&TT

			Quyết định điều động cán bộ, công chức, viên chức của Nguyễn Thị Tuyết Mai năm 2016	Số 561/QĐ-HVBCCTT ngày 1/3/2016	Học viện BC&TT
			Quyết định đồng ý cho CC, VC được thôi việc theo nguyện vọng cá nhân của Nguyễn Minh Hương	Số 3702/QĐ-HVBCCTT ngày 18/10/2017	Học viện BC&TT
			Quyết định kỷ luật của Trần Thành Nam	2020	Học viện BC&TT
			Quyết định kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn đối với giảng viên của PGS, TS. Vũ Hào Quang	Số 1962/QĐ-HVBCCTT ngày 25/04/2019	Học viện BC&TT
7	H6.06.01 .07		Các văn bản liên quan đến GV thỉnh giảng và kiêm nhiệm	2016-2020	Học viện BC&TT
			Quyết định việc công nhận giảng viên thỉnh giảng 2016	3662/QĐ-HVBC&TT, ngày 31/10/2016	Học viện BC&TT
			Quyết định việc công nhận giảng viên thỉnh giảng (2018)	3768/QĐ-HVBC&TT ngày 29/8/2018	Học viện BC&TT
			Quyết định việc công nhận giảng viên thỉnh giảng 2019	3804/QĐ-HVBC&TT ngày 11/9/2019	Học viện BC&TT
			Thống kê số lượng giảng viên thỉnh giảng của ngành	2016-2020	Học viện BC&TT
			Danh sách giảng viên thỉnh giảng của ngành	2016-2020	Học viện BC&TT

			Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2019	2019	Học viện BC&TT
			Các hợp đồng mời giảng, thỉnh giảng năm 2020	2020	Học viện BC&TT
8	H6.06.01 .08		Báo cáo và biên bản Hội nghị công nhân viên chức hàng năm	2016-2020	Khoa XHH&PT
			Báo cáo tổng kết năm học của Khoa XHH&PT năm 2020	2020	Khoa XHH&PT
			Biên bản họp hội nghị công nhân viên chức Khoa XHH&PT năm 2020	2020	Khoa XHH&PT
9		H06.06.01.0 2.DC	Chiến lược phát triển khoa Xã hội học và Phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2050	2019	Khoa XHH & PT
10		H06.06.01.0 2.DC	Chiến lược phát triển khoa Xã hội học và Phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2050	2019	Khoa XHH & PT
11	H6.06.01 .09		Đề án tuyển sinh đại học chính qui năm 2020	1650-ĐA/HVBCTT- ĐT	Học viện BC&TT
12		H06.06.01.0 2.DC	Chiến lược phát triển khoa Xã hội học và Phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2050	2019	Khoa XHH & PT
13	H6.06.01 .10		Hồ sơ GV cơ hữu và thỉnh giảng của Khoa Xã hội học và Phát triển	2016-2020	Học viện BC&TT
			Thống kê số lượng giảng viên của ngành	2016-2020	Học viện BC&TT
		Danh sách giảng viên của ngành	2016-2020	Học viện BC&TT	
		Hồ sơ giảng viên của ngành	2016-2020	Học viện BC&TT	

14		H06.06.01.02.DC	Chiến lược phát triển khoa Xã hội học và Phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2050	2019	Khoa XHH & PT
15		H6.06.01.06.DC	QĐ chấm dứt, kéo dài và điều chuyển cán bộ, công chức, viên chức	2016-2020	Học viện BC&TT
16		H6.06.01.06.DC	QĐ chấm dứt, kéo dài và điều chuyển cán bộ, công chức, viên chức	2016-2020	Học viện BC&TT
17		H6.06.01.10.DC	Hồ sơ GV cơ hữu và thỉnh giảng của Khoa Xã hội học và Phát triển	2016-2020	Học viện BC&TT
18		H6.06.01.05.DC	Kế hoạch, qui chế và quy trình luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.) 2016 - 2020	2016-2020	Học viện BC&TT
19		H6.06.01.05.DC	Kế hoạch, qui chế và quy trình luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.) 2016 - 2020	2016-2020	Học viện BC&TT
20	H6.06.01.11		Hồ sơ đào tạo bồi dưỡng CBGV năm 2016-2020	2016-2020	Học viện BC&TT
			Đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của các khoa		
			Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng viên của HVBC&TT hàng năm (2016-2020)		
			Thống kê các loại hình đào tạo bồi dưỡng năm 2016-2020		

			QĐ cử CB đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn (Kinh điển, quản lý hành chính nhà nước, v.v)	2016-2020	Học viện BC&TT
			<i>QĐ cử đ/c Bùi Thu Hương đi học lớp Kinh điển Mác-Lê nin</i>	2020	Học viện BC&TT
			QĐ cử CB đi đào tạo, bồi dưỡng dài hạn	2016-2020	Học viện BC&TT
			<i>QĐ cử CB đi học tiến sỹ (đc. Phạm Võ Quỳnh Hạnh)</i>		
			Thống kê kinh phí chi cho đào tạo, bồi dưỡng GV hàng năm (2016-2020)	2016-2020	Học viện BC&TT
21	H6.06.01 .12		Quy chế CTNB v/v hỗ trợ cán bộ viên chức đi học, khen thưởng động viên...		Học viện BC&TT
			QĐ v/v điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần 3	977/QĐ-HVBC&TT ngày 2/4/2014	Học viện BC&TT
			QĐ v/v Ban hành điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ tại HVBC&TT	1818/QĐ-HVBC&TT ngày 24/4/2018	Học viện BC&TT
22		H6.06.01.05 .DC	Kế hoạch, qui chế và quy trình luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.) 2016 - 2020	2016-2020	Học viện BC&TT
23	H6.06.01 .13		Biên bản họp đánh giá dự giờ giảng của giảng viên hàng năm: 2016-2020	2016-2020	Khoa XHH&PT
24	H6.06.01 .14		Khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng của giảng viên và môn học	2016-2020	Học viện BC&TT

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám

<i>sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i>					
T T	Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC mới	MC dùng chung			
25		H06.06.01.0 1.DC	Chiến lược phát triển khoa Xã hội học và Phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2050	2019	Khoa XHH & PT
26		H06.06.01.1 0.DC	Hồ sơ GV cơ hữu và thỉnh thàng của Khoa Xã hội học và Phát triển	2016-2020	Khoa XHH & PT
27		H06.06.01.1 0.DC	Hồ sơ GV cơ hữu và thỉnh thàng của Khoa Xã hội học và Phát triển	2016-2020	Khoa XHH & PT
28	H6.06.02 .01		QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 01/3/2018	Học viện BC&TT
29	H6.06.02 .02		Thông tư 47/2014/TT- BGDĐT	2014	Bộ GD&ĐT
30		H6.06.02.01 .DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 01/3/2018	Học viện BC&TT
31	H6.06.02 .03		Bảng phân công giảng dạy hàng năm	2016	Học viện BC&TT
32	H6.06.02 .04		Thống kê khối lượng giờ giảng và NCKH các năm của Khoa Xã hội học và Phát triển	2016-2020	Khoa XHH&PT
33		H6.06.01.14 .DC	Khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng của giảng viên và môn học	2016-2020	Trung tâm KT & ĐBCL

34		H06.06.02.0 2.DC	Thông tư 47/2014/TT- BGDĐT	2014	Bộ GD&ĐT
35		H06.06.02.0 1.DC	Quy chế làm việc của giảng viên HVBCCTT	928/QĐ-HVBCCTT- ĐT ngày 01/3/2018	Học viện BC&TT
36	H6.06.02 .05		Hệ thống văn bản quy định về quản lý hoạt động KHCN của Học viện	2016-2020	Học viện BC&TT
			Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ban hành ngày 12/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về “Điều lệ trường Đại học”	2014	Thủ tướng CP
			Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học	2011	Bộ GD&ĐT
			Các quy định về quản lý hoạt động KHCN của Học viện	2014	Học viện BC&TT
			Các quy định về quản lý hoạt động KHCN của Học viện	2016	Học viện BC&TT
37	H06.06.0 2.06		Thống kê giờ NCKH của GV Khoa XHH&PT giai đoạn 2016-2020	2016-2020	Khoa XHH&PT
38		H06.06.02.0 6.DC	Thống kê giờ NCKH của GV Khoa XHH&PT giai đoạn 2016-2020	2016-2020	Khoa XHH&PT
39	H06.06.0 2.07		Qui định, qui trình và kết quả đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng tập thể và cá nhân hàng năm	2016-2020	HVCTQGHCM; Học viện BC&TT
			QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCTQGHCM

			Quy định đánh giá, phân loại tập thể cá nhân	2016-2020	Học viện BC&TT
			Qui trình đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm	2016-2020	Học viện BC&TT
			Đăng ký thi đua cá nhân hàng năm (Mẫu 2020)	2016-2020	Khoa XHH&PT
			Mẫu phiếu đánh giá, phân loại tập thể cá nhân hàng năm	2016-2020	Học viện BC&TT
			Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa hàng năm (Mẫu năm 2020)	2016-2020	Học viện BC&TT
			Biên bản họp Hội đồng thi đua Học viện BC&TT hàng năm (Mẫu năm 2020)	2016-2020	Khoa XHH&PT
			QĐ kết quả đánh giá, phân loại tập thể cá nhân (Mẫu năm 2020)	2016-2020	Học viện BC&TT
40		H06.06.02.0 7.DC	Qui định, qui trình và kết quả đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng tập thể và cá nhân hàng năm	2016-2020	Học viện BC&TT
41		H06.06.02.0 7.DC	Qui định, qui trình và kết quả đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng tập thể và cá nhân hàng năm	2016-2020	Học viện BC&TT
42		H06.06.02.0 7.DC	Qui định, qui trình và kết quả đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng tập thể và cá nhân hàng năm	2016-2020	Học viện BC&TT
<i>Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>					
T	Mã minh chứng	Tên minh chứng		Số/ ngày, tháng ban	Nơi ban hành

T				hành	
	MC mới	MC dùng chung			
43		H6.06.01.04 .DC	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức	2016-2020	HVCTQGHCM, Học viện BC&TT
44		H6.06.01.05 .DC	Kế hoạch, qui chế và quy trình luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.) 2016 - 2020		HVCTQGHCM
45		H6.06.01.05 .DC	Kế hoạch, qui chế và quy trình luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý (Quyết định bổ nhiệm, Biên bản họp lấy phiếu tín nhiệm, v.v.) 2016 - 2020	2016-2020	HVCTQGHCM
46		H6.06.01.04 .DC	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức	2016-2020	HVCTQGHCM, Học viện BC&TT
47		H6.06.01.04 .DC	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức	2016-2020	HVCTQGHCM, Học viện BC&TT
48		H6.06.01.04 .DC	Qui định và qui trình về việc tuyển dụng công chức, viên chức	2016-2020	HVCTQGHCM, Học viện BC&TT
49		H6.06.01.04 .DC	Qui định và qui trình về việc tuyển dụng công chức, viên chức	2016-2020	HVCTQGHCM, Học viện BC&TT

50	H6.06.03 .01		Thống kê GV được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển, nghỉ hưu kèm danh sách và hồ sơ	2016-2020	Học viện BC&TT
51		H6.06.01.05 .DC	QĐ bổ nhiệm cán bộ quản lý của Khoa	2020	Học viện BC&TT
52		H6.06.01.05 .DC	Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức Khoa XHH&PT v/v lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm cán bộ quản lý	2019	Học viện BC&TT
53		H6.06.01.05 .DC	QĐ quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các tổ chức đảng, đơn vị, đoàn thể trực thuộc HV	2016-2020	Học viện BC&TT
54	H6.06.03 .02		Thống kê thành tích thi đua – khen thưởng tập thể	2016-2020	Khoa XHH&PT
55		H6.06.02.07 .DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (Phiếu đánh giá, kết quả)	2016-2020	Học viện BC&TT
			Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2016)	2016	Học viện BC&TT
			Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2017)	2017	Học viện BC&TT
			Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2018)	2018	Học viện BC&TT
			Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2019)	2019	Học viện BC&TT
			Hồ sơ đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng của GV (2020)	2020	Học viện BC&TT

		H6.06.01.14 .DC	Khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng của giảng viên và môn học		
<i>Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá</i>					
T	Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
T	MC mới	MC dùng chung			
56	H6.06.04 .01		Thông tư liên tịch Hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục ĐH công lập	28/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 6/11/2015	BGDĐT-BNV
57		H6.06.02.01 .DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 01/3/2018	Học viện BC&TT
58		H6.06.01.02 .DC	Chiến lược phát triển của Khoa XHH&PT đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa XHH&PT
59		H6.06.02.01 .DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2020	Học viện BC&TT
60		H6.06.02.04 .DC	Thống kê khối lượng công việc của từng cá nhân (giờ giảng, nghiên cứu khoa học, công việc khác): 2016-2020	2016-2020	Khoa XHH&PT
61		H6.06.02.04 .DC	Qui định, qui trình và kết quả đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng tập thể và cá nhân hàng năm	2016-2020	Học viện BC&TT

62		H6.06.02.07 .DC	Thống kê kết quả đánh giá xếp loại đội ngũ giảng viên kèm danh sách 2016-200	2016-2020	Khoa XHH&PT
63	H6.06.04 .02		Thống kê các khoá bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn, dài hạn dành cho GV 2016-2020	2016-2020	Khoa XHH&PT
64		H6.06.02.08 .DC	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCTQGHCM
65		H6.06.02.08 .DC	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCTQGHCM
66	H6.06.04 .03		Giấy khen Giảng viên giỏi/xuất sắc của Học viện BC&TT và HVCTQGHCM (đ/c Dương Thị Thu Hương)	2016-2020	Học viện BC&TT
67		H6.06.02.13 .DC	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về giảng viên trong giai đoạn đánh giá	2016-2020	Học viện BC&TT
75	H6.06.04 .04		Kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá	2016-2020	Học viện BC&TT

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

T	Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
T	MC mới	MC dùng chung			

68		H6.06.01.02 .DC	Chiến lược phát triển của Khoa XHH&PT đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa XHH&PT
69		H6.06.01.11 .DC	Hồ sơ đào tạo bồi dưỡng CBGV năm 2016-2020	2016-2020	Học viện BC&TT
70		H6.06.01.11 .DC	Hồ sơ đào tạo bồi dưỡng CBGV năm 2016-2020	2020	Học viện BC&TT
71		H6.06.01.11 .DC	Hồ sơ đào tạo bồi dưỡng CBGV năm 2016-2020	2020	Học viện BC&TT
72		H6.06.01.12 .DC	Quy chế CTNB v/v hỗ trợ cán bộ viên chức đi học, khen thưởng động viên...	2016-2020	Học viện BC&TT
73		H6.06.01.12 .DC	Quy chế CTNB v/v hỗ trợ cán bộ viên chức đi học, khen thưởng động viên...	2016-2020	Học viện BC&TT
74		H6.06.02.05 .DC	Hệ thống văn bản quy định về quản lý hoạt động KHCN của Học viện	2016-2020	Học viện BC&TT
75	H06.06.0 5.01		Thống kê kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động NCKH, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ và Khoa XHH&PT	2016-2020	Học viện BC&TT
76		H6.06.01.11 .DC	Thống kê danh sách và các loại hình đào tạo bồi dưỡng CBGV năm 2016-2020	2016-2020	Học viện BC&TT
77		H6.06.01.12 .DC	Quy chế CTNB v/v hỗ trợ cán bộ viên chức đi học, khen thưởng động viên...	2016-2020	Học viện BC&TT
<i>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng</i>					
T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	

	MC mới	MC dùng chung			
78		H6.06.02.07 .DC	Quy định, qui trình và kết quả đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng tập thể và cá nhân hàng năm		
79		H6.06.02.01 .DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 01/3/2018	Học viện BC&TT
80	H6.06.06 .01		Bảng phân công giảng dạy hàng năm	2020	Học viện BC&TT
81		H6.06.02.01 .DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 01/3/2018	Học viện BC&TT
82	H6.06.06 .02		Bản đăng ký thi đua khen thưởng của GV năm 2016-2020 (Mẫu 2020)	2016-2020	Học viện BC&TT
83		H6.06.02.07 .DC	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVCTQG ngày 4/7/2019	HVCTQGHCM
84		H6.06.06.02 .DC	Bản đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của GV	2016-2020	Học viện BC&TT
85	H6.06.06 .03		Danh sách và QĐ nâng lương trước thời hạn đối với GV hàng năm	2016-2020	Học viện BC&TT
			QĐ v/v nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thành tích xuất sắc năm 2020	2020	Học viện BC&TT
86		H06.06.02.0 7.DC	Quy định, qui trình và kết quả đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng tập thể và cá nhân hàng năm	2016-2020	HVCTQGHCM; Học viện BC&TT
87	H6.06.06		Bằng khen, giấy khen thi đua Khoa XHH&PT hàng		

	.04		năm (Mẫu năm 2020)		
88		H06.06.02.07.DC	Qui định, qui trình và kết quả đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng tập thể và cá nhân hàng năm	2016-2020	HVCTQGHCM; Học viện BC&TT
89	H6.06.06.06		Thông báo v/v lấy ý kiến các bên liên quan đối với dự thảo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng	2153-CV/HVBC&TT ngày 8/5/2019	Học viện BC&TT
90	H6.06.06.07		Thống kê kết quả khảo sát GV về mức độ hài lòng đối với thi đua, khen thưởng 2016-2020	2016-2020	Học viện BC&TT
91	H6.06.06.08		Báo cáo tổng kết Khoa và Học viện	2016-2020	Học viện BC&TT

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

T T	Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành
	MC mới	MC dùng chung			
92		H6.06.02.05.DC	Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
93		H6.06.02.01.DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/3/2018	Học viện BC&TT
94		H6.06.02.07.DC	Qui định, qui trình và kết quả đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng tập thể và cá nhân hàng năm	2019	Khoa XHH&PT

95	H6.06.07 .01		Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa XHH&PT hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa XHH&PT
			Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa XHH&PT năm 2016	2016	Khoa XHH&PT
			Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa XHH&PT năm 2017	2017	Khoa XHH&PT
			Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa XHH&PT năm 2018	2018	Khoa XHH&PT
			Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa XHH&PT năm 2019	2019	Khoa XHH&PT
			Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa XHH&PT năm 2020	2020	Khoa XHH&PT
96		H6.06.02.01 .DC	QĐ V/v ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền		
97		H6.06.07.07 .DC	Đăng ký hoạt động khoa học của Khoa XHH&PT hàng năm 2016-2020	2016-2020	Học viện BC&TT
98		H6.06.02.05 .DC	Hệ thống văn bản quy định về quản lý hoạt động KHCN của Học viện	2016-2020	Học viện BC&TT
99	H6.06.07 .02		Khen thưởng cá nhân, đơn vị về thành tích khoa học	2016-2020	Học viện BC&TT
			Giấy khen bài báo quốc tế của Dương Thu Hương	2018	Học viện BC&TT
			Giấy khen bài báo quốc tế của Bùi Thu Hương	2020	Học viện BC&TT

10 0	H6.06.07 .03	Minh chứng hợp tác với FES	2016-2020	Học viện BC&TT; Khoa XHH&PT
---------	-----------------	----------------------------	-----------	--------------------------------

TIÊU CHUẨN 7

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Có hay chưa	Đơn vị BS	Ghi chú	Mã MC đơn vị	Ghi chú thay đổi MC
1	H7.07.01.01.DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC&TT					
2	H7.07.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa XHH&&PT đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa XHH&&PT					
3	H7.07.01.03.DC	Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu	CB	Lọc theo danh sách nhân viên hỗ trợ		
4	H7.07.01.04.DC	Danh sách và thống kê cán bộ hỗ trợ ngành XHH	2016-2020	HVBC&TT					
5	H7.07.01.05.DC	Hồ sơ năng lực cán bộ hỗ trợ ngành XHH	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu	CB			
6	H7.07.01.06.DC	Kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ) 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	Chuyển xuống H7.07.01.17 DC				

TIÊU CHUẨN 7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Có hay chưa	Đơn vị BS	Ghi chú	Mã MC đơn vị	Ghi chú thay đổi MC
7	H7.07.02.01	Quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển dụng	2012-2018	CP, QH					
		Nghị định 29 về Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012	CP					
		Luật Viên chức	58/2010/QH12 ngày 15/11/2010	QH					
		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học	34/2018/QH14 ngày 19/11/2018	QH					
8	H7.07.01.02..DC	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức	2013-2014	HVCTQGHCM, HVBC&TT					
		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2013)	1437/QĐ-HVCT-HCQG ngày 02/5/2013	HVCTQGHCM					

		QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (2014)	2440/QĐ- HVBC&TT ngày 10/7/2014	HVBC&TT					
9	H7.07.01.03.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý		HVCTQGHCM					
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2016)	4503/QĐ- HVCTQG ngày 12/10/2016	HVCTQGHCM					
		QĐ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý (2019)	339- QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019	HVCTQGHCM					
10	H7.07.01.02..DC	QĐ ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức	2013-2014	HVCTQGHCM, HVBC&TT					

11	H7.07.02.04	TB lấy ý kiến của các đơn vị về Dự thảo Quy định tuyển dụng, bổ nhiệm	2020	HVBC&TT					
12	H7.07.02.05	Thông báo họp Đảng ủy HV về quy hoạch cán bộ	2016-2020	HVBC&TT	Bỏ vì không có				

TIÊU CHUẨN 7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Có hay chưa	Đơn vị BS	Ghi chú	Mã MC đơn vị	Ghi chú thay đổi MC
13	H7.07.01.03.DC	QĐ ban hành Đề án vị trí việc làm	2020	HVBC&T T					
14	H7.07.01.05.DC	Hồ sơ năng lực của cán bộ hỗ trợ đào tạo ngành QHCC	2016-2020	HVBC&T T					
15	H7.07.03.01.DC	Hồ sơ đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng của cán bộ hỗ trợ ngành QHCC hàng năm	2016-2020	HVBC&T T	Thiếu 2016, 2020	CB			

16	H7.07.03.02..DC	Thống kê các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ văn phòng, tin học, ngoại ngữ, quản lý, v.v. Cho CB, NV	2016-2020	HVBC&T T	Thiếu 2020	CB			
17	H7.07.03.03.DC	Thống kê kết quả đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ đào tạo 2016-2020	2016-2020	HVBC&T T	Thiếu 2020	CB			
18	H7.07.03.04.DC	Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT (2016-2020)	2016-2020	HVBC&T T	Thiếu 2020	VP			VP4A
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2016	2016	HVBC&T T					
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2017	2017	HVBC&T T					
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2018	2018	HVBC&T T					
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2019	2019	HVBC&T T					
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2020	2020	HVBC&T T					

19	H7.07.03.05.DC	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	3370-QĐ/HVC TQG ngày 4/7/2019	HVCTQG HCM					
20	H7.07.03.06.DC	Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm	2016-2020	HVBC&T T	Thiếu	CB	Ban TCCB báo đã cung cấp, đề nghị Khoa QHCC kiểm tra với khoa khác		
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2016	2016	HVBC&T T					
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2017	2017	HVBC&T T					

		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2018	2018	HVBC&T T					
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2019	2019	HVBC&T T					
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua 2020	2020	HVBC&T T					
21	H7.07.01.07.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2016- 2020	HVBC&T T					
		Thông kê mức độ hài lòng của sinh viên về cán bộ hỗ trợ	2016- 2020	HVBC&T T					

TIÊU CHUẨN 7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Có hay chưa	Đơn vị BS	Ghi chú	Mã MC đơn vị	Ghi chú thay đổi MC
22	H7.07.01.01.DC	Chiến lược phát triển Học viện BC&TT đến năm 2035, tầm nhìn 2050	770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017	HVBC&TT					
23	H7.07.01.02.DC	Chiến lược phát triển của Khoa XHH&&PT đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019	Khoa XHH&&PT					
24	H7.07.01.03.DC	QĐ ban hành Đề án vị trí việc làm	2020	HVBC&TT					
25	H7.07.04.01	Văn bản về việc tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hỗ trợ hàng năm							
		Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên hàng năm	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu 2016, 2020	CB			

Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2016	2016	HVBC&TT					
Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2017	2017	HVBC&TT					
Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2018	2018	HVBC&TT					
Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2019	2019	HVBC&TT					
Phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ giảng viên 2020	2020	HVBC&TT					
Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm (2016-2020)	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu	CB	Ktra lại, Ban TCCB nói Đã có cùng với Thông báo và Quyết định mở lớp, nếu		
Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2016	2016	HVBC&TT	(K				
Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2017	2017	HVBC&TT					

		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2018	2018	HVBC&TT					
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2019	2019	HVBC&TT					
		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên của HVBC&TT hàng năm 2020	2020	HVBC&TT					
		Thông báo v/v đăng ký tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng hàng năm	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu 2020				
26	H7.07.04.02.DC	Thống kê các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ văn phòng, tin học, ngoại ngữ, quản lý, v.v. Cho CB, NV	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu 2020	CB			
27	H7.07.04.03	Minh chứng về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hỗ trợ: Quyết định, danh sách	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu 2020	CB			
28		Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về cán bộ hỗ trợ	2016-2020	HVBC&TT					
	H7.07.01.17.DC	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2016-2020						

29		Thống kê mức độ hài lòng của GV về cán bộ hỗ trợ	2018-2020	HVBC&TT					
	H7.07.03.05.DC	Báo cáo kết quả khảo sát Giảng viên về chất lượng đào tạo (bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2018-2020						
30	H7.07.03.04.DC	Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT (2016-2020)	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu 2020	VP			VP4A
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2016	2016	HVBC&TT					
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2017	2017	HVBC&TT					
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2018	2018	HVBC&TT					
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2019	2019	HVBC&TT					
		Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT năm 2020	2020	HVBC&TT					
31	H7.07.01.10.DC	Hồ sơ năng lực của cán bộ hỗ trợ đào tạo ngành QHCC	2016-2020	HVBC&TT					
32	H7.07.04.04.DC	Kế hoạch đối thoại giữa BGĐ và SV hằng năm	2016-2020	HVBC&TT	Kiểm tra xem có Biên bản đối thoại				

					không				
		Kế hoạch đối thoại giữa BGD và SV năm 2016	2016	HVBC&TT					
		Kế hoạch đối thoại giữa BGD và SV năm 2017	2017	HVBC&TT					
		Kế hoạch đối thoại giữa BGD và SV năm 2018	2018	HVBC&TT					
		Kế hoạch đối thoại giữa BGD và SV năm 2019	2019	HVBC&TT					
		Kế hoạch đối thoại giữa BGD và SV năm 2020	2020	HVBC&TT					
33	H7.07.04.05	Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa hằng năm	2016-2020	Khoa XHH&&PT					
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2016	2016	Khoa XHH&&PT					
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2017	2017	Khoa XHH&&PT					
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2018	2018	Khoa XHH&&PT					
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2019	2019	Khoa XHH&&PT					
		Kế hoạch gặp mặt SV đầu khóa năm 2020	2020	Khoa XHH&&PT					
34	H7.07.04.06	Quy chế chi tiêu nội bộ		HVBC&TT					
35	H7.07.01.04.DC	Danh sách và thống kê cán bộ hỗ trợ ngành XHH	2016-2020	HVBC&TT					

36	H7.07.01.10.DC	Hồ sơ năng lực của cán bộ hỗ trợ đào tạo ngành XHH	2016-2020	Khoa XHH&&PT					
----	----------------	--	-----------	--------------	--	--	--	--	--

TIÊU CHUẨN 7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Có hay chưa	Đơn vị BS	Ghi chú	Mã MC đơn vị	Ghi chú thay đổi MC
37	H7.07.05.01	QĐ về việc ban hành Quy chế làm việc của HVBC&TT		HVCTQGHCM	Check lại tên từng QĐ				
		QĐ về việc ban hành Quy chế làm việc của HVBC&TT (2015)	853/QĐ-HVCTQG ngày 25/2/2015	HVCTQGHCM					
		QĐ về việc ban hành Quy chế làm việc của HVBC&TT (2019)	4371-QĐ/HVCTQG ngày 26/8/2019	HVCTQGHCM					
38	H7.07.05.02	QĐ Ban hành Quy định về chế độ làm thêm giờ của công chức, viên chức, người lao động	1351/QĐ-HVBC&TT ngày 27/4/2015	HVBC&TT					

39	H7.07.03.01.D C	QĐ về việc ban hành Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	850/QĐ- HVCTQG, ngày 06/3/2017	HVCTQGHCM					
40	H7.07.03.06.D C	Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu	CB	Kiểm tra lại, Ban TCCB báo đã cung cấp		
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	4752-HD/HVBCTT	HVBC&TT					
		Hướng dẫn v/v đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	3998- HD/HVBC&TT (7/11/2017)	HVBC&TT					
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2018	5460-HD/ HVBC&TT (26/11/2018)	HVBC&TT					
		Hướng dẫn thực hiện đánh giá, phân loại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2017	468-HD/HVCTQG (30/10/2017)	Vụ TCCB – HVCTQGHCM					
		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét danh hiệu thi đua năm 2019	910-HD/HVCTQG (9/10/2019)	Vụ TCCB – HVCTQGHCM					

		Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ công chức, viên chức, người lao động và tổng kết phong trào bình xét danh hiệu thi đua năm 2018		Vụ TCCB – HVCTQGHCM					
41	H7.07.05.03	Bản đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của nhân viên các phòng ban (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT	Bổ sung				
		Bản đăng ký thi đua khen thưởng hàng năm của nhân viên Khoa (MC điển hình)							
42	H7.07.05.03	Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa hàng năm 2016-2020	2016-2020	Khoa XHH&PT					
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2016	2016	Khoa XHH&PT					
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2017	2017	Khoa XHH&PT					
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2018	2018	Khoa XHH&PT					
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2019	2019	Khoa XHH&PT					
		Biên bản họp Hội đồng thi đua Khoa 2020	2020	Khoa XHH&PT					
43	H7.07.05.04	Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT hàng năm 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu	CB			
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2016	2016	HVBC&TT					

		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2017	2017	HVBC&TT					
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2018	2018	HVBC&TT					
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2019	2019	HVBC&TT					
		Biên bản họp bình xét thi đua HVBC&TT 2020	2020	HVBC&TT					
44	H7.07.05.05	Hồ sơ đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng của cán bộ hỗ trợ ngành XHH hàng năm	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu 2016, 2020	CB			
45	H7.07.03.03.D C	Thông kê kết quả đánh giá xếp loại thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên phục vụ đào tạo 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu 2020	CB			
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá về chất lượng đào tạo (Bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2016-2020						
46	H7.07.05.06	Thông báo nâng bậc lương trước thời hạn của cán bộ hỗ trợ (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu của cán bộ hỗ trợ	CB			

47	H7.07.05.07	Danh sách cán bộ hỗ trợ được nâng lương trước thời hạn kèm các quyết định nâng lương trước thời hạn	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu của cán bộ hỗ trợ	CB			
48	H7.07.05.08	QĐ khen thưởng thi đua 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu	TC			
49	H7.07.03.04.D C	Báo cáo tổng kết hội nghị cán bộ viên chức HVBC&TT (2016-2020)	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu 2020	VP			VP4A
50	H7.07.05.09	Thông kê cải tiến trong Quy trình, quy định, triển khai đánh giá xếp loại, thi đua, khen thưởng 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	Bổ sung thay đổi của 2020 (nếu có)	CB			
51	H7.07.05.10	Bảng chấm công hàng tháng: 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	Thiếu	TC			
52	H7.07.03.05.D C	Thông kê mức độ hài lòng của GV về cán bộ hỗ trợ	2018-2020	HVBC&TT					
		Báo cáo kết quả khảo sát Giảng viên về chất lượng đào tạo (bao gồm đội ngũ cán bộ hỗ trợ)	2018-2020						
53	H7.07.05.11	Thông báo v/v lấy ý kiến các bên liên quan đối với dự thảo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng	2153- CV/HVBC&TT ngày 8/5/2019	HVBC&TT					

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 8

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng/ năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCTC1.1				
H8.08.01.01	Đề án tuyển sinh hàng năm: làm rõ chủ trương, chính sách tuyển sinh	2016-2020		Thiếu năm 2016, 2020
	Đề án tự chủ tuyển sinh ĐH chính quy tập trung năm 2016		HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2017	589/ĐA-HVBC&TT-ĐT (10/2/2017)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2018	1269/ĐA-HVBC&TT-ĐT (19/3/2018)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2019	1326-ĐA/HVBC&TT-ĐT (18/3/2019)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2020	2020	HVBC&TT	
H8.08.01.02	Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16/4/2015		
H8.08.01.03	Minh chứng về nhu cầu nhân lực			
	Báo cáo Kết quả khảo sát NTD	2017-2020	HVBC&TT	
	Báo cáo kết quả khảo sát SVTN về tình trạng việc làm	2017-2020	HVBC&TT	
H8.08.01.04	Quy trình xây dựng chính sách tuyển sinh	2020	HVBC&TT	Chưa có
H8.08.01.05	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy các năm từ 2015 – 2019 của HVBC&TT;	2016-2020		

	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2016	321/QĐ-HVBC TT-ĐT (27/1/2016)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2017	508/QĐ-HVBC TT-ĐT (7/2/2017)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2018	418/QĐ-HVBC TT-ĐT (23/1/2018)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019	905-QĐ/HVBC TT-ĐT (15/2/2019)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v bổ sung và thay thế Ủy viên Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2019	3014-QĐ/HVBC TT-ĐT (5/7/2019)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020	1346-QĐ/HVBC TT-ĐT (22/4/2020)	HVBC&TT	
H8.08.01.06	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh	2016-2020		
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	2017	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	1/8/2017	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	2020	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2015	24/8/2015	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2015	8/9/2015	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2016	28/1/2016	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2016	30/8/2016	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2016	28/7/2016	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2017	17/8/2017	HVBC&TT	

	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2017	1/8/2017	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2017	14/2/2017	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2018	6/2/2018	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2018	1/8/2018	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2018	13/8/2018	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học năm 2019	8/8/2019	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	28/2/2019	HVBC&TT	
	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển đại học đợt bổ sung năm 2019	22/8/2019	HVBC&TT	
H8.08.01.07	Bảng so sánh chính sách tuyển sinh trong giai đoạn đánh giá (Đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, v.v.) của ngành đào tạo	2016-2020	Khoa	Chưa có
H8.08.01.8	Bảng tiêu chí tuyển sinh	2016-2020	HVBC&TT	Chưa có
H8.08.01.9	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy của HVBC&TT			
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	1608-TB/HVBC&TT-ĐT (11/5/2020)	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	1595-TB/HVBC&TT-ĐT (30/3/2019)	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2018	1447/TB-HVBC&TT-ĐT (3/4/2018)	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2017		HVBC&TT	
	Thông báo tuyển sinh ĐH hệ chính quy năm 2016	341/BC-HVBC&TT-ĐT (29/1/2016)	HVBC&TT	

H8.08.01.10	Các kênh quảng bá tuyển sinh: Livestream, AJC open day, tư vấn tuyển sinh v.v			
	Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh năm 2018 (AJC Open Day)	1399/KH-HVBCTT (19/3/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tư vấn tuyển sinh năm 2018	507/KH-HVBCTT- ĐT (15/1/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức chương trình tư vấn tuyển sinh năm 2015	251/KH-HVBCTT (19/1/2015)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức ngày hội chinh phục AJC tư vấn tuyển sinh ĐH năm 2017	2017/KH-HVBCTT- ĐT (5/6/2017)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp AJC Open Day 2019	920-KH/HVBCTT (27/2/2019)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp trực tuyến AJC Open Day Online 2020	1771-KH/VBCTT (20/5/2020)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tư vấn tuyển sinh năm 2019	6171-KH/HVBCTT- ĐT (27/12/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức tọa đàm trực tuyến tư vấn điều chỉnh nguyện vọng	3644-KH/HVBCTT (15/9/2020)	HVBC&TT	
	Kế hoạch chi tiết ngày hội tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp 2020	2275-KH/HVBCTT (16/6/2020)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh định hướng nghề nghiệp cho học sinh trên địa bàn thành phố Hoà Bình năm 2020	2521-KH/HVBCTT (2/7/2020)	HVBC&TT	
H8.08.01.11	Quyết định thành lập ban Truyền thông của khoa XHH&PT	2016-2020	HVBC&TT	Khoa XHH chưa có
H8.08.01.12	Thống kê kết quả tuyển sinh từng năm trong giai đoạn đánh giá của HVBC&TT theo các ngành (Kèm quyết định công nhận trúng tuyển đại học)			
	Thống kê số lượng đăng ký, trúng tuyển và nhập học	2016-2020	HVBC&TT	

Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2015	2486/QĐ-HVBC TT (24/8/2015)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận thí sinh trúng tuyển do phúc khảo	2655/ QĐ-HVBC TT (3/9/2015)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2015	2778/ QĐ-HVBC TT- ĐT (9/9/2015)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2016 diện tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, dự bị dân tộc	2389/QĐ-HVBC TT- ĐT (1/8/2016)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2016	2774/ QĐ-HVBC TT- ĐT (1/9/2016)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2016	2660/QĐ-HVBC TT (15/8/2016)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2017	3460/QĐ-HVBC TT (2/8/2017)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2017	3459/ QĐ-HVBC TT- ĐT (21/8/2017)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2018 diện xét tuyển học bạ đối với học sinh trường chuyên/ năng khiếu	3158/QĐ-HVBC TT- ĐT (15/7/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2018	3504/ QĐ-HVBC TT- ĐT (14/8/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2018 diện tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, dự bị dân tộc	3159/QĐ-HVBC TT- ĐT (13/7/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2018	3336/QĐ-HVBC TT (6/8/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2019	3299/QĐ-HVBC TT (8/8/2019)	HVBC&TT	

Quyết định v/v công nhận trúng tuyển đại học chính quy tập trung năm 2019 diện xét học bạ đối với học sinh trường THPT chuyên/ năng khiếu, trường THPT công lập	3077/QĐ-HVBCTT-ĐT (15/7/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2019	3550/QĐ-HVBCTT-ĐT (24/8/2019)	HVBC&TT	
Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy năm 2017 nguyện vọng bổ sung	2754/TB/HVBCTT-ĐT (18/8/2017)	HVBC&TT	
Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy năm 2018	3334/TB/HVBCTT-ĐT (6/8/2018)	HVBC&TT	
Thông báo điểm trúng tuyển và thủ tục xác nhận nhập học đại học chính quy tập trung năm 2018 diện xét tuyển học bạ	3157/TB/HVBCTT-ĐT (15/7/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v công nhận trúng tuyển nguyện vọng bổ sung đại học chính quy tập trung năm 2018	3504/QĐ/HVBCTT-ĐT (14/8/2018)	HVBC&TT	
Thông báo điểm trúng tuyển và thủ tục xác nhận nhập học đại học chính quy tập trung năm 2019 diện xét tuyển học bạ	3076-QĐ/HVBCTT-ĐT (15/7/2019)	HVBC&TT	
Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy năm 2019	3298-TB/HVBCTT-ĐT (8/8/2019)	HVBC&TT	
Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy đợt bổ sung năm 2019	3497-TB/HVBCTT-ĐT (23/8/2019)	Ban QLĐT	
Thông báo điểm trúng tuyển các chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy năm 2015	2485/TB-HVBCTT (24/8/2015)	HVBC&TT	
Thông báo điểm trúng tuyển nguyện vọng bổ sung tuyển sinh ĐH chính quy năm 2015	2772/TB-HVBCTT-ĐT (9/9/2015)	HVBC&TT	
Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy năm 2016	2535/TB-HVBCTT (13/8/2016)	HVBC&TT	
Thông báo danh sách thí sinh diện tuyển thẳng hệ ĐH chính quy tập trung năm 2015	2324/TB-HVBCTT-ĐT (10/8/2015)	HVBC&TT	

	Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy nguyện vọng bổ sung đợt 1 năm 2016	2800/TB-HVBCTT (31/8/2016)	HVBC&TT	
	Thông báo điểm trúng tuyển các ngành, chuyên ngành tuyển sinh ĐH chính quy năm 2017	2442/TB-HVBCTT- ĐT (31/7/2017)	HVBC&TT	
H8.08.01.10. DC	Các kênh quảng bá tuyển sinh: Livestream, AJC open day, tư vấn tuyển sinh v.v			
	Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh năm 2018 (AJC Open Day)	1399/KH-HVBCTT (19/3/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tư vấn tuyển sinh năm 2018	507/KH-HVBCTT- ĐT (15/1/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức chương trình tư vấn tuyển sinh năm 2015	251/KH-HVBCTT (19/1/2015)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức ngày hội chinh phục AJC tư vấn tuyển sinh ĐH năm 2017	2017/KH-HVBCTT- ĐT (5/6/2017)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp AJC Open Day 2019	920-KH/HVBCTT (27/2/2019)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp trực tuyến AJC Open Day Online 2020	1771-KH/VBCTT (20/5/2020)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tư vấn tuyển sinh năm 2019	6171-KH/HVBCTT- ĐT (27/12/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức tọa đàm trực tuyến tư vấn điều chỉnh nguyện vọng	3644-KH/HVBCTT (15/9/2020)	HVBC&TT	
	Kế hoạch chi tiết ngày hội tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp 2020	2275-KH/HVBCTT (16/6/2020)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh định hướng nghề nghiệp cho học sinh trên địa bàn thành phố Hoà Bình năm 2020	2521-KH/HVBCTT (2/7/2020)	HVBC&TT	

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng/ năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCTC1.1				
H8.08.01.02. DC	Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 01/2019... quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, ThS, TS	07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020	Bộ GD-ĐT	
H8.08.01.01. DC	Đề án tuyển sinh hàng năm: làm rõ chủ trương, chính sách tuyển sinh	2016-2020		Thiếu năm 2016, 2020
	Đề án tự chủ tuyển sinh ĐH chính quy tập trung năm 2016		HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2017	589/ĐA-HVBCTT-ĐT (10/2/2017)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2018	1269/ĐA-HVBCTT-ĐT (19/3/2018)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2019	1326-ĐA/HVBCTT-ĐT (18/3/2019)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2020	2020	HVBC&TT	
H8.08.01.9.DC	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy của HVBCCTT			
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2020	1608-TB/HVBCTT-ĐT (11/5/2020)	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2019	1595-TB/HVBCTT-ĐT (30/3/2019)	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2018	1447/TB-HVBCTT-ĐT (3/4/2018)	HVBC&TT	
	Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2017		HVBC&TT	
	Thông báo tuyển sinh ĐH hệ chính quy năm 2016	341/BC-HVBCTT-ĐT (29/1/2016)	HVBC&TT	
H8.08.01.04.DC	Quy trình xây dựng chính sách tuyển sinh	2020	HVBC&TT	Chưa có

H8.08.02.01	Khảo sát sinh viên năm 1 về chính sách tuyển sinh		HVBC&TT/ khoa	Chưa có
-------------	---	--	------------------	---------

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng/ năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
MCTC1.1				
H8.08.03.01	Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy hệ tín chỉ (khối lượng học tập của người học)	3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017	HVBC&TT	
H8.08.03.02	Quy chế đào tạo hệ tín chỉ	216-220	HVBC&TT	Chưa có
H8.08.03.03	Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành XHH			
	Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành XHH năm 20014	Quyết định số 3323/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 15/9/2014,		
	Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành XHH năm 20017	Quyết định số 2599/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 08/08/2017,		
	Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành XHH năm 20018	Quyết định số 4969/QĐ-HVBCTT-ĐT, ngày 26/10/2018,		

	Quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907-QĐ/HVBC&TT-ĐT, ngày 20/09/2020		
H8.08.03.04	Phiếu đăng ký học tín chỉ		HVBC&TT	Chưa có
H8.08.03.05	Thống kê kết quả rèn luyện của SV	2016-2020	Phòng CTCT	Cần có 1 bảng thống kê
H8.08.03.06	Danh sách cán bộ chuyên trách được phân công giám sát tiến bộ học tập trong rèn luyện của CTĐT (cán bộ phòng đào tạo, văn phòng khoa, cố vấn học tập, phòng CTCT)	2016-2020	HVBC&TT	lấy từ danh sách cán bộ hỗ trợ (Tiêu chuẩn 7)
H8.08.03.07	Thống kê các hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện dành cho sinh viên	2016-2020		
H8.08.03.8	Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ người học thuộc diện cảnh báo, tồn đọng của khoa:			
	- Biên bản họp phản ánh sinh viên: nguyên nhân và giải pháp (sổ họp phản ánh sinh viên hàng tháng)			
	- Biên bản họp lớp của cố vấn: hoặc chụp màn hình điện thoại đã trao đổi với sv và gia đình			
	- Danh sách học cải thiện, vét qua các kỳ			
H8.08.03.9	Biên bản họp cảnh báo và danh sách sinh viên tồn đọng của Khoa	2016-2020	Khoa XHH	Chưa có
H8.08.03.10	Thống kê các nguyên nhân chậm tốt nghiệp, thôi học, trượt tốt nghiệp	2016-2020	Ban QLĐT	Cần 1 bản thống kê, hiện tại chỉ có đơn của sv

H8.08.03.11	QĐ quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT	2016-2020		
	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBCTT 30/9/2019	HVBC&TT	x
	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBCTT 31/10/2017	HVBC&TT	x
	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC&TT	x
H8.08.03.12	Quyết định về chức năng nhiệm vụ của Phòng CTCT-HTSV	876/QĐ-HVCT- HVQG ngày 1/5//2012	HVBCTT	Chưa có
H8.08.03.05.DC	Thống kê kết quả rèn luyện của SV	2016-2020	Phòng CTCT	Cần có 1 bảng thống kê
H8.08.03.13	Các minh chứng về hỗ trợ SV của CTĐT khó khăn, SV được học bổng: - Kế hoạch, Quyết định, chương trình, hình ảnh, báo cáo; - Danh sách sinh viên của từng CTĐT tham gia			
	Công văn đề nghị Báo QĐND trao học bổng cho sinh viên HVBC	2477HVBC&TT (21/8/2015)	HVBC&TT	
	Công văn gửi Ngân hàng bưu điện Liên Việt và Báo Thanh niên đề nghị cấp học bổng cho sinh viên HVBCTT	3423HVBC&TT (22/10/2015)	HVBC&TT	
	Công văn gửi Quỹ Tấm lòng Việt Đài Truyền hình Việt Nam v/v tài trợ cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tại HVBCTT	3864HVBC&TT (23/11/2015)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v trao tài trợ cho sinh viên	3863/QĐ-HVBCTT (23/11/2015)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v trao tài trợ cho sinh viên	4497/QĐ-HVBCTT (31/12/2015)	HVBC&TT	

Công văn gửi Ngân hàng bưu điện Liên Việt và Báo Thanh niên đề nghị cấp học bổng cho sinh viên HVBC&TT	4030/HVBC&TT (28/11/2016)	HVBC&TT	
Báo cáo v/v chọn sinh viên nhận học bổng Lienviet Post Bank	24/11/2016	HVBC&TT	
Quyết định v/v trao tiền hỗ trợ cho sinh viên gặp khó khăn	633/QĐ-HVBC&TT (7/2/2018)	HVBC&TT	
Công văn gửi Báo Đầu tư v/v lựa chọn sinh viên được học bổng	1255/HVBC&TT (16/3/2018)	HVBC&TT	
Báo cáo Giám đốc v/v hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn	13/8/2018	HVBC&TT	
Công văn gửi Vụ Giáo dục chính trị & công tác HSSV – Bộ GD&ĐT v/v tặng giải thưởng Vừ A Dính cho sinh viên HVBC&TT	1191CV/HVBC&TT (1/3/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK1 năm học 2014-2015 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	1606/QĐ-HVBC&TT (26/5/2015)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2014-2015 cho sinh viên K31 hệ ĐH chính quy tập trung	1895/QĐ-HVBC&TT (18/6/2015)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2014-2015 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	3394/QĐ-HVBC&TT (12/10/2015)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK1 năm học 2015-2016 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	1427/QĐ-HVBC&TT (29/4/2016)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2015-2016 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	3109/QĐ-HVBC&TT (22/9/2016)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK1 năm học 2016-2017 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	1762/QĐ-HVBC&TT (16/5/2017)	HVBC&TT	

Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2016-2017 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	3912/QĐ-HVBC&TT (31/10/2017)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK1 năm học 2017-2018 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	1726/QĐ-HVBC&TT (19/4/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2017-2018 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	4327/QĐ-HVBC&TT (28/9/2018)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK1 năm học 2018-2019 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	1674/QĐ-HVBC&TT (4/4/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội HK2 năm học 2018-2019 cho sinh viên hệ ĐH chính quy tập trung	4076/QĐ/HVBCTT (25/9/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập HK1 năm học 2018-2019 cho sinh viên ĐH chính quy các lớp CLC	2380/QĐ/HVBCTT (25/4/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v cấp học bổng khuyến khích học tập HK2 năm học 2018-2019 cho sinh viên ĐH chính quy các lớp CLC	4077/QĐ/HVBCTT (25/9/2019)	HVBC&TT	
Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2015-2016 đối với sinh viên hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	1426/QĐ-HVBCTT (29/4/2016)	HVBC&TT	
Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2015-2016 đối với sinh viên hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	2555/QĐ-HVBCTT (16/8/2016)	HVBC&TT	
Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2016-2017 đối với sinh viên hệ chính quy tập trung	3385/QĐ-HVBCTT (11/10/2016)	HVBC&TT	
Quyết định v/v miễn giảm học phí năm học 2016-2017 đối với sinh viên hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	3054/QĐ-HVBCTT (11/9/2017)	HVBC&TT	
Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy tập trung cấp bổ sung	2977/QĐ-HVBCTT (16/1/2016)	HVBC&TT	

	Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy tập trung cấp bổ sung năm học 2018 - 2019	4404/QĐ-HVBC TT (4/10/2018)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy tập trung năm học 2019 - 2020	4079/QĐ-HVBC TT (25/9/2019)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v miễn giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy tập trung (bổ sung) năm học 2019 - 2020	219/QĐ-HVBC TT (14/1/2020)	HVBC&TT	
H8.08.03.14	Quyết định kỷ luật, cảnh cáo sinh viên			
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2019-2020	25/10/2019	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2018-2019	26/4/2019	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2018-2019	26/10/2018	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2017-2018	20/4/2018	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2017-2018	22/10/2017	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2016-2017	28/4/2017	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2015-2016	22/4/2016	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2016-2017	21/10/2016	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 2 năm học 2016-2017	28/4/2017	Ban QLĐT	
	Biên bản họp hội đồng xét kỷ luật sinh viên học kỳ 1 năm học 2016-2017	21/10/2016	Ban QLĐT	

Quyết định v/v cảnh cáo sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2014-2015	2889/QĐ-HVBCTT-ĐH (10/9/2015)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2015-2016	2678/QĐ-HVBCTT-ĐH (24/8/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo sinh viên nghỉ học không phép học kỳ 2 năm học 2015-2016	3374/QĐ-HVBCTT-ĐH (20/9/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2015-2016	744/QĐ-HVBCTT-ĐH (10/3/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo sinh viên nghỉ học không phép học kỳ 1 năm học 2015-2016	854/QĐ-HVBC&TT(21/3/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v đình chỉ học tập 1 năm năm học 2015-2016	3376/QĐ-HVBCTT-ĐT (20/9/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh báo học tập năm học 2015-2016	3375/QĐ-HVBCTT-ĐT (20/9/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2016-2017	850/QĐ-HVBCTT-ĐH (3/3/2016)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v cảnh cáo, khiển trách sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2016-2017	2775/QĐ-HVBC&TT-ĐH (22/8/2017)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2017-2018	186/QĐ-HVBCTT-ĐH (16/1/2018)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2017-2018	570/QĐ-HVBCTT-ĐT (31/1/2018)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi đợt 2 học kỳ 2 năm học 2017-2018	3530/QĐ-HVBCTT-ĐT (15/8/2018)	Ban QLĐT	
Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi đợt 1 học kỳ 2 năm học 2017-2018	3617/QĐ-HVBCTT-ĐT (22/8/2018)	Ban QLĐT	

	Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 1 năm học 2019-2020	830/QĐ-HVBC TT-ĐT (3/3/2020)	Ban QLĐT	
	Quyết định v/v kỷ luật sinh viên vi phạm quy chế thi học kỳ 2 năm học 2018-2019	3323/QĐ-HVBC TT-ĐT (6/8/2019)	HVBC&TT	
H8.08.03.15	BC tổng kết năm học của khoa	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.03.16	Báo cáo tổng kết năm học của Học viện	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.03.17	Bảng thống kê kết quả học tập của người học qua các năm	2016-2020	Ban QLĐT	
	Thống kê điểm trung bình của người học theo tín chỉ	2016-2020	Ban QLĐT	
H8.08.03.18	Thống kê số lượng sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo	2016-2020	Ban QLĐT	

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ ngày, tháng/ năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H8.08.04.01	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu khoá	2016-2020		
	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2016-2017 cho sinh viên K36	2740/KH-HVBC&TT (26/8/2016)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2017-2018 cho sinh viên K37	2566/KH-HVBC&TT (24/8/2017)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2018-2019 cho sinh viên K38	3396/KH-HVBC&TT (8/8/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2019-2020 cho sinh viên K39	3347/KH-HVBC&TT (8/8/2019)	HVBC&TT	

	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên năm học 2020 - 2021 cho sinh viên K40	2020	HVBC&TT	
H8.08.04.2	Thống kê các hoạt động thi đua, ngoại khoá (số lượng và danh sách sinh viên tham gia) kèm Minh chứng			
	Kế hoạch tập huấn công tác Đoàn cụm đoàn trường học, đoàn khối các cơ quan TU. Khai mạc AJC cup và Ngày hội thể thao sinh viên năm học 2016-2017	05KH/ĐTN (24/11/2016)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyển chọn MC Speak up 2017	37KH/ĐTN (1/2017)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổng kết công tác Đoàn và phong trào sinh viên năm học 2016-2017, Tập huấn công tác Đoàn năm học 2017-2018	03KH/ĐTNHVBCCTT (29/10/2017)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức giải bóng đá sinh viên AJC Cup năm học 2017-2018	05KH/ĐTN HVBCCTT (7/11/2017)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng Thanh niên năm 2018 và kỷ niệm 87 năm ngày thành lập ĐTNCSHCM	07KH/ĐTN HVBCCTT (28/2/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tập huấn công tác Đoàn năm học 2018-2019	14KH/ĐTN (1/10/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức chương trình chia tay K34 Phút cuối 2018	09KH/ĐTN HVBCCTT (25/3/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức cuộc thi Tài sắc nữ sinh Báo chí Press Beauty 2018	06KH/ĐTN HVBCCTT (20/1/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức chương trình chia tay K34 Chuyện của chúng ta	21KH/ĐTN HVBCCTT (20/4/2019)	HVBC&TT	

	Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2019	19KH/ĐTN HVBCCTT (20/2/2019)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức cuộc thi Tìm kiếm tài năng người dẫn chương trình tài năng Speak up 2019	20KH/ĐTN HVBCCTT (10/3/2019)	HVBC&TT	
	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2020 của Đoàn Thanh niên	22/11/2019	HVBC&TT	
	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2019 của Đoàn Thanh niên	25/12/2018	HVBC&TT	
	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2018 của Đoàn Thanh niên	28/11/2017	HVBC&TT	
	Công văn v/v Tổ chức hội nghị tập huấn và trao đổi nghiệp vụ công tác đoàn	68-CV/ĐTNHV (19/12/2019)	HVBC&TT	
H8.08.04.3	Thống kê các hoạt động hỗ trợ việc làm, các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm (số lượng và danh sách sinh viên được hỗ trợ) kèm minh chứng	2016-2020	Đoàn TN	
	Thống kê các hoạt động rèn luyện, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên trong giai đoạn 2016-2020	2016-2020	Đoàn TN	
	Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho sinh viên năm học 2017-2018	03KH/ĐTNHVBCCTT (13/9/2017)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho sinh viên năm học 2019-2020	27KH/ĐTNHVBCCTT (20/8/2019)	HVBC&TT	
H8.08.04.04	Đề án vị trí việc làm của Khoa (vị trí cố vấn học tập)		HVBC&TT	
H8.08.04.05	Danh sách sinh viên tham gia các đợt thực địa, hội thảo của khoa trong khuôn khổ hợp tác với FES, CSAGA...		Khoa XHH	Chưa có
H8.08.04.06	Minh chứng về các hoạt động SV tham gia NCKH dưới sự hướng dẫn của GV (thống kê số lượng kèm hồ sơ - MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT	
	Quyết định về việc triển khai nghiên cứu đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6385-QĐ/HVBCCTT-KH (28/12/2018)	Ban QLKH	

Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6395-QĐ/HVBCTT (28/12/2018)	Ban QLKH	
Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	4633-QĐ/HVBCTT- KH (16/10/2019)	Ban QLKH	
Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019	19/11/2019	Ban QLKH	
Biên bản bàn giao sản phẩm	27/11/2019	Ban QLKH	
Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	27/11/2019	Ban QLKH	
Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6393-QĐ/HVBCTT (28/12/2018)	Ban QLKH	
Quyết định về việc triển khai nghiên cứu đề tài khoa học sinh viên năm 2019	6384-QĐ/HVBCTT- KH (28/12/2018)	Ban QLKH	
Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	4635-QĐ/HVBCTT- KH (16/10/2019)	Ban QLKH	
Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019	31/10/2019	Ban QLKH	
Biên bản bàn giao sản phẩm	11/11/2019	Ban QLKH	
Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	11/11/2019	Ban QLKH	
Hợp đồng nghiên cứu khoa học	157HĐSVKH/HVBC- TT (5/1/2017)	Ban QLKH	
Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	3841/QĐ-HVBCTT- KH (26/10/2017)	Ban QLKH	
Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2017	8/12/2017	Ban QLKH	
Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	13/12/2017	Ban QLKH	
Biên bản bàn giao sản phẩm	13/12/2018	Ban QLKH	
Hợp đồng nghiên cứu khoa học	200HĐSVKH/HVBC- TT (1/1/2016)	Ban QLKH	

	Quyết định v/v thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học sinh viên	3557/QĐ-HVBC TT-KH (20/10/2016)	Ban QLKH	
	Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2016	15/11/2016	Ban QLKH	
	Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	2/12/2016	Ban QLKH	
	Biên bản bàn giao sản phẩm	1/12/2016	Ban QLKH	
H8.08.04.07	Thống kê các loại học bổng cho sinh viên	2016-2020	Khoa	
H8.08.04.08	Thống kê số lượng và danh sách nghiên cứu đề tài khoa học sv đăng ký tham gia giải thưởng	2016-2020	Ban QLKH	
H8.08.04.09	Kế hoạch Đối thoại giữa BGD và sv	2016-2020	HVBC&TT	Chưa có
H8.08.04.10	Báo cáo tổng hợp ý kiến đối thoại giữa BGD và sinh viên	2016-2020	HVBC&TT	Chưa có
H8.08.04.11	Thống kê các hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện dành cho sinh viên	2016-2020		
	Quyết định v/v trao giải cho các đơn vị đạt giải thưởng Gian trại ấn tượng và giải khuyến khích trong ngày hội Tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp	1615/QĐ/HVBC TT (28/3/2019)	HVBC&TT	
	Danh sách sinh viên xin xác nhận vay vốn tín dụng năm 2016	20/8/2016	HVBC&TT	
	Danh sách sinh viên xác nhận vay vốn năm 2017	3/12/2017	HVBC&TT	
	Danh sách sinh viên làm xác nhận vay vốn tín dụng năm 2018	2018	HVBC&TT	
	Danh sách sinh viên nộp giấy xác nhận vay vốn năm 2019	2019	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên năm học 2015-2016	285/QĐ-HVBC TT (18/1/2017)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên năm học 2016-2017	286/QĐ-HVBC TT (18/1/2017)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên năm 2017	5107/QĐ-HVBC TT (27/12/2017)	HVBC&TT	
	Danh sách sinh viên được nhận hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2018 (đợt 1)	2018	HVBC&TT	

	Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên 5 tháng đầu năm 2018 (đợt 2)	4993QĐ/HVBCTT (31/10/2018)	HVBC&TT	
	Quyết định v/v cấp hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên 5 tháng cuối năm 2018 (đợt 3)	4994QĐ/HVBCTT (31/10/2018)	HVBC&TT	
H8.08.04.12	Danh sách trao học bổng của khoa các năm từ Quỹ khoa (CPA, MÁI âm tính thương)		Khoa XHH	Chưa có
H8.08.04.3.DC	Thống kê các hoạt động hỗ trợ việc làm, các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm (số lượng và danh sách sinh viên được hỗ trợ) kèm minh chứng	2016-2020	Đoàn TN	
	Thống kê các hoạt động rèn luyện, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên trong giai đoạn 2016-2020	2016-2020	Đoàn TN	
	Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho sinh viên năm học 2017-2018	03KH/ĐTNHVBCTT (13/9/2017)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho sinh viên năm học 2019-2020	27KH/ĐTNHVBCTT (20/8/2019)	HVBC&TT	
H8.08.04.13	Kế hoạch kiến tập, thực tập của Khoa XHH	2016-2020	Khoa XHH	Chưa đầy đủ
H8.08.04.2.DC	Thống kê các hoạt động thi đua, ngoại khoá (số lượng và danh sách sinh viên tham gia) kèm Minh chứng			
	Kế hoạch tập huấn công tác Đoàn cụm đoàn trường học, đoàn khối các cơ quan TƯ. Khai mạc AJC cup và Ngày hội thể thao sinh viên năm học 2016-2017	05KH/ĐTN (24/11/2016)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyển chọn MC Speak up 2017	37KH/ĐTN (1/2017)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổng kết công tác Đoàn và phong trào sinh viên năm học 2016-2017, Tập huấn công tác Đoàn năm học 2017-2018	03KH/ĐTNHVBCTT (29/10/2017)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức giải bóng đá sinh viên AJC Cup năm học 2017-2018	05KH/ĐTN HVBCTT (7/11/2017)	HVBC&TT	

	Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng Thanh niên năm 2018 và kỷ niệm 87 năm ngày thành lập ĐTNCSHCM	07KH/ĐTN HVBCCTT (28/2/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tập huấn công tác Đoàn năm học 2018-2019	14KH/ĐTN (1/10/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức chương trình chia tay K34 Phút cuối 2018	09KH/ĐTN HVBCCTT (25/3/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức cuộc thi Tài sắc nữ sinh Báo chí Press Beauty 2018	06KH/ĐTN HVBCCTT (20/1/2018)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức chương trình chia tay K34 Chuyện của chúng ta	21KH/ĐTN HVBCCTT (20/4/2019)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2019	19KH/ĐTN HVBCCTT (20/2/2019)	HVBC&TT	
	Kế hoạch tổ chức cuộc thi Tìm kiếm tài năng người dẫn chương trình tài năng Speak up 2019	20KH/ĐTN HVBCCTT (10/3/2019)	HVBC&TT	
	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2020 của Đoàn Thanh niên	22/11/2019	HVBC&TT	
	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2019 của Đoàn Thanh niên	25/12/2018	HVBC&TT	
	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2018 của Đoàn Thanh niên	28/11/2017	HVBC&TT	
	Công văn v/v Tổ chức hội nghị tập huấn và trao đổi nghiệp vụ công tác đoàn	68-CV/ĐTNHV (19/12/2019)	HVBC&TT	
H8.08.01.01.DC	Đề án tuyển sinh hàng năm: làm rõ chủ trương, chính sách tuyển sinh	2016-2020		Thiếu năm 2016, 2020
	Đề án tự chủ tuyển sinh ĐH chính quy tập trung năm 2016		HVBC&TT	

	Đề án tuyển sinh năm 2017	589/ĐA-HVBCTT-ĐT (10/2/2017)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2018	1269/ĐA-HVBCTT-ĐT (19/3/2018)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2019	1326-ĐA/HVBCTT-ĐT (18/3/2019)	HVBC&TT	
	Đề án tuyển sinh năm 2020	2020	HVBC&TT	
H8.08.04.13	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên về dịch vụ hỗ trợ đào tạo và việc làm	2016-2020	Khoa QHQT	KT20
	Báo cáo khảo sát sinh viên cuối khoá	2016-2020	HVBC&TT	
H8.08.04.14	Thống kê tình trạng việc làm của sv tốt nghiệp chương trình đào tạo	2017-2020	Khoa	KT36
	Báo cáo khảo sát SVTN sau 1 năm tốt nghiệp	2017-2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

H8.08.05.01	Sơ đồ tổng quan HVBCTT	2020	HVBC&TT	
	Sơ đồ các toà nhà A1, A2, B1-B11		HVBC&TT	
H8.08.05.02	Thống kê số lượng, diện tích và danh sách các phòng học, phòng thực hành và phòng làm việc, giải trí, thể thao phục vụ CTĐT	2020		
H8.08.05.03	Ảnh chụp Bảng biểu nội quy/quy tắc ứng xử trong môi trường sư phạm.	2020	HVBC&TT	
H8.08.05.04	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên (về CSVC và điều kiện tâm lý, môi trường, xã hội)	2018-2020	HVBC&TT	
H8.08.05.05	Thống kê các CLB kèm MC; Các chương trình hoạt động của CLB và danh sách sv tham gia	2016-2020	Đoàn TN	K119
H8.08.04.2.DC	Thống kê các hoạt động thi đua, ngoại khoá (số lượng và danh sách sinh viên tham gia) kèm Minh chứng			

Kế hoạch tập huấn công tác Đoàn cụm đoàn trường học, đoàn khối các cơ quan TƯ. Khai mạc AJC cup và Ngày hội thể thao sinh viên năm học 2016-2017	05KH/ĐTN (24/11/2016)	HVBC&TT	
Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyển chọn MC Speak up 2017	37KH/ĐTN (1/2017)	HVBC&TT	
Kế hoạch tổng kết công tác Đoàn và phong trào sinh viên năm học 2016-2017, Tập huấn công tác Đoàn năm học 2017-2018	03KH/ĐTNHVBCTT (29/10/2017)	HVBC&TT	
Kế hoạch tổ chức giải bóng đá sinh viên AJC Cup năm học 2017-2018	05KH/ĐTN HVBCTT (7/11/2017)	HVBC&TT	
Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng Thanh niên năm 2018 và kỷ niệm 87 năm ngày thành lập ĐTNCSHCM	07KH/ĐTN HVBCTT (28/2/2018)	HVBC&TT	
Kế hoạch tập huấn công tác Đoàn năm học 2018-2019	14KH/ĐTN (1/10/2018)	HVBC&TT	
Kế hoạch tổ chức chương trình chia tay K34 Phút cuối 2018	09KH/ĐTN HVBCTT (25/3/2018)	HVBC&TT	
Kế hoạch tổ chức cuộc thi Tài sắc nữ sinh Báo chí Press Beauty 2018	06KH/ĐTN HVBCTT (20/1/2018)	HVBC&TT	
Kế hoạch tổ chức chương trình chia tay K34 Chuyện của chúng ta	21KH/ĐTN HVBCTT (20/4/2019)	HVBC&TT	
Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2019	19KH/ĐTN HVBCTT (20/2/2019)	HVBC&TT	
Kế hoạch tổ chức cuộc thi Tìm kiếm tài năng người dẫn chương trình tài năng Speak up 2019	20KH/ĐTN HVBCTT (10/3/2019)	HVBC&TT	

	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2020 của Đoàn Thanh niên	22/11/2019	HVBC&TT	
	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2019 của Đoàn Thanh niên	25/12/2018	HVBC&TT	
	Đăng ký kế hoạch công tác năm 2018 của Đoàn Thanh niên	28/11/2017	HVBC&TT	
	Công văn v/v Tổ chức hội nghị tập huấn và trao đổi nghiệp vụ công tác đoàn	68-CV/ĐTNHV (19/12/2019)	HVBC&TT	
H8.08.05.06	Dữ liệu khám sức khoẻ định kỳ đối với sv (Kế hoạch và danh sách)	2016-2020	HVBC&TT	VP14
H8.08.05.07	Thống kê số lượng sinh viên tham gia bảo hiểm y tế kèm danh sách	2016-2020	HVBC&TT	Có DS SV toàn trường mua BHYT, nhưng chưa đầy đủ
H8.08.05.08	Báo cáo tổng kết năm học của VPHV (trong đó có phần của y tế)	2016-2020	Văn phòng HV	Chưa có
H8.08.05.09	MC về phối hợp giữa HV và công an khu vực, chính quyền quận Cầu Giấy để đảm bảo an ninh	2016-2020	HVBC&TT	Chưa có
H8.08.05.10	Quyết định về chức năng nhiệm vụ của Phòng CTCT-HTSV	876/QĐ-HVCT- HVQG ngày 1/5//2012	HVBCTT	
H8.08.05.11	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá (về CSVC và điều kiện tâm lý, môi trường, xã hội)		Khảo thí	Đã có bản mềm kết quả KS SV năm 2018,2019, thiếu các năm trước
H8.08.05.12	Thống kê mức độ hài lòng của sv về đội ngũ CB hỗ trợ		Khảo thí	KT19

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 9

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H9.09.01.01	Sơ đồ tổng quan Học viện	2020	HVBC&TT	In từ cổng thông tin (Sơ đồ tiếp sinh)
H9.09.01.02	Sơ đồ hệ thống phòng học	2020	HVBC&TT	Không có năm
H9.09.01.03	Bảng thống kê cơ sở vật chất: phòng học, phòng thực hành, các trang thiết bị, tiện ích của Học viện BCTT	2020	HVBC&TT	
H9.09.01.04	Sổ theo dõi thực trạng sử dụng phòng học, thiết bị	2016-2020		Thiếu 2020
H9.09.01.05	Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2016-2020	HVBC&TT	
	Hợp đồng, hoá đơn chứng từ liên quan tới việc mua sắm trang thiết bị hàng năm (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT	
H9.09.01.06	Thống kê diện tích Khoa XHH	2020		

H9.09.01.07	Thống kê cơ sở vật chất của khoa XHH&PT 2015-nay	2016-2020	Khoa Triết học, HVBC&TT	Thiếu 2020 chỉ có bản mềm
	Biên bản kiểm kê tài sản khoa XHH&PT	2016-2020	HVBC&TT	Bổ sung
H9.09.01.01.DC	Sơ đồ tổng quan Học viện	2020	HVBC&TT	In từ cổng thông tin (Sơ đồ tiếp sinh)
H9.09.01.08	Thống kê mức độ hài lòng của GV về CSVC 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT	KT22
	Báo cáo kết quả khảo sát GV về chất lượng đào tạo	2018-2020	HVBC&TT	
H9.09.01.09	Thống kê mức độ hài lòng của SV về CSVC, CNTT trong giai đoạn	2016-2020	HVBC&TT	KT17
	Báo cáo kết quả khảo sát Sv cuối khoá về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC&TT	
H9.09.01.10	Kế hoạch đầu tư, xây dựng, cải tạo hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng và trang thiết bị	2016-2020		
	+ Quyết định v/v giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018 của HVBC&TT	Số 1044, 05/03/2018	HVBC&TT	
	+ Quyết định v/v giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2019 của HVBC&TT	Số 8670, 28/12/2018	HVBC&TT	
	+ Quyết định v/v bổ sung danh mục mua sắm tài sản năm 2017 của HVBC&TT	Số 6199, 18/12/2017	HVBC&TT	
	+ Quyết định v/v giao danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2016 của HVBC&TT	Số 189, 15/01/2016	HVBC&TT	

	Quyết định v/v giao danh mục mua sắm tài sản cố định năm 2020 của HVBC&TT	2020	HVBC&TT	
	+ Biên bản đề nghị sửa chữa và bảo trì CSVC	2016-2020	HVBC&TT	
H9.09.01.11	Danh mục trang thiết bị tại các phòng học, giảng đường.	2016-2020	HVBC&TT	
	Biên bản kiểm kê tài sản các toà nhà B1-B11	2016-2020	HVBC&TT	Bổ sung
H9.09.01.12	Thống kê kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2016-2020	HVBC&TT	
	Hợp đồng, hoá đơn chứng từ liên quan tới việc nâng cấp cải tạo phòng học, phòng làm việc hàng năm (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H9.09.02.01	Sơ đồ thư viện	2020-2021	HVBC&TT	(TV7)
H9.09.02.02	Hình ảnh thư viện số	2020	HVBC&TT	In từ cổng thông tin học viện
H9.09.02.03	Thống kê các trang thiết bị trong thư viện 2016-2020	2016-2020:	HVBC&TT	
		15/12/2016		
		15/12/2017		

		15/12/2018		
		15/12/2019		
H9.09.02.04	Danh mục tài liệu (sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, đề tài, luận văn, luận án,...) phục vụ chương trình đào tạo	2016-2020	HVBC&TT	
H9.09.02.05	Danh mục sách tại thư viện số Học viện	2016-2020	HVBC&TT	
H9.09.02.03.DC	Tổng kê các trang thiết bị trong thư viện 2016-2020	2016-2020:	HVBC&TT	
		15/12/2016		
		15/12/2017		
		15/12/2018		
		15/12/2019		
H9.09.02.06	Danh sách tổng kê tài liệu được bổ sung hàng năm của Thư viện (phục vụ ngành Triết học)	2016-2020	HVBC&TT	

H9.09.02.12	Thống kê ngân sách mua tài liệu ngành TH từ 2016 - 2020	2020	HVBC&TT	
	<i>Quyết định về lựa chọn đơn vị cung cấp báo, tạp chí cho Trung tâm Thông tin khoa học</i>		HVBC&TT	
	Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp cơ sở dữ liệu cho thư viện (MC điển hình)	2016-2020		
	+ Quyết định về việc lựa chọn đơn vị xây dựng công cụ phần mềm hỗ trợ số hóa tài liệu nhanh và số hóa tài liệu ngoại văn	1802-QĐ/HVBTT ngày 28/2/2016	HVBC&TT	
		1211 - QĐ/HVBCTT ngày 9/2/2017		
		1415-QĐ/HVBCTT ngày 5/3/2018		
		893-QĐ/HVBCTT ngày 30/1/2019		
	2018-2020			
+ Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp sách cho thư viện	4846-QĐ/HVBCTT ngày 2/10/2018 1261-QĐ/HVBCTT ngày 28/2/2019 1598-QĐ/HVBCTT ngày 2/3/2020	HVBC&TT		

H9.09.02.13	Tổng kê kinh phí bổ sung tài liệu hàng năm Khoa XHH&PT	2016-2020:	HVBC&TT	
		30/12/2016	HVBC&TT	
		30/12/2017	HVBC&TT	
		30/12/2018	HVBC&TT	
		30/12/2019	HVBC&TT	
		30/4/2020	HVBC&TT	
			HVBC&TT	
	Minh chứng hoá đơn thanh toán (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT	
H9.09.02.14	Tổng kê mức độ hài lòng của GV về Thư viện	2018-2020	HVBC&TT	
	Báo cáo kết quả khảo sát CB, GV, NV	2018-2020		
H9.09.02.15	Tổng kê mức độ hài lòng của sinh viên về Thư viện	2017-2020	HVBC&TT	
	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khoá	2017-2020	HVBC&TT	
H9.09.02.16	Thông tin hướng dẫn cách tra cứu, mượn trả sách, sử dụng thư viện điện tử, nội quy và thời gian phục vụ của Thư viện cho sinh viên năm nhất	2016-2020	HVBC&TT	
		16/1/2017		
		28/12/2018		
		1/11/2018		
H9.09.02.17	Nội quy Thư viện trên website và tại các phòng phục vụ của Thư viện	2016-2020	HVBC&TT	
H9.09.02.18	Nội quy Thư viện, đường link cơ sở dữ liệu điện tử của thư viện số	2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H9.09.03.01	Mô tả về hệ thống phòng phòng thực hành, trang thiết bị: Sơ đồ, tên phòng, chức năng phục vụ đào tạo và NCKH:	2020	HVBC&TT	
	Sơ đồ phòng thực hành	2020	HVBC&TT	
	Bảng thống kê phòng học, thực hành	2016-2020	HVBC&TT	
H9.09.03.02	Văn bản quy định về quản lý và sử dụng tài sản công của khoa Triết học, của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. (nằm trong VP1)	Số 4805 ngày 18/12/2014	HVBC&TT	
H9.09.03.03	Các quy định, tài liệu hướng dẫn của phòng thực hành của HV			
	Quyết định về việc ban hành Nội quy phòng học, Nội quy sử dụng phòng máy tính, Nội quy sử dụng Studio	Số 3479, ngày 30/10/2015	HVBC&TT	
	Quyết định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành, chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 386, ngày 11/02/2020	HVBC&TT	
H9.09.03.04	Thống kê số lượng trang thiết bị, phòng thực hành trong giai đoạn đánh giá từ 2016-2020	2020	HVBC&TT	

	Biên bản kiểm kê tài sản phòng thực hành	2016-2020	HVBC&TT	
H9.09.03.05	Sổ theo dõi tần suất sử dụng phòng thực hành	2016-2020	Văn phòng HV	
	Nhật kí sử dụng phòng máy tính, B1.304	2016-2017	Văn phòng HV	
	Nhật kí sử dụng phòng lab ngoại ngữ B3.103	2016-2017, 2017-2018	Văn phòng HV	
	Sổ ghi thông tin lịch giảng dạy phòng thực hành	2016-2017	Văn phòng HV	
H9.09.01.08.DC	Thống kê mức độ hài lòng của GV về CSVC 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT	KT22
	Báo cáo kết quả khảo sát GV về chất lượng đào tạo	2018-2020	HVBC&TT	
H9.09.01.09.DC	Thống kê mức độ hài lòng của SV về CSVC, CNTT trong giai đoạn	2016-2020	HVBC&TT	KT17
	Báo cáo kết quả khảo sát Sv cuối khoá về chất lượng đào tạo	2016-2020	HVBC&TT	

H9.09.03.06	Thống kê kinh phí dành cho các hoạt động mua sắm, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị phòng thực hành trong giai đoạn đánh giá	2016 - 2020	HVBC&TT	
	Hợp đồng, hoá đơn chứng từ kèm theo (MC điển hình)	2016-2020	HVBC&TT	

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H9.09.04.01	Ảnh chụp (từ máy tính) công thông tin HV, hòm thư, công thông tin quản lý đào tạo (dẫn vào hệ thống phần mềm quản lý), thư viện số,... cùng với đường link đi kèm	2020	HVBC&TT	
H9.09.04.03	<i>Thống kê danh mục Hệ thống công nghệ thông tin gồm: hệ thống máy tính của HV và khoa XHH&PT</i>			
	Thống kê số lượng thiết bị công nghệ thông tin	15/12/2016,		
		10/12/2018,		
		15/06/2020		
	Danh mục hệ thống công nghệ thông tin	15/12/2016,	HVBC&TT	
		15/12/2018,		
15/12/2020				
Thống kê trang thiết bị phòng làm việc khoa XHH	2020	HVBC&TT		

	Thống kê thiết bị khoa XHH&PT được trang bị trong giai đoạn 1/2016-11/2020	2016-2020	Khoa XHH	
	Bảng thống kê cơ sở vật chất: phòng học, phòng thực hành, các trang thiết bị, tiện ích của Học viện BCTT (VP35)	Không có năm	HVBC&TT	
H9.09.04.02	Sơ đồ hệ thống mạng	2020	HVBC&TT	
H9.09.04.03	<i>Danh sách địa chỉ mail nội bộ của cán bộ, GV, sinh viên</i>			
	Danh bạ điện thoại HVBC&TT	2020	HVBC&TT	
	Danh sách tài khoản email sinh viên, học viên ... toàn học viện (in từ file tài khoản dạy trực tuyến của sinh viên)	2020	HVBC&TT	
H9.09.04.04	<i>Hợp đồng kinh tế liên quan đến hạ tầng mạng, cung cấp dịch vụ, bảo trì bảo dưỡng từ 2016-2020 (VP18, VP32)</i>	2016-2019	HVBC&TT	
		Chưa có năm 2020		
	+ HĐ số 01/2019 gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng kết nối Internet năm 2019 của HVBC&TT”	2019	HVBC&TT	
	+ HĐ kinh tế gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh	2018	HVBC&TT	

	thuê riêng kết nối Internet năm 2018”			
	+ Hợp đồng kinh tế gói thầu “Cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng năm 2017”	2017	HVBC&TT	
	+ Hợp đồng cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng	2015	HVBC&TT	
	+ Hợp đồng kinh tế triển khai hệ thống chăm công	2018	HVBC&TT	
	+ Biên bản nhiệm thu và thanh lí hợp đồng	2016	HVBC&TT	
	+Hợp đồng kinh tế	2018	HVBC&TT	
	+ Hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ	2019	HVBC&TT	
	+ Hợp đồng bảo trì	2018	HVBC&TT	
	+ Hợp đồng bảo trì hệ thống máy tính	2015	HVBC&TT	
		2016		
		2017		
		2019		
	+ Hợp đồng bảo trì tổng đài điện thoại	2015	HVBC&TT	
		2016		
		2017		
		2018		
	+ Hợp đồng mua bán hàng hóa	2018	HVBC&TT	
	+ Hợp đồng bảo trì dịch vụ mạng, máy chủ	2019	HVBC&TT	
	+ Hợp đồng lắp đặt hệ thống mạng Internet không dây cho tòa nhà E6	2016	HVBC&TT	
	+ Biên bản đề nghị sửa chữa và bảo trì CSVC	2016-2020	HVBC&TT	
H9.09.04.05	Báo cáo kết quả khảo sát SV cuối khoá hàng năm			
	Thống kê mức độ hài lòng của SV về CSVC, CNTT trong giai đoạn	2016-2020	HVBC&TT	KT17

H9.09.04.06	Báo cáo kết quả khảo sát GV, NV hàng năm			
	Thống kê mức độ hài lòng của GV về CSVCS 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	KT22

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H9.09.05.01	Thống kê số lượng cây xanh	2020	HVBC&TT	
H9.09.05.02	Quy định về môi trường, GD an toàn lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường	80/2017/NĐ- CP ngày 17/7/2017	Chính phủ VN	
H9.09.05.03	<i>Dữ liệu về khám sức khỏe định kỳ đối với CBGV (Kế hoạch, danh sách); [Dữ liệu về khám sức khỏe định kỳ đối với SV đầu khóa (Kế hoạch, danh sách)]</i>			
	+ Kế hoạch tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, viên chức	2016 2017 2018 2019	HVBC&TT	
		2020		
	+ Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe cán bộ nhân viên	2019	Bệnh viện Hữu nghị	

	+ Bảng tổng hợp phân loại khám sức khỏe định kỳ cán bộ nhân viên	2018	Bệnh viện Hữu nghị	
	+ Bảng tổng kết kết quả khám sức khỏe định kỳ cán bộ trường học	2015	Bệnh viện đại học y Hà Nội	
	+ Bảng kết quả KSK cán bộ	2016	Bệnh viện đại học y Hà Nội	
	+ Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe cán bộ nhân viên	2017	Trung tâm bác sĩ gia đình Hà Nội	
	+ Kế hoạch khám sức khỏe sinh viên đầu khóa	2015 2016 2017 2018 2019	HVBC&TT	
	+ Thông báo kết quả khám sức khỏe sinh viên	2015	Bệnh viện đa khoa Nông nghiệp	
	+ Bảng tổng hợp phân loại khám sức khỏe sinh viên các lớp	2017 2018 2019	Bệnh viện Hữu nghị	

	+ Bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe hệ sinh viên	2017	Trung tâm bác sĩ gia đình Hà Nội	
H9.09.05.04	Nội quy, quy định về công tác trật tự trị an, nội quy, quy định khi sử dụng phòng học, phòng thực hành, vệ sinh môi trường			
	Quyết định về việc ban hành Nội quy phòng học, Nội quy sử dụng phòng máy tính, Nội quy sử dụng Studio	3479/QĐ-HVBC TT, ngày 30/10/2015	HVBC&TT	
	Quyết định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành, chức năng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	386/QĐ-HVBC TT, ngày 11/02/2020	HVBC&TT	
H9.09.05.05	Văn bản phối hợp giữa Phòng Bảo vệ, Ban Quản lý KTX với Công an phường Dịch Vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh trật tự		HVBC&TT	
H9.09.05.06	Danh sách đội bảo vệ	2016-2020	HVBC&TT	

H9.09.05.07	Thống kê hoạt động PCCC và phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn 2016-2020	2016-2020	HVBC&TT	
	<i>Phòng cháy chữa cháy</i>			
	+Quyết định số về việc kiện toàn lực lượng PCCC (VP12)	3711/QD-HVBC&TT-VP năm 2016	HVBC&TT	
	+Quyết định về việc thành lập lực lượng PCCC (VP12)	1772/QD-HVBC&TT-VP năm 2016, 1775/QD-HVBC&TT-VP năm 2016	HVBC&TT	
	+Kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ và diễn tập PCCC (VP12)	4924/KH-HVBC&TT-VP năm 2018, 1462/QD-HVBC&TT-VP năm 2017, 5318/QD-HVBC&TT-VP năm 2018	HVBC&TT	
	<i>Cứu hộ, cứu nạn</i>			
	+Quyết định về việc thành lập Ban chỉ huy, chống thiên tai; phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn. (VP15)	1774/QD-HVBC&TT-VP năm 2016, 1900/QD-HVBC&TT-VP năm 2017, 2610/QD-HVBC&TT-VP năm 2018, 1773/QD-HVBC&TT-VP năm 2016	HVBC&TT	

	+Quyết định thành lập lực lượng phòng chống thiên tai; phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn (VP15)	2611/QD-HVBC&TT-VP năm 2018,	HVBC&TT	
		1901/QD-HVBC&TT-VP năm 2017,		
		2660/QD-HVBC&TT-VP năm 2019,		
		2659/QD-HVBC&TT-VP năm 2019		
	+Kế hoạch chuẩn bị lực lượng, trang thiết bị, phương tiện, hậu cần và phương án tác chiến phối hợp Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (VP15)	1783/QD-HVBC&TT-VP năm 2015,	HVBC&TT	
		2189/QD-HVBC&TT-VP năm 2016,		
		2190/QD-HVBC&TT-VP năm 2016,		
		2251/QD-HVBC&TT-VP năm 2017,		
		2252/QD-HVBC&TT-VP năm 2017,		
		2834/QD-HVBC&TT-VP năm 2018,		
		2887/KH-HVBC&TT-VP năm 2019,		
		2888/QD-HVBC&TT-VP năm 2019		

	Danh sách các lớp/buổi tập huấn về PCCC kèm minh chứng 2015 - 2020]	2017	HVBC&TT	
H9.09.05.08	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho toàn thể CB, GV và SV		HVBC&TT	
H9.09.05.09	Kế hoạch “Tuần sinh hoạt công dân – học sinh, sinh viên”	Năm 2016-2017,	HVBC&TT	
		Năm 2017-2018,		
		Năm 2018-2019,		
		Năm 2019-2020.		
H9.09.05.10	Thống kê mức độ hài lòng của sinh viên ngành XHH về môi trường tâm lý xã hội	2016-2020	HVBC&TT	
	Báo cáo kết quả khảo sát SV cuối khoá hàng năm	2016-2020		
H9.09.05.11	Thống kê mức độ hài lòng của GV ngành TH về môi trường tâm lý xã hội	2018-2020	HVBC&TT	
	Thống kê mức độ hài lòng của nhân viên về môi trường tâm lý xã hội	2018-2020	HVBC&TT	

	Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên về chất lượng đào tạo và môi trường làm việc	2018-2020	HVBC&TT	
--	---	-----------	---------	--

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 10

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học					Ghi chú
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	
	MC TC1.10				
1	H10.10.01.01	Thành lập Trung tâm KT & KĐCLĐT, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT	
		Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TTKT & KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&TT	
2	H10.10.01.02	Quyết định về v/v ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo.	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT	
3	H10.10.01.03	Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	6520/QĐ-HVBC&TT 28/12/2018	HVBC&TT	
4	H10.10.01.04	Thống kê các loại hình khảo sát, hình thức, phương pháp khảo sát, nhiệm vụ của các bên liên quan	2010 - 2020	TT KT & KĐCLĐT	
5	H10.10.01.05	Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2016 - 2020	HVBC&TT	

		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2019 - 2020	2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBCTT 31/10/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBCTT 10/5/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC&TT	
6	H10.10.01.06	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng	2016 - 2020	HVBC&TT	

		đào tạo			
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018-2019	2197/KH/HVBCTT 10/5/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điển hình)	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa	2016 - 2020	HVBC&TT	
7	H10.10.01.07	Hồ sơ Khảo sát Giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo và chế độ chính sách	2018 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020-2021	2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2019	5176 - KH/HVBCTT 29/10/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	

		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&TT	
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điển hình)	2018-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT	
8	H10.10.01.08	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát năm 2020	2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên các năm từ 2016 – 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
9	H10.10.01.09	Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng	2017- 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát 2020 – 2021	2019 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	

		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng (mẫu)	2017 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017 - 2020	2017 - 2020	HVBC&TT	
10	H10.10.01.10	Sổ hợp phản ánh sinh viên hàng tháng	2016 - 2020	Khoa XHH và PT	
11	H10.10.01.11	Khảo sát của khoa XHH&PT đối với cựu sinh viên	2016 - 2020	Khoa XHH và PT	
12	H10.10.01.05 DC	Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2016 - 2020	HVBC&TT	
13	H10.10.01.06 DC	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HVBC&TT	
14	H10.10.01.12	Hồ sơ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo qua các năm từ 2016 – 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Chương trình đào tạo cử nhân Xã hội học năm 2014	3323/QĐ - HVBCCTT - ĐT ngày 15/9/2014	HVBC&TT	
		Chương trình đào tạo ngành XHH sửa đổi năm 2016	2599/QĐ- HVBCCTT - ĐT ngày 08/8/2017	HVBC&TT	
		Chương trình đào tạo ngành XHH sửa đổi năm 2018	4969- QĐ /HVBCCTT - ĐT ngày 26/10/2018	HVBC&TT	
		Chương trình đào tạo ngành XHH sửa đổi năm 2020	3907 - QĐ HVBCCTT- ĐT ngày 20/9/2020.	HVBC&TT	
		Hồ sơ nghiệm thu chương trình các phiên bản		Khoa XHH&PT	
15	H10.10.01.13	Bản đối sánh các chương trình đào tạo các phiên	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	

		bản			
16	H10.10.01.14	Bản giải trình cải tiến CTĐT	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
17	H10.10.01.15	Đối sánh CTĐT ngành Xã hội học, khoa Xã hội học và phát triển, HVBCCTT, đã tham khảo CTDH của ngành Xã hội học, trường Đại học Khoa học xã hội nhân văn	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
18	H10.10.01.16	Luật giáo dục đại học, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT	07/2015/TT-BGDĐT	Bộ Giáo dục & Đào tạo	
19	H10.10.01.17	Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ ban hành theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016	1982/QĐ-TTg 18/10/2016	Thủ tướng CP	

<i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.</i>					Ghi chú
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	
	MC TC10.2				
1	H10.10.02.01	Quy trình, hướng dẫn xây dựng, cập nhật đánh giá CTTĐT	2018	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	6520/QĐ-HVBCCTT ngày 28/12/2018	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện chương trình đào	3094/HD-HVBCCTT-ĐT	HVBC&TT	

		tạo đại học	ngày 18/6/2018		
2	H10.10.02.02	Quyết định về việc thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo của HVBCCTT	2014	HVBC&TT	
		Quyết định về việc thành lập HĐKH-ĐT của HVBCCTT nhiệm kỳ 2017-2021	2017	HVBC&TT	
		Quyết định kiện toàn HĐKH-ĐT của HVBCCTT năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Quyết định kiện toàn HĐKH-ĐT của HVBCCTT năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Quyết định kiện toàn HĐKH-ĐT của HVBCCTT năm 2020	2020	HVBC&TT	
3	H10.10.02.03	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT các phiên bản	2015 - 2020	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBCCTT 30/9/2019	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBCCTT 31/10/2017	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC&TT	
4	H10.10.02.04	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT-KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng nhiệm vụ của Trung	2012	HVBC&TT	

		tâm KT – ĐBCLĐT			
5	H10.10.02.05	Quyết định, quy trình, hướng dẫn, kế hoạch xây dựng, cập nhật, rà soát CTĐT của HVBC&TT	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Quyết định về ban hành quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 6520, QĐ-HVBC&TT 28/12/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch xây dựng và cập nhật đề cương chi tiết học phần	6521/KH_HVBC&TT 28/12/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT 2018	2018	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành ĐCHP	2019	HVBC&TT	
		Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền 2020	2643/QĐ - HVBC&TT năm 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT 2020	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn rà soát cập nhật chương trình đào tạo đại học 2020	2645/HD - HVBC&TT ngày 31/5/2020	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành ĐCHP 2020	2020	HVBC&TT	
6	H10.10.01.12 DC	Hồ sơ điều chỉnh thiết kế chương trình ngành XHH qua các năm từ 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Chương trình đào tạo cử nhân Xã hội học năm 2014	3323/QĐ - HVBC&TT - ĐT ngày 15/9/2014	HVBC&TT	

		Chương trình đào tạo ngành XHH sửa đổi năm 2016	2599/QĐ- HVBCCTT - ĐT ngày 08/8/2017	HVBC&TT	
		Chương trình đào tạo ngành XHH sửa đổi năm 2018	4969- QĐ /HVBCCTT - ĐT ngày 26/10/2018	HVBC&TT	
		Chương trình đào tạo ngành XHH sửa đổi năm 2020	3907 - QĐ HVBCCTT- ĐT ngày 20/9/2020.	HVBC&TT	
		Hồ sơ nghiệm thu chương trình các phiên bản	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
7	H10.10.02.06	Biên bản hội đồng khoa học - đào tạo khoa về rà soát, cải tiến chương trình đào tạo	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
8	H10.10.02.07	Biên bản tọa đàm, hội thảo xây dựng CTĐT	2016 - 2020	Khoa XHH và Phát triển	
9	H10.10.01.14 DC	Bảng giải trình cải tiến CTĐT	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
10	H10.10.01.12 DC	Hồ sơ điều chỉnh thiết kế chương trình ngành XHH qua các năm từ 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
11	H10.10.02.05 DC	Quyết định, quy trình, hướng dẫn, kế hoạch xây dựng, cập nhật, rà soát CTĐT của HVBC&TT	2016 - 2020	HVBC&TT	
12	H10.10.01.05 DC	Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2018 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBCCTT 31/10/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBCCTT 10/5/2019	HVBC&TT	

		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát sinh viên	2018 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC&TT	
13	H10.10.01.06 DC	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018-2019	2197/KH/HVBCTT 10/5/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	

	Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2019	HVBC&TT	
	Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT	
	Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa k36	2020	HVBC&TT	

<i>Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra (CĐR).</i>					Ghi chú
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	
	MC TC10.3				
1	H10.10.02.03 DC	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Ban QLĐT các phiên bản	2015 - 2020	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBCTT 30/9/2019	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBCTT 31/10/2017	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC&TT	
2	H10.10.01.01 DC	Thành lập Trung tâm KT & KĐCLĐT,	876/QĐ-HVCT-HVQG	HVBC&TT	

		chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm	1/5//2012		
		Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT	
		Quy định công tác khảo thí	2989/QĐ-HVBC&TT-KT	HVBC&TT	
		Đổi tên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo (KT&KĐCLĐT)		HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT- KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBC&TT	
3	H10.10.03.01	Quy định đào tạo Đại học hệ chính quy theo thể thống tín chỉ	3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT	HVBC&TT	
4	H10.10.03.02	Lịch học/kế hoạch giảng dạy các kỳ được cập nhật lên website trường	2016- 2020	Ban quản lý đào tạo	
5	H10.10.03.03	Quyết định thành lập hội đồng khoa học - Đào tạo khoa XHH & PT		HVBC&TT	
6	H10.10.03.04	Phần mềm QLĐT, tài khoản học tập sinh viên (mở trực tiếp trên website)	2016 - 2020	HVBC&TT	
7	H10.10.03.05	Đề cương chi tiết học phần (quy định hình thức kiểm tra, đánh giá)	2020	Khoa XHH & PT	
8	H10.10.02.05 DC	Quyết định, quy trình, hướng dẫn, kế hoạch xây dựng, cập nhật, rà soát CTĐT của HVBC&TT	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Quyết định về ban hành quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Số 6520, QĐ-HVBC&TT 28/12/2018	HVBC&TT	

		Kế hoạch xây dựng và cập nhật đề cương chi tiết học phần	6521/KH_HVBCTT 28/12/2018	HVBCTT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT 2018	2018	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành ĐCHP	2019	HVBC&TT	
		Quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền 2020	2643/QĐ - HVBCTT năm 2020	HVBCTT	
		Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT 2020	2020	HVBC&TT	
		Hướng dẫn rà soát cập nhật chương trình đào tạo đại học 2020	2645/HD - HVBCTT ngày 31/5/2020	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành ĐCHP 2020	2020	HVBC&TT	
9	H10.10.02.06 DC	Biên bản tọa đàm, hội thảo xây dựng CTĐT	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
10	H10.10.01.14 DC	Bản giải trình cải tiến CTĐT	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
11	H10.10.01.05 DC	Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBCTT 31/10/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBCTT 10/5/2019	HVBC&TT	

		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát sinh viên		HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC&TT	
12	H10.10.03.06	Hướng dẫn xây dựng CDR chương trình đào tạo	5621/HD-HVBCTT, ngày 10/11/2019	HVBC&TT	
7	H10.10.03.05 DC	Đề cương chi tiết học phần (quy định hình thức kiểm tra, đánh giá)	2020	Khoa XHH & PT	
13	H10.10.03.07	Hướng dẫn thiết kế và sử dụng phương pháp dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra	2663/HD-HVBCTT ngày 09/7/2020	HVBC&TT	

14	H10.10.03.08	Hướng dẫn thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá học phần	2647/HD-HVBC TT ngày 09/7/2020	HVBC&TT	
15	H10.10.03.09	Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi	Ngày 30/11/2015	HVBC&TT	
16	H10.10.03.10	Ngân hàng câu hỏi các môn học	2020	HVBC&TT	
17	H10.10.03.11	Báo cáo Tổng kết năm học 2016 - 2020	2016-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2020	2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2017	2017	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2016	2016	HVBC&TT	
18	H10.10.03.12	Biên bản họp dự giờ giảng viên của công đoàn khoa	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
19	H10.10.03.13	Hồ sơ thi giáo viên dạy giỏi, giờ giảng chất lượng cao	2016 - 2020	Ban Tổ chức cán bộ	
20	H10.10.03.14	Sổ theo dõi, kiểm tra <input type="checkbox"/> hoạt động giảng dạy tại theo thời khóa biểu của thanh tra	2016 - 2020	Ban Thanh tra	
21	H10.10.03.15	Sổ theo dõi, kiểm tra <input type="checkbox"/> hoạt động giảng dạy tại theo thời khóa biểu của BQLĐT	2016 - 2020	Ban QLĐT	

22	H10.10.03.16	Quyết định về việc ban hành Quy định về Công tác cố vấn học tập trung đào tạo và theo hệ thống tín chỉ của HVBC&TT	3935/QĐ-HVBC&TT-ĐT 25/11/2015	HVBC&TT	
23	H10.10.03.17	Bảng Ma trận phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá	2020	HVBC&TT	
24	H10.10.03.18	Ma trận kiểm tra đánh giá	2020	HVBC&TT	
25	H10.10.03.19	Thống kê phổ điểm các môn học	2016-2020	Khoa XHH&PT	
26	H10.10.03.20	Phiếu đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	

<i>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.</i>					Ghi chú
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	
	MC TC10.4				
1	H10.10.04.01	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	881/QĐ-HVBC&TT 25/9/2011	HVBC&TT	
2	H10.10.04.02	Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của HVBC&TT	5061/ QĐ- HVBC&TT 27/12/2017	HVBC&TT	
3	H10.10.04.03	Kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm gửi khoa	2016 - 2020	HVBC&TT	

	Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2015	464/KH-HVBC-TT 6/2/2015	HVBC&TT	
	Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2016	394/KH/HVBC-TT 1/2/2016	HVBC&TT	
	Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2017	291/KH/HVBC-TT 15/1/2017	HVBC&TT	
	Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2018	256/KH/HVBC-TT 15/1/2018	HVBC&TT	
	Kế hoạch hoạt động khoa học (sử dụng kinh phí Học viện Báo chí và Tuyên truyền) năm 2019	167/KH/HVBC-TT 11/1/2019	HVBC&TT	
	Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2015	6164- QĐ/HVCTQG 25/12/2014	HVCTQGHCM	
	Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2016	5695- QĐ/HVCTQG 28/12/2015	HVCTQGHCM	
	Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2017	6480- QĐ/HVCTQG 26/12/2016	HVCTQGHCM	
	Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2018	6613- QĐ/HVCTQG 28/12/2017	HVCTQGHCM	
	Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2019	7893- QĐ/HVCTQG 21/12/2018	HVCTQGHCM	

		Kế hoạch hoạt động khoa học (Sử dụng kinh phí Học viện Chính trị Quốc gia HCM) năm 2020	6620- QĐ/HVCTQG 23/12/2019	HVCTQGHCM	
4	H10.10.04.04	Hồ sơ nghiên cứu khoa học giảng viên ngành Xã hội học	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
		Đề xuất danh mục đề tài nghiên cứu khoa học các năm của khoa gửi Ban Khoa học	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
		Quyết định giao đề tài ban Khoa học	2016 - 2020	Ban QLKH	
		Hợp đồng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học	2016 - 2020	Ban QLKH	
		Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu	2016 - 2020	Ban QLKH	
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học	2016 - 2020	Ban QLKH	
		Biên bản bàn giao sản phẩm	2016 - 2020	Ban QLKH	
5	H10.10.04.05	Hồ sơ nghiên cứu khoa học sinh viên ngành Xã hội học	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Đề xuất danh mục đề tài nghiên cứu khoa học SV các năm của khoa gửi Ban Khoa học	2016 - 2020	Ban QLKH	
		Quyết định Hội đồng tư vấn đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	

		Quyết định triển khai nghiên cứu Đề tài khoa học sinh viên năm 2019 (<i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i>)	6404-QĐ/HVBCTT-KH 28/12/2018	HVBC&TT	
		Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên 2019 (<i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i>)	6405-QĐ/HVBCTT-KH 28/12/2018	HVBC&TT	
		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài KHSV (<i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i>)	4762-QĐ/HVBCTT-KH	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019 (<i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i>)	19/11/2019	HVBC&TT	
		Biên bản bàn giao sản phẩm (<i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i>)	27/11/2019	HVBC&TT	
		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiệm thu đề tài khoa học (<i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i>)	27/11/2019	HVBC&TT	
6	H10.10.04.06	Danh mục đề tài khoa học của khoa (ngành XHH) 2016 - 2020	2016 - 2020	Ban QLKH	
7	H10.10.04.07	Thống kê các công trình khoa học: được sử dụng làm tài liệu bắt buộc, tham khảo trong đề cương học phần (2015-2020)	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
8	H10.10.03.05 DC	Đề cương chi tiết học phần	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
9	H10.10.04.08	Thống kê danh mục đề tài NCKH sinh viên ngành XHH trong giai đoạn 2016 - 2020	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
10	H10.10.04.09	Danh mục các bài báo khoa học trong nước và QT trong giai đoạn 2016 - 2020	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	

11	H10.10.04.10	Các hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm, ... để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH	2016-2020	Khoa XHH&PT	
----	--------------	--	-----------	-------------	--

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.					Ghi chú
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	
	MC TC10.5				
1	H10.10.05.01	Thống kê của thư viện về số lượt trả, mượn sách	2016 - 2020	Thư viện	
2	H10.10.05.02	Đường link Trung tâm đồng hành cùng sinh viên https://www.facebook.com/trogiupsinhvienbaochi	2018 - 2020	Khoa XHH & PT	
3	H10.10.05.03	Hồ sơ dự án trung tâm tư vấn sinh viên	2020	Khoa XHH & PT	
4	H10.10.05.04	Sơ đồ ký túc xá (có bao gồm sân bóng, khu vực chơi thể thao ..)	2020	VP HVBC&TT	
5	H10.10.05.05	Thống kê danh sách và diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của HVBC&TT	2016-2019	HVBC&TT	
6	H10.10.05.06	Thống kê danh mục trang thiết bị dạy học	2016-2020	HVBC&TT	

7	H10.10.05.07	Thống kê cơ sở vật chất khoa XHH	2016-2020	HVBC&TT	
8	H10.10.05.08	Danh mục phần mềm và hợp đồng kèm theo 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
9	H10.10.05.09	Minh chứng về cung cấp dịch vụ internet tại giảng đường, ký túc, thư viện, khu nhà làm việc	2016 - 2020	HVBC&TT	
10	H10.10.05.10	Quy định về quy chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo	3901/QĐ0HVBC TT 31/08/2019	HVBC&TT	
11	H10.10.05.11	Báo cáo kết quả Khảo sát sinh viên cuối khoá (phần phản hồi của người học về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích)	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2017	2017	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT	
12	H10.10.05.12	Báo cáo kết quả Khảo sát giảng viên, nhân viên (về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích)	2018- 2019	HVBC&TT	

		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích năm 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích năm 2020	2020	HVBC&TT	
13	H10.10.05.13	Biên bản thanh tra về việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong học viện (thư viện,)	2016 - 2020	HVBC&TT	
14	H10.10.01.10 DC	Sổ hợp phần ảnh sinh viên hàng tháng		Khoa XHH và PT	
15	H10.10.05.14	Kế hoạch và biên bản hội nghị đối thoại sinh viên từ 2016 - 2020.	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2016	9/1/16	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2017	9/1/17	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2018	9/1/18	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2019	9/1/19	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học	9/1/20	HVBC&TT	

		viện và sinh viên năm 2020			
		Kế hoạch Hội nghị đối thoại sinh viên (Minh chứng điển hình)	5604-KH/HVBCTT 9/12/2020	HVBC&TT	
16	H10.10.05.15	Sổ báo hỏng/trục trặc thiết bị	2016 - 2020	HVBCTT	
17	H10.10.05.12 DC	Báo cáo kết quả Khảo sát giảng viên, nhân viên (về cơ sở vật chất, dịch vụ, tiện ích)	2018- 2019	HVBC&TT	
18	H10.10.05.16	Hồ sơ và danh mục và kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc , phòng chức năng của HVBCTT	2016-2020		
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2020	2020	HVCTQG HCM	
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2019	8670-QĐ/HVCTQG 28/12/2018	HVCTQG HCM	
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018	1044-QĐ/HVCTQG 5/3/2018	HVCTQG HCM	
		Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2017 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2831-QĐ/HVCTQG 29/6/2017	HVCTQG HCM	
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016	189-QĐ/HVCTQG 15/1/2016	HVCTQG HCM	
		Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	2742-QĐ/HVCTQG 28/6/2016	HVCTQG HCM	
		Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa thiết bị dạy học năm 2019 (minh chứng điển hình)	4/1/19	HVBC&TT	
		Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa thiết bị dạy học năm 2017	18/12/2017	HVBC&TT	

		<i>(minh chứng điển hình)</i>			
		Giấy đề nghị phê duyệt việc thuê bảo dưỡng vận chuyển, lắp đặt máy tính <i>(minh chứng điển hình)</i>	8/11/19	VP HVBC&TT	
		Quyết định lựa chọn đơn vị bảo dưỡng vận chuyển, lắp đặt máy tính <i>(minh chứng điển hình)</i>	5747-QĐ/HVBC&TT 21/11/2019	HVBC&TT	
		Hợp đồng kinh tế: bảo dưỡng vận chuyển, lắp đặt các phòng máy tính <i>(minh chứng điển hình)</i>	12-2019/HVBC&TT- TD 22/11/2019	HVBC&TT	
		Thanh lý hợp đồng <i>(minh chứng điển hình)</i>	12/12/10	HVBC&TT	
19	H10.10.05.17	Danh mục và kinh phí mua sắm trang thiết bị mới phục vụ đào tạo hàng năm (2016 - 2020) kèm hồ sơ	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Quyết định năm 2020		HVCTQG HCM	
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2019 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	8670-QĐ/HVCTQG 28/12/2018	HVCTQG HCM	
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2018 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	1044-QĐ/HVCTQG 5/3/2018	HVCTQG HCM	
		Quyết định bổ sung mua sắm tài sản cố định năm 2018 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	3776-QĐ/HVCTQG 27/6/2018	HVCTQG HCM	
		Quyết định bổ sung danh mục mua sắm tài sản năm 2017 của học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	6199-QĐ/HVCTQG 18/12/2017	HVCTQG HCM	
		Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài	2831-QĐ/HVCTQG	HVCTQG HCM	

		sản cố định năm 2017 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	29/6/2017		
		Quyết định giao danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016 (kèm danh mục và kinh phí)	189-QĐ/HVCTQG 15/1/2016	HVCTQG HCM	
		Quyết định điều chỉnh danh mục mua sắm, sửa chữa tài sản cố định năm 2016 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (kèm danh mục và kinh phí)	2742-QĐ/HVCTQG 28/6/2016	HVCTQG HCM	
		Quyết định về việc lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa và vật tư sửa chữa máy tính (<i>minh chứng điển hình</i>)	4893-QĐ/HVBC TT 25/10/2019	HVBC&TT	
		Hợp đồng mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất (<i>minh chứng điển hình</i>)	10 - 2019/HVBC&TT-TD 15/11/2019	HVBC&TT	
		Biên bản giao nhận, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng (<i>minh chứng điển hình</i>)	22/11/2019	HVBC&TT	
20	H10.10.05.18	Bản thống kê đầu sách, tài liệu tham khảo thư viện bổ sung cho khoa XHH hàng năm (2016 - 2020)	2016-2020	HVBC&TT	
		Danh mục thống kê sách, tài liệu tham khảo thư viện bổ sung cho khoa XHH hàng năm	2016-2020	HVBC&TT	
		Thống kê ngân sách mua tài liệu ngành XHH từ 2016 - 2020	5/6/20	Trung tâm thông tin khoa học, HVBC&TT	
		Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp sách cho thư viện (<i>minh chứng điển hình</i>)	1598-QĐ- HVBC&TT 2/3/2020	HVBC&TT	

		Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp báo, tạp chí cho Trung tâm Thông tin khoa học (<i>minh chứng điển hình</i>)	5070-QĐ-HVBC&TT 1/10/2019	HVBC&TT	
		Quyết định lựa chọn đơn vị số hóa tài liệu phục vụ lưu học sinh Lào (<i>minh chứng điển hình</i>)	5617-QĐ-HVBC&TT 5/10/2019	HVBC&TT	
		Quyết định lựa chọn đơn vị số hóa tài liệu của thư viện (<i>minh chứng điển hình</i>)	1740-QĐ-HVBC&TT 8/4/2019	HVBC&TT	
		Hoá đơn, chứng từ liên quan	2016-2020		
21	H10.10.05.19	Danh mục về việc cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện	10/6/2020	Trung tâm thông tin khoa học, HVBC&TT	

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến					Ghi chú
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	
	MC TC10.6				
1	H10.10.01.01 DC	Thành lập Trung tâm KT & KĐCLĐT, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT	

		Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TTKT & KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&TT	
2	H10.10.01.02 DC	Quyết định về v/v ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo.	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT	
3	H10.10.02.01 DC	Quy trình, hướng dẫn xây dựng, cập nhật đánh giá CTTĐT	2018	HVBC&TT	
		Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	6520/QĐ-HVBCTT ngày 28/12/2018	HVBC&TT	
		Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo đại học	3094/HD-HVBCTT-ĐT ngày 18/6/2018	HVBC&TT	
4	H10.10.01.05 DC	Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBCTT 31/10/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBCTT 10/5/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC&TT	

		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát sinh viên		HVBC&TT	
		Đường link Phiếu khảo sát sinh viên; Phiếu khảo sát sinh viên (MC điền hình)	2016-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC&TT	
	H10.10.01.06 DC	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2020	2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	

	Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&TT	
	Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điền hình)	2016 - 2020	HVBC&TT	
	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2019	HVBC&TT	
	Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT	
	Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa k36	2020	HVBC&TT	
H10.10.01.07 DC	Hồ sơ khảo sát giảng viên, nhân viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&TT	
	Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020-2021			
	Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2019	5176 - KH/HVBCTT 29/10/2019	HVBC&TT	
	Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC&TT	
	Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
	Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
	Mẫu phiếu khảo sát	2018-2020		
	Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điền hình)	2018-2020	HVBC&TT	
	Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT	

		Hồ sơ khảo sát giảng viên, nhân viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020-2021			
	H10.10.01.08 DC	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2020	2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát	2016-2020		
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2020		
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2019		
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2018		
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2017		
	H10.10.01.09 DC	Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng	2017 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát NTD về chất lượng đào tạo 2020 -	2020	HVBC&TT	

		2021			
		Kế hoạch khảo sát NTD về chất lượng đào tạo 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng (mẫu)	2017- 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017 - 2020	2017- 2020	HVBC&TT	
	H10.10.06.09	Bảng thống kê các phương pháp, hình thức khảo sát	2016 - 2020	Trung tâm KT- KĐCLĐT	
	H10.10.01.14 DC	Bảng giải trình cải tiến CTĐT	2016 - 2020	Khoa XHH và Phát triển	
	H10.10.01.10 DC	Biên bản họp phản ánh sinh viên	2016 - 2020	Khoa XHH và Phát triển	
9	H10.10.02.06 DC	Biên bản tọa đàm, hội thảo xây dựng CTĐT	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	

DANH MỤC MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 11

<i>Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.</i>					Ghi chú
	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	
	MC TC11.1				
1	H11.11.01.01	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Đào tạo	2015 - 2020	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2019	4227/QĐ/HVBCCTT 30/9/2019	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2017	3917/QĐ-HVBCCTT 31/10/2017	HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của đào tạo năm 2015	01/QĐ-BQLĐT 16/1/2015	HVBC&TT	
2	H11.11.01.02	Báo cáo Tổng kết năm học 2016 - 2020	2016-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2020	2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2018	2018	HVBC&TT	

		Báo cáo tổng kết năm học 2017	2017	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2016	2016	HVBC&TT	
3	H11.11.01.03	Đề án tuyển sinh hàng năm	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2016		HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐ-HVBCTT 10/2/2017	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐ-HVBCTT 19/3/2018	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐ-HVBCTT 18/3/2019	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2020	Số 1650- ĐA/HVBCTT-ĐT 11/5/2020	HVBC&TT	
4	H11.11.01.04	Quyết định chức năng, nhiệm vụ của khoa			
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Khoa Xã hội học và Phát triển	Số 4201 - QĐ/HVBCTT Ngày 30/9/2019	HVBC&TT	
		Quyết định sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Khoa Xã hội học và Phát triển		HVBC&TT	
5	H11.11.01.05	Quyết định về việc ban hành Quy định về Công tác cố vấn học tập trung đào tạo và theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	3935/QĐ-HVBCTT- ĐT 25/11/2015	HVBC&TT	
6	H11.11.01.06	Danh sách sinh viên tốt nghiệp ngành XHH và tỉ lệ tốt nghiệp	2016 - 2020	HVBC&TT	

		Danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm quyết định: 2016-2020	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Các thống kê số liệu sinh viên tốt nghiệp qua các năm ngành XHH (từ 2016 đến nay)	2016 - 2020	Ban QL Đào tạo	
		Tổng hợp tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành XHH trong giai đoạn 2016-2020	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
7	H11.11.01.07	Biên bản họp khoa	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
8	H11.11.01.08	Số liệu sinh viên tốt nghiệp qua các năm ngành Triết học (từ 2016 đến nay)	2016 - 2020	Ban QLĐT Khoa Triết học	
9	H11.11.01.09	Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV về (có đề cập đến tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành XHH, Đại học KHXHNV, Đại học Quốc Gia Hà Nội)	2016 - 2020	Trường Đại học KHXHNV ĐHQG Hà Nội	
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2019	4874/XHNV_KHTC 24/12/2019	Trường Đại học KHXHNV	
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2018	3901/XHNV-KHTC 28/12/2018	Trường Đại học KHXHNV	
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2017	3498 /XHNV-KHTC 29/12/2017	Trường Đại học KHXHNV	
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2016	3971 /XHNV-KHTC 30/11/2016	Trường Đại học KHXHNV	
10	H11.11.01.10	Tỷ lệ sinh viên thôi học trong giai đoạn đánh giá	2016 - 2020	HVBC&TT Ban QLĐT	
		Danh sách sinh viên ngành XHH thôi học năm 2018	2018	HVBC&TT Ban QLĐT	

		Danh sách sinh viên ngành XHH thôi học năm 2019	2019	HVBC&TT Ban QLĐT	
		Danh sách sinh viên ngành XHH thôi học năm 2020	2020	HVBC&TT Ban QLĐT	
11	H11.11.01.11	Số liệu, thống kê tỉ lệ thôi học/bảo lưu của ngành Triết học, PR, QHQT	2016 - 2020	HVBC&TT Ban QLĐT	
12	H11.11.01.12	Hồ sơ cảnh báo sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Biên bản họp lớp (có cảnh báo sinh viên)	2016-2020	Khoa XHH & PT	
		Biên bản họp PASV hàng tháng (có cảnh báo sinh viên)	2016-2020	HVBC&TT	
		Biên bản họp xét kỷ luật sinh viên	2016-2020	HVBC&TT	
		Quyết định kỷ luật sinh viên của trường	2016-2020	Khoa XHH & PT	
		Tư vấn hỗ trợ sinh viên thuộc diện nguy cơ/ cảnh báo từ cố vấn học tập	2016-2020	Khoa XHH & PT	
13	H11.11.01.13	Kế hoạch các lớp học vét/ học cải thiện theo nhu cầu sinh viên Danh sách các lớp học vét/ học tự nguyện thông báo về khoa	2016 - 2020	HVBC&TT Ban QLĐT	
14	H11.11.01.14	Các lớp học vét theo nhu cầu sinh viên (đường link website lịch học ...)	2016 - 2020	Ban QL Đào tạo	
15	H11.11.01.15	Quy định về CDR tin học, ngoại ngữ	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Thông báo của nhà trường về CDR tin học, ngoại ngữ	2016 - 2020	HVBC&TT Ban QLĐT	
		Kế hoạch mở lớp bồi dưỡng chuẩn đầu ra tin học,	2016 - 2020	HVBC&TT	

		ngoại ngữ		Ban QLĐT	
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.					Ghi chú
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	
	MC TC11.2				
1	H11.11.02.01	Quy chế đào tạo đại học hệ tín chỉ	3777 ngày 18/10/2017	HVBC&TT	
2	H11.11.02.02	Sổ tay sinh viên	2016 -2020	HVBC&TT	
		Sổ tay sinh viên 2016	2016	HVBC&TT	
		Sổ tay sinh viên 2017	2017	HVBC&TT	
		Sổ tay sinh viên 2018	2018	HVBC&TT	
3	H11.11.02.03	Phần mềm quản lý đào tạo (truy cập phần mềm trực tiếp)		HVBC&TT	
4	H11.11.02.04	Thông báo về kế hoạch tốt nghiệp của sinh viên năm cuối	2016 - 2020		
		Thông báo kế hoạch tốt nghiệp của K37 (<i>minh chứng điển hình</i>)	4479- TB/HVBCTT-ĐT 27/10/2020	HVBC&TT	
5	H11.11.02.05	Biên bản họp lớp của cố vấn học tập	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
6	H11.11.02.06	Biên bản họp PASV	2016 - 2020	HVBC&TT Ban QLĐT	
6	H11.11.01.05 DC	Quyết định về việc ban hành Quy định về Công tác cố vấn học tập trung đào tạo và theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền	3935/QĐ- HVBCTT-ĐT 25/11/2015	HVBC&TT	
7	H11.11.02.07	Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của	2016 - 2020	HVBC&TT	

		ngành XHH với ngành khác trong trường (tính trong tổng sinh viên tốt nghiệp)			
		Thống kê sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn, thời gian tốt nghiệp ngành Xã hội học	2016 - 2020	HVBC&TT Ban QLĐT	
		Thống kê sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn, thời gian tốt nghiệp ngành Triết học	2016 - 2020	HVBC&TT Ban QLĐT	
		Thống kê sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn, thời gian tốt nghiệp ngành Quan hệ Quốc tế	2016 - 2020	HVBC&TT Ban QLĐT	
		Thống kê sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn, thời gian tốt nghiệp ngành QHCC	2016 - 2020	HVBC&TT Ban QLĐT	
8	H11.11.01.13 DC	Kế hoạch các lớp học vét/ học cải thiện theo nhu cầu sinh viên Danh sách các lớp học vét/ học tự nguyện thông báo về khoa		HVBC&TT Ban QLĐT	
9	H11.11.01.15 DC	Quy định về CĐR tin học, ngoại ngữ	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Thông báo của nhà trường về CĐR tin học, ngoại ngữ	2016 - 2020	HVBC&TT Ban QLĐT	
10	H11.11.01.02 DC	Báo cáo Tổng kết năm học 2016 - 2020	2016-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2020	2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2019	2019	HVBC&TT	

		Báo cáo tổng kết năm học 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2017	2017	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng kết năm học 2016	2016	HVBC&TT	
11	H11.11.02.08	Danh sách sinh viên tốt nghiệp muộn kèm nguyên nhân chậm/muộn tốt nghiệp (2016 - 2020)		HVBC&TT Ban QLĐT	
12	H11.11.02.09	Chương trình đào tạo ngành XHH năm 2020 điều chỉnh các phiên bản	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Chương trình đào tạo ngành XHH năm 2020	Quyết định số 3907- QĐ/HVBCTT-ĐT, ngày 20/9/2020	HVBC&TT	

<i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>					Ghi chú
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	
	MC TC11.3				
1	H11.11.03.01	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT-KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBCTT	
2	H11.11.03.02	Quy trình thống kê/lưu trữ thông tin về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp		Trung tâm KT& KĐCLĐT	

3	H11.11.03.03	Hồ sơ khảo sát sinh viên tốt nghiệp 2016 - 2019	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát năm 2020	2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
4	H11.11.01.03 DC	Đề án tuyển sinh hàng năm	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2016	2016	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2017	589/QĐ-HVBCTT 10/2/2017	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2018	1269/QĐ-HVBCTT 19/3/2018	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2019	1326/QĐ-HVBCTT 18/3/2019	HVBC&TT	
		Đề án tuyển sinh từ năm 2020	Số 1650-ĐA/HVBCTT- ĐT 11/5/2020	HVBC&TT	
5	H11.11.03.04	Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp Ngành Xã hội học và ngành Triết học HVBC&TT	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
6	H11.11.03.05	Đối sánh tỷ lệ có việc làm qua khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp Ngành Xã hội học HVBC&TT và ngành XHH đại học KHXHNV	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2019	4874/XHNV_KHTC 24/12/2019	Trường Đại học KHXHNV	
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm	3901/XHNV-KHTC	Trường Đại học	

		2018	28/12/2018	KHXHNV	
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2017	3498 /XHNV-KHTC 29/12/2017	Trường Đại học KHXHNV	
		Báo cáo 3 công khai trường Đại học KHXHNV năm 2016	3971 /XHNV-KHTC 30/11/2016	Trường Đại học KHXHNV	
7	H11.11.03.06	Toạ đàm, tư vấn định hướng nghề nghiệp cho sinh viên	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
8	H11.11.03.07	Giới thiệu đơn vị tuyển dụng việc làm phù hợp ngành đào tạo cho sinh viên thông qua fanpage của khoa, tờ thông tin truyền thông của khoa	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
9	H11.11.03.08	Danh sách các cơ sở thực tập nghề nghiệp liên kết với khoa	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
10	H11.11.03.09	Các khoá bồi dưỡng kỹ năng mềm và cuộc thi tăng cường kỹ năng mềm của trường:	từ 2016 - 2020	HVBC&TT	
11	H11.11.03.10	Các thông báo Tuyển dụng, khởi nghiệp đăng tải trên website nhà trường (Mục sinh viên khởi nghiệp (https://ajc.hcma.vn/Page/co-hoi-viec-lam.aspx))	2016 - 2020	HVBC&TT	

<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>					Ghi chú
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	
	MC TC11.4				
1	H11.11.04.01	Chiến lược phát triển của HVBC& TT	770/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2017	Học viện BC & TT	
2	H11.11.04.02	Chiến lược phát triển khoa Xã hội học và Phát triển	2020	Khoa XHH & PT	

		đến năm 2030 và tầm nhìn 2050			
3	H11.11.04.03	Quy chế quản lý hoạt động khoa học	881/QĐ-HVBC&TT 25/9/2011	Học viện BC & TT	
4	H11.11.04.04	Quyết định về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của HVBC&TT	5061/ QĐ- HVBC&TT 27/12/2017	Học viện BC & TT	
5	H11.11.04.05	Hồ sơ nghiên cứu khoa học sinh viên ngành Xã hội học	2016 - 2020	Học viện BC & TT	
		Đề xuất danh mục đề tài nghiên cứu khoa học SV các năm của khoa gửi Ban Khoa học	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
		Quyết định Hội đồng tư vấn đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
		Quyết định triển khai nghiên cứu Đề tài khoa học sinh viên năm 2019 <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	6404-QĐ/HVBC&TT- KH 28/12/2018	HVBC&TT	
		Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học sinh viên 2019 <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	6405-QĐ/HVBC&TT- KH 28/12/2018	HVBC&TT	
		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài KHSV <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	4762- QĐ/HVBC&TT-KH	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019 <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	19/11/2019	HVBC&TT	
		Biên bản bàn giao sản phẩm <i>(Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019)</i>	27/11/2019	HVBC&TT	

		Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu đề tài khoa học (<i>Minh chứng điển hình của đề tài SV36-2019</i>)	27/11/2019	HVBC&TT	
6	H11.11.04.06	Bản thống kê nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH sinh viên từ năm 2016 - 2020	2016 - 2020	HVBC&TT Ban QLKH	
7	H11.11.04.07	Thống kê đề tài khoa học và danh sách sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học ngành XHH 2015 - 2019	2016 - 2020	Khoa XHH&PT	
8	H11.11.04.08	Đối sánh sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016 - 2020 đối sánh giữa ngành Xã hội học và Triết học	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
9	H11.11.04.09	Thống kê kết quả NCKH sinh viên và danh sách sinh viên NCKH ngành XHH được giải thưởng NCKH 2016 - 2020	2016 - 2020	Khoa Xã hội học và PT	
10	H11.11.04.10	Biên bản hội nghị khoa học sinh viên các năm của trường 2015 - 2019	2016-2020	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2016	21/4/2016	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2017	15/05/2017	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2018	10/4/18	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2019	23/4/2019	HVBC&TT	
		Biên bản hội nghị khoa học sinh viên năm 2020	1/4/20	HVBC&TT	
11	H11.11.04.11	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT	

	Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018-2019	2197/KH/HVBCTT 10/5/2019	HVBC&TT	
	Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 - 2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
	Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 - 2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
	Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&TT	
	Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điền hình)	2016 - 2020	HVBC&TT	
	Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2019	HVBC&TT	
	Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT	
	Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa k36	2020	HVBC&TT	

<i>Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>					Ghi chú
TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	
1	H11.11.05.01	Thành lập Trung tâm KT & KĐCLĐT, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT	
		Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo	876/QĐ-HVCT-HVQG 1/5//2012	HVBC&TT	

		Đổi tên Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo (KT&KĐCLĐT)		HVBC&TT	
		Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của TT KT-KĐCLĐT	4237/QĐ-HVBC&TT 30/9/2019	HVBC&TT	
2	H11.11.05.02	Quyết định về v/v ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo.	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT	
3	H11.11.05.03	Quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT	6520/QĐ-HVBC&TT 28/12/2018	HVBC&TT	
4	H11.11.05.04	Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	3901/QĐ-HVBC&TT 31/8/2019	HVBC&TT	
		Quyết định ban hành Quy định về ĐBCLGD	2020	HVBC&TT	
		Quy định về đối sánh, so chuẩn chất lượng	2020	HVBC&TT	
		Công văn gửi các trường v/v hợp tác đối sánh chất lượng	2020	HVBC&TT	
5	H11.11.05.05	Bảng thống kê các loại hình khảo sát	2016 - 2020	HVBC&TT	
6	H11.11.05.06	Hồ sơ khảo sát sinh viên về chất lượng giờ giảng và môn học	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2019 - 2020	5179 - KH/HVBC&TT 31/10/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ II năm 2018 - 2019	2194 - KH/HVBC&TT 10/5/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên kỳ I năm 2018 - 2019	5157 - KH/HVBC&TT 8/11/2018	HVBC&TT	

		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát sinh viên		HVBC&TT	
		Đường link Phiếu khảo sát sinh viên; Phiếu khảo sát sinh viên (MC điền hình)	2016-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2017 - 2018	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2018- 2019	2018	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả kỳ I năm 2019-2020	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ II năm 2018 - 2019	2019	HVBC&TT	
		Kết quả tổng hợp khảo sát kỳ I năm 2019 - 2020	2019	HVBC&TT	
7	H11.11.04.11 DC	Hồ sơ khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2018- 2019	2197/KH/HVBCTT 10/5/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	

		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&TT	
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điền hình)	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2016, 2017, 2018, 2019	2016 - 2019	HVBC&TT	
		Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa năm 2020	2020	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa k36	2020	HVBC&TT	
8	H11.11.05.07	Hồ sơ khảo sát giảng viên, nhân viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020-2021			
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2019	5176 - KH/HVBCTT 29/10/2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2018	5156 - KH/HVBCTT 8/11/2018	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Mẫu phiếu khảo sát	2018-2020		
		Đường link phiếu khảo sát, Phiếu khảo sát giảng viên (MC điền hình)	2018-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát giảng viên, nhân viên 2018-2020	2018-2020	HVBC&TT	

		Hồ sơ khảo sát giảng viên, nhân viên (Bao gồm kế hoạch, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả)	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020-2021			
9	H11.11.05.08	Hồ sơ khảo sát cựu sinh viên	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2020	2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát SVTN về tình trạng việc làm và chất lượng đào tạo năm 2019	2019	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Mẫu phiếu khảo sát	2016-2020	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát	2016-2020		
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2020		
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2019		
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2018		
		Báo cáo kết quả khảo sát cựu sinh viên	2017		
10	H11.11.05.09	Hồ sơ khảo sát nhà tuyển dụng	2017 - 2020	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát 2020 - 2021	2020	HVBC&TT	

		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2017 -2018	1953/KH/HVBCTT 4/5/2017	HVBC&TT	
		Kế hoạch khảo sát chất lượng đào tạo 2016 -2017	2965/KH/HVBCTT 26/8/2015	HVBC&TT	
		Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng (mẫu)	2017-2020	HVBC&TT	
		Báo cáo kết quả khảo sát nhà tuyển dụng 2017-2020	2017- 2020	HVBC&TT	
	H11.11.05.02 DC	Quyết định về v/v ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo.	3901/QĐ-HVBC&TT 31/08/2019	HVBC&TT	
	H11.11.05.10	Kế hoạch và biên bản hội nghị đối thoại sinh viên từ 2016 - 2020.	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2016	9/1/16	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2017	9/1/17	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2018	9/1/18	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2019	9/1/19	HVBC&TT	
		Báo cáo tổng hợp hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo học viện và sinh viên năm 2020	9/1/20	HVBC&TT	
		Kế hoạch Hội nghị đối thoại sinh viên	5604-KH/HVBCTT 9/12/2020	HVBC&TT	
	H11.11.05.11	Sổ hợp phản ánh sinh viên hàng tháng của HVBCTT	2016 - 2020	HVBC&TT	
	H11.11.05.12	Biên bản họp phản ánh sinh viên hàng tháng tại khoa XHH&PT	2016 - 2020	Khoa Xã hội học và PT	

	H11.11.05.13	Biên bản hội nghị CNVC của khoa	2016 - 2020	HVBC&TT	
	H11.11.05.14	Biên bản hội nghị CNVC của HVBC&TT	2016 - 2020	HVBC&TT	
	H11.11.05.15	Bản giải trình cải tiến CTĐT	2016 - 2020	Khoa XHH & PT	
	H11.11.05.16	Thống kê kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo	2016 - 2020	Phòng Quản Trị	
		Thống kê kinh phí nâng cấp, cải tạo phòng học, phòng làm việc	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Thống kê kinh phí bổ sung hàng năm cho khoa về thư viện	2016 - 2020	HVBC&TT	
		Thống kê kinh phí nâng cấp trang thiết bị CNTT	2016 - 2020	HVBC&TT	